TỰ TRUYỆN

Benjamin Franklin





Table of Contents

TỰ TRUYỆN BENJAMIN FRANKLIN

PHẦN GIỚI THIỆU

Benjamin Franklin sinh tại đường Milk, Boston vào ngày 6 tháng 1 năm 1706. Cha của ông, Josiah Franklin, là một người thợ làm nến từng có hai đời vợ và Benjamin là con trai út trong gia đình gồm 17 người con. Ông nghỉ học khi lên 10 tuổi và ở tuổi 12, ông theo học nghề in từ người anh, James, người sau này xuất bản tạp chí *New England Courant*. Benjamin từng đóng góp bài và có thời gian làm biên tập danh dự cho tạp chí này. Tuy nhiên, hai anh em nảy sinh bất đồng và Benjamin bỏ đi, chuyển đến New York, sau đó đến Philadelphia vào tháng 10 năm 1723. Ông nhanh chóng tìm được công việc ở một nhà in, nhưng sau đó vài tháng, ông bị Thống đốc Keith thuyết phục đến London. Tuy nhiên sau đó Benjamin nhận ra những lời hứa của Thống đốc chỉ là hão huyền. Benjamin quay lại với công việc nhân viên sắp chữ in cho đến khi được một thương gia tên Denman đề nghị một vị trí trong công việc kinh doanh của ông này và cả hai quay trở lại Philadelphia. Sau khi Denman mất, Benjamin quay về nghề trước đây của mình và không lâu sau mở một xưởng in riêng, nơi ông xuất bản tạp chí *The Pennsylvania Gazette*, tạp chí mà ông đóng góp nhiều bài viết như một công cụ để khuấy động những phong trào cải cách địa phương. Năm 1732, để nâng cao sự phong phú, ông bắt đầu xuất bản cuốn sách nổi tiếng *Poor Richard's Almanac* (Niên lịch của Richard Nghèo Khổ) ghi chép lại những câu châm ngôn súc tích về cuộc sống mà ông sáng tác hay sưu tầm. Đây là cuốn sách đóng góp một nền tảng lớn vào danh tiếng của ông. Năm 1758, Benjamin ngừng viết cuốn *Niên lịch* và cho ra đời *Father Abraham's Sermon* (Những Bài Giảng Của Cha Abraham), tác phẩm được xem là nổi tiếng nhất trong nền văn học thuộc địa Mỹ.

Cùng lúc đó, Franklin cũng ngày càng quan tâm đến các vấn đề công vụ. Ông vạch ra kế hoạch xây dựng một học viện, sau này được tiếp nối và phát triển thành Đại học Pennsylvania và ông cũng sáng lập ra tổ chức "Hiệp hội Khoa học Mỹ" với mục đích giúp các nhà khoa học có cơ hội gặp gỡ, trao đổi và thảo luận những khám phá của mình. Bản thân ông cũng bắt đầu các thí nghiệm điện cùng một số nghiên cứu khoa học khác trong quãng thời gian hoạt động kinh doanh và chính trị cho đến cuối đời. Vào năm 1748, khi đã có cuộc sống vật chất khá sung túc, ông bán nhà in của mình để có thời gian dành cho việc học; vài năm sau, ông có một khám phá khiến tên tuổi của mình được biết đến trên toàn châu Âu. Trong lĩnh vực chính trị, ông chứng tỏ mình có khả năng trong cả vai trò điều hành lẫn tranh luận, nhưng lý lịch chính trị của ông đã dính nhiều vết nhơ khi dùng quyền lực để nâng đỡ những người họ hàng của mình. Thành tựu chính trị lớn nhất của ông chính là việc cải cách hệ thống bưu điện, nhưng tên tuổi của ông

lại chủ yếu được nhắc đến với vai trò như một chính khách thông qua hoạt động ngoại giao giữa các thuộc địa với nước Anh và sau đó là nước Pháp. Năm 1757, ông được cử sang Anh để phản đối ảnh hưởng của gia tộc Penn trong Chính phủ thuộc địa và ông đã ở lại Anh 5 năm, cố gắng thuyết phục người dân và Chính phủ Anh chấp nhận các điều kiện đối với thuộc địa. Trong lần trở về Mỹ, sự kiện Paxton mà ông đóng vai trò danh dự sau đó đã làm ông mất ghế trong Quốc Hội. Tuy nhiên, năm 1764, ông lại được cử đến Anh với tư cách một đại diện của Chính phủ thuộc địa để kiến nghị khôi phục Chính phủ từ tay các địa chủ tư sản. Tại London, ông tích cực phản đối Đạo Luật Tem. Tuy nhiên, ông đã mất rất nhiều lòng tin và sự tín nhiệm vì đã bảo vệ quyền lợi cho văn phòng đại diện một công ty sản xuất tem của người bạn mình tại Mỹ. Ngay cả những nỗ lực mang lại hiệu quả cao của ông nhằm bãi bỏ đạo luật trên cũng không giúp ông khỏi bị ngờ vực. Tuy nhiên ông vẫn tiếp tục những nỗ lực bảo vệ quyền lợi các quốc gia thuộc địa khi rắc rối ngày càng tăng do khủng hoảng từ Phong trào Cách Mạng. Năm 1767, ông đến Pháp và được chào đón long trọng. Nhưng trước khi trở về quê hương vào năm 1775, ông mất chức Bộ Trưởng Bộ Bưu Điện vì dính líu đến việc tiết lộ cho bang Massachusetts lá thư nổi tiếng của Hutchinson và Oliver. Trên đường trở về Philadelphia, ông được chọn làm thành viên Quốc hội Lục Địa và vào năm 1777 ông được cử đến Pháp dưới vai trò đại sứ của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Ông ở lại Pháp tới năm 1785, như một nhân vật được cộng đồng Pháp yêu thích và với thành công trong những sứ mạng đại diện cho đất nước mình. Cuối cùng, ông trở về quê hương như một người hùng của nước Mỹ độc lập và nhận được vị trí cao chỉ sau Washington. Ông mất ngày 17 tháng 4 năm 1790.

Năm chương đầu của cuốn *Tự truyện của Benjamin Frankalin* được viết ở Anh vào năm 1771, được tiếp tục vào năm 1784-1785 và bắt đầu viết tiếp vào năm 1788, ông giảm xuống chỉ còn những sự kiện diễn ra tới năm 1757. Sau hàng loạt chuyến phiêu lưu phi thường, bản thảo đầu tiên cũng như cuối cùng được John Bigelow in ra và giờ đây được tái bản để ghi nhận giá trị của cuốn sách như một bức tranh về một trong những nhân vật đáng kính nhất thời thuộc địa và là một trong những cuốn tự truyện xuất sắc nhất thế giới.

ĐƯỢC HIỆU CHỈNH BỞI CHARLES W. ELLIOT
(TIẾN SĨ LUẬT), CÔNG TY P.F. COLLIER & SON, NEW YORK (1909)

Tự truyện Benjamin Franklin

(1706 -1757)

YFORD, *tại Tòa giám mục thánh Asaph, năm 1771.*

CON TRAI YÊU QUÝ: ta luôn vui thích khi nghe những giai thoại về cha ông. Con có thể nhớ lại chuyện ta đã dò hỏi về những người họ hàng khác của mình trong thời gian con ở Anh cùng ta và chuyến đi mà ta đã trải qua cho mục đích đó. Ta cho rằng, con cũng muốn hiểu về những sự kiện xảy ra trong cuộc đời ta, vì có nhiều thứ ta chưa kể cho con biết và mong chờ tận hưởng một tuần lễ sống an nhàn sau khi đã rút lui khỏi những hoạt động chính trị, ta ngồi đây và viết lại chúng cho con. Đó là những lý do ta có bên cạnh những xui khiến khác. Vươn lên từ cái nghèo cùng sự tối tăm mà ta đã được sinh ra và nuôi dưỡng, đạt được sự giàu có và một ít danh tiếng trên thế giới, trải qua cuộc sống có nhiều may mắn mà ta đã tận dụng như một phương tiện để hoàn tất sự ban ơn của Chúa Trời, hậu thế có lẽ muốn biết về cuộc đời ta và con có thể tìm thấy những chi tiết phù hợp với hoàn cảnh của mình để noi gương.

Cái may mắn của ta, khi suy ngẫm về nó, nhiều lần đã khiến ta phải nói rằng, nếu ta có được một chọn lựa, ta sẽ không chối từ việc lặp lại cuộc sống giống như vậy từ khởi đầu, ta chỉ yêu cầu có được quyền tác giả để sửa lại một vài lỗi sai trong ấn bản đầu tiên của cuốn sách cuộc đời. Nếu được như thế, ta có thể chỉnh lại một vài lỗi sai, thay đổi vài tai nạn và sự kiện xấu xa theo hướng tốt đẹp hơn cho những người khác. Nhưng dù cho ta không có được quyền tác giả đó, ta vẫn chấp nhận đề nghị sống lại cuộc đời mình. Vì sự tái diễn đó không thể xảy ra, điều tiếp theo và cũng là gần nhất với việc sống cuộc đời này một lần nữa dường như là chỉ có một: hồi tưởng về cuộc đời và làm cho sự hồi tưởng đó vững bền nhất có thể bằng cách viết lại chúng.

Bởi vì, mọi người có quyền chọn đọc hay không đọc tự truyện này, ở đây ta cũng sẽ dung túng cho sự thiên vị rất đỗi tự nhiên của người già khi nói về chính bản thân cùng những hành động của họ trong quá khứ; và ta sẽ dung túng mà không cảm thấy chán ngắt với sự thực rằng những người khác, những người khi đã lớn tuổi cho rằng bản thân họ có nghĩa vụ phải răn dạy ta. Và cuối cùng (ta cũng phải thừa nhận điều này vì nếu ta chối bỏ thì cũng chẳng ai tin), có lẽ ta sẽ tự thoả mãn cái hư danh của mình rất nhiều ở đây. Thực ra, ta hiếm khi nghe hoặc thấy những dòng giới thiệu: “Không hề vì hư danh bản thân, tôi xin được nói,” rồi theo ngay sau đó là những thứ phù phiếm. Hầu hết mọi người đều ghét sự hư danh ở những người khác, nhưng

khi suy nghĩ công bằng về nó năm mười phút, ta thấy rằng hư danh thường tốt cho những người sở hữu nó và cho cả những người nằm trong tầm ảnh hưởng từ người đó. Vì thế, trong nhiều trường hợp, không phải hoàn toàn vô lý khi một người cảm ơn Chúa vì hư danh của mình trong số những ban ơn khác của cuộc sống.

Và giờ nói đến cảm tạ Chúa, bằng tất cả sự hèn mọn của mình, ta mong muốn tri ân những niềm hạnh phúc có được trong cuộc đời đã qua đến Đấng Tối Cao, Người đã dẫn dắt ta đến những con đường mà ta đã chọn đi và cho chúng thành công. Niềm tin vào điều này thúc giục ta hy vọng, dù đoán chừng rằng những điều tốt đẹp như thế sẽ không mãi đến với ta trong hạnh phúc vĩnh tiến hay giúp ta chống chọi với cái chết, điều mà ta sẽ phải trải qua như bao người khác đã từng: màu sắc, vận mệnh tương lai của ta chỉ Người mới thấu suốt được. Với quyền năng vô hạn, chính Người thậm chí có thể ban cho chúng ta sự phiền não.

Những ghi chép mà chú của ta (người có cùng tính tò mò thích sưu tầm những giai thoại gia đình) từng đặt vào tay ta đã đem đến cho ta những hiểu biết cặn kẽ liên quan đến tổ tiên ta. Từ những ghi chép này, ta biết được gia đình ta đã sống ở làng Ecton thuộc vùng Northamptonshire trong 300 năm, và lâu hơn bao nhiêu nữa thì chính chú của ta cũng không biết. (Có lẽ từ hồi xa xưa, khi cái tên Franklin, mà trước đây để chỉ một thứ bậc trong xã hội, được biến thành họ khi mọi người đều tự chọn cho dòng tộc mình một cái họ riêng). Chúng ta có 30 mẫu đất cùng công việc kinh doanh lò rèn. Công việc này tiếp tục cho đến đời chú của ta, người con trai cả luôn được chọn truyền lại nghề đó. Một truyền thống mà cha và chú ta tiếp tục truyền cho con trai đầu của họ. Khi tìm những thông tin đăng ký tại Ecton, ta chỉ tìm thấy một cuốn sổ hộ tịch ghi các việc khai sinh, kết hôn và chôn cất của gia đình từ năm 1555, không có đăng ký nào được ghi chép vào thời điểm trước đó. Theo bản ghi chép tìm được, ta biết rằng ta là cháu trai út đời thứ năm của người con trai út. Ông nội của ta, Thomas, sinh vào năm 1598, sống tại Ecton cho đến khi ông quá già để tiếp tục làm việc và chuyển tới sống cùng con trai của ông là John, một thợ nhuộm ở Banbury, vùng Oxfordshire, người mà cha ta xin theo học việc. Ông đã mất và được chôn tại đó. Chúng ta tới thăm phần mộ của ông vào năm 1758. Người con trai cả của ông, Thomas, sống trong một ngôi nhà ở Ecton và truyền lại quyền thừa kế ngôi nhà cùng mảnh đất cho đứa con gái duy nhất của mình, người cùng với chồng là một ngư dân vùng Wellingborough đã bán lại tài sản đó cho ông Isted, người chủ sở hữu hiện tại trang viên đó. Ông nội ta có 4 người con trai: Thomas, John, Benjamin và Josiah. Ta sẽ kể cho con những câu chuyện mà ta biết được về họ bằng những lá thư và nếu ta không đãng trí quên mất việc này, con sẽ tìm thấy nhiều điều thông tin chi tiết khác.

Ông Thomas được cha truyền nghề thợ rèn nhưng do bản tính thông minh và (như tất cả

những người anh em của ta) được khuyến khích học tập với một thầy tu có tên tuổi trong làng. Ông Thomas đã tự mở cho mình công việc kinh doanh sao chép văn tự, trở thành một trong những người quan trọng nhất của hạt, nhân vật chủ chốt trong những hoạt động của cộng đồng hạt hay thị trấn Northampton và ngôi làng, nơi còn lưu giữ rất nhiều dấu ấn về ông. Thomas cũng được Huân Tước Halifax chú ý và giúp đỡ rất nhiều. Ông mất do tuổi già vào ngày 6 tháng 1 năm 1702, chỉ 4 năm trước khi ta ra đời. Ta nhớ rằng cuốn sổ ghi chép lại những thông tin về cuộc đời và tên tuổi của ông từ những người già ở Ecton mang đến cho chúng ta một cảm giác phi thường, tương tự như những gì con biết về cuộc đời ta.

"Vì ông đã mất cùng ngày cha ra đời, cha có thể là sự chuyển kiếp của ông." Con có thể nói vậy.

Ông John được truyền nghề dệt, ta nghĩ là dệt vải len. Ông Benjamin được truyền nghề dệt tơ và theo học việc ở London. Ông là một người thông minh. Ta nhớ về ông rất rõ ràng vì khi ta còn là một đứa trẻ, ông đã đến thăm và sống cùng cha ta ở Boston trong vài năm. Ông sống rất thọ. Cháu nội của ông, Samuel Franklin, giờ đang sống ở Boston. Ông ấy để lại hai tập thơ khổ bốn do ông sáng tác, bao gồm những tác phẩm nhỏ viết cho bạn bè, người thân và phần ông gửi cho ta chỉ mới là bản nháp. Bản nháp đó được viết tốc ký theo cách ông đã dạy ta nhưng vì chưa bao giờ luyện tập nên ta đã quên mất rồi. Ta được đặt tên theo tên người họ hàng này vì giữa cha ta và ông có những tình cảm rất đặc biệt. Ông là một người rất mộ đạo, tham gia đầy đủ những buổi thuyết giảng của các thầy giỏi nhất, ghi tốc ký lại các bài giảng và lưu giữ lại nhiều bản. Ông cũng là một nhà chính trị, có lẽ là rất chính trị, trong hoàn cảnh của ông. Gần đây,ta có tìm được ở London một bộ sưu tập những cuốn sách chuyên đề mà ông từng viết liên quan đến những vấn đề công vụ từ năm 1641 đến năm 1717. Rất nhiều bộ bị thiếu khi xem lại số trang sách, nhưng vẫn còn đủ 8 bộ cho khổ hai và 24 bộ cho khổ bốn và khổ tám. Một nhà buôn sách cũ quen biết ta sau nhiều lần ta mua sách từ người này đã tìm thấy chúng và đem đến. Có vẻ như ông đã để lại những cuốn sách khi sang Mỹ cách đây 50 năm. Bên lề các cuốn sách vẫn còn đầy các ghi chú của ông.

Gia tộc vô danh của ta được đánh dấu từ đầu thời kỳ Đổi Mới và tiếp tục là những Người Tin Lành trong thời kỳ trị vì của Nữ Hoàng Mary, gia đình ta đôi khi bị đặt dưới tình trạng nguy hiểm do quá nhiệt tâm đối đầu với giáo hội La Mã. Chúng ta có một cuốn Kinh Thánh bản tiếng Anh, và để che giấu cũng như bảo vệ cuốn sách đó, gia đình ta đã cột chặt cuốn sách đang mở bằng băng keo dưới gầm chiếc ghế đẩu thấp. Khi ông cố của ta đọc Kinh Thánh cho cả gia đình nghe, ông lật ngược chiếc ghế và giở những trang giấy dưới cuộn băng. Một đứa trẻ trong gia đình sẽ đứng canh cửa để báo động khi phát hiện tay thuộc lại nào đó, một dạng sĩ quan của

toà án tôn giáo, đang tiến lại gần. Trong trường hợp đó, ông sẽ lật úp chiếc ghế xuống và cuốn kinh sẽ lại được giấu kín như cũ. Đây là giai thoại ta nghe được từ chú Benjamin của ta. Gia đình ta tiếp tục theo nhà thờ Anh giáo cho đến hết thời kỳ trị vì của Charles Đệ Nhị, khi một vài mục sư bị buộc tội tổ chức các cuộc họp tôn giáo bất hợp pháp ở Northamptonshire, Benjamin và Josiah gia nhập cùng những người này và tiếp tục theo Anh giáo trong suốt phần đời còn lại. Những người khác trong gia đình tiếp tục theo Nhà Thờ Tân Giáo.

Josiah, cha ta, kết hôn khi còn rất trẻ,đã cùng vợ với 3 con chuyển đến New England vào khoảng năm 1682. Những cuộc họp tôn giáo bất hợp pháp đã bị pháp luật cấm và thường xuyên bị gây khó dễ. Điều đó khiến rất nhiều người quen của ông chuyển tới sinh sống ở vùng đất này. Cha ta đã bị họ thuyết phục và đã theo những người bạn này chuyển tới New England, nơi họ có thể tận hưởng niềm vui tôn giáo của mình trong tự do. Ông sinh thêm 4 người con nữa với người vợ đầu và sau đó là 10 người con với người vợ hai, tất cả là 17 người. Ta nhớ rằng ta từng thấy cảnh 13 người anh chị em ngồi chung một bàn với ông, tất cả đều đã trưởng thành và kết hôn. Ta là con trai út, gần nhỏ nhất trong nhà và được sinh ra ở Boston, New England. Mẹ ta là vợ hai, tên là Abiah Folger, con gái của Peter Folger, một trong những người định cư sớm nhất ở New England, những người vinh dự được Cotton Mather nhắc đến, nếu ta nhớ không lầm, như một “người Anh ngoan đạo, có học thức” trong cuốn sách về lịch sử nhà thờ của đất nước đó có tựa đề là *Magnalia Christi Americana*. Ta từng nghe nói ông thỉnh thoảng có viết những tác phẩm ngắn nhưng chỉ một tác phẩm được in mà ta đã thấy nhiều năm trước đây. Tác phẩm đó được viết vào năm 1675 dưới dạng những đoạn thơ về thời đại và con người, dành cho những độc giả quan tâm đến các vấn đề về Chính phủ lúc đó. Tác phẩm thiên về ý thức tự do và đại diện cho những tín đồ Baptist, tín đồ phái giáo hữu và những tín đồ của các dòng tin khác đang phải chịu sự đau khổ từ cuộc chiến với người da đỏ, cho những khổ đau mà đất nước đó phải gánh chịu vì bị Chúa Trời trừng phạt nặng nề do đã xúc phạm Người và thúc giục việc chấm dứt những đạo luật hà khắc đó. Với ta, toàn bộ tác phẩm đó được viết với sự thẳng thắn, đúng mực cùng sự tự do can trường. Ta quên hai dòng đầu và nhớ sáu câu kết thúc đoạn thơ, nội dung của nó nói lên sự phê bình xuất phát từ thiện chí của ông, và như thế, ông được biết đến như là tác giả của tác phẩm đó.

“Là một kẻ phỉ báng (ông nói);

Ta thật lòng ghét việc đó;

Từ thị trấn Sherburne đến đây, nơi ta đang sinh sống

Ta đặt tên mình ở đây;

Không xúc phạm đến người bạn chân chính của ngươi,

Ta là Peter Folgier."

Các anh của ta đều được gửi đi học nhiều nghề khác nhau. Ta được cho đi học ở trường trung học vào năm 8 tuổi vì cha ta muốn một trong những người con của ông cống hiến, phục vụ cho nhà thờ. Sự háo hức muốn được học đọc từ rất sớm của ta (chắc là rất sớm vì ta không thể nhớ rõ thời gian mình không biết đọc) cùng những góp ý của bạn bè ông rằng ta sẽ trở thành một học giả giỏi đã khuyến khích ông đi theo mục đích này. Chú Benjamin của ta cũng tán đồng quyết định đó và đề nghị tặng cho ta tất cả các bản tốc ký của những bài thuyết pháp mà ta cho rằng là để chuẩn bị phòng khi sau này ta muốn noi theo gương chú. Tuy nhiên, ta chỉ theo học ở trường trung học không đầy một năm, dù rằng trong thời gian theo học, ta đã vươn lên giỏi nhất lớp từ vị trí trung bình và được chuyển lên lớp trên để từ đó có thể chuyển sang học lớp 3 vào cuối năm đó. Nhưng trong thời điểm đó, vì cha ta đã thay đổi quyết định do nhận thấy các khoản chi phí dành cho việc học quá lớn khiến gia đình đông đúc của ông không thể được chu cấp tốt, và cũng một phần vì những người học ra trường có cuộc sống rất vất vả - đó là những lý do ta nghe ông nói với bạn bè. Ông cho ta nghỉ học ở trường trung học và gửi ta đến học ở trường chuyên dạy viết và Số học được điều hành bởi một cái tên nổi tiếng, George Browell, một người nhìn chung khá thành công trong nghề nghiệp của mình theo những cách thức rất ôn hoà và đầy tính khích lệ. Theo học ông, ta sớm có được kỹ năng viết khá tốt nhưng lại thất bại ở môn Số học và không thể tiến bộ. Lúc 10 tuổi, ta trở về nhà để phụ cha kinh doanh nến và nấu xà phòng. Công việc kinh doanh này không phải nghề ông được truyền lại nhưng ông đã đảm nhận khi chuyển đến New England do công việc nhuộm với nhu cầu ít ỏi không đủ nuôi sống gia đình. Theo đó, ta được giao nhiệm vụ cắt tim nến, đổ đầy những khuôn ngâm và khuôn nấu nến, canh cửa hàng cùng những việc vặt khác, v.v…

Ta không thích nghề này mà thích đi biển nhưng cha ta phản đối sở thích này. Tuy nhiên, sống gần biển, ta nhanh chóng khám phá về nó, học để biết cách bơi giỏi từ rất sớm và cách điều khiển những chiếc thuyền. Khi đi thuyền hay xuồng với những cậu trai khác, ta thường được giao quyền chỉ huy, nhất là khi gặp phải những khó khăn. Trong những tình huống khác, ta cũng thường là thủ lĩnh của bọn con trai, nhưng cũng đôi khi dẫn chúng vào những rắc rối và ta sẽ cho con một ví dụ về việc này, dù rằng đây là một hành động sai nhưng nó cho thấy đó là xu hướng yêu thích các hoạt động công của ta trong tương lai.

Có một đầm lầy nước mặn bao quanh một phần của chiếc hồ, nơi chúng ta hay đứng để câu cá tuế. Chúng ta giẫm lên nó quá nhiều khiến nó thực sự trở thành một đầm lầy. Ta đề nghị xây

một cầu cảng để đứng và chỉ cho các "đồng chí" của mình chỗ một đống đá lớn người ta định sử dụng để xây nhà gần đầm lầy rất phù hợp với mục đích của chúng ta. Theo kế hoạch, vào buổi chiều khi những người thợ xây ra về, ta triệu tập những người bạn chơi lại và làm việc chăm chỉ như những con kiến, thỉnh thoảng 2 đến 3 người khiêng một tảng đá, chúng ta khiêng tất cả đi và xây cho mình một cầu cảng nhỏ. Sáng hôm sau, những người thợ xây rất ngạc nhiên khi phát hiện đống đá biến mất và sau đó tìm thấy chúng ở cầu cảng nhỏ của chúng ta. Mọi người bắt đầu tìm kiếm thủ phạm di dời đá. Chúng ta bị phát hiện và bị mắng vốn. Nhiều đứa trong bọn bị cha mẹ khiển trách và mặc dù ta đã cố giải thích về sự hữu ích của công trình đó, cha ta giải thích cho ta hiểu rằng không có gì hữu ích nếu không thật thà.

Ta nghĩ con cần biết một vài điều về con người và tính cách của ông. Ông là một người có thân hình đẹp, dáng người trung bình nhưng cân đối và rất khoẻ mạnh. Ông rất thông minh, vẽ rất đẹp, có chút ít kỹ năng về âm nhạc và có giọng nói rất dễ nghe, vì thế nghe ông vừa chơi đàn vĩ cầm vừa hát những giai điệu thánh ca, việc ông thỉnh thoảng làm sau một ngày làm việc, là một điều cực kỳ dễ chịu. Ông cũng là người giỏi cơ khí và đôi lúc rất khéo léo trong việc sử dụng những công cụ của nghề khác, nhưng tài năng lớn nhất của ông nằm ở khả năng thấu hiểu sâu sắc và đưa ra những phán quyết vững chắc đối với những vấn đề quan trọng với cá nhân ông cũng như vấn đề công vụ. Trong giai đoạn tiếp theo của cuộc đời mình, thực tế, ông chưa bao giờ có cơ hội thể hiện tài năng đó trong một công việc chính thức nào do phải tập trung kinh doanh và chăm lo cho gia đình đông người của mình. Nhưng ta nhớ rất rõ rằng đã có nhiều lãnh đạo địa phương đến thăm ông để xin lời tư vấn về những vấn đề công vụ của thị trấn hay trong nhà thờ nơi ông sinh hoạt, và họ tỏ ra rất tôn trọng những phán quyết và lời khuyên của ông. Những người khác cũng đến xin ông cho lời khuyên về những vấn đề của họ khi có khó khăn và ông cũng thường xuyên đóng vai trò phân xử giữa hai bên khi có tranh cãi.

Ông thường xuyên mời một vài người bạn tới nhà để thảo luận về những đề tài thông minh hay hữu ích để có thể phát triển tư duy của các con ông. Bằng cách này, ông hướng sự chú ý của chúng ta đến những điều tốt đẹp, chính nghĩa, khôn ngoan trong cách sống và thường ít khi hoặc không bao giờ nói đến những đề tài "cơm áo gạo tiền", dù tốt hay xấu, đúng với thời điểm hay không, dễ hay khó nhìn nhận, được ưa thích hay kém ưa chuộng hơn những đề tài khác cùng loại, để từ đó ta được nuôi dưỡng trong môi trường hoàn toàn không hướng đến những vấn đề đó, không quan trọng và cũng không thèm chú ý đến chuyện ta sẽ ăn gì, nên tới giờ nếu được hỏi sau khi dùng bữa chỉ vài tiếng ta cũng không nhớ mình đã dùng món gì. Thói quen này rất có ích với ta khi đi đó đây, trong khi những người bạn của ta thường thỉnh thoảng không hài lòng vì muốn ăn những món ăn tinh tế hơn, phù hợp với sở thích và cách thức ăn

uống cầu kỳ về mùi và khẩu vị của họ.

Mẹ ta cũng trông rất tuyệt vời: bà cho cả 10 đứa con bú. Ta không rõ cha mẹ ta có bệnh tật gì không nhưng cha mất vào năm 89 tuổi và mẹ hưởng thọ 85 tuổi. Hai người được chôn chung ở Boston, nơi mà một vài năm sau đó ta đã đặt một bức cẩm thạch trên mộ họ với những dòng chữ:

JOSIAH FRANKLIN

Và

Vợ ABIAH

Được chôn cất ở đây.

Cả hai đã yêu nhau đằm thắm trong mối quan hệ hôn nhân kéo dài 55 năm.

Không có điền trang và công việc kinh doanh sinh lợi cao,

Thông qua lao động và làm việc không ngừng nghỉ,

Dưới sự phù hộ của Chúa Trời,

Hai người đã duy trì một gia đình lớn

Một cách ấm cúng,

Và nuôi lớn 13 đứa con

Và 7 đứa cháu

Nên người.

Từ minh chứng này, bạn ơi,

Hãy dũng cảm và cần cù nghe theo tiếng gọi của người,

Và hãy tin vào Đấng Tối Cao.

Ông là một người ngoan đạo và khôn ngoan;

Bà là một người kín đáo và tiết hạnh.

Con trai út của hai người,

Trong hồi ức tưởng nhớ cha mẹ đã mất,

Đặt bức cẩm thạch này tại đây.

J. F. sinh 1655, mất 1744, hưởng họ 89 tuổi

A. F. sinh 1667, mất 1752, hưởng họ 85 tuổi

Trong lúc nghêu ngao lạc đề, ta chợt nhận ra mình đã già. Ta từng viết rất có phương pháp. Nhưng một người không thể khoác chiếc áo trong nhà và ngoài xã hội như nhau được. Đây có lẽ chỉ là sự sơ xuất.

Trở lại đề tài: ta tiếp tục theo cha làm việc 2 năm cho đến khi 12 tuổi và do anh trai ta John người được truyền nghề này đã rời khỏi cha, kết hôn và xây dựng cuộc sống ở Rhode Island, có vẻ như ta đã được định là người sẽ thay thế anh ấy và trở thành một thợ làm nến. Tuy nhiên, vì ta vẫn không thích nghề này nên cha ta sợ rằng nếu ông không tìm cho ta một ngành nghề yêu thích, ta sẽ bỏ nhà đi biển như con của ông Josiah đã làm, điều đã khiến ông rất phật lòng trước đó. Do đó, thỉnh thoảng ông dẫn ta ra ngoài đi dạo và gặp những người thợ gỗ, thợ nề, thợ làm đồng thau, v.v... khi họ đang làm việc. Ông theo dõi thái độ của ta và cố gắng hướng ta theo một trong những nghề đó. Ta đã cảm thấy rất vui thích khi quan sát những người thợ sử dụng các dụng cụ của họ và nó cũng rất hữu ích với ta vì thông qua học hỏi những kinh nghiệm đó, ta đã có thể làm một số công việc vặt trong nhà khi thợ sữa chữa không thể đến cũng như chế tạo những chiếc máy nhỏ cho các thí nghiệm của ta, khi ý tưởng tiến hành thí nghiệm vẫn còn mới và rõ ràng trong đầu. Cuối cùng, cha đã hướng ta theo nghề làm dao kéo. Con trai của chú Benjamin, Samuel, là người được truyền nghề này ở London và đang sinh sống ở Boston lúc đó, do vậy ta được gửi đến ở với anh ấy một thời gian. Tuy nhiên, đòi hỏi chi phí mà anh đề ra khiến cha không hài lòng và ông đón ta về.

Từ khi còn nhỏ ta đã rất thích đọc sách và tất cả những khoản tiền nhỏ mà ta nhận được đều dùng để mua sách. Vì thích đọc cuốn *Pilgrim's Progress* (Sự Tiến Bộ Của Những Người Hành Hương), bộ sưu tập đầu tiên của ta là những tác phẩm ngắn của John Bunyan. Sau đó, ta bán bộ sách này để mua *R. Burton's History Collections* (Tuyển Tập Lịch Sử của R. Burton). Đó là những cuốn sách nhỏ của người bán hàng rong, mỗi bộ gồm khoảng 40 hay 50 quyển và rất rẻ. Thư viện nhỏ của cha ta chủ yếu bao gồm những tựa sách lý luận tôn giáo mà hầu như ta đều đã đọc qua và từ đó thường xuyên hối hận rằng vào cái thời mà mình thèm khát kiến thức đó, ta đã không bắt gặp những cuốn sách phù hợp hơn vì giờ đây rõ ràng là ta không thích hợp làm tu sĩ. *Plutarch Lives* (Cuộc Sống Của Plutarch) là cuốn sách ta đọc nhiều nhất và ta vẫn cho rằng

khoảng thời gian dành cho cuốn sách đó là rất xứng đáng. Có một cuốn sách khác của De Foe, mang tựa đề *Essay on Projects* (Bài Luận Về Những Dự Án), và một cuốn nữa của Giáo Sư Mather có tựa *Essay to do Good* (Những Bài Luận Để Làm Điều Tốt). Những cuốn sách này đã làm thay đổi suy nghĩ của ta mà sau này và có ảnh hưởng đến những sự kiện quan trọng của cuộc đời ta sau này.

Sự đam mê đọc sách trong thời gian dài của ta đã khiến cha ta quyết tâm hướng ta theo nghề in, dù rằng ông đã có một người con (James) theo nghề này. Năm 1717, anh trai James của ta trở về từ Anh mang theo một cái máy in và những mẫu chữ in để mở công việc kinh doanh riêng của mình ở Boston. Ta còn thích những thứ này hơn cả cha ta nhưng trong ta vẫn còn khao khát với biển cả. Để ngăn cản khao khát này, cha ta đã nhanh chóng gửi ta cho anh trai. Ban đầu ta không đồng ý nhưng sau đó cũng bị thuyết phục và ký vào bản khế ước khi ta chỉ mới 12 tuổi. Ta trở thành một kẻ học việc cho đến năm 21 tuổi và chỉ bắt đầu nhận lương như một người làm thuê vào năm cuối cùng. Trong khoảng thời gian ngắn đó ta đã nắm bắt được công việc kinh doanh và trở thành cánh tay đắc lực cho anh trai ta. Lúc bấy giờ, ta có cơ hội tiếp cận được nhiều cuốn sách hay hơn. Mối giao hảo với những thợ học việc trong cửa hàng sách giúp ta thỉnh thoảng mượn được những cuốn sách nhỏ và ta nhanh chóng trả lại chúng cẩn thận và sạch sẽ. Vì sợ rằng những cuốn sách mượn sẽ bị hỏi và đòi lại, ta thường ngồi trong phòng đọc sách hầu như cả đêm để những cuốn sách ta mượn lúc chiều sẽ được trả lại vào sáng sớm hôm sau.

Và sau đó một thời gian, một doanh nhân xuất chúng tên Matthew Adams, người có bộ sưu tập sách khá phong phú và thường đến thăm nhà in, bắt đầu để ý đến ta, mời ta đến thư viện của ông và tử tế cho ta mượn những cuốn sách mà ta chọn. Lúc đó, ta bắt đầu yêu thích thơ và sáng tác một vài tác phẩm ngắn. Anh trai ta nghĩ rằng những sáng tác đó có thể bán được nên thỉnh thoảng đã khuyến khích ta sáng tác những khúc ballad. Một trong những tác phẩm của ta có tên là *Bi Kịch Ngọn Hải Đăng* bao gồm đoạn Thuyền Trưởng Worthilake chết chìm cùng hai con gái của ông. Tác phẩm còn lại là một bài hát của thuỷ thủ trong lúc đang bắt tên hải tặc Teach (hay Râu Đen). Đó là những tác phẩm khốn khổ theo phong cách ballad của kẻ lang thang và khi in xong, anh ta sai ta đi vòng quanh thị trấn rao bán. Tác phẩm đầu tiên bán rất chạy và nó trở thành một sự kiện thu hút nhiều chú ý. Thành công này nâng cao sự kiêu ngạo của ta nhưng cha ta đã khiến ta nản lòng khi cười nhạo những tác phẩm đó và nói với ta rằng những kẻ làm thơ chung quy cũng chỉ là lũ ăn mày. Vì thế, ta từ bỏ việc trở thành nhà thơ, mà chắc hẳn nếu có làm ta cũng sẽ trở thành một nhà thơ tồi. Nhưng việc viết lách văn xuôi đã tỏ ra rất hữu dụng trong cuộc đời ta sau này, đồng thời là phương tiện chính cho sự tiến thân của

ta. Ta sẽ nói cho con biết làm cách nào trong hoàn cảnh như vậy ta đã có được khả năng viết khiêm tốn đó.

Trong thị trấn cũng có một thằng bé rất ham đọc sách chơi thân với ta tên là John Collins. Bọn ta thỉnh thoảng thích tranh luận và thích bác bỏ luận điểm của nhau và, nhân tiện mà nói, xu hướng thích tranh cãi đó dễ trở thành một thói quen xấu vì nó khiến mọi người trở nên cực kỳ khó chịu khi gặp phải những mâu thuẫn cần được giải quyết và vì thế, ngoài việc khiến cuộc đối thoại trở nên chua chát và mục nát, nó còn chất đầy thêm sự ghê tởm và thậm chí là sự thù hằn trong những trường hợp con có cơ hội xây dựng được tình bạn. Ta bắt gặp những ý này khi đọc những cuốn sách của cha ta về vấn đề tranh luận tôn giáo. Theo ta quan sát, những người có hiểu biết hiếm khi rơi vào tình trạng này trừ các luật sư, những kẻ học đại học và tất cả những kẻ được nuôi dưỡng ở Edinborough.

Giữa ta và Collins không hiểu sao lại xuất hiện một câu hỏi về sự chính đáng trong việc giáo dục nữ giới và khả năng học tập của phái nữ. Cậu ấy thiên về xu hướng cho rằng điều đó không phù hợp và họ, theo lẽ tự nhiên, không đủ sức đi học. Ta chọn ý kiến đối lập, có lẽ một phần cũng vì lợi ích của việc tranh luận. Cậu ấy vốn có tài hùng biện hơn ta, ngôn từ phong phú, và đôi khi, theo ta nghĩ, khiến ta chán ngấy bởi sự lưu loát trong ngôn từ của mình hơn là sức mạnh của những luận cứ. Khi bọn ta rã nhóm mà chưa chốt được vấn đề và sẽ không gặp nhau trong một khoảng thời gian, ta ngồi viết những luận cứ của mình và gửi cho cậu ấy. Cậu ấy trả lời và ta hồi âm. Ba hay bốn lá thư một mặt đã được gửi qua lại cho đến khi cha ta phát hiện ra và đọc chúng. Không tham gia vào cuộc tranh luận của hai đứa trẻ nhưng cha bắt đầu giảng cho ta nghe về cách thức viết lách. Dù ghi nhận rằng ta giỏi hơn đối thủ của mình về mặt chính tả và chấm câu (kỹ năng mà ta có được từ nhà in), ông nói ta thiếu rất nhiều sự lịch lãm trong diễn đạt, tính hệ thống, sự rõ ràng và đưa ra nhiều ví dụ để chỉ cho ta thấy những lỗi đó. Ta thấy được sự công bằng trong nhận xét của ông nên từ đó chú ý nhiều hơn đến cách viết và kiên trì quyết tâm để tiến bộ.

Vào khoảng thời gian này, ta tìm thấy một bộ sưu tập các tờ *The Spectator* kỳ lạ. Nó là bộ thứ ba. Ta chưa bao giờ thấy bộ nào như thế. Ta mua nó, đọc đi đọc lại và rất hài lòng. Ta nghĩ rằng cách viết văn trong đó thật tuyệt vời và ước ao, nếu có thể, mình sẽ bắt chước. Với suy nghĩ đó, ta lấy vài trang trong bộ nhật báo và viết những gợi ý ngắn về ý chính của từng câu, bỏ đó vài ngày, rồi bắt đầu cố gắng viết lại những trang giấy đó mà không nhìn sách bằng cách diễn đạt những gợi ý đó dưới dạng câu dài và đầy đủ như trong nguyên bản bằng những từ ngữ thích hợp nhất mà ta có thể nghĩ ra. Sau đó, ta so sánh bản *The Spectator* của mình với nguyên bản, phát hiện ra những lỗi sai và sửa chúng. Nhưng ta nhận ra mình cần có vốn từ vựng phong phú

hơn nữa hay cần thêm sự hào hứng để nhớ lại và sử dụng chúng. Đó là thứ ta nghĩ mình sẽ có được nếu tiếp tục theo đuổi nghiệp làm thơ, vì làm thơ đòi hỏi phải sử dụng nhiều từ ngữ với độ dài khác nhau cho cùng một nội dung để phù hợp với nhịp điệu, hay nhiều âm thanh cho cùng một giai điệu, từ đó sẽ tạo ra cho ta nhu cầu tìm kiếm, ghi nhớ nhiều từ vựng khác nhau và khiến ta thành thạo cách dùng từ ngữ. Vì thế, ta lấy vài mẫu truyện ngắn và biến chúng thành những bài thơ, và sau một thời gian ta lại viết từ thơ thành văn sau khi đã quên câu từ của những mẫu truyện nguyên bản. Ta cũng thỉnh thoảng làm rối tung những ý tưởng của mình, và sau một vài tuần cố gắng xếp chúng lại theo đúng thứ tự trước khi bắt đầu viết lại câu văn hoàn chỉnh theo nguyên bản. Điều này dạy ta phương pháp sắp xếp suy nghĩ. Bằng cách so sánh bản viết của ta với nguyên bản, ta tìm ra nhiều lỗi sai và sửa chúng. Tuy nhiên, đôi khi ta cũng thích thú với suy nghĩ rằng, trong những phần đặc thù nào đó của nội dung nhỏ, ta đã đủ may mắn để cải thiện phương thức và ngôn ngữ trong tác phẩm và điều này khuyến khích ta suy nghĩ rằng mình có thể trở thành một nhà văn Anh ở mức chấp nhận được trong tương lai, điều mà ta rất mong muốn. Ta làm những bài tập này và đọc sách vào ban đêm khi làm xong công việc hay trước khi bắt đầu vào buổi sáng hoặc vào những Chủ Nhật khi ta tìm cách ở lại nhà in một mình, lẩn tránh tham dự những buổi lễ công chúng, thứ mà cha ta khi còn sống đòi hỏi ta phải tham gia dưới sự kèm cặp của ông. Và dù trên thực tế, ta cũng xem đó là một trách nhiệm phải làm nhưng có vẻ như ta không có thời gian để làm chuyện đó.

Năm 16 tuổi, tình cờ bắt gặp một cuốn sách viết bởi một người tên Tryon giới thiệu về chế độ ăn kiêng bằng rau. Ta quyết định thử nó. Anh trai ta dù chưa kết hôn nhưng không ở nhà mà sinh sống và học việc tại một gia đình khác. Việc từ chối ăn thịt gây ra sự bất tiện và ta thường bị quở trách vì tính tình quái dị của mình. Ta làm cho mình thật quen với cách chuẩn bị một vài món ăn của Tryon như khoai tây luộc hay gạo, làm bánh pudding nhanh, và một vài món khác, sau đó đề nghị với anh trai rằng nếu anh ấy cho ta số tiền bằng phần nửa số tiền hàng tuần anh trả cho các nhân viên của mình, ta sẽ trở thành nhân viên của anh. Ngay lập tức, anh đồng ý và ta chẳng mấy chốc nhận ra rằng mình có thể tiết kiệm phần nửa số tiền anh trả. Đây là một nguồn quỹ thêm để mua sách. Nhưng ta còn có một cái lợi trong việc này. Khi anh trai ta và những người còn lại rời nhà in đi ăn, ta ở lại ăn nhanh bữa tiệc nhẹ của mình mà hầu như chỉ có chưa đầy một chiếc bánh bích quy hay một mẩu bánh mì, một nắm nho khô hay chiếc bánh nhân hoa quả từ người chuyên làm bánh và một cốc nước. Phần còn lại của thời gian, ta dành cho việc học mà ta đã tiến bộ rất nhanh. Do đó, ta có đầu óc minh mẫn hơn và sáng dạ hơn nhờ việc ăn uống chừng mực.

Và dù đã từng xấu hổ vì sự ngu dốt của mình trong môn Số học và đã hai lần thi rớt môn này

khi còn học ở trường, giờ đây ta có thể mang cuốn Số Học của Cocker ra và tự đọc qua cả cuốn một cách rất dễ dàng. Ta đọc những cuốn sách về Hàng Hải của Seller cũng như Sermy và trở nên quen thuộc với chút ít hình học trong những cuốn sách đó, nhưng ta chưa bao giờ nghiên cứu sâu hơn. Và trong khoảng thời gian này, ta cũng đọc cuốn *Locke on Human Understanding* (Hiểu Biết Về Con Người) của Locke và *Art of Thinking (*Nghệ Thuật Suy Nghĩ) của ngài Du Port Royal.

Trong khi đang muốn nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, ta bắt gặp một cuốn sách ngữ pháp tiếng Anh (ta nghĩ là của Greenwood). Cuối cuốn sách có hai đoạn tóm tắt nghệ thuật hùng biện và logic, đoạn tóm tắt thứ hai kết thúc với một ví dụ về tranh luận theo phong cách Socrates và ta nhanh chóng mua ngay cuốn *Memorable Things of Socrates* (Những Điều đáng nhớ Về Socrates) của Xenophon, cuốn sách có rất nhiều ví dụ về phong cách đó. Ta đã thực sự say mê, theo dõi và quẳng đi cái cách tranh cãi cộc lốc và những lý lẽ quả quyết của mình, thay vào đó là chiếc áo của một người hoài nghi và thẩm tra khiêm nhường. Và sau đó, do đọc Shaftesbury và Collins, ta trở thành kẻ thực sự hoài nghi ở rất nhiều luận điểm trong học thuyết tôn giáo mà chúng ta đang tin tưởng. Ta nhận thấy phương pháp tiếp cận này an toàn nhất cho bản thân mình và rất có thể khiến cho những kẻ chống lại ta cảm thấy bối rối. Vì thế, ta rất phấn khởi với nó, liên tục tập luyện, và phát triển một cách khéo léo cũng như thông thạo nghệ thuật khiến mọi người phải nhượng bộ ta, ngay cả những người có kiến thức cao hơn thông qua việc vẽ ra những kết quả mà họ không thấy trước được, bẫy họ trong những khó khăn mà họ không thể gỡ ra, và giành được những chiến thắng mà không phải lúc nào bản thân ta hay mục đích của ta cũng xứng đáng có được. Ta tiếp tục theo đuổi phương pháp này trong một vài năm tiếp theo nhưng dần rời bỏ nó, chỉ giữ lại thói quen thể hiện mình với thái độ rất khiêm tốn nhún nhường. Khi gặp phải những sự việc có thể biến chuyển thành tranh luận, ta không bao giờ sử dụng những từ như chắc chắn, rõ ràng, hay những từ ngữ khác mang hơi hướng của sự quả quyết. Thay vào đó, ta nhìn nhận và nắm bắt vấn đề một cách chung chung. Có vẻ như với ta, hoặc do ta nghĩ sự việc nên là chung chung vì những lý do khác nhau hay ta tưởng tượng nó là như vậy, hoặc giả nó thực sự là vậy nếu ta không lầm. Ta tin rằng thói quen này trở nên cực kỳ có lợi cho ta trong những tình huống cần nhấn mạnh ý kiến của mình và thuyết phục người khác đồng ý những giải pháp mà ta đề xuất. Và vì mục đích chính cuối cùng của bất kỳ cuộc hội thoại nào là để thông tin hoặc nhận thông tin, để làm vui lòng hay thuyết phục, ta hy vọng những người thiện chí và hiểu biết sẽ không làm suy giảm quyền lực của những điều tốt đẹp bằng một thái độ kiêu căng, quyết đoán. Thái độ đó thường bị khinh bỉ, tạo ra kẻ thù và đánh bật những người tham gia cuộc hội thoại với mục đích cho-nhận thông tin hay giải trí. Nếu con muốn cho thông tin, một thái độ quyết đoán và giáo điều trong thể hiện ý

kiến của mình thường tạo ra sự phản kháng và cản trở việc có được sự tập trung không thiên vị. Nếu con muốn có được thông tin và tiến bộ từ kiến thức của người khác, nhưng cùng lúc lại thể hiện quan điểm bất di bất dịch của mình, những người khiêm tốn, hiểu biết và không thích tranh cãi nhiều khả năng sẽ chẳng làm phiền con tiếp tục những giữ lấy cái sai của mình. Và với thái độ đó, con khó có thể hy vọng mình sẽ làm người nghe thấy dễ chịu hay thuyết phục mọi người đồng ý với mình. Giáo hoàng đã từng dạy rằng:

"Con người cần phải được dạy dỗ như thể con không dạy dỗ họ,

Và những điều không biết hãy nói như thể đó là những điều đã bị lãng quên;"

Xa hơn nữa Giáo hoàng dặn rằng

"Dù có chắc chắn, hãy nói như thể mình chưa
chắc chắn."

Ta nghĩ rằng và có vẻ như ngài đã không đúng lắm khi gắn dòng dưới đây với vào một dòng khác.

"Vì mong muốn sự khiêm tốn là mong muốn khôn ngoan."

Nếu con hỏi, vì sao không đúng? Ta phải lặp lại những dòng sau,

"Những lời thiếu khiêm tốn sẽ xúc phạm người khác,

Vì mong muốn sự khiêm tốn là mong muốn khôn ngoan."

Giờ không phải mong muốn khôn ngoan (cái một người không may cần nó) là một lời biện giải của mong muốn sự khiêm tốn sao? Và có phải những dòng đó viết ra như dưới đây thì đúng hơn?

"Những lời thiếu khiêm tốn chỉ có tác dụng chứng minh rằng,

Mong muốn sự khiêm tốn là mong muốn khôn ngoan."

Tuy nhiên, ta sẽ lắng nghe những nhận xét xuất sắc hơn.

Vào năm 1720 hoặc 1721, anh trai ta bắt đầu in báo. Đó là tờ báo thứ hai ở Mỹ và nó có tên *New England Courant*. Tờ báo duy nhất trước đó là tờ *Boston News-Letter*. Ta nhớ rõ anh trai ta đã được nhiều bạn bè khuyên can không nên cho ra đời tờ báo đó vì nó sẽ không thành công khi một tờ báo có vẻ như đã là đủ cho nước Mỹ. Vào thời điểm này (năm 1771), đã có không dưới 520 tờ báo. Bất chấp can gián, chúng ta vẫn tiếp tục, sắp xếp các mẫu chữ và cho in những tờ báo. Ta được phân công nhiệm vụ giao báo cho khách hàng.

Trong số bạn bè của anh trai ta, có những người rất tài giỏi với thú vui giải trí là viết những tác phẩm ngắn cho tờ báo, nhờ đó giúp nó có thêm tiếng tăm cũng như bán chạy hơn và những quý ông này thường xuyên đến thăm chúng ta. Lắng nghe những cuộc trò chuyện và những khoản tiền mà họ nhận khi bài viết được đăng, ta rất hứng thú muốn thử sức trong công việc này. Tuy nhiên, vì chỉ là một cậu bé và nghi ngờ khả năng anh trai ta sẽ không đăng những bài viết nếu biết tác giả là ta, ta đã che giấu tên tuổi của mình, viết dưới dạng tác giả ẩn danh và đặt một tác phẩm dưới cửa nhà in vào ban đêm. Sáng hôm sau, anh ấy tìm thấy bài thơ và nói chuyện với những người bạn tác giả của mình khi họ đến nhận tiền như thường lệ. Những người này đọc nó và nhận định về nó trong lúc ta lắng nghe. Ta đã vui mừng khôn tả khi tác phẩm được họ chấp thuận và họ cố đoán xem ai là tác giả, những cái tên được nhắc đến toàn là những người có học và tài ba. Giờ đây khi nhìn lại, ta cho rằng mình đã rất may mắn trước những nhà phê bình đó và rằng bọn họ có lẽ cũng không phải là những tác giả thực sự giỏi như họ tưởng.

Tuy nhiên, được khích lệ bởi thành công đó, ta tiếp tục viết và chuyển những tác phẩm của mình theo cách đã làm đến tờ báo và chúng đều được chấp thuận. Ta tiếp tục giữ bí mật cho đến khi niềm hứng khởi nhỏ bé cho những tác phẩm đó dần tàn lụi. Và ta nhận ra, việc bắt đầu thu hút sự chú ý từ những người quen của anh trai ta theo cách làm anh không mấy hài lòng, có lẽ anh nghĩ nó sẽ khiến ta trở nên quá tự đắc. Và có lẽ đây là điểm khởi đầu của những mâu thuẫn giữa chúng ta. Dù là anh trai, anh vẫn xem mình là chủ và ta chỉ là kẻ học việc, và vì lẽ đó, anh đòi hỏi sự phục vụ của ta tương tự những người khác trong khi ta cho rằng anh đã hạ thấp vị trí của ta quá nhiều, vì với cương vị là em trai, ta hy vọng được nuông chiều hơn. Những tranh cãi của chúng ta thường được đem đến cho cha phân xử và ta nghĩ rằng chung quy là do ta đúng hoặc do ta giỏi cãi lý hơn nên phán quyết cuối cùng luôn nằm về phía ta. Nhưng vì anh trai ta là một người dễ cáu giận, trước đó thường xuyên đánh ta, điều mà ta nghĩ là rất không đúng. Nghĩ rằng thời gian học việc của mình thật buồn tẻ, ta tiếp tục ước ao một cơ hội nào đó rút ngắn quãng thời gian này lại, và điều này sau đó đã đến với ta theo cách đầy bất ngờ.

(Ta cho rằng sự đối đãi cộc cằn và độc tài của anh ấy với ta có lẽ là nguyên nhân khiến ta ấn tượng với sự chuyên quyền trong suốt cuộc đời mình.)

Một bài viết trên tờ báo của chúng ta về quan điểm chính trị nào đó, mà giờ ta đã quên mất rồi, đã xúc phạm đến Quốc Hội. Anh trai ta bị bắt giữ, khiển trách và tống giam một tháng theo lệnh của Chủ tịch Quốc Hội, có lẽ vì anh không thể khai tên tác giả. Ta cũng bị bắt và tra hỏi trước Quốc Hội. Ta không đáp ứng được những yêu cầu của họ, họ cũng tự hài lòng với bản thân thông qua việc khiển trách ta và sau đó tha cho ta về vì ta chỉ là một kẻ học việc, người có

nhiệm vụ phải giữ bí mật cho chủ của mình.

Trong lúc anh ta phải ngồi tù, hình phạt mà ta đã cảm thấy rất tức giận, bất chấp những mâu thuẫn cá nhân giữa hai anh em, ta đã quản lý tờ báo và bảo quản những dụng cụ in mà anh trai ta rất quý trọng, trong khi những người khác bắt đầu nhìn nhận ta theo hướng bất lợi, là một cậu trai trẻ tài năng có khuynh hướng phỉ báng và cuồng dâm. Anh trai ta được thả kèm với một mệnh lệnh của Hạ viện (một mệnh lệnh rất kỳ cục) rằng "James Franklin không được phép phát hành tờ *New England Courant* nữa."

Một cuộc hội ý được tổ chức tại nhà in giữa anh ta và những người bạn về đề tài anh ấy nên làm gì trong trường hợp này. Một vài người đề nghị nên lách luật bằng cách thay đổi tên tờ báo nhưng anh trai ta thấy cách đó sẽ tạo ra rất nhiều bất tiện. Cuối cùng, anh chọn một cách tốt hơn đó là phát hành tờ báo dưới cái tên BENJAMIN FRANKLIN. Và để tránh sự kiểm duyệt của Quốc Hội, rằng tờ báo vẫn được in dưới cái tên của kẻ học việc làm trong nhà in, giải pháp là bản khế ước cũ được trả lại cho ta với phần ký kết bị vô hiệu lực hoàn toàn ở mặt sau để đưa ra cho chính quyền xem trong trường hợp cần thiết. Nhưng để đảm bảo quyền lợi có được sự phục vụ của ta, ta phải ký vào những bản khế ước bí mật mới cho phần còn lại của thời gian học việc. Một kế hoạch rất nông cạn, tuy nhiên ngay lập tức nó được thực thi và tờ báo vẫn tiếp tục được in ra dưới tên ta trong vài tháng kế tiếp.

Sau đó, một bất đồng mới nảy sinh giữa anh trai và ta, ta đã đòi tự do với suy nghĩ rằng anh ấy sẽ không mạo hiểm ký những bản khế ước mới. Ta đã không công bằng khi lợi dụng điều này và đây là một trong những sai lầm đầu đời của mình. Nhưng lúc đó, bất công không phải là cái ta bận tâm khi luôn sống dưới sự uất ức vì những trận đòn từ tính khí nóng nảy của anh, dù rằng anh không phải là một người xấu: có lẽ lúc đó, thái độ của ta quá hỗn láo và khiêu khích.

Khi biết ta có ý định bỏ đi, anh ấy ngăn không cho ta cơ hội tìm được việc ở bất kỳ nhà in nào khác trong thị trấn bằng cách nói chuyện với những người chủ nhà in và do đó ta bị tất cả bọn họ từ chối nhận vào làm. Sau đó, ta nghĩ tới việc chuyển đến New York, nơi gần nhất có một nhà in và ta càng muốn rời khỏi Boston hơn khi biết rằng mình đã tạo ra một hình ảnh khá khó chịu trong mắt chính quyền địa phương. Từ vụ án của anh trai mình, có lẽ nếu ở lại ta sẽ sớm dính vào rắc rối và xa hơn nữa là những cuộc tranh luận mạnh mẽ về tôn giáo trước đó đã khiến những người tốt sợ hãi ta và coi ta như một kẻ vô thần hay vô đạo. Ta đã quyết định ra đi, nhưng giờ đây cha đang đứng về phía anh trai, do đó ta biết rằng nếu ta nói ra thì sẽ bị ngăn cản. Vì thế, anh bạn Collins của ta giúp đỡ ta một chút trong lần ra đi này. Cậu ấy thoả thuận với thuyền trưởng một chiếc thuyền buồm nhỏ ở New York cho chuyến đi của ta với câu

chuyện rằng, ta, một người quen của cậu có con với một cô gái hư hỏng, do vậy ta không thể xuất hiện công khai mà phải lén lút bỏ đi vì bạn bè cô ta bắt ta phải cưới cô ấy. Ta bán một vài cuốn sách để có tiền, được đón lên tàu một cách bí mật, và thuận buồm xuôi gió làm sao, trong 3 ngày ta đã đặt chân tới New York, cách quê hương mình 300 dặm đường, một chàng trai chỉ mới 17 tuổi, không một sự tiến cử hay quen biết ai nơi này, chỉ với một ít tiền trong túi.

Lòng yêu thích biển cả của ta lúc này đã lụi tàn hoặc có thể là do ta đã thoả mãn nó. Tuy nhiên, với tay nghề và sự tự tin rằng mình là một người thợ giỏi, ta hỏi xin việc ở một nhà in trong vùng của ông già William Bradford, người từng là thợ in đầu tiên ở Pennsylvania, nhưng rời khỏi nơi đó sau khi cãi nhau với George Keith. Ông ấy không nhận ta vì công việc quá ít và đã có đủ người, nhưng ông nói: “Trợ thủ đắc lực của con trai ta ở Philadelphia, Aquila Rose, vừa qua đời. Nếu cháu đến đó, ta nghĩ nó sẽ nhận cháu.” Philadelphia lại còn xa hơn cả trăm dặm, tuy nhiên ta vẫn khởi hành đến Amboy trên một chiếc thuyền cùng rương và đồ đạc.

Trong lúc vượt qua vịnh, một cơn bão mạnh ập đến và xé tan những cánh buồm cũ nát thành từng mảnh khiến chúng ta không thể đến được Kill và phải di chuyển tới Long Island. Trên đường đi, một gã hành khách người Hà Lan say xỉn rơi ra khỏi tàu. Ta nắm được đầu của hắn trong khi hắn đang chìm, kéo lên thuyền và cứu hắn. Rơi xuống nước làm hắn tỉnh rượu đôi chút, hắn móc trong túi ra một cuốn sách yêu cầu ta phơi khô dùm hắn và sau đó hắn ngủ. Cuốn sách đó là một trong những cuốn mà ta yêu thích, *Pilgrim’s Progress* (Sự Thăng Tiến của Người Hành Hương) của Bunyan viết bằng tiếng Hà Lan, được in cẩn thận trên giấy tốt, khắc đồng, cũng những câu chữ đó song được thiết kế đẹp hơn tất cả những cuốn mà ta từng gặp. Từ đó ta biết rằng, cuốn sách đó được dịch ra hầu hết các ngôn ngữ ở Châu Âu và ta cho rằng nó có lẽ được đọc rộng rãi hơn bất kỳ cuốn sách nào khác ngoại trừ Kinh Thánh. Honest John là người đầu tiên, theo ta biết, trộn văn kể chuyện với hội thoại, một phong cách viết rất lôi cuốn người đọc. Khi đọc cuốn sách này, đôi khi trong những phần thú vị nhất người ta cảm thấy như mình đang có mặt và tham gia vào câu chuyện. De Foe trong cuốn *Cruso*, *Moll Flanders*, *Religious Courtship* (Sự Ve Vãn Tôn Giáo), *Family Instructor* (Người Thầy Gia Đình) cùng nhiều tác phẩm khác đã bắt chước phương pháp này một cách thành công và Richarson cũng làm tương tự với tác phẩm *Pamela*, v.v…

Khi đến gần hòn đảo, chúng ta nhận ra không thể cập bến ở đây- nơi có những ngọn sóng lớn trên bãi biển đầy đá. Vì vậy, chúng ta thả neo và đi lang thang trên bờ biển. Một vài người đi xuống sát mặt nước gọi vọng lên, chúng ta cũng gọi họ, nhưng vì gió quá to và những ngọn sóng quá ồn nên chúng ta không thể nghe hay hiểu họ đang nói gì. Có những chiếc xuồng trên bờ biển, chúng ta ra dấu gọi họ đến đón chúng ta nhưng có lẽ họ không nhìn thấy hoặc là nghĩ

chuyện đó không khả thi nên bỏ đi, và màn đêm buông xuống. Chúng ta không còn lựa chọn nào ngoài việc chờ cho gió dịu bớt. Và trong lúc chờ đợi, ta và người lái tàu quyết định đi ngủ nếu có thể. Lỗ thông chỗ mái tàu vẫn rất đông người với gã Hà Lan ướt sũng và bụi nước từ các con sóng văng tung toé trên đầu tàu khiến chúng ta cũng gần ướt như hắn. Chúng ta phải nằm trong tình trạng như vậy cả đêm và chỉ ngủ rất ít. Nhưng ngày hôm sau, gió đã dịu bớt và chúng ta cập bến Amboy trước khi màn đêm xuống sau 30 giờ trên biển không lương thực hay thức uống, chỉ có một chai rượu Rhum bẩn thỉu và nước biển mặn chát.

Vào buổi chiều, dường như có triệu chứng sốt nên ta định đi ngủ, nhưng vì đọc ở đâu đó rằng uống nước lạnh nhiều có thể chữa được sốt, ta làm theo chỉ dẫn đó, đổ mồ hôi suốt đêm, cơn sốt qua đi, và vào buổi sáng, sau khi qua phà, ta tiếp tục đi bộ khi còn cách Burlington 50 dặm, nơi mọi người nói rằng có những chiếc thuyền sẽ chở ta đến được Philadelphia.

Trời đổ mưa to cả ngày, ta ướt sũng toàn thân. Tới trưa, khi đã thấm mệt, ta dừng chân ở một quán trọ tồi tàn và nghỉ lại đó cả đêm, bắt đầu ao ước rằng mình đã không bỏ nhà ra đi. Từ những câu hỏi của người khác dành cho mình, ta cũng đau khổ nhận ra rằng ta đang mang hình của một kẻ hầu bỏ trốn và có nguy cơ bị bắt giữ. Tuy nhiên, ngày hôm sau ta vẫn tiếp tục đi và đến một nhà trọ của bác sĩ Brown vào lúc xế chiều, cách Burlington 8 hay 10 dặm gì đó. Ông Brown bắt đầu nói chuyện với ta khi ta đang nghỉ ngơi và tỏ ra rất thân thiện khi biết ta cũng từng đọc một ít sách. Hai chúng ta tiếp tục mối giao hảo này cho đến khi ông mất. Ta nghĩ ông là một bác sĩ từng ngao du đó đây vì không một thành phố nào ở Anh hay đất nước nào ở Châu Âu ông không thể miêu tả tỉ mỉ. Ông rất thông minh nhưng không tin vào tín ngưỡng, ông có sáng tác một vài tác phẩm và vài năm sau sáng tác những tác phẩm bôi bác, nhại theo những ngôn từ trong Kinh Thánh dưới dạng những bài vè như Cotton từng làm trong tác phẩm *Virgil.* Bằng cách này, ông bóp méo nhiều dữ kiện theo cách rất buồn cười và có thể sẽ làm tổn thương những người yếu bóng vía nếu được xuất bản, nhưng điều đó đã không xảy ra.

Ta nghỉ lại nhà ông ấy đêm đó và hôm sau đến Burlington. Nhưng ta đau đớn nhận ra rằng những chuyến tàu thường xuyên đã rời bến trước khi ta đến và sẽ không có chuyến mới cho đến Thứ Ba, hôm đó là Thứ Bảy. Do vậy, ta đến tìm một người đàn bà lớn tuổi trong thành phố, người mà ta đã mua một cái bánh gừng để ăn khi trên tàu và xin bà lời khuyên. Bà mời ta ở lại nhà mình cho đến khi có chuyến tàu tiếp theo. Vì đã quá mệt với việc đi bộ, ta nhận lời mời đó. Biết rằng ta là một thợ in, bà đã muốn ta ở lại thành phố này tiếp tục công việc kinh doanh dù không biết gì về những điều kiện thiết yếu để bắt đầu. Bà rất hiếu khách khi nhiệt tình mời ta ăn tối với món má trâu và chỉ nhận một ly rượu để cảm ơn, ta đã tưởng rằng mình sẽ ở lại đó cho đến Thứ Ba. Tuy nhiên, khi đang đi dạo dọc bờ sông, ta bắt gặp một chiếc thuyền chở

nhiều người chạy ngang qua và được biết rằng nó sẽ đi đến Philadelphia. Ta lên thuyền và vì trời không có gió, chúng ta phải chèo suốt chặng đường. Vào khoảng giữa đêm, vì vẫn chưa tới được thành phố, một vài người khẳng định rằng chúng ta đã đi quá mất rồi, trong khi những người còn lại không biết mình đang ở đâu. Vì thế, chúng ta hướng vào bờ, rẽ vào một nhánh sông và đậu gần dãy hàng rào cũ. Chúng ta dùng gỗ từ hàng rào để nhóm lửa vì trời tháng Mười rất lạnh và ở lại đó cả đêm cho đến khi trời sáng. Sau đó, một người trong đoàn chợt nhận ra đây là nhánh sông Cooper nằm phía trên Philadelphia một chút. Chúng ta thấy Philadelphia ngay sau khi ra khỏi nhánh sông và cập vào bến tàu trên đường Market khoảng 8 hay 9 giờ sáng ngày Chủ Nhật.

Đặc biệt ta đã miêu tả rất kỹ về chuyến đi này và sẽ tiếp tục nói cụ thể về lần đầu tiên đặt chân vào thành phố để con có thể so sánh sự khác biệt giữa lần đến này với những lần sau. Lúc đó, ta mặc một bộ đồ thợ, bộ đẹp nhất đã cùng ta đi vòng quanh biển cả. Ta khá bẩn sau chuyến đi, túi ta nhét đầy áo sơ mi và bít tất, ta không quen ai cũng như không biết sẽ tìm nơi đâu để dung thân. Ta đã rất mệt mỏi sau chuyến đi, phải chèo thuyền, đói, muốn nghỉ ngơi và tất cả số tiền mà ta có là 1 đồng đô-la Hà Lan và 1 shilling. Ta trả những người cho ta đi nhờ thuyền đồng shilling, dù họ từ chối với lý do ta đã tham gia việc chèo thuyền, ta vẫn khăng khăng bắt họ phải nhận. Một người đôi khi rộng rãi hơn khi có ít tiền có lẽ vì sợ rằng người khác nghĩ mình không có tiền.

Sau đó, ta đi dọc con phố nhìn xung quanh cho đến khi gặp một thằng bé gần ngôi nhà cuối chợ. Bánh mì đã nhiều lần thành bữa ăn chính của ta và ta hỏi thằng bé chỗ có thể mua bánh. Ta lập tức đi đến hiệu bánh ở đường Second theo lời chỉ dẫn của thằng bé và hỏi mua một cái bánh bích quy như cái ta hay mua ở Boston. Tuy nhiên, có vẻ như Philadelphia không có loại bánh này. Ta hỏi mua một miếng bánh mì giá 3 penny và lại nhận được câu trả lời rằng họ không bán loại bánh đó. Vì thế, dù không biết liệu tiền ở đây có khác gì so với Boston, giá bánh rẻ hơn hay tên gọi khác nhau, ta bảo ông chủ bán cho ta bất kỳ cái bánh nào với giá 3 penny. Theo yêu cầu, ông chủ đưa ta 3 ổ bánh phồng. Ta thực sự ngạc nhiên vì nó nhiều quá nhưng cũng nhận nó. Vì trong túi không còn chỗ, ta vừa đi vừa cặp mỗi tay một ổ bánh trong khi miệng ăn ổ bánh còn lại. Sau đó, ta ngao du từ đường Market đến tận đường Fourth và đi ngang qua cửa nhà ông Read, cha vợ tương lai của ta. Nàng đứng trước cửa nhà nhìn ta như thể nghĩ rằng hình hài của ta thật vụng về, buồn cười và thực sự đúng là vậy. Sau đó, ta đi ngược lại phố Chestnut và một phần của đường Walnut, tiếp tục ăn bánh, vòng ngược lại và thấy mình đang ở bến cảng trên đường Market gần chiếc thuyền ban nãy. Ta quyết định đi đến cảng để hóng gió sông. Vì đã no nê với ổ bánh đầu tiên, ta cho người phụ nữ với đứa con đi chung thuyền đang

đứng chờ đi tiếp hai ổ bánh còn lại.

Khi tỉnh táo khỏi cơn đói, ta lại đi lên phố, lúc đó có rất nhiều người ăn mặc đẹp đẽ cùng đi theo một hướng. Ta gia nhập nhóm người này và bị dẫn dắt tới một nhà họp lớn của các tín đồ phái giáo hữu gần chợ. Ta ngồi chung với họ. Sau khi nhìn xung quanh một lúc và không nghe ai nói gì, vì quá mệt do phải làm việc và không được nghỉ ngơi đêm trước đó, ta ngủ gật cho đến lúc một người tử tế đã đánh thức ta dậy khi buổi họp kết thúc. Đây là ngôi nhà đầu tiên ta ở hay ngủ tại Philadelphia.

Lại đi về hướng con sông và quan sát khuôn mặt những người dân ở đó, ta gặp một cậu trai trẻ giáo phái hữu có vẻ mặt mà ta cảm thấy thích. Ta lại bắt chuyện và hỏi cậu ấy nơi một người lạ có thể tìm chỗ trú thân ở khu vực này. Lúc đó, chúng ta đang đứng gần một địa điểm có bảng hiệu Three Mariners. "Đây này," cậu ấy nói, "là chỗ giải trí cho những người lạ nhưng không nổi tiếng lắm, nếu đi với tôi, tôi sẽ chỉ cho anh một chỗ tốt hơn." Cậu ấy dẫn ta đến nhà nghỉ Crooked Billet ở đường Water. Ta dùng bữa tối ở đây và khi đang ăn, ta nhận được rất nhiều câu hỏi châm biếm về ngoại hình và độ tuổi của ta, những điều khiến mọi người nghĩ rằng ta là một kẻ đang trốn chạy.

Sau khi ăn tối, cơn buồn ngủ ập đến, ta được dẫn tới một căn phòng và ta nằm xuống ngủ mà không thay đồ cho đến tận 6 giờ tối, được gọi dậy ăn tối và lại lên giường ngủ rất sâu cho đến tận sáng hôm sau. Sau đó, ta tắm rửa sạch sẽ và tìm đến nhà in của Andrew Bradford. Ta gặp lại ông William Bradford, người lúc trước đã gặp ở New York. Ông đến Philadelphia trước ta vì đi bằng ngựa. Ông giới thiệu ta với con trai ông và anh này đón tiếp ta rất lịch sự, mời ta dùng bữa sáng và mặc dù thông báo với ta rằng hiện tại không cần người phụ nữa vì mới tìm được người, anh vẫn giới thiệu cho ta một thợ in khác tên Keimer trong thành phố vừa mới khai trương nhà in và có thể sẽ nhận ta. Nếu không được nhận, ta vẫn được chào đón ở lại đó và anh sẽ giao cho ta một ít việc cho đến khi có nhu cầu lớn hơn.

Ông William Bradford nói với ta rằng ông sẽ đi cùng ta đến chỗ nhà in mới. Khi gặp người chủ nhà in, ông Bradford nói: "Chào ông hàng xóm, tôi dẫn đến cho ông một cậu trai trẻ để giúp việc cho ông, có thể ông cần một người." Ông chủ nhà in hỏi ta vài câu hỏi, đưa cho ta một que in để xem ta xử lý ra sao và nói rằng sẽ sớm nhận ta vào làm dù rằng lúc đó ông ấy cũng chưa có việc gì cho ta làm và xem ông già Bradford, người ông chưa bao giờ gặp trước đây, như một người có thiện chí tốt bụng trong thành phố. Hai người nói chuyện về những dự án và công việc hiện tại của Keimer. Quên rằng mình là cha của một chủ nhà in khác, khi nghe Keimer nói rằng ông này dự định sẽ nhanh chóng giành hết công việc kinh doanh in ấn trong

vùng, ông Bradford tỏ ra nghi ngờ và đưa ra những câu hỏi rất khôn ngoan để Keimer giải thích những dự định, năng lực và cách thức thực hiện của ông này. Ta đứng đó nghe tất cả mọi chuyện và nhận ra rằng một người thì đầy kinh nghiệm và cáo già, còn người kia chỉ có tầm vóc của một kẻ học việc. Bradford để ta lại chỗ Keimer và Keimer đã rất ngạc nhiên khi ta hỏi ông già kia là ai.

Nhà in của Keimer có một cái máy in cũ đã gần vỡ vụn và một bộ mẫu chữ tiếng Anh đã cũ sờn, cái mà sau đó ta dùng để in tác phẩm *Khúc Bi Thương* của Aquila Rose, người trước đó ta đã từng nhắc đến. Ông là một người trẻ tuổi có tài năng và tính cách tuyệt vời, được nhiều người trong vùng kính trọng, là thành viên của Quốc Hội và là một nhà thơ xuất sắc. Keimer cũng cho in những tập thơ nhưng rất hời hợt. Không thể bảo ông viết chúng xuống giấy vì phong cách của ông là sắp các bảng chữ in theo những gì ông nhớ. Vì vậy không có bản lưu nào ngoại trừ một cặp hộp chữ in và tác phẩm *Khúc Bi Thương* cần hầu như tất cả chữ cái. Không ai có thể giúp Keimer. Ta cố gắng sửa lại cái máy in để nó có thể hoạt động (cái máy đó chưa được sử dụng lần nào và Keimer cũng không hiểu gì về nó). Hứa rằng ta sẽ trở lại và in tác phẩm *Khúc Bi Thương* ngay khi ông ấy có được nó, ta quay trở về chỗ của Bradford và ông giao cho ta một số công việc nhỏ để làm, chỗ trú ngụ và thực phẩm. Vài ngày sau, Keimer nhắn ta đến in tác phẩm *Khúc Bi Thương*. Ông bảo ta bắt đầu làm việc vì khi ấy ông đã có một cặp hộp chữ in mới và cuốn sách mẫu để in.

Cả hai chủ nhà in mà ta gặp đều không đủ khả năng làm công việc in ấn. Bradford chưa bao giờ được học nghề in và học hành rất ít, còn Keimer dù là một trí thức nhưng cũng chỉ biết xếp mẫu chữ in và không biết gì về sử dụng máy in cả. Trước đó, Keimer là một trong những người khai sáng các học thuyết của Pháp và những lời nói của ông có thể khuấy động rất nhiều người. Vào thời điểm này, ông không theo bất kỳ tôn giáo nào mà theo một loại tôn giáo tổng hợp. Keimer rất thiếu kiến thức về thế giới và sau đó ta còn biết ông viết rất nhiều điều sai trong các tác phẩm của mình. Keimer không thích ta ở chỗ Bradford khi làm việc cho ông. Ông có thuê một ngôi nhà nhưng không có đồ đạc gì bên trong, do vậy không thể cho ta ở nhưng ông gửi ta đến ở nhờ nhà của ông Read, người chủ cho Keimer thuê nhà mà ta đã nhắc đến trước đây. Lần này thì chiếc rương và đồ đạc của ta cũng được dọn tới và ta xuất hiện trước mắt nàng Read trong bộ dạng khá hơn nhiều so với hình ảnh vừa đi vừa ăn bánh lúc trước.

Ta bắt đầu làm quen với những người trẻ tuổi thích đọc sách trong thành phố và chúng ta thường họp mặt vào những buổi chiều rảnh rỗi. Kiếm được tiền và tiết kiệm, ta sống rất thoải mái, cố gắng quên đi Boston thật nhiều mà mình có thể và muốn rằng không có ai ở Boston biết ta đang sống tại đây, ngoại trừ người bạn Collins bí mật mà ta thường viết thư và Collins

luôn giữ kín điều này. Lâu sau đó, một sự kiện xảy ra đã khiến ta phải quay trở về Boston sớm hơn dự kiến. Ta có một người anh rể tên Robert Holmes, chủ một con tàu buôn qua lại giữa Boston và Delaware. Khi đang ở Newcastle, 40 dặm dưới Philadelphia, Holmes nghe nói về ta và anh viết cho ta một lá thư rất nghiêm túc để khuyên ta, kể về sự lo lắng của những người bạn trước sự ra đi đột ngột của ta, quả quyết rằng họ đều nghĩ tốt về ta và nói rằng nếu quay trở về mọi thứ sẽ được chiều theo ý ta. Ta viết một lá thư cảm ơn anh vì lời khuyên nhưng nói rõ lý do ta rời bỏ Boston theo cách để thuyết phục Holmes rằng ta không quá sai lầm như anh đã nghĩ.

Ngài William Keith, Thống đốc Bang Philadelphia, lúc đó đang ở Newcastle. Holmes nhận được lá thư của ta đúng lúc đang ở cùng ông này, nói chuyện với Keith về ta và đưa ra lá thư. Thống đốc Keith đọc lá thư và có vẻ như ngạc nhiên khi biết số tuổi của ta. Ngài nói ta có vẻ là một chàng trai trẻ có tài năng hứa hẹn do đó nên được khuyến khích phát triển, những chủ nhà in tại Philadelphia đều là những người kém cỏi và nếu ta muốn xây dựng sự nghiệp của mình ở đó, ngài tin chắc ta sẽ thành công. Về phần mình, ngài sẽ mua dịch vụ của ta và làm tất cả mọi hỗ trợ khác trong khả năng. Sau này, Holmes mới nói với ta về điều đó chứ lúc đó ta không biết gì về nó cả. Một ngày nọ, khi đang làm việc với Keimer, chúng ta thấy Thống đốc và một quý ông khác (người này là đại tá French của Newcastle) ăn mặc chỉnh tề, băng qua con đường đến ngôi nhà nơi chúng ta làm việc và gõ cửa.

Keimer lập tức chạy xuống nghĩ rằng đây là khách của mình nhưng Thống đốc lại yêu cầu gặp ta. Ông lên lầu, và với sự hạ mình lịch sự mà ta thấy không quen cho lắm, ông tấm tắc khen ta, muốn làm bạn với ta, trách ta vì sao không nói cho ông biết ta là ai ngay khi đến đây và mời ta đi cùng ông đến quán rượu nơi ông sẽ cùng đại tá French nhâm nhi loại rượu Madeira hảo hạng. Ta tỏ ra rất ngạc nhiên và Keimer bắt đầu cư xử như bị chọc tiết. Tuy nhiên, ta cũng đi cùng Thống đốc và đại tá French đến một quán rượu ở góc đường Third và khi đang nhâm nhi rượu Madeira, ngài đề nghị ta mở nhà in riêng của mình, bày trước mặt ta cơ hội thành công. Cả Thống đốc và đại tá French bảo đảm rằng ta sẽ nhận được sự ủng hộ và những ảnh hưởng của họ để giành được những hợp đồng in ấn từ chính phủ của cả hai vùng. Khi ta tỏ ý nghi ngờ khả năng cha ta sẽ ủng hộ chuyện này, ngài William nói rằng ông sẽ gửi cho cha ta một lá thư giải thích những cái lợi và ngài tin rằng sẽ thuyết phục được cha ta. Trong khi đó, dự định này vẫn được giữ kín và ta vẫn làm ở nhà in của Keimer như bình thường. Thống đốc vẫn thường gọi ta tới ăn tối và trò chuyện với ngài theo cách thân thiện, hoà nhã, thân quen nhất có thể tưởng tượng ra và ta đã nghĩ đó là một vinh dự lớn.

Vào khoảng cuối tháng 4 năm 1724, một chiếc thuyền nhỏ khởi hành đến Boston. Ta xin

nghỉ ở nhà in của Keimer với lý do về thăm bạn bè. Ngài Thống đốc đưa cho ta một lá thư nói rất nhiều điều tốt về ta với cha cũng như nhiệt liệt khuyến khích việc ta mở nhà in riêng ở Philadelphia và xem đó như cơ hội để ta có thể trở nên giàu có. Chiếc thuyền chở ta rơi vào vùng nước nông và thủng một lỗ. Chúng ta phải chống chọi ở biển một quãng thời gian, phải liên tục bơm nước ra khỏi thuyền và ta cũng tham gia công việc này. Tuy nhiên, cuối cùng chiếc thuyền cũng đến được Boston an toàn trong khoảng 2 tuần. Ta đã rời khỏi Boston 7 tháng, bạn bè ta không ai nghe tin tức gì về ta và anh Holmes chưa trở về cũng như chưa viết thư về chuyện của ta. Sự xuất hiện không báo trước của ta khiến cả gia đình rất bất ngờ, tuy nhiên mọi người đều mừng rỡ và chào đón ta trở về, trừ anh James. Ta đến thăm anh ở nhà in. Ta ăn mặc đẹp hơn thời còn làm cho anh với một bộ com lê mới nhã nhặn từ đầu tới chân, đeo một chiếc đồng hồ, và trong túi có gần 5 Bảng Anh bằng bạc. Anh ấy chào đón ta không mấy vui vẻ, chỉ nhìn qua loa sau đó lại quay sang làm việc của mình.

Những người thợ trong nhà in rất muốn biết ta đã đi đâu, tới đất nước nào và nó ra sao. Ta khen Philadelphia rất nhiều, nói về cuộc sống hạnh phúc và cho biết ta sẽ chắc chắn quay trở về đó. Một người hỏi ở đó dùng loại tiền gì, ta móc ra một nắm tiền bạc và rải ra trước mặt họ. Có vẻ như đây là một sô diễn rất thú vị chưa từng thấy ở Boston vì ở đây mọi người chỉ dùng tiền giấy. Sau đó, ta cho họ xem cái đồng hồ của mình và sau cùng (trong lúc anh trai ta vẫn càu nhàu và xịu mặt xuống), ta cho họ một ít tiền để đi uống rượu và rời khỏi nhà in. Chuyến viếng thăm này của ta đã xúc phạm mạnh mẽ tới anh James, và sau đó đã có lúc mẹ ta nói về chuyện giảng hoà giữa hai người và mong muốn hai đứa con hoà hợp sống chung như anh em, nhưng James nói rằng ta đã sỉ nhục anh trước mặt toàn thể mọi người trong nhà in theo cái cách mà anh ấy không bao giờ quên được. Nhưng trong chuyện này anh ấy đã hiểu lầm.

Khi nhận được thư của ngài Thống đốc, cha ta rất ngạc nhiên nhưng sau đó rất ít đề cập về việc này với ta trong vài ngày. Cho đến khi anh Holmes trở về, ông đưa anh ấy lá thư, hỏi rằng anh có biết Keith không và ông này là loại người nào cho rằng Keith chắc hẳn đã không thật thấu đáo khi suy nghĩ rằng một cậu bé có thể xây dựng một nhà in, công việc cần ít nhất là 3 năm kinh nghiệm. Holmes nói anh ủng hộ dự án này nhưng cha ta khăng khăng cho rằng thời điểm này là không thích hợp và cuối cùng dứt khoát từ chối. Sau đó, ông viết một lá thư lịch sự cho ngài William, cảm ơn ngài vì đã chăm sóc tử tế cho ta nhưng từ chối việc ủng hộ ta xây dựng nhà in vì theo suy nghĩ của ông ta quá trẻ để có thể quản lý một công việc kinh doanh quan trọng đến vậy và sự chuẩn bị là rất tốn kém.

Người bạn thân của ta, Collins, lúc đó đang là nhân viên bưu điện rất thích những gì ta kể cậu nghe về đất nước mới đó và quyết định cũng đi đến Philadelphia. Và trong khi chờ đợi quyết

định của cha ta, Collins khởi hành trước bằng đường bộ đến Rhode Island, nhờ ta mang theo dùm đến New York bộ sưu tập phần lớn là sách Toán học và khoa học tự nhiên mà cậu đã bỏ lại và sẽ chờ ta ở đó.

Cha ta dù không chấp thuận đề nghị của ngài William nhưng vẫn rất hài lòng vì ta có được sự ủng hộ từ một người có quyền lực như thế ở Philadelphia, và vì ta đã rất cần cù, cẩn thận để có thể giúp bản thân mình thăng tiến nhanh trong một thời gian ngắn đến vậy. Do đó, ông không quan tâm đến chuyện giảng hoà giữa ta và anh trai nữa và đồng ý để ta quay trở lại Philadelphia kèm theo lời khuyên ta cần phải cư xử lễ phép với người dân ở đó, cố gắng có được sự quý trọng và tránh những đả kích, vu cáo, cái mà cha nghĩ ta có khuynh hướng hay vướng vào. Ông nói bằng cách làm việc chăm chỉ và sống cần kiệm, ta có thể kiếm đủ tiền vào năm 21 tuổi để mở công việc kinh doanh riêng và nếu lúc đó ta cần, ông sẽ giúp ta phần còn lại. Đây là tất cả những gì ta nhận được cộng với những món quà thể hiện tình yêu thương của ông và mẹ ta khi ta khởi hành đi New York một lần nữa, giờ đây là dưới sự ủng hộ và chúc phúc của cha mẹ.

Chiếc tàu dừng ở cảng Newport, Rhode Island, nơi ta lên bờ để thăm anh trai, John, người đã kết hôn và định cư ở đây vài năm trước. Anh chào đón ta rất nồng nhiệt vì anh lúc nào cũng quý ta. Một người bạn của anh, tên là Vernon, có nợ anh một số tiền ở Pensilvania, khoảng 35 Bảng Anh và anh muốn ta giữ số tiền đó cho đến khi anh nghĩ ra cần lấy chúng để làm gì. Sau đó, anh đưa cho ta một yêu cầu trả tiền. Chuyện này đã làm ta dính vào rất nhiều vấn đề không mấy dễ chịu.

Ở cảng Newport, chuyến tàu đón rất nhiều khách đi đến New York trong số đó có hai người phụ nữ trẻ đi chung với nhau và một người đàn bà tín đồ giáo phái hữu, ăn mặc chỉnh tề dường như đã kết hôn đi cùng những người phục vụ. Ta đã tỏ ra khá sẵn lòng giúp bà trong một số công việc nhỏ và có thể điều đó đã gây ấn tượng tốt trong bà. Vì vậy, khi thấy ta và hai người phụ nữ trẻ ngày càng thân thiết hơn, bà gọi ta ra nói chuyện riêng: "Cậu trai trẻ, ta rất lo cho cậu vì cậu không có bạn bè gì và dường như không có nhiều kinh nghiệm về thế giới hay những điều xấu mà tuổi trẻ thường gặp phải. Theo kinh nghiệm của ta, hai người phụ nữ đó rất xấu. Ta có thể thấy điều đó trong hành vi của họ và nếu cậu không cảnh giác, họ có thể đẩy cậu vào nguy hiểm. Họ là những người lạ, ta khuyên cậu, với sự quan tâm thân thiện dành cho cậu, rằng đừng giao du với họ." Ban đầu ta không nghĩ họ xấu như bà ấy nói, bà liền nêu một số ví dụ mà bà quan sát thấy, nghe được và ta đã bị thuyết phục rằng bà đúng. Ta cảm ơn bà vì lời khuyên và hứa sẽ làm theo nó. Khi tàu cập bến New York, hai người phụ nữ cho ta biết chỗ họ ở và mời ta đến chơi nhưng ta đã từ chối. Có vẻ như đó là một quyết định đúng vì ngày hôm

sau thuyền trưởng phát hiện mất một chiếc muỗng bạc và một vài thứ khác trong cabin của ông. Khi biết rằng có một cặp gái làng chơi trên tàu, ông yêu cầu khám xét phòng của hai người này, họ tìm lại các món đồ bị mất cắp và những tên trộm đã bị trừng phạt. Dù đã từng thoát khỏi một vụ chìm tàu trong hành trình của mình, ta nghĩ rằng lần thoát thân này còn quan trọng hơn nhiều.

Ở New York, ta gặp Collins, người đã đến đó trước ta một lúc. Chúng ta chơi thân với nhau từ nhỏ và đã từng đọc chung nhiều cuốn sách nhưng cậu ấy có lợi thế hơn ta vì có nhiều thời gian để đọc và học hành, không những thế cậu ấy còn là một người có năng khiếu với Toán học, môn học mà cậu ấy giỏi hơn ta rất nhiều. Trong thời gian ở Boston, ta dùng phần lớn thời gian nhàn rỗi của mình để nói chuyện với cậu và cậu có vẻ vẫn là một người bạn cần cù, siêng năng. Collins nhận được nhiều sự kính trọng từ giới tăng lữ và những quý ông khác nhờ học thức của mình và có vẻ sẽ có một tương lai đầy hứa hẹn. Nhưng trong thời gian ta rời khỏi Boston, Collins bắt đầu có thói quen uống rượu mạnh và ta nhận thấy trong lời nói của cậu ấy cũng như lời kể của những người khác rằng cậu ấy say xỉn suốt ngày kể từ khi đến New York và cư xử rất kỳ cục. Cậu ấy cũng đánh bạc và thua rất nhiều tiền, vì vậy ta buộc phải trả lại ngôi nhà cậu thuê từ Philadelphia để thanh toán những khoản chi phí cho cậu ấy, điều cực kỳ bất tiện với ta.

Thống đốc New York, Burnet (con trai của mục sư Burnet), nghe nói từ thuyền trưởng rằng một cậu trai trẻ, một trong những hành khách trên tàu, có rất nhiều sách vì vậy ngài mời ta đến gặp. Ta đến theo yêu cầu của ngài và lẽ ra ta sẽ dẫn Collins theo nhưng lúc đó cậu ấy tỏ ra không ổn định về tinh thần lắm. Ngài Thống đốc đón tiếp ta rất lịch sự, cho ta thăm thư viện khổng lồ của ngài và đã nói chuyện rất nhiều về sách và những tác giả. Đây là vị thống đốc thứ hai để ý đến ta, một cậu bé nghèo, và điều đó khiến ta rất vui.

Chúng ta khởi hành đến Philadelphia. Trên đường đi, ta nhận được tiền từ Vernon và nếu thiếu khoản tiền này chúng ta đã không thể hoàn tất cuộc hành trình. Collins muốn làm việc ở phòng tài vụ nhưng khi mọi người ngửi thấy mùi rượu từ hơi thở hay hành động của cậu ấy, dù rằng cậu cũng có những sự tiến cử, không ai nhận Collins vào làm cả và cậu phải tiếp tục ở chung nhà với ta với chi phí do ta trang trải. Biết rằng ta có nhận được một số tiền từ Vernon, cậu tiếp tục mượn ta và hứa hẹn rằng sẽ trả ngay khi tìm được việc. Một thời gian sau, cậu ấy đã mượn nhiều đến nỗi ta thực sự khổ sở khi phải suy nghĩ đến cảnh mình sẽ làm gì nếu người ta đòi trả tiền lại.

Cậu ấy tiếp tục uống rượu và chúng ta thỉnh thoảng cãi nhau về vấn đề này vì khi có hơi men trong người, Collins thường trở nên rất thiếu đoàn kết. Một lần, trên chiếc thuyền đi đến

Delaware với những người trẻ tuổi khác, cậu ấy từ chối chèo khi đến lượt mình. “Mọi người sẽ chèo đưa tôi về nhà,” cậu nói. Và ta trả lời: “Chúng tôi sẽ không chèo chở cậu về nhà.” “Các cậu phải chèo hoặc không thì sẽ ở cả đêm trên biển, tùy mọi người thôi.” Collins nói. Những người đáp lại: “Để chúng tôi chèo cho, tại sao phải làm nghiêm trọng hóa chuyện này?” Nhưng ta rất bực tức với thái độ của Collins và tiếp tục từ chối để cậu làm vậy. Do đó, cậu ấy thề sẽ bắt ta phải chèo hoặc không thì quăng ta xuống biển và sau đó đi dọc theo mạn thuyền, bước lên chỗ ván ngồi chèo, hướng về phía ta và khi xuất hiện, cậu đánh ta. Ta ấn mạnh tay vào dưới chỗ cậu chống tay, đứng lên và đẩy mạnh lên trán khiến cậu ngã xuống sông. Ta biết cậu bơi giỏi nên không lo lắm, do đó trước khi tay cậu kịp bám lấy mạn thuyền, chúng ta cố đẩy chiếc thuyền ra xa khỏi tầm với của Collins. Khi cậu bơi lại, chúng ta lại chèo chiếc thuyền ra khỏi tầm với của cậu và hỏi rằng cậu có muốn tham gia chèo thuyền không. Collins đã gần như sắp chết với cái sự trái tính trái nết đó nhưng vẫn cứng đầu không đồng ý tham gia chèo thuyền. Tuy nhiên, khi thấy cậu bắt đầu mệt, chúng ta kéo cậu lên thuyền và chở về nhà trong trạng thái ướt sũng vào buổi chiều. Chúng ta không nói gì tử tế với nhau kể từ lần đó cho đến khi một thuyền trưởng Tây Ấn, đang muốn tìm gia sư cho con trai của một quý ông ở Barbadoes, vô tình gặp Collins và đồng ý dẫn cậu đi. Trước khi đi, cậu hứa với ta rằng sẽ dùng số tiền lương đầu tiên nhận được để trả món nợ cho ta, nhưng từ đó ta không còn nghe tin tức gì về Collins nữa.

Động vào số tiền của Vernon là một trong những sai lầm đầu đời lớn nhất của ta và nó cho thấy cha ta đã đúng khi nghĩ rằng ta còn quá trẻ để có thể quản lý một công việc kinh doanh quan trọng. Nhưng ngài William vẫn cho rằng cha ta quá cẩn thận khi đọc lá thư trả lời của ông. Lúc nào cũng có những mâu thuẫn giữa người với người và sự khôn ngoan không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận với số năm kinh nghiệm cũng như không phải lúc nào người trẻ cũng là thiếu khôn ngoan. “Và vì ông ấy không xây dựng nhà in cho cậu, ta sẽ làm việc đó. Đưa cho ta danh sách những thứ cần thiết phải mua từ Anh, ta sẽ đem chúng về đây. Cậu sẽ trả lại cho ta khi có thể. Ta đang có một thợ in giỏi và ta chắc rằng cậu sẽ thành công,” ngài William nói. Lời nói của ngài chân thành đến nỗi ta không chút nghi ngờ. Ta phải giữ kế hoạch mở một nhà in mới như một bí mật ở Philadelphia và vẫn phải giữ kín chuyện này. Nếu mọi người biết, chắc hẳn một người bạn nào đó, người hiểu rõ ngài Thống đốc hơn, sẽ khuyên ta không nên dựa vào ông ấy vì sau đó ta biết rằng một trong những tính cách nổi tiếng của ông ấy là hứa những lời hứa rộng rãi nhưng không bao giờ giữ lời. Nhưng ngài không đòi hỏi gì ở ta cả, làm sao ta có thể nghĩ rằng đề nghị đó là không chân thành? Ta đã tin rằng ngài là một trong những người tuyệt vời nhất thế giới.

Ta đưa lên ngài danh mục những thứ cần mua cho một nhà in nhỏ mà theo tính toán là vào

khoảng 100 Bảng Anh. Ngài thích danh mục đó nhưng hỏi rằng liệu có cần phải sang Anh để chọn những mẫu chữ in và kiểm tra chất lượng hàng hóa hay không. “Nếu đi thì ở Anh, cậu cũng có thể làm quen và thiết lập quan hệ làm ăn với những người bán sách và văn phòng phẩm”, ngài William nói. Ta đồng ý rằng điều này sẽ rất có lợi. Ngài nói: “Vậy thì, cậu hãy chuẩn bị để lên chiếc Annis đi.”Annis là chiếc tàu thường niên và cũng là chiếc tàu duy nhất qua lại giữa London và Philadelphia. Tuy nhiên, cũng còn vài tháng nữa tàu Annis mới khởi hành, vì vậy ta tiếp tục làm việc ở chỗ Keimer, lo lắng về khoản tiền Collins đã mượn và mỗi ngày đều sợ rằng Vernon sẽ tìm đến đòi tiền ta, điều mà thực tế không xảy ra trong vài năm tiếp theo.

Ta tin rằng trong chuyến hành trình đầu tiên từ Boston, khi không thể đi tiếp ở Block Island, chúng ta đã nghĩ tới chuyện bắt cá tuyết và được khá nhiều. Cho đến lúc đó, ta vẫn mang trong đầu tư tưởng không ăn thức ăn từ động vật. Theo học thuyết Tryon, việc đánh bắt cá được xem là một hành động sát sinh không mang tính tự vệ, vì không có con cá nào có thể gây ra mối hại đến nỗi phải giết chúng. Tất cả mọi lý lẽ đó đều tỏ ra rất có lý. Nhưng ta là người thích ăn cá từ lâu và khi ra khỏi lò trên chiếc chảo rán nóng, món cá có mùi thơm không thể cưỡng nỗi. Ta giữ bản thân mình cân bằng giữa sở thích và nguyên tắc được một lúc cho đến khi ta hồi tưởng lại khi mổ bụng cá ta thấy những con cá nhỏ bị moi ra từ dạ dày, lúc đó ta nghĩ: “Nếu lũ cá ăn những con cá khác, tại sao ta không ăn chúng.” Do đó, ta ăn món cá tuyết rất ngon lành và từ đó giữ thói quen ăn chung với những người khác và chỉ thỉnh thoảng mới ăn chay. Trở thành một người biết lý luận thật tiện lợi vì nó giúp một người tìm ra hoặc tạo ra một lý do chính đáng cho mọi thứ mà anh ta cần làm.

Keimer và ta sống chung rất hòa hợp và hiểu nhau khá rõ vì ông không chút nghi ngờ việc ta sẽ ra mở nhà in riêng. Ông vẫn theo đuổi những sở thích cũ và thích tranh luận. Vì thế, chúng ta có rất nhiều cuộc tranh luận. Ta từng áp dụng phương pháp của Socrat với ông, và thường gài bẫy ông với những câu hỏi hiển nhiên cách rất xa so với những lý luận mà chúng ta có, dần dẫn dắt đến vấn đề và bằng cách đó làm ông rơi vào những tình huống rất khó khăn và đầy mâu thuẫn. Việc này đã khiến ông cực kỳ cảnh giác với ta và ít khi trả lời những câu hỏi thông thường nhất mà không hỏi: “Cậu có ý gì khi hỏi vậy?” Tuy nhiên, ta làm ông đánh giá về ta cao đến nỗi ông nghiêm túc mời ta tham gia vào dự án xây dựng một trường phái tín ngưỡng mới. Ông sẽ trình bày học thuyết và ta đóng vai trò phản bác tất cả luận điểm của những kẻ chống đối. Khi ông giải thích cho ta về học thuyết của mình, ta phản đối rất nhiều vấn đề trừ phi ta làm theo cách riêng một chút và giới thiệu một vài suy luận của ta.

Keimer lúc nào cũng để râu vì đâu đó trong Kinh Do Thái viết rằng: “Con sẽ không làm hư bộ

râu của mình.” Ông cũng theo truyền thống Ngày Thứ Bảy Sabbath và hai phong tục này là thiết yếu với Keimer. Ta không thích cả hai nhưng đồng ý sẽ chấp nhận chúng với điều kiện ông chịu theo học thuyết không ăn động vật của ta. Ông nói: “Ta không biết thể trạng của mình có chịu được việc đó không.” Ta bảo đảm với ông rằng nó có thể và rằng ông sẽ còn khoẻ hơn nếu theo chế độ ăn đó. Thông thường, Keimer rất háo ăn và ta từng tự hứa với bản thân rằng thử bỏ đói ông để xem điều đó thú vị thế nào. Ông đồng ý thử chế độ ăn chay nếu có ta hướng dẫn. Ta đồng ý và chúng ta đã thực hiện chế độ ăn đó trong vòng 3 tháng. Thức ăn được chuẩn bị và mang đến nhà bởi một người hàng xóm và chúng ta đưa cho bà này một danh sách 40 món ăn để chuẩn bị cho những lúc khác nhau. Danh sách không bao gồm cá, thịt, hay gà, khẩu phần này rất phù hợp với ta vào lúc đó vì nó rẻ tiền, chỉ tốn không quá 18 penny Anh mỗi tuần. Do theo chế độ ăn chay, từ đó ta giữ thói quen ăn rất nghiêm túc trong nhiều dịp lễ Lent và chuyện ăn chay hằng ngày cũng không cảm thấy bất tiện chút nào. Do vậy, ta thấy không cần nhiều lời khuyên mà chỉ cần những thay đổi từ từ để có thể tạo ra sự thích nghi. Ta theo chế độ ăn chay rất dễ dàng nhưng Keimer tội nghiệp phải đau đớn, mệt mỏi, chấp nhận nó. Cuối cùng, vì quá thèm thuồng nồi thịt Ai Cập nóng hổi, ông ta đã gọi một con heo quay. Ông mời ta và hai người phụ nữ bạn ông đến cùng ăn nhưng vì đến quá sớm và không thể cưỡng lại sự quyến rũ của món heo, Keimer đã ăn hết cả con trước khi chúng ta đến.

Ta tán tỉnh nàng Read đôi chút trong dịp này. Ta rất tôn trọng và có tình cảm với nàng, và tin nàng cũng suy nghĩ tương tự. Nhưng vì ta chuẩn bị đi xa, và hai chúng ta còn quá trẻ, chỉ mới hơn 18 tuổi một chút, mẹ của nàng cho là cần ngăn cản hai chúng ta tiến quá xa, như là đám cưới chẳng hạn. Nếu cưới thì thời điểm thuận tiện hơn sẽ là khi ta trở về và bắt đầu xây dựng công việc làm ăn của riêng mình. Có lẽ bà cho rằng những kỳ vọng của ta không có nhiều cơ sở như ta tưởng.

Những người ta quen thân nhất vào thời điểm này là Charles Osborne, Joseph Watson và James Ralph, tất cả họ đều là những người yêu sách. Hai người đầu tiên đều làm công việc sao chép văn kiện cho một luật sư nổi tiếng trong vùng tên Charles Brogden. Người còn lại làm việc cho một thương gia. Watson là một chàng trai trẻ ngoan đạo, khôn ngoan và có đạo đức. Những người còn lại khá lỏng lẻo trong nguyên tắc tôn giáo của mình, nhất là Ralph, người cũng như Collins, cậu bạn từng bị ta quấy rầy. Cả hai đều khiến ta dính vào những rắc rối. Osborne là người khôn ngoan, bộc trực và thẳng thắn, chân thành và quý mến bạn bè, thích phê bình văn chương. Ralph là người mưu trí, có thái độ nhã nhặn và có khả năng hùng biện cực tốt. Ta nghĩ chưa bao giờ ta gặp một ai nói giỏi như cậu. Cả hai đều là những người yêu thơ và bắt đầu tự viết những tác phẩm ngắn của riêng mình. Cả bốn chúng ta từng đi bộ thoải mái

với nhau vào các ngày Chủ Nhật tới khu rừng gần Schuylkill, nơi chúng ta đọc cho nhau nghe những cuốn sách và bàn luận về chúng.

Ralph thích theo đuổi việc học thơ và tin rằng mình sẽ trở nên xuất sắc trong lĩnh vực này cũng như kiếm được nhiều tiền từ nó vì những nhà thơ giỏi nhất khi khởi đầu viết cũng mắc nhiều lỗi như cậu mà thôi. Osborne can gián Ralph, khẳng định rằng cậu không phải nhân tài trong lĩnh vực này và khuyên cậu không nên nghĩ gì khác ngoài cái nghề mình đã được học. Đó là ngành thương mại, ngành nghề mà dù cậu không có hàng hóa gì, chỉ cần cần cù và đúng giờ, vẫn có thể kiếm ra tiền và sau một thời gian cậu có thể tự mua bán hàng hóa cho mình. Ta đồng ý rằng một người đôi lúc có thể dùng thơ để tiêu khiển hoặc xa lắm là để nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình chứ không thể hơn thế được.

Trong những dịp gặp nhau như thế này, chúng ta thỏa thuận rằng mỗi người đến sau sẽ trình bày một tác phẩm do mình tự viết để nâng cao khả năng phê bình, chỉ trích và hiệu chỉnh. Vì chúng ta chỉ quan tâm đến ngôn ngữ và cách thể hiện, chúng ta bỏ qua việc sáng tác bằng cách sử dụng lại phiên bản đoạn Thánh Ca số 18, tác phẩm mô tả nguồn gốc của một vị thánh. Khi thời gian họp mặt đã tới gần, Ralph đến gặp ta trước và cho biết cậu đã viết xong tác phẩm của mình. Ta nói với cậu vì quá bận và không hứng thú mấy nên ta chưa làm gì cả. Cậu cho ta xem tác phẩm của mình và ta tỏ ra vô cùng tán thưởng vì nó rất hay. “Giờ thì,” Ralph nói, “Osborne sẽ không bao giờ chấp nhận chút giá trị nào trong tác phẩm của tôi mà sẽ nghĩ ra 1.000 lời phê bình chỉ vì ghen tị. Cậu không ghen tị với tôi, vì thế tôi hy vọng cậu mang tác phẩm này và nói rằng đây là tác phẩm của cậu. Tôi sẽ giả vờ như mình không có thời gian để viết gì cả. Để xem lúc đó cậu ấy nói gì.” Ta đồng ý và viết lại tác phẩm đó như thể là do chính tay ta viết ra.

Chúng ta họp lại. Tác phẩm của Watson được đọc và mặc dù có vài điểm xuất sắc nhưng nó vẫn còn rất nhiều lỗi. Sau đó, đến tác phẩm của Osbourne được đọc. Ralph nhận xét, nhắc đến vài lỗi nhưng khen những cái đẹp của tác phẩm này. Ralph không có tác phẩm nào để đọc. Ta hơi khựng lại, có vẻ như muốn xin lỗi vì mình chưa làm, không có thời gian hiệu chỉnh,v.v… nhưng không thể đưa ra lý do nào vì ta phải đọc tác phẩm của mình. Tác phẩm được đọc và đọc lại một lần nữa. Watson và Osborne quên việc tranh cãi về tác phẩm của mình và đều khen tác phẩm mà ta đọc. Ralph chỉ đưa ra vài lời phê bình và đề nghị một số chỉnh sửa, nhưng ta bảo vệ tác phẩm của mình. Osborne không đồng ý với Ralph và nói rằng Ralph phê bình cũng tệ như làm nhà thơ nên Ralph ngừng việc phê bình tác phẩm. Khi cả hai về chung đường, Osborne nói rằng cậu ấy vẫn thích tác phẩm mà cậu ấy nghĩ là do ta viết hơn và nói rằng cậu ấy không dám khen vì sợ ta sẽ tự mãn. “Nhưng ai có thể ngờ được Franklin có khả năng sáng tác như thế, những mô tả như thế, sinh động như thế, cảm xúc như thế! Cậu ấy thậm chí còn biến tác phẩm

nguyên bản trở nên hay hơn. Khi nói chuyện bình thường, cậu ấy có vẻ không có vốn từ vựng phong phú, hay lung túng và ngớ ngẩn, và Chúa ơi! Nhìn cách cậu ấy viết kìa!" Osborne nói. Trong lần gặp sau, Ralph tiết lộ thỏa thuận giữa ta và cậu, Osborne có cười đôi chút khi biết chuyện.

Sự việc đó khiến Ralph quyết tâm trở thành nhà thơ. Ta đã làm mọi điều có thể để khuyên can cậu nhưng cậu vẫn tiếp tục phác ra những vần thơ của mình cho đến khi bị nhà thơ Pope phê bình. Tuy nhiên, cậu lại trở thành một tác giả văn xuôi khá xuất sắc. Đó là rất lâu sau này. Nhưng vì không có cơ hội để nhắc đến hai người bạn kia một lần nữa, ta sẽ nhắc đến ở đây. Watson, người xuất chúng nhất trong nhóm, chết trong tay ta vài năm sau đó trong sự tiếc thương của mọi người. Osborne đến làm việc cho công ty Tây Ấn, nơi cậu ấy trở thành một luật sư nổi tiếng và kiếm được nhiều tiền nhưng chết trẻ. Cậu ấy và ta đã có một thỏa thuận đáng sợ với nhau rằng nếu ai chết trước sẽ trở về thăm người kia và chia sẻ những điều thấy được ở thế giới bên kia. Nhưng cậu ấy đã không bao giờ giữ lời hứa của mình.

Ngài Thống đốc, có vẻ thích ta đến chơi, thường xuyên mời ta đến nhà và đề tài mở nhà in của riêng ta luôn được đề cập đến như một điều chắc chắn. Ta cầm theo thư giới thiệu đến một số người bạn của ngài bên cạnh một thư tín dụng để rút số tiền cần thiết cho việc mua máy in, mẫu chữ in, giấy, v.v… Có những lá thư này, ta có quyền đến thăm họ vào những thời điểm khác nhau, khi những người đó sẵn sàng nhưng vẫn phải thông báo trước thời gian. Chúng ta cứ tiếp tục như thế cho đến khi chuyến tàu Anis, trước đó đã bị hoãn rất nhiều lần, chuẩn bị khởi hành. Khi đó, lúc ta đến gặp Thống đốc để chào từ biệt và nhận những lá thư, thư ký của ngài, Giáo Sư Bard, xuất hiện và nói ngài Thống đốc rất bận không thể viết được nhưng ngài sẽ đến Newcastle, nơi ta sẽ nhận được những lá thư, trước khi tàu cập bến.

Dù đã kết hôn và có một con, Ralph vẫn quyết tâm đi cùng ta trong chuyến hành trình này. Ban đầu, ta nghĩ rằng cậu ấy đi để tìm một đối tác mới cho công việc kinh doanh của mình nhưng sau đó ta phát hiện ra rằng vì bất đồng với vợ, cậu ấy ra đi bỏ lại vợ con bơ vơ và không bao giờ quay trở về nữa. Bỏ lại đằng sau bạn bè và những hứa hẹn với nàng Read, ta khởi hành từ Philadelphia trên chuyến tàu sau đó cập bến tại Newcastle. Ngài Thống đốc đã ở đó, nhưng khi ta đến tìm ngài, viên thư ký lại trả lời ta bằng một thông điệp lịch sự nhất có thể với nội dung là Thống đốc đang phải giải quyết những vấn đề cực kỳ quan trọng và không thể gặp ta nhưng ngài sẽ gửi cho ta những lá thư trên đường đi và rằng ngài chân thành chúc ta có một chuyến đi thuận buồm xuôi gió, nhanh chóng trở về, v.v… Ta trở lại tàu với tâm trạng hơi lung túng nhưng vẫn không nghi ngờ gì.

Andrew Hamilton, một luật sư nổi tiếng của Philadelphia, cũng đi cùng con trai trên chuyến tàu này với Denham, một thương gia tín đồ phái giáo hữu, ngài Onion và Russel, chủ một nhà kim loại ở Maryland. Ngần ấy người đã chiếm đủ một cabin trên tàu. Vì thế, bị coi là những hành khách bình thường, Ralph và ta buộc phải ngủ chung một giường ở khoang hạng bét và không ai trên tàu biết chúng ta là ai cả. Nhưng ông Hamilton và con trai (tên James, trước đây là Thống đốc) trở về Philadelphia từ Newcastle vì Hamilton được mời làm luật sư bào chữa cho một con tàu bị bắt với một khoản phí hậu hĩnh. Trước khi khởi hành, vì đại tá French lên tàu và thể hiện thái độ tôn trọng với ta, chúng ta bắt đầu được để ý và được những quý ông kia mời lên trên cabin nơi có căn phòng mới. Theo cách đó, chúng ta bắt đầu chuyến hành trình.

Biết rằng đại tá French có mang lên tàu những gói đồ từ ngài Thống đốc, ta hỏi thuyền trưởng về những lá thư mà mình đang mong chờ. Ông nói rằng tất cả mọi thứ đều được bỏ chung vào một túi lớn và ông chưa thể tìm ra chúng, nhưng trước khi đến Anh ta sẽ có cơ hội lấy chúng ra. Ta hài lòng với câu trả lời và chuyến hành trình tiếp tục. Chúng ta có một "bạn đồng hành" dễ chịu và khá hòa hợp, đó là những hàng hóa mà Hamilton chất đầy trong khoang. Trong chuyến đi này, ông Denham kết bạn với ta và tình bạn này kéo dài đến cuối cuộc đời ông. Mặt khác, chuyến đi không hề dễ chịu vì thời tiết rất xấu.

Khi đến eo biển Anh, thuyền trưởng giữ lời hứa cho ta cơ hội kiểm tra cái túi để tìm những lá thư của ngài Thống đốc. Ta không tìm thấy lá thư nào có tên ta. Ta lấy ra 6 hay 7 lá thư viết tay nghĩ rằng đó là những lá thư ta được hứa cho, đặc biệt là lá thư gửi trực tiếp đến Basket, nhà in của đức vua và một lá thư nữa gửi đến một người bán văn phòng phẩm. Chúng ta đến London vào ngày 24 tháng 12 năm 1724. Ta đến gặp người bán văn phòng phẩm và đưa cho ông này lá thư từ Thống đốc Keith. "Tôi không biết ai tên vậy cả," ông này nói nhưng vẫn mở thư ra xem. "Ồ, đây là thư của Riddlesden. Gần đây tôi biết hắn là một thằng nhóc láo xược và không muốn giao du gì với hắn cũng như nhận thư từ hắn nữa." Vì vậy, người chủ bán văn phòng phẩm trả lại ta lá thư và quay sang tiếp những khách hàng khác. Ta rất ngạc nhiên khi biết rằng đây không phải là những lá thư của Thống đốc và sau khi suy nghĩ và đánh giá lại các sự kiện, ta bắt đầu nghi ngờ. Ta tìm đến người bạn Denham của mình và kể cho ông này nghe toàn bộ câu chuyện. Denham kể ta nghe về tính cách của Keith, ông nói với ta rằng khó có khả năng ngài Thống đốc viết cho ta bất kỳ lá thư nào, rằng sẽ không ai dựa dẫm vào ông ta nếu hiểu rõ ông ta là người thế nào, và Denham bật cười khi nghe nói rằng Thống đốc đã viết cho ta một tín dụng thư vì Keith không có chút tín dụng nào cả. Khi ta tỏ ra lo lắng không biết phải làm gì, ông khuyên ta nên tìm việc làm đúng nghề của mình. Denhem nói: "Làm việc cùng những thợ in ở đây, cậu sẽ phát triển bản thân mình, và khi trở về Mỹ, cậu sẽ có lợi thế rất lớn."

Cũng như người bán văn phòng, cả hai chúng ta nhận ra rằng viên luật sư Riddlesden là một kẻ rất bất lương. Hắn đã tiêu tán phân nửa tài sản của cha nàng Read bằng cách thuyết phục ông ký giao kèo với hắn. Lá thư có vẻ như là một kế hoạch bí mật để hại Hamilton (người được cho là sẽ đi cùng chúng ta) và Keith có liên quan cùng Riddlesden trong âm mưu này. Là một người bạn của Hamilton, Denham nghĩ rằng Hamilton cần phải biết âm mưu này. Vì vậy, khi Hamilton đến Anh một thời gian ngắn sau đó, một phần vì căm ghét Keith và Riddlesden, một phần vì ý tốt với Hamilton, ta đã chờ gặp ông ấy và đưa ông xem lá thư. Ông cảm ơn ta chân thành vì thông tin này rất quan trọng với ông. Kể từ đó, ta với ông thành bạn và mối quan hệ này rất có lợi cho ta trong nhiều tình huống sau đó.

Nhưng phải nghĩ thế nào về việc một ngài Thống đốc chơi khăm và đánh lừa một cậu bé ngây thơ một cách bỉ ổi như thế? Đó là thói quen của ông ta. Ông ta thích làm hài lòng tất cả mọi người, tạo ra những kỳ vọng và không cho ai bất kỳ thứ gì cả. Dù ngài là một người thông minh, khôn ngoan, một người khá giỏi văn chương, và một thống đốc tốt với mọi người, thậm chí đôi khi không thèm tuân theo những chỉ thị của giới địa chủ tư sản, những cử tri của ông. Rất nhiều đạo luật tốt do ngài soạn thảo và thông qua dưới thời kỳ đương nhiệm.

Ta và Ralph là hai người bạn đồng hành không thể tách rời. Chúng ta ở tại nhà trọ Little Britain với giá 3 siling và 6 cent một tuần – cái giá cao nhất chúng ta có thể trả vào lúc đó. Cậu ấy tìm thấy một vài người bà con nhưng họ quá nghèo để có thể giúp chúng ta. Lúc bấy giờ, cậu ấy mới nói cho ta biết ý định ở lại London và không bao giờ quay về Philadelphia của mình. Cậu không mang theo tiền và tất cả số tiền của cậu đã được dùng trong chuyến đi. Ta có 15 đồng pistol, vì vậy cậu thỉnh thoảng mượn tiền ta để chi tiêu trong khi đang tìm việc. Đầu tiên, Ralph xin việc ở một rạp hát vì tin rằng mình đủ điều kiện để làm diễn viên. Tuy nhiên, Wilkes, người nhận đơn đã thẳng thắn khuyên cậu không nên tìm việc trong ngành này vì cậu sẽ không bao giờ thành công. Sau đó, cậu nộp đơn cho Roberts, một chủ nhà in ở Paternorster Row để viết những bài báo hàng tuần như của tờ *The Spectator* kèm theo những điều kiện nhất định nhưng Roberts không đồng ý. Sau đó, Ralph lại xin làm nhân viên sao chép vặt ở chỗ những người bán văn phòng phẩm và các luật sư nhưng không có vị trí nào còn trống.

Còn ta, ngay lập tức, được nhận vào làm ở nhà in của Palmer, một nhà in nổi tiếng ở Bartholomew Close và tiếp tục công việc ở đó gần một năm. Ta làm việc khá chăm chỉ nhưng tiêu một phần khá lớn tiền cùng Ralph xem các vở kịch cũng như tham gia những thú vui giải trí khác. Hai chúng ta sử dụng hết số pistol mà ta có và giờ đây chỉ còn sống bằng đồng lương. Cậu có vẻ đã quên vợ con và ta cũng dần quên đi những hẹn ước với nàng Read, người mà ta không viết nhiều hơn một lá thư và lá thư đó là để thông báo với nàng ta sẽ không sớm trở về.

Đây là một trong những sai lầm lớn nữa của cuộc đời ta, ta rất mong có thể sửa sai nếu được sống cuộc đời này một lần nữa. Thực tế, do chi tiêu quá đà, ta lúc nào cũng không có đủ tiền để về nhà. Tại nhà in Palmer, ta đã được giao việc sắp chữ in cho ấn bản hai của tác phẩm *Religion of Nature* (Bản chất của tôn giáo) do Wollaston sáng tác. Một vài lý luận trong cuốn sách này không thực sự vững chắc theo ý kiến của ta, do đó ta viết một tác phẩm trừu tượng ngắn để nhận xét về nó. Tác phẩm đó có tên "Bài luận về Tự Do và Những Vật Chất Thiết Yếu, Niềm Vui và Sự Đau Khổ." Ta ghi tặng người bạn của mình, Ralph và cho in với số lượng ít. Việc này đã khiến Palmer nhìn nhận ta như một người trẻ tuổi có tài năng, dù ông nghiêm túc phê bình những nguyên tắc trong tác phẩm của ta mà theo ông là chưa thật hay. Việc in cuốn chuyên đề này lại là một sai lầm kế tiếp của ta. Khi trọ tại Little Britain, ta quen một chủ hiệu sách ở kế bên, tên Wilcox. Ông này có một bộ sưu tập sách cũ khổng lồ. Lúc đó chưa có thư viện nhưng chúng ta đồng ý theo một số điền kiện nhất định mà ta không con nhớ rõ, ta được phép mượn đọc và trả lại bất kỳ cuốn sách nào của ông. Ta xem việc này rất hữu ích với mình nên tận dụng nó nhiều nhất có thể.

Cuốn chuyên đề của ta bằng cách nào đó đã rơi vào tay một bác sĩ phẫu thuật tên Lyons, tác giả của tác phẩm *Sự Đúng Đắn Trong Nhận Xét Của Con Người*, và do đó hai chúng ta quen nhau. Ông rất để ý đến ta, thường gọi ta đến để nói chuyện về các đề tài đó, dẫn ta đến Horns, một quán rượu cũ ở đường Lane khu Cheapside và giới thiệu ta với bác sĩ Mandeville, tác giả của *Fable of the Bees* (Ngụ Ngôn Những Con Ong). Ông này có một câu lạc bộ, nơi ông là tâm điểm và là hội viên khôi hài thú vị nhất. Sau đó, Lyons cũng giới thiệu ta với bác sĩ Pemberton ở quán Batson's Coffee, người hứa hẹn với ta rằng lúc nào đó sẽ dẫn ta đến gặp ngài Isaac Newton. Ta rất hy vọng vào lời hứa đó nhưng nó không bao giờ thành hiện thực.

Ta sưu tầm một số đồ độc đáo. Một trong những món đáng giá nhất là chiếc ví làm bằng amiăng đã khử lửa. Ngài Hans Sloane nghe nói về nó, đến gặp ta, mời ta đến nhà ngài ở Bloomsbury Square, nơi ngài cho ta xem tất cả những món đồ độc đáo khác và thuyết phục ta bán lại cho ngài chiếc ví đó với một món tiền khá hậu hĩnh.

Ở chỗ ta sống có một người thợ phụ nữ trẻ làm nghề thợ may đồ nữ mà theo ta biết thì cô này có một cửa hàng ở Cloisters. Cô này được truyền nghề may rất cầu kỳ đó, là một người hiểu chuyện, tràn đầy sức sống và nói năng rất dễ nghe. Ralph thường đọc cho cô nghe những vở kịch vào các buổi chiều. Hai người trở nên thân thiết hơn và khi cô dọn đi nơi khác, Ralph cũng dọn theo cô.

Hai người sống cùng nhau một khoảng thời gian. Nhưng Ralph vẫn chưa có việc làm và thu

nhập của cô không đủ để nuôi sống cả hai người lẫn đứa con của cô. Do đó, Ralph quyết định chuyển đến dạy ở một ngôi trường làng, nơi cậu nghĩ mình đủ sức đảm nhận vì cậu rất giỏi viết lách, toán học và xử lý sổ sách. Tuy nhiên, công việc này có vẻ không tương xứng với Ralph, và vì tự tin rằng mình có thể có những công việc tốt hơn nhưng lại không muốn ai biết mình đã từng làm những công việc thấp kém như vậy, Ralph đổi tên và cho ta vinh dự được cậu sử dụng tên của ta. Ta nhận được một lá thư từ cậu nói rằng cậu đã ổn định công việc ở một ngôi làng nhỏ (ta nghĩ là ở Berkshire nơi cậu dạy đọc viết cho 10 đến 12 học trò với giá 6 penny 1 tuần), nhờ ta chăm sóc cho cô T-- và muốn ta khi viết thư cho cậu, hãy gửi đến ông Franklin, Hiệu trưởng trường học nơi đó.

Ralph thường xuyên viết gửi cho ta rất nhiều bản nháp mẫu của thiên sử ca mà cậu đang sáng tác và nhờ ta cho ý kiến cũng như hiệu chỉnh. Ta cũng thỉnh thoảng gửi lại theo yêu cầu của cậu nhưng cố gắng làm cậu chán nản công việc viết lách. Lúc đó, một trong những tập thơ trào phúng của Young vừa được xuất bản. Ta chép và gửi cho cậu một phần lớn trong tác phẩm trong đó nói rằng, mãnh liệt theo đuổi niềm đam mê thi ca không mang lại hy vọng thăng tiến nào cả. Tất cả nỗ lực đều không có tác dụng, Ralph vẫn gửi kèm thơ cho ta trong tất cả các món bưu phẩm. Trong lúc đó, cô T--, vì mất người bạn và việc làm, thường xuyên rầu rĩ, gọi ta và mượn ta bất kỳ số tiền nào có dư để giúp gia đình cô. Ta bắt đầu thích ở bên cạnh nàng Read và, lúc đó vì không chịu ràng buộc tôn giáo nào cũng như nghĩ rằng ta quan trọng với nàng, ta cố gắng tán tỉnh nàng Read (một sai lầm nữa). Cô T-- cự tuyệt trong sự giận dữ có thể hiểu được và nói với Ralph về hành vi của ta. Việc này tạo ra một vết nứt trong tình bạn giữa ta và Ralph và khi trở lại London, cậu nói với ta rằng cậu không chịu ơn nghĩa gì của ta nữa. Vì vậy, ta không hy vọng cậu ấy sẽ trả lại cho ta bất kỳ khoản tiền nào cậu đã mượn hay ta đã trả trước cho cậu. Tuy nhiên, việc này không phải hoàn toàn là một mất mát vì thực ra cậu cũng không có khả năng trả tiền cho ta và ta thấy mình thoát khỏi một gánh nặng bên cạnh việc đánh mất tình bạn này. Giờ đây, ta bắt đầu nghĩ đến việc để dành một ít tiền. Hy vọng có một công việc tốt hơn, ta rời khỏi nhà in của Palmer để đến làm tại nhà in của Watts, một nhà in lớn hơn gần Quảng trường Lincoln’s Inn Fields. Ta làm việc ở đây cho đến khi rời khỏi London.

Khi mới nhận việc, ta xin vào làm ở phòng vận hành máy in, vì nghĩ rằng bản thân mình cần làm một công việc mang tính tổng thể cao như khi còn ở Mỹ, nơi in ấn thường bao gồm cả việc xếp mẫu chữ in. Ta chỉ uống nước trong khi những người khác, gần quá nửa là những kẻ nghiện bia. Mỗi khi khiêng lên hay xuống cầu thang, ta thường mỗi tay cầm một bộ bảng chữ in lớn trong khi những người khác chỉ khiêng được một bảng in chữ bằng hai tay. Những người này rất tò mò xem tại sao gã người Mỹ-Chỉ-Uống-Nước, cái tên họ gọi ta, lại khỏe hơn họ, những kẻ

uống bia! Trong nhà in, lúc nào cũng có một cậu bé bán bia phục vụ cho những người thợ. Người làm in ấn chung với ta mỗi ngày uống 1 pint bia trước bữa sáng, 1 pint trong bữa sáng với bánh mì và bơ, 1 pint vào khoảng 6 giờ chiều và 1 pint sau khi làm xong công việc. Ta xem đó là một thói quen xấu nhưng đồng nghiệp của ta lại cho rằng việc uống loại bia mạnh sẽ giúp cậu ấy làm việc khỏe hơn. Ta cố gắng thuyết phục cậu ấy rằng, nếu sức mạnh do uống bia đến từ những hạt hay bột lúa mạch thì một ổ bánh giá 1 xu còn nhiều bột hơn thế và do đó nếu cậu ăn ổ bánh đó với 1 pint nước, nó sẽ cho cậu nhiều sức mạnh hơn so với 1/4 gallon bia. Tuy nhiên, cậu ấy vẫn uống và trả 4 hay 5 shilling trong khoản lương của mình mỗi tối Thứ Bảy cho thứ nước uống có cồn đặc quện đó, một khoản chi tiêu mà ta không phải bỏ ra. Và như thế, những người thợ tội nghiệp này luôn thiếu tiền.

Sau vài tuần, Watts muốn ta làm việc trong phòng sắp mẫu chữ vì thế ta không làm việc chung với cậu thợ in đó nữa. Những người thợ sắp chữ bắt ta phải khao một chầu uống 5 siling để “chào sân” theo lệ dành cho người mới đến. Đó là một đòi hỏi quá đáng vì trước kia ta đã chỉ phải trả ít hơn. Ông chủ cũng nghĩ vậy, do đó ông cấm ta trả chầu khao đó. Ta ngoan cố trong 2 hay 3 tuần nên bị xem là kẻ “ngoại đạo” và chỉ cần ta ra ngoài một chút là có rất nhiều trò chơi xấu hướng đến ta bằng cách làm rối bảng chữ của ta, tráo vị trí những nguyên bản in, hay đập bể bộ chữ in của ta, v.v… Tất cả những sự việc này đều được quy là do hồn ma trong nhà in làm, hồn ma mà theo bọn họ là sẽ ám những ai không được thừa nhận theo quy củ, ngay cả khi kẻ đó được sự bảo vệ của ông chủ. Ta buộc phải tuân theo và trả số tiền khao vì nghĩ tới viễn cảnh điên rồ khi phải tiếp tục làm việc chung với những người này mà không thực hiện điều khoản bệnh hoạn đó.

Giờ đây, ta đã bắt đầu nhập bọn với họ và nhanh chóng có được sự ảnh hưởng lớn trong nhóm. Ta đề xuất một số lý do cần thay đổi luật “nhà nguyện” và bảo vệ thành công trước mọi phản bác. Noi gương ta, rất nhiều người trong bọn họ không dùng bữa sáng trộn bia với bánh mì và phô mai nữa, thay vào đó họ thấy mình có thể mua từ nhà hàng xóm một bát cháo loãng lớn rắc tiêu, trộn với bánh mì vụn và một ít bơ, với giá chỉ bằng 1 pint bia nghĩa là 3 penny rưỡi. Bữa sáng này vừa dễ ăn vừa rẻ hơn và giúp cho đầu óc họ tỉnh táo. Những người tiếp tục uống bia suốt ngày thường uống ghi sổ, quá hạn mức nợ và từng mượn tiền ta để uống bia. Ánh sáng, theo cách nói của họ, đã tắt ngúm. Ta quan sát chiếc bàn tính tiền vào tối Thứ Bảy và nhớ lại những khoản tiền ta đã trả cho họ, đôi khi lên đến gần 30 shilling một tuần. Việc đó cùng với việc tự đánh giá mình là một tay chơi khăm như một người châm biếm ngôn từ hài hước đã giúp ta rất nhiều trong xã hội sau này. Việc đi làm đều đặn (ta chưa bao giờ đi dự ngày lễ Thánh vào Thứ Hai) khiến ông chủ để ý đến ta, và sự nhanh nhạy trong việc sắp bảng chữ in

cho ta cơ hội nhận công việc điều phối có lương cao hơn. Do đó, ta tiếp tục làm việc một cách rất thích thú.

Chỗ ở của ta tại Little Britain quá xa nơi làm việc, do vậy ta tìm một chỗ khác ở đường Duke, đối diện nhà in Romish. Nó là một căn phòng có thang đôi ở đằng sau, trong một nhà kho kiểu Ý. Một goá phụ sống cùng con gái sở hữu ngôi nhà này, một người hầu gái và một người thợ làm trong kho, nhưng ông sống ở nơi khác. Sau khi dò hỏi về tính cách của ta ở căn hộ mà ta thuê trước đó, bà đồng ý cho ta vào ở với giá 3 siling 6 dim một tuần, rẻ hơn vì bà muốn có sự an toàn từ một người đàn ông ở trong nhà. Bà là một goá phụ đứng tuổi, ban đầu theo đạo Tin Lành và là con gái một mục sư nhưng đã cải đạo sang Thiên Chúa Giáo theo chồng, người mà bà rất kính trọng trong ký ức của mình. Bà từng sống giữa những người lỗi lạc và biết hàng nghìn giai thoại về những người này xa xưa từ thời Charles Đệ Nhị. Chân bà bị tật vì bệnh Gout vì thế bà hiếm khi ra khỏi phòng nên đôi khi bà muốn có khách đến chơi. Bà rất hài hước với ta nên ta sẵn sàng ngồi chơi cùng bà cả buổi chiều nếu bà muốn. Bữa tối của mỗi người chúng ta chỉ có nửa con cá đặt trên một mẫu bánh mì phết bơ nhỏ và dùng chung 1 pint bia. Ta luôn giữ giờ giấc tốt và không gây rắc rối gì đến gia đình bà. Điều đó khiến bà không có ý định để ta tìm chỗ khác. Vì thế, khi ta nói về một chỗ ở theo ta biết là gần chỗ làm hơn với giá 2 siling một tuần và ta muốn dọn sang đó để để dành tiền làm những việc khác, bà bảo ta đừng suy nghĩ đến chuyện đó vì bà sẽ giảm giá thuê cho ta xuống 2 siling một tuần. Ta tiếp tục ở lại chỗ bà với giá thuê 1 siling 6 penny cho đến khi rời khỏi London.

Trên gác xép căn hộ của bà có một bà cô già 70 tuổi sống ẩn dật. Theo lời bà chủ nhà, người đàn bà này theo đạo Thiên Chúa Giáo La Mã, đã ra nước ngoài từ rất nhỏ và sống trong tu viện với ý định trở thành một bà sơ. Nhưng đất nước đó không chấp nhận bà, bà trở về Anh nơi không có tu viện. Bà đã thề sẽ sống cuộc sống của một nữ tu hay gần giống với cuộc sống đó nhất. Do đó, bà tặng tất cả tài sản của mình cho mục đích từ thiện và chỉ giữ lại 12 Bảng một năm để chi tiêu, nhưng vẫn dùng phần lớn khoản tiền này làm từ thiện. Bà chỉ sống bằng cháo loãng và không sử dụng lửa, ngoại trừ để nấu cháo. Bà đã sống nhiều năm trên gác xép đó vì được những người chủ nhà theo đạo Thiên Chúa của ngôi nhà bên dưới cho phép bà ở không lấy tiền, họ xem việc cho bà ở đây là một điều phúc. Một thầy tu mỗi ngày vẫn đến gặp bà để xưng tội. “Tôi đã hỏi bà ấy,” bà chủ nhà của ta nói, “làm thế nào bà, bằng cách sống như vậy, có thể làm công việc của một người nghe xưng tội?” “Ồ,” bà nói, “không thể nào từ chối những suy nghĩ tuyệt vọng.” Ta được dịp đến gặp bà một lần. Bà là người vui vẻ, lịch sự và trò chuyện rất thoải mái. Căn phòng của bà sạch sẽ nhưng không có đồ đạc gì ngoài một chiếc bình cổ dài, một cây thánh giá, một cuốn sách, một chiếc ghế đẩu bà đưa cho ta ngồi, và một bức tranh treo

trên lò sưởi với bức hình thánh Veronica đang giơ chiếc khăn tay có hình ảnh huyền diệu vẽ khuôn mặt Chúa đang chảy máu, bà giải thích cho ta về bức tranh đó rất nghiêm túc. Bà trông xanh xao nhưng không bao giờ bệnh tật, và ta cho đây là một ví dụ nữa về việc thu nhập ảnh hưởng ít đến cách sống và sức khỏe thế nào.

Tại nhà in của Watts, ta quen một thanh niên tài năng tên Wygate, người có gia cảnh rất khá giả và được giáo dục tốt hơn tất cả những người thợ in khác. Cậu được coi như là một nhà nghiên cứu Latin xuất sắc, nói được tiếng Pháp và thích đọc sách. Ta dạy cậu ấy và một người bạn của cậu học bơi, và chỉ hai lần khi ra sông chơi, họ đã nhanh chóng trở thành những tay bơi giỏi. Họ giới thiệu với ta một vài quý ông từ vùng quê đang chuẩn bị đến Chelsea bằng đường thuỷ để xem những vật lạ ở quán Don Saltero và College. Trong chuyến đi về, theo yêu cầu của những người đi cùng, những người đã bị Wygate cấy cho sự tò mò, ta cởi đồ, nhảy xuống sông và bơi từ Chelsea đến cầu Blackfyar, vừa bơi vừa biểu diễn nhiều động tác trên mặt nước cũng như dưới nước làm ngạc nhiên và hài lòng những ánh mắt tò mò.

Từ nhỏ ta đã rất thích thú với môn thể thao này, đã học và luyện tập tất cả những động tác và tư thế của Thevenot, sáng tạo ra những kiểu riêng của mình nhằm mục đích thể hiện những tư thế đẹp dễ dàng và hữu dụng. Nhân dịp này, ta biểu diễn tất cả những sở học của mình cho các bạn xem và hãnh diện vì sự ngưỡng mộ của họ. Và Wygate vì muốn trở thành một người điêu luyện trong môn bơi nên càng ngày càng thân thiết với ta trong mọi việc từ học bơi cho tới làm chung. Lâu sau đó, cậu đề nghị ta cùng du lịch vòng quanh Châu Âu và hỗ trợ cho chuyến đi này bằng cách làm việc trong các nhà in ở những nơi chúng ta đến. Ta từng rất thích ý tưởng này nhưng người bạn thân Denham của ta, người mà khi ta rảnh rỗi thường dành cả giờ để trò chuyện, khuyên ta chỉ nên nghĩ đến việc trở lại Pennsilvania, chuyến đi mà ông chuẩn bị khởi hành.

Ta nhớ rõ một trong những tính cách của Denham. Ông từng kinh doanh ở Bristol nhưng thất bại, mắc nợ nhiều người, phải dàn xếp chuyện nợ nần và đi sang Mỹ. Ở Mỹ, nhờ kinh doanh chăm chỉ, ông kiếm được khá nhiều tiền trong vài năm. Trở về Anh trên cùng chuyến tàu với ta, ông đã mở tiệc chiêu đãi những chủ nợ cũ của mình. Trong buổi tiệc cảm ơn vì đã có những thỏa thuận dễ chịu cho ông lúc trước, dù những người này không đòi hỏi gì ngoài một bữa chiêu đãi, mỗi người trong nhóm đều tìm thấy dưới chiếc đĩa của mình một ủy nhiệm chi có lãi suất ngân hàng chưa qua sử dụng.

Denham nói với ta rằng, ông sẽ trở về Philadelphia và mang theo rất nhiều hàng hóa để mở một cửa hàng ở đó. Ông đề nghị ta đảm nhận vị trí nhân viên kế toán giúp ông, công việc mà

ông sẽ hướng dẫn ta, sao chép văn thư, và trông coi cửa hàng. Ông cũng hứa rằng một khi ta đã quen với nghề buôn bán, ông sẽ thăng chức cho ta bằng cách cho ta trông coi tàu hàng chở bột và bánh mì, v.v… đến Tây Ấn, cho ta hoa hồng nếu làm ăn có lãi và nếu ta quản lý tốt thì ta sẽ kiếm được rất nhiều tiền. Ta rất thích đề nghị này vì đã chán cuộc sống ở London, nhớ về những tháng ngày hạnh phúc ở Pennsylvania và muốn quay trở lại nơi đó. Do đó, ta đồng ý ngay lập tức mức lương 50 Bảng tiền Pennsylvania một năm, ít hơn lương hiện tại nhưng có tương lai hứa hẹn hơn.

Ta nghỉ việc tại xưởng in mà theo ta nghĩ là mãi mãi không bao giờ trở lại làm công việc đó nữa và hàng ngày làm công việc mới: theo Denham cùng những thương gia khác thu mua hàng hóa, theo dõi việc đóng gói, làm những việc vặt, gọi người tới vận chuyển hàng hóa, v.v… Và khi tất cả hàng hóa đều được chất lên tàu, ta có vài ngày nghỉ ngơi. Vào một trong những ngày nghỉ này, ta rất ngạc nhiên khi nhận được lời mời gặp mặt từ một người nổi tiếng mà ta chỉ mới nghe tên, ngài William Wyndham và ta đến gặp ngài. Bằng cách nào đó, ngài đã nghe câu chuyện ta bơi từ Chelsea đến cầu Blackfyar, chuyện ta dạy Wygate và những thanh niên khác học bơi chỉ trong vài giờ. Ngài có hai con trai chuẩn bị đi xa và sẵn sàng trả công ta hậu hĩnh để dạy bơi cho họ. Họ vẫn chưa đến London và ta chưa biết mình sẽ ở đó bao lâu, do đó ta không thể nhận đề nghị này nhưng từ sự việc này, ta bắt đầu nghĩ đến chuyện mở một trường dạy bơi và kiếm nhiều tiền từ nó. Ý nghĩ này mạnh mẽ đến nỗi nếu ta nhận được lời đề nghị từ ngài William sớm hơn, có lẽ ta sẽ không quyết định trở về Mỹ sớm như vậy. Nhiều năm sau, ta có nhiều chuyện quan trọng hơn phải làm với một trong những con trai của ngài William Wyndham, người trở thành Bá Tước vùng Egremont, và ta sẽ kể về ông này khi có điều kiện.

Như vậy, ta đã ở London khoảng 18 tháng. Hầu hết khoảng thời gian này ta làm việc rất chăm chỉ và dành rất ít thời gian cho bản thân, ngoại trừ việc xem kịch và đọc sách. Người bạn Ralph của ta đã khiến ta lâm vào cảnh nghèo túng khi nợ ta khoảng 27 Bảng, số tiền mà gần như chắc chắn rằng ta sẽ không nhận lại, một khoản tiền lớn trong khoản dành dụm nhỏ bé của ta. Dù sao đi nữa thì ta cũng quý cậu ấy vì những tính tốt của cậu. Ta không cách nào kiếm được nhiều tiền nhưng trong thời gian ở London ta đã quen một vài người xuất chúng, những người mà nói chuyện với họ rất có ích và ta cũng đọc nhiều sách.

Chúng ta xuất phát từ cảng Gravesend vào ngày 23 tháng 7 năm 1726. Về những sự kiện xảy ra trong chuyến đi, ta nghĩ con hãy đọc cuốn nhật ký hành trình của ta, nơi con có thể tìm thấy tất cả những thông tin liên quan được mô tả tỉ mỉ. Có lẽ, phần quan trọng nhất trong cuốn nhật ký là kế hoạch ta lập ra khi trên tàu để điều tiết những hành vi của mình trong tương lai. Kế hoạch này càng xuất chúng hơn vì nó được lập ra khi ta còn rất trẻ và được tuân theo cho đến

khi về già.

Chiếc thuyền cập bến Philadelphia vào ngày 11 tháng 10, nơi ta không thấy có nhiều thay đổi. Keith không còn là thống đốc và bị thay thế bởi Thiếu Tá Gordon. Ta gặp Keith đi bộ trên đường như một công dân bình thường. Ông có vẻ hơi xấu hổ khi gặp ta và đi lướt qua không nói lời nào. Lẽ ra ta cũng phải xấu hổ như thế khi gặp lại nàng Read. Tuyệt vọng sau khi nhận được lá thư của ta, nàng đã kết hôn với một người thợ gốm tên Rogers theo lời khuyên của bạn bè trong thời gian ta vắng mặt. Tuy nhiên, nàng không bao giờ hạnh phúc với người này, sớm ly thân, từ chối ở chung hay mang họ của người này và bị xem là một người vợ hư hỏng. Dù là một người thợ giỏi và thu hút được bạn bè của nàng bằng tài năng đó, nhưng chồng cũ của nàng là một kẻ không ra gì. Hắn mang nợ, chạy sang Tây Ấn vào năm 1727 hay 1728 và chết ở đó. Keimer có một nhà in mới với đầy những dụng cụ văn phòng, nhiều những mẫu chữ in mới, nhiều thợ phụ hơn dù không có ai thật sự giỏi cả, và có vẻ như đang kinh doanh khá tốt.

Denham mở một cửa hiệu ở đường Water bán những hàng hóa của mình. Ta làm việc rất chăm chỉ, học cách lưu giữ sổ sách, và trong thời gian ngắn đã trở thành một người bán hàng lão luyện. Chúng ta ăn ở chung và Denham chỉ bảo ta như một người cha vì ông quý mến ta một cách chân thành. Ta cũng tôn trọng, quý mến ông và chúng ta có lẽ sẽ tiếp tục sống vui vẻ như thế. Nhưng đến đầu tháng 2 năm 1726-1927, khi ta vừa bước sang tuổi 21, cả hai chúng ta đều mắc bệnh. Ta bị viêm màng phổi gần như sắp chết. Ta phải chịu đựng rất nhiều sự hành hạ của căn bệnh, thay đổi suy nghĩ và sau khi hồi phục ta đã khá thất vọng và hối tiếc đến nỗi ta nghĩ ta sẽ cần phải làm lại những việc mình đã không hài lòng lúc này hay lúc khác. Ta đã quên Denham mắc phải bệnh gì nhưng nó đeo đẳng ông một thời gian dài trước khi ông qua đời. Ông di chúc bằng miệng cho ta một khoản tài sản nhỏ để thể hiện sự yêu quý ta và ông một lần nữa bỏ rơi ta với thế giới rộng lớn này. Cửa hàng của ông thuộc về người thực hiện di chúc và ta không làm việc ở đó nữa.

Anh rể ta, Holmes, đang ở Philadelphia, khuyên ta trở về nghề in và Keimer gợi ý ta về làm quản lý nhà in của ông với mức lương hàng năm hậu hĩnh để ông có thời gian chăm lo cho cửa hàng văn phòng phẩm của mình. Ta nghe nhiều điều tiếng xấu về Keimer từ vợ và những người bạn của bà nên không muốn dính líu gì với ông nữa. Ta cố tìm công việc buôn bán nhưng không thành công và một lần nữa lại làm việc với Keimer. Trong nhà in của Keimer, ta gặp những người sau: Hugh Meredith, một người Pennsylvania gốc xứ Wales, tầm 30 tuổi, xuất thân nghề nông, thật thà, hiểu chuyện, có khả năng quan sát tốt, có đọc sách nhưng ham uống rượu. Stephen Potts, một thanh niên quê trưởng thành cũng xuất thân nghề nông, có phần hơi lập dị nhưng hóm hỉnh và thông minh. Keimer trả cho những người này mức lương cực thấp,

chỉ 1 shilling cho 3 tháng làm việc và họ sẽ được tăng lương nếu làm tốt. Hy vọng vào những mức lương cao hơn mà ông này vẽ ra đã lôi kéo họ tới đây làm việc. Meredith làm việc tại phòng in, Potts làm việc ở phòng đóng sách, công việc mà Keimer đồng ý sẽ hướng dẫn họ làm dù rằng ông chẳng biết việc nào trong hai việc đó cả. John, một người Ailen hoang dã, không nghề ngỗng gì được Keimer mua 4 năm phục vụ từ thuyền trưởng của một chiếc tàu. John cũng được làm thợ in. George Webb, một học sinh của trường Oxford, cũng được Keimer mua 4 năm với dự định để cậu này thành người sắp mẫu chữ in. Và David Harry, một cậu bé nông thôn được nhận vào học việc.

Ta sớm nhận ra rằng ý định thuê ta với mức lương cao hơn Keimer từng trả là để những người thợ thô, rẻ tiền này học tập từ ta và sau khi ta đã chỉ dạy họ xong, họ sẽ làm việc cho Keimer và ông sẽ không cần ta nữa. Tuy nhiên, ta tiếp tục công việc một cách vui vẻ, sắp đặt nhà in trước đó từng rất lộn xộn đâu vào đấy và đào tạo những người thợ dần biết việc để họ làm tốt hơn.

Có một điều lạ là một học sinh từ Oxford được thuê làm người hầu. Cậu này có lẽ chưa tới 18 tuổi và kể ta nghe câu chuyện đời cậu. Cậu sinh ra ở Gloucester, học trường trung học ở đó, từng được xem là một trong những học sinh xuất sắc trong vai diễn của mình khi tham gia đóng kịch. Cậu tham gia câu lạc bộ Witty và đã sáng tác một vài tác phẩm văn xuôi cũng như thơ in trên báo Gloucester. Sau đó, cậu được gửi đến Oxford học nhưng không hài lòng với cuộc sống ở đó và muốn bỏ mọi thứ để đến London trở thành một diễn viên. Lâu sau đó, khi nhận được khoản tiền tiêu theo quý 15 guinea, thay vì trả nợ, cậu rời khỏi đó, giấu chiếc áo học sinh của mình trong một bụi kim tước và đi đến London. Ở London, không bạn bè giúp đỡ, cậu gặp phải những người xấu, nhanh chóng tiêu hết số tiền mình có, nghèo túng, phải cầm quần áo và thiếu ăn. Khi đang đi trên đường trong cảnh thiếu đói và không biết phải làm gì, cậu nhận được một đề nghị sang Mỹ phục vụ đổi lại cậu sẽ được cho ăn và giúp đỡ.

Cậu đi thẳng đến phòng nhân sự, ký vào giao kèo, lên tàu và sang Mỹ, không viết lá thư nào cho bạn bè về những việc đã xảy ra với mình. Cậu là người rất sôi động, hóm hỉnh, có bản chất tốt và là một người đồng hành vui vẻ nhưng lười nhác, vô tâm, và không thực sự cẩn thận đến nơi đến chốn.

John, người Ailen, bỏ trốn không lâu sau đó. Ta tiếp tục làm chung với những người còn lại rất vui vẻ vì tất cả họ tỏ ra kính trọng ta hơn khi biết rằng Keimer không có khả năng chỉ bảo họ gì cả, và họ hằng ngày đều học được những cái mới từ ta. Chúng ta không bao giờ làm việc vào Thứ Bảy, đó là ngày lễ Sabbath của Keimer, do đó ta có 2 ngày để đọc sách. Ta quen với

nhiều người giỏi hơn nữa trong thành phố. Keimer đối xử với ta rất lịch sự và có vẻ quan tâm và không có gì làm ta cảm thấy khó chịu ngoài khoản nợ Vernon, số tiền mà ta chưa thể trả được vì cho đến lúc này ta vẫn còn nghèo. Tuy nhiên, ông ấy tử tế không đòi món tiền đó.

Nhà in của chúng ta thường xuyên cần những bộ chữ và không có một nhà sản xuất mẫu in chữ nào ở Mỹ. Ta đã từng thấy mẫu chữ in được sản xuất tại nhà in James ở London nhưng không chú ý lắm đến cách làm. Tuy nhiên, ta cố làm những khuôn đúc mẫu chữ, tận dụng những mẫu ký tự mà chúng ta có, đúc các khuôn bằng đồng và như thế tạm bù đắp được sự thiếu thốn khuôn in chữ. Ta cũng thỉnh thoảng khắc một vài thứ khác, làm mực in, canh nhà kho và mọi thứ. Nói ngắn gọn, ta làm mọi việc.

Tuy nhiên, dù đóng vai trò hữu ích, ta cũng nhận thấy vai trò của mình càng ngày càng kém quan trọng khi những người thợ khác tiến bộ về tay nghề và khi Keimer trả cho ta khoản lương quý thứ hai, ông cảm thấy khoản tiền này quá nặng và đề nghị ta giảm bớt nó xuống. Ông càng ngày càng bớt lịch sự, tỏ ra mình là chủ, thường xuyên bắt lỗi, xảo trá và dường như có lẽ đã sẵn sàng để "chia tay" ta. Tuy nhiên, ta vẫn tiếp tục công việc một cách kiên nhẫn với suy nghĩ rằng nguyên nhân của việc này một phần là do ông đang trong tình trạng túng tiền. Sau đó, một chuyện cỏn con đã làm đổ vỡ mối quan hệ của chúng ta. Có một tiếng ồn lớn vang lên gần toà án, ta ló đầu ra ngoài cửa sổ xem chuyện gì đang diễn ra. Keimer đang đứng trên đường, nhìn lên và thấy ta, giận dữ lớn tiếng bảo ta quay trở lại làm việc kèm theo vài lời quở trách. Điều khiến ta tức giận hơn là tất cả mọi người xung quanh, những người đang theo dõi sự kiện đó, đều chứng kiến ta bị đối xử thế nào. Keimer ngay lập tức chạy lên nhà in, tiếp tục cuộc cãi vã, hai bên đều lớn tiếng với nhau, ông đưa ra một cảnh báo về quý mà chúng ta đã thoả thuận trong hợp đồng, và bày tỏ hy vọng rằng ông không phải dùng nó quá lâu. Ta nói với ông rằng điều đó không cần thiết vì ta sẽ nghỉ việc ngay. Ta lấy chiếc mũ của mình, đi ra khỏi cửa, yêu cầu Meredith, người bảo quản những tài sản còn để lại của ta và giúp ta mang nó đến nơi ở.

Meredith đến vào buổi chiều tối và chúng ta nói về chuyện của ta. Cậu kính trọng ta rất nhiều và tỏ ra không muốn ở lại nhà in khi ta đã ra đi. Cậu can ngăn ý nghĩ trở về quê nhà mà ta bắt đầu có trong đầu. Cậu nhắc nhở ta rằng tất cả tài sản của Keimer đều do vay nợ mà có, những chủ nợ của ông này bắt đầu tỏ ra khó chịu, ông này chỉ có thể giữ cửa hàng của mình một cách lay lắt mà không có lợi nhuận để có tiền và thường không kiểm tra sổ sách kỹ lưỡng. Do đó, Keimer chắc chắn sẽ thất bại và từ đó sẽ tạo cơ hội cho ta kiếm lợi nhuận. Ta phủ nhận mong muốn kiếm tiền của mình. Sau đó, cậu nói rằng cha của cậu đánh giá ta rất cao và từ những cuộc trò chuyện giữa hai cha con, chắc chắn ông này sẽ cho tiền chúng ta tự kinh doanh riêng nếu ta đồng ý hợp tác với cậu. "Hợp đồng của tôi với Keimer sẽ hoàn tất vào mùa xuân,"

Meredith nói. “Đến lúc đó, chúng ta có thể có mẫu chữ in và máy in từ London. Tôi tự biết bản thân mình không phải thợ giỏi. Nếu cậu thích, có thể kết hợp kỹ năng trong công việc của cậu cùng với tiền bạc của tôi, chúng ta chia đều lợi nhuận có được”.

Đó là một đề nghị hợp lý và ta đồng ý. Cha của Meredith lúc đó đang trong thành phố và chấp thuận chuyện này và ông càng đồng ý hơn khi thấy ta có ảnh hưởng lớn thế nào đến con trai ông, đã khiến cậu giảm bớt tật nghiện rượu và ông hy vọng ta sẽ giúp cậu bỏ hoàn toàn thói quen xấu đó khi chúng ta trở nên thân thiết. Ta đưa ra danh mục những thứ cần mua cho cha Meredith và ông mang nó đến gặp một thương gia. Các trang thiết bị được đặt mua, việc này được giữ kín cho đến khi đồ đạc được chuyển tới và trong thời gian đó, ta đã cố gắng đi tìm công việc ở nhà in khác. Tuy nhiên, ta không thể tìm ra vị trí trống nào và chấp nhận thất nghiệp vài ngày khi Keimer, trong nỗ lực có được hợp đồng in tiền giấy cho New Jersey, công việc rất cần những khung cắt và những mẫu chữ in mà chỉ có ta mới có thể cung cấp, và sợ rằng Bradford sẽ giành mất hợp đồng này bằng cách thuê ta, đã gửi đến ta một thông điệp rất lịch sự rằng bạn bè lâu năm không nên chia rẽ chỉ vì vài lời nói xuất phát từ sự nóng giận nhất thời và mong muốn ta trở lại làm việc. Meredith khuyên ta nên quay về vì việc này cho cậu nhiều cơ hội học hỏi từ những chỉ bảo hằng ngày của ta hơn, do vậy ta quay trở lại với Keimer và nhà in làm việc còn trôi chảy hơn trước. Chúng ta nhận được hợp đồng từ New Jersey và ta chế ra một máy in bảng đồng cho công việc này, chiếc máy lần đầu tiên xuất hiện ở đất nước này. Ta khắc rất nhiều những hoa văn và những dấu hiệu đặc thù trên tờ tiền. Chúng ta cùng đi đến Burlington, nơi ta làm tất cả mọi việc một cách hoàn chỉnh và Keimer nhận được một khoản tiền lớn cho hợp đồng này đủ để giúp ông tồn tại lâu hơn.

Ở Burlington, ta quen một số nhân vật chủ chốt của vùng này. Nhiều người trong họ đã được Quốc Hội bổ nhiệm thành lập một uỷ ban xử lý việc in ấn để bảo đảm rằng không có nhiều tiền được in ra hơn so với luật định. Vì vậy, họ thay phiên nhau làm việc với chúng ta và theo thường lệ, một người đến kiểm tra cùng với một hoặc hai người bạn. Đầu óc ta khá hơn Keimer rất nhiều nhờ đọc sách, do đó ta nghĩ những cuộc trò chuyện của ta có vẻ có chiều sâu hơn. Họ mời ta về nhà, giới thiệu ta với bạn bè, và đối xử với ta rất lịch sự trong khi Keimer hơi bị bỏ bê dù là ông chủ. Sự thật, Keimer là một người lập dị, thiếu hiểu biết về cuộc sống, thích đối đáp lại những ý kiến của người khác một cách cộc cằn, nhếch nhách đến bẩn thỉu, hăng hái trong một vài quan điểm tôn giáo và có một chút đểu giả.

Chúng ta tiếp tục ở đó trong 3 tháng và đến lúc đó, những người bạn của ta bao gồm: thẩm phán Allen, Samuel Bustill thư ký của Burlington, Isaac Pearson, Joseph Cooper và rất nhiều người trong gia đình Smith, những thành viên trong Quốc Hội và Isaac Decow, một tổng kiểm

sát viên. Isaac Decow là một ông già khôn ngoan, sắc sảo. Ông nói với ta rằng ông bắt đầu việc quay đất sét khi còn trẻ cho một người thợ làm gạch, học viết khá trễ, đi xách thước đo dây cho các kiểm sát viên, những người đã dạy ông cách kiểm tra và giờ đây bằng nghề này ông đã có một gia sản kha khá, và ông nói: "Tôi có thể thấy rằng cậu sẽ sớm khiến người đàn ông này phá sản và trở nên giàu có ở Philadelphia." Lúc đó ông còn chưa biết chút gì về ý định mở nhà in của ta ở Philadelphia hay bất kỳ nơi nào khác. Những người bạn này sau đó giúp ta rất nhiều như ta khi giúp lại họ. Tất cả đều quý trọng ta suốt đời.

Trước khi nói về sự xuất hiện công khai của mình trong kinh doanh, có lẽ ta cần phải cho con biết cách suy nghĩ xuất phát từ những nguyên tắc mà con sẽ thấy chúng ảnh hưởng nhiều thế nào đến những sự kiện trong cuộc đời ta. Cha mẹ đã cho ta những hiểu biết về tôn giáo rất sớm và từ thuở ấu thơ đã dạy dỗ ta luôn sùng thờ đạo theo cách không chính thống. Sau khi lần lượt nghi ngờ rất nhiều điểm vì tính mâu thuẫn của nó trong những cuốn sách khác nhau mà ta đã đọc, ta bắt đầu nghi ngờ *Khải Huyền* khi mới gần 15 tuổi. Một vài cuốn sách phản bác lại học thuyết thần thánh đã rơi vào tay ta, tất cả những cuốn sách đó đều thể hiện nội dung trong các bài giảng của Boyle. Có vẻ như những cuốn sách này ảnh hưởng ta theo cách ngược lại những gì chúng hướng đến, vì những lý lẽ của các nhà thần luận được trích dẫn cho mục đích phản bác đối với ta còn có lý hơn cả lời phản bác. Nói ngắn gọn, ta trở thành một nhà thần luận toàn diện từ rất sớm. Những luận cứ của ta thuyết phục những người khác, đặc biệt là Collins và Ralph, nhưng sau đó cả hai người đều gây cho ta những thiệt hại mà không hề có chút ăn năn nào và sau những hành động của Keith với ta (một nhà thần luận khác), hành vi của ta với Vernon và nàng Read, những sự việc nhiều lần khiến ta gặp rắc rối, ta bắt đầu nghi ngờ tính hữu ích của học thuyết này dù nó có thể đúng. Cuốn chuyên đề xuất bản ở London của ta trên đó có ghi những dòng sau của Dryden:

"Bất kể nó là cái gì, nó đúng. Dù người khờ khạo

Chỉ thấy một phần của sự việc, móc xích gần nhất:

Ánh mắt của hắn không nhìn thấy sợi dây cân bằng

Đang treo tất cả lơ lửng phía trên."

Và theo lời Chúa, theo sự thông thái vĩnh cửu, lòng tốt và sức mạnh của ngài, kết luận rằng không có điều gì có thể chắc chắn sai trong thế giới này, và rằng xấu xa và đạo đức chỉ là những sự phân biệt rỗng tuếch, không có thứ gì như vậy tồn tại, khi nghĩ tới ta nhận thấy đó là những triết lý rất khôn ngoan. Và ta nghi ngờ rằng không biết trong lý lẽ của ta có sai lầm nào đó ta

không nhận ra có thể khiến tất cả những phần còn lại sai theo vì đó là điều rất hay gặp trong lý luận trừu tượng.

Ta bắt đầu tin rằng sự chân thành và tính chính trực giữa người với người là điều quan trọng nhất trong cuộc sống hạnh phúc, và ta đã viết ra những nguyên tắc này trong cuốn nhật ký của mình để theo đuổi nó cho đến khi nào ta còn trên đời. Vì như thế, cuốn sách *Khải Huyền* thực ra không có ý nghĩa gì với ta. Nhưng ta thích cái ý tưởng những hành vi nhất định có thể không xấu chỉ vì bị cấm, hay tốt chỉ vì được khuyến khích bởi cuốn sách đó. Tuy nhiên, nhiều khả năng những hành vi này bị cấm vì bản chất nó không tốt cho con người khi xem xét tất cả mọi khía cạnh của vấn đề. Và học thuyết này, với bàn tay của Chúa Trời, của những thiên thần hộ mệnh nào đó, hay bởi những tình huống vô tình thuận lợi, hoặc có thể với tất cả những yếu tố trên, đã bảo vệ ta qua những giai đoạn nguy hiểm của tuổi trẻ. Khi gặp phải những tình huống nguy hiểm ở những vùng đất xa lạ, khi thiếu đi sự trông coi và chỉ bảo của người cha, ta không hề mảy may có chủ ý hành động trái đạo đức hay ác ý, điều đó có lẽ xuất phát từ mong muốn tôn giáo của ta. Ta nói có chủ ý vì những ví dụ ta đã nêu ra có điều gì đó tất yếu, từ sự non trẻ thiếu kinh nghiệm của ta và sự bất lương của những kẻ khác. Do đó, ta có tính cách nhẫn nhịn khi bắt đầu bước vào cuộc đời. Ta rất quý đức tính này và luôn quyết tâm giữ nó.

Chúng ta trở về Philadelphia không lâu sau khi những mẫu chữ in mới được chuyển tới London. Ta dàn xếp với Keimer và nghỉ việc trong sự đồng ý của ông trước khi ông nghe nói về việc đó. Chúng ta tìm và thuê một ngôi nhà gần chợ. Để giảm bớt chi phí thuê, lúc đó là 24 Bảng một năm, dù rằng ta biết trước đó nó được cho thuê với giá 70 Bảng, chúng ta cho Thomas Glazier, một thợ làm kính và gia đình của ông này đến ở chung và họ chi trả một phần lớn khoản tiền thuê nhà. Chúng ta chỉ vừa mở những mẫu chữ in và lắp ráp chiếc máy in xong thì một người quen của ta, tên George House, dẫn đến một chàng trai nhà quê, người trước đó hỏi tìm một nhà in House gặp trên phố. Vì tất cả tiền bạc chúng ta đã chi cho những đồ đạc thiết yếu nên cậu trai chỉ đòi 5 shilling một này trở thành món hời đầu tiên đến rất đúng lúc khiến ta cảm thấy vui hơn bất kỳ những thành tựu nào mà mình đã đạt được trước đó. Và sự biết ơn của ta với House đã khiến ta thường sẵn sàng hơn trong việc chỉ bảo những người trẻ tuổi mới bắt đầu công việc khác.

Đất nước nào cũng có những kẻ chuyên rêu rao những điềm gở về sự suy tàn. Người đàn ông đó xuất hiện ở Philadelphia, một người đứng tuổi có tiếng tăm, có ngoại hình thông thái và trịnh trọng trong cách nói chuyện. Tên ông là Samuel Mickle. Ta không biết ông này nhưng một ngày ông đứng trước cửa hàng của ta và hỏi rằng có phải ta là cậu trai trẻ vừa mới mở nhà in không. Khi nhận được câu trả lời xác nhận, ông nói ông cảm thấy tiếc cho ta, những công sức

và tiền bạc ta bỏ ra sẽ bị mất trắng vì Philadelphia là một nơi đang tàn lụi, tất cả mọi người đều đang trên đà phá sản hay chuẩn bị phá sản, những thứ bề ngoài trông có vẻ trái ngược như là những tòa nhà mới, những người mới đến thuê theo ông hiểu chỉ là lừa bịp vì thực tế những thứ đó cũng nằm trong những yếu tố sẽ hủy hoại chúng ta. Ông kể tỉ mỉ những sự bất hạnh đang tồn tại và những cái sẽ sớm xuất hiện và để lại ta đứng đó với tâm trạng sầu muộn. Nếu ta biết ông sớm hơn, có lẽ ta đã không mở nhà in. Tuy nhiên, Mickle vẫn tiếp tục sống ở nơi tàn lụi này, tiếp tục diễn thuyết bằng giọng điệu đó, từ chối mua nhà trong nhiều năm bởi vì theo ông, tất cả sẽ sớm bị phá huỷ. Cuối cùng, ta thích thú nhìn Mickle trả khoản tiền gấp 5 lần so với khoản tiền lẽ ra ông phải trả lúc bắt đầu đi rêu rao điềm gở.

Lẽ ra, ta nên nhắc đến lúc trước rằng, trong mùa thu năm trước, ta tập hợp các bằng hữu tốt nhất của mình thành một câu lạc bộ cùng tiến bộ, thường xuyên họp mặt vào chiều Thứ Sáu, lấy tên là *Junto*. Quy định mà ta đặt ra đó là yêu cầu tất cả các thành viên khi tới lượt phải nêu ra một hay hai câu hỏi tham luận về bất kỳ điểm nào trong đề tài Đạo Đức, Chính Trị, hay Khoa Học Tự Nhiên để những người khác thảo luận và cứ 3 tháng một lần, mỗi thành viên phải sáng tác và đọc một bài luận về bất kỳ đề tài nào người đó thích. Để tránh sự nhiệt tình quá độ, những ý kiến quả quyết hay mâu thuẫn trực tiếp đôi khi xuất hiện sau đó, các buổi tranh luận của chúng ta đều được điều phối bởi một chủ nhiệm và được diễn ra trên tinh thần theo đuổi sự thật, không ham tranh cãi hay mong muốn giành chiến thắng. Những quy định này được thực thi dựa trên những khoản tiền phạt nhỏ.

Thành viên đầu tiên là Joseph Breintnal, một nhân viên sao chép chứng từ làm việc cho những người chuyên sao chép văn kiện, một người tốt, thân thiện, tuổi trung niên, yêu thơ cuồng nhiệt, đọc tất cả những bài thơ mà ông bắt gặp và viết một vài tác phẩm kha khá, biết nhiều những thứ lạ kỳ nho nhỏ và nói chuyện khôn ngoan.

Thomas Goldfrey, một nhà Toán học tự học theo cách riêng rất hay của mình và sau đó là người phát minh ra thứ mà bây giờ được gọi là Thước Đo Hadley. Nhưng ngoài Toán ra, Goldfrey không biết gì nhiều và là một người bạn không dễ chịu cho lắm. Như tất cả những nhà Toán học mà ta từng gặp, ông đòi hỏi sự chính xác tổng thể của mọi thứ được đề cập và luôn bác bỏ cũng như phân biệt những thứ nhỏ nhặt đến mức làm nhiễu buổi thảo luận. Ông sớm rời khỏi nhóm chúng ta.

Nicholas Scull, một kiểm sát viên sau đó thành tổng kiểm sát viên, người yêu sách và đôi khi làm thơ.

William Parsons, được truyền nghề đóng giày, nhưng yêu thích đọc sách, có được một khối

lượng kiến thức khá lớn về Toán. Ban đầu, Parsons theo đuổi Toán học với mục đích nghiên cứu Chiêm tinh học, việc mà sau này ông cười khi nhắc đến nó. Ông cũng trở thành một tổng kiểm sát viên.

William Maugridge, một thợ làm đồ gỗ, một thợ cơ khí xuất sắc và là một người hiểu biết và đáng tin cậy.

Hugh Meredith, Stephen Potts và George Webb ta đã nhắc đến lúc trước.

Robert Grace, một quý ông khá giả, rộng rãi, sôi nổi và hóm hỉnh, yêu thích chơi chữ và quý mến bạn bè.

Và William Coleman, một nhân viên kinh doanh, xấp xỉ tuổi ta, một con người điềm đạm, đáng mến, có trái tim nhân hậu và có đạo đức chuẩn mực nhất trong số tất cả những người ta từng gặp. Sau đó, cậu trở thành một thương gia nổi tiếng và là một trong những thẩm phán của vùng. Tình bạn của chúng ta tiếp tục cho đến khi cậu qua đời khoảng 40 năm sau đó. Câu lạc bộ tiếp tục được duy trì cho đến thời điểm đó như một ngôi trường tốt nhất trong vùng, chuyên giảng dạy khoa học, đạo đức và chính trị. Những câu hỏi được nêu ra một tuần trước buổi thảo luận khiến chúng ta chăm chú tìm hiểu nhiều đề tài mà chúng ta có thể sẽ bàn luận, và ở đây, chúng ta có được thói quen thảo luận tốt hơn, mọi thứ đều được xem xét dưới các quy định được tạo ra để ngăn cản chúng ta không tranh cãi lẫn nhau. Câu lạc bộ tiếp tục được duy trì rất lâu sau đó và ta sẽ có những dịp nói nhiều hơn về nó sau này.

Nhưng kể về nó ở đây là để đề cập đến một cái lợi mà ta có từ Junto, mọi người trong chúng ta đều cố gắng giúp đỡ nhau trong công việc kinh doanh. Đặc biệt Breintnal giúp chúng ta có được hợp đồng in 40 bộ sách lịch sử từ những tín đồ cơ hữu trong khi phần còn lại Keimer được nhận. Theo bản hợp đồng này, chúng ta phải làm việc cật lực vì giá tiền rất thấp. Đó là một cuốn sách khổ hai, kích thước Anh, cỡ chữ hệ pica với những chú giải viết bằng cỡ chữ primer. Ta soạn bảng chữ cho một quyển mỗi ngày, và Meredith đảm trách việc in ra. Thường thì chúng ta thức đến 11 giờ và đôi khi trễ hơn trước khi ta hoàn tất công việc xếp chữ cho ngày mai vì một số công việc nhỏ khác do vài người bạn gửi đến làm chúng ta chậm lại. Nhưng ta vẫn quyết phải hoàn thành một cuốn sách một ngày. Một đêm, khi đã làm xong khuôn in, ta nghĩ đã xong việc, một trong những khuôn in vô tình bị vỡ ra và hai trang giấy chỉ còn lại chẳng còn bao nhiêu, ta ngay lập tức dỡ khuôn in ra và sắp tất cả vào lại trước khi đi ngủ. Công việc kinh doanh của chúng ta bắt đầu có tiếng tăm khi được nhiều người hàng xóm biết đến. Đặc biệt là, như ta nghe nói, mọi người ở câu lạc bộ hàng đêm của các thương gia bàn tán nhau về một nhà in mới, nhận xét chung là chắc chắn sẽ thất bại vì đã có hai nhà in trong vùng, Keimer

và Bradford, nhưng Giáo Sư Baird (người mà sau này sẽ gặp lại ở quê hương của ông, thị trấn St. Andrew ở Scotland) lại đưa ra ý kiến trái ngược: "Nhà in của Franklin là một nhà in tốt nhất tôi từng thấy," ông nói, "Tôi thấy cậu ta vẫn làm việc khi tôi về nhà từ câu lạc bộ và làm việc khi những người khác chưa thức giấc." Nhận xét này ảnh hưởng mạnh mẽ đến những người còn lại và không lâu sau đó, chúng ta nhận được những đề nghị cung cấp văn phòng phẩm từ một trong những hội viên của câu lạc bộ. Tuy vậy, chúng ta vẫn chưa quyết định mở cửa hàng kinh doanh.

Ta nhắc đến sự cần cù trong công việc của mình một cách tỉ mỉ và hào phóng hơn, dù rằng có vẻ như ta đang tự khen, nhưng những con cháu hậu thế nếu đọc có thể hiểu sự hữu ích của đức tính này khi thấy những tác dụng tốt của nó.

George Webb đã tìm được một người bạn gái sẵn sàng cho cậu vay bất kỳ số tiền nào cần thiết để hủy giao kèo với Keimer và giờ đến xin việc ở chỗ chúng ta. Lúc đó, chúng ta không thể thuê cậu nhưng lại ngu ngốc tiết lộ rằng chúng ta đang chuẩn bị cho ra đời một tờ báo và có thể sẽ có việc làm cho Webb. Hy vọng chúng ta thành công, như ta nói với Webb, dựa trên nền tảng rằng tờ báo duy nhất được in ra bởi Bradford rất dở, quản lý kém, không có tính giải trí nhưng vẫn mang lại lợi nhuận cho ông. Do đó, ta tin rằng một tờ báo hay sẽ khó thất bại. Ta dặn Webb không được tiết lộ bí mật này nhưng cậu ta vẫn nói với Keimer, người ngay lập tức thông báo việc chuẩn bị phát hành một tờ báo trước ta và Webb được Keimer nhận vào làm. Ta rất tức giận về điều này và để đối đầu với Keimer vì đã không thể xuất bản tờ báo của mình, ta viết nhiều tác phẩm giải trí cho tờ báo của Bradford dưới bút danh "người bận rộn", bút danh mà Breitnal tiếp quản và duy trì vài tháng sau đó. Bằng cách đó, sự chú ý của công chúng đều tập trung vào tờ báo của Bradford và thông báo xuất bản của Keimer, thứ chúng ta chế giễu và cười nhạo, không được ai quan tâm. Tuy nhiên, Keimer vẫn xuất bản tờ báo và duy trì nó 3 quý tiếp theo với lượng đăng ký cao nhất chỉ có 9 người. Ông bán lại cho ta với cái giá bèo bọt. Do đã chuẩn bị sẵn để bắt đầu tờ báo của mình, ta nhận nó và chỉ trong vài năm nó đã mang lại rất nhiều lợi nhuận.

Ta nhận ra ta buộc phải tự xử lý mọi việc dù rằng vẫn cộng tác với Meredith. Lý do có lẽ là vì thực tế tất cả việc quản lý kinh doanh đều do ta đảm trách. Meredith không phải thợ sắp chữ giỏi, là một người thợ in tồi và hiếm khi tỉnh rượu. Bạn bè ta kêu ca về sự hợp tác giữa ta và cậu ấy nhưng ta muốn tận dụng nó theo cách tốt nhất.

Tờ báo đầu tiên của chúng ta có thiết kế khá khác biệt so với bất kỳ tờ báo nào trong vùng, hình thức đẹp hơn và in đẹp hơn. Nhưng chính những bài viết nhận xét sinh động của ta về đề

tài cuộc tranh luận diễn ra giữa Thống đốc Burnet và Quốc Hội Massachusetts đã gây được sự chú ý đến hầu hết mọi người giúp cho tờ báo và người quản lý nó được bàn tán đến rất nhiều. Kết quả là chỉ trong vài tuần, những người bàn tán về tờ báo trở thành các khách hàng mua báo.

Hành động của những người này khiến nhiều người khác cũng bắt chước theo và số lượng người đặt mua liên tục tăng. Đây là lợi ích đầu tiên của việc biết viết lách. Một lợi ích khác là khi những người có ảnh hưởng thấy tờ báo này được đọc bởi những người có học liền nghĩ rằng việc giúp đỡ và khuyến khích ta viết bài là điều nên làm. Bradford vẫn cho xuất bản những thông tin bầu cử, luật và các vấn đề công khác. Ông cho in bài diễn văn của Nghị Viện với Thống đốc một cách tồi tàn và ngớ ngẩn trong khi chúng ta cho in nó một cách trang trọng nghiêm chỉnh rồi gửi một bản đến tất cả các thành viên. Họ đều nhận ra sự khác biệt: nó giúp tăng sức mạnh của bạn bè ta trong Nghị Viện và ta trở thành nhà cung cấp dịch vụ in ấn cho họ trong năm tiếp theo.

Trong số các bạn bè ở Nghị Viện, ta không thể quên được Hamilton, người mà ta có nhắc đến trước đây. Ông đã trở về từ Anh và có một ghế trong Nghị Viện. Ông ủng hộ ta rất mạnh mẽ trong chuyện này cũng như nhiều chuyện khác sau đó cho đến khi qua đời.

Lúc này, Vernon nhắc đến món nợ mà ta nợ ông nhưng không thúc ta phải trả. Ta viết cho ông một lá thư thể hiện sự biết ơn chân thành vì đã kiên nhẫn cho phép ta kéo dài thời gian trả nợ, hứa rằng ngay khi có khả năng ta sẽ trả ông số tiền cả gốc lẫn lãi và nói rằng mình cảm ơn ông rất nhiều. Việc làm đó là để sửa sai phần nào lỗi lầm trước kia.

Nhưng giờ một khó khăn nữa mà ta không hề mong đợi lại xuất hiện. Cha của Meredith, người trả tiền để xây dựng nhà in theo ý của ta trước kia, chỉ đủ khả năng chi 100 Bảng. 100 Bảng còn lại là khoản cho vay của một thương gia, người bắt đầu mất kiên nhẫn và đâm đơn kiện tất cả chúng ta. Chúng ta trả tiền bảo lãnh nhưng hiểu rằng nếu không trả tiền đúng hạn, vụ án sẽ sớm được phán quyết và thi hành. Hậu quả là viễn cảnh đầy hy vọng của chúng ta sẽ bị huỷ hoại vì máy in và những mẫu chữ sẽ bị đem ra bán để trả nợ, có thể chỉ với nửa giá.

Trong hoàn cảnh khó khăn này, hai người bạn đích thực, những người mà ta chưa bao giờ quên và sẽ không bao giờ quên lòng tốt của họ nếu ta còn khả năng nhớ điều gì đó, lần lượt đến gặp ta vì cả hai không biết nhau, và dù ta không yêu cầu gì, mỗi người đều đề nghị cho ta mượn tất cả khoản tiền cần thiết để ta có thể mua lại toàn bộ nhà in nếu có thể. Nhưng họ không muốn ta tiếp tục hợp tác với Meredith, người mà theo họ thường bắt gặp say xỉn ở ngoài đường và chơi những trò chơi tầm thường trong quán rượu, những hành vi hạ thấp uy tín của

chúng ta. Hai người bạn này là William Coleman và Robert Grace. Ta nói với họ rằng, ta không thể đề nghị ngừng hợp tác trong khi nhà Meredith vẫn hoàn thành phần việc của mình trong thoả thuận hợp tác hai bên vì ta nghĩ mình có nghĩa vụ sâu nặng với họ sau những gì họ đã làm và sẽ làm cho ta nếu có thể. Tuy nhiên, nếu nhà Meredith không hoàn thành phần nhiệm vụ của mình, sự hợp tác phải chấm dứt, lúc ta sẽ cân nhắc việc chấp nhận sự giúp đỡ của các bạn ta.

Do đó, vấn đề lắng xuống một thời gian cho đến khi ta nói với Meredith: "Có lẽ cha cậu không hài lòng về phần việc của cậu trong thỏa thuận hợp tác giữa hai chúng ta và không muốn chi cho tôi và cậu số tiền mà ông ấy chỉ muốn dành cho cậu mà thôi. Nếu vậy, hãy nói với tôi, tôi sẽ trả lại toàn bộ công việc kinh doanh cho cậu và bắt đầu công việc mới của mình."

"Không," Meredith nói, "cha tôi thực sự đã rất thất vọng và thực sự không có đủ khả năng, tôi không muốn làm ông ấy buồn phiền nhiều hơn nữa. Tôi biết tôi không hợp với nghề này. Tôi được học nghề nông và tôi thật điên khùng khi đến thành phố để xin học một nghề hoàn toàn mới ở cái tuổi 30. Rất nhiều đồng hương xứ Wales của tôi định cư tại North Carolina, nơi đất đai rất rẻ. Tôi định đi theo họ và quay trở lại nghiệp cũ của mình. Cậu có thể tìm bạn bè để giúp đỡ cậu. Nếu cậu gánh món nợ của công ty, trả cho cha tôi 100 Bảng ông đã bỏ ra, trả một ít nợ cá nhân cho tôi, đưa cho tôi 30 Bảng và một cái yên ngựa mới, tôi sẽ rút khỏi công ty và để lại toàn bộ công việc kinh doanh cho cậu." Ta đồng ý với đề nghị này. Nó được viết ra giấy, ký tên và đóng dấu ngay lập tức. Ta đáp ứng những gì Meredith đòi hỏi, cậu ta nhanh chóng chuyển đến North Carolina và trong năm kế tiếp gửi cho ta hai lá thư dài kể về những điều kiện thuận lợi ở vùng này như thời tiết, đất đai, nghề nông, v.v… Cậu tỏ ra rất hiểu biết những vấn đề này. Ta cho in những lá thư của Meredith và công chúng rất thích thú với những thông tin này.

Ngay sau khi Meredith ra đi, ta đến tìm hai người bạn, và vì không muốn làm mất lòng ai, ta nhận phân nửa những gì mỗi người đề nghị. Ta nhận đầy đủ số tiền của một người và phân nửa của người còn lại. Ta trả hết số nợ, tiếp tục kinh doanh dưới tên của mình và thông báo rằng sự hợp tác đã chấm dứt. Ta nhớ đó là vào năm 1729.

Vào khoảng thời gian này, người dân thường phàn nàn về tình trạng thiếu tiền giấy. Chỉ còn 15 nghìn Bảng lưu hành trong vùng và số tiền này sẽ sớm bị dùng hết. Những người giàu phản đối việc in thêm tiền giấy vì sợ rằng việc làm đó sẽ khiến tiền mất giá, điều từng xảy ra ở New England, và gây ảnh hưởng xấu đến các chủ nợ. Chúng ta đã thảo luận về đề tài này ở câu lạc bộ Junto, ta đứng về phía ý kiến ủng hộ việc in thêm tiền bởi trước đó, vào năm 1723, khoản tiền nhỏ đầu tiên được đưa ra lưu hành đã mang lại nhiều lợi ích như tăng cường thương mại, tăng việc làm và số cư dân trong vùng, ta đã bắt gặp rất nhiều ngôi nhà cũ có người và nhiều ngôi

nhà mới được xây dựng. Trong khi đó, ta nhớ rất rõ, khi ta lần đầu tiên đi bộ trên những con đường ở Philadelphia khi đang ăn ổ bánh mì, ta thấy hầu hết những ngôi nhà ở đường Walnut nằm giữa đường Second và đường Front có dán bảng "Cho thuê" và tương tự như vậy ở đường Chestnut, điều đó khiến ta nghĩ rằng những cư dân của thành phố đang lần lượt bỏ đi.

Cuộc tranh luận khiến ta hiểu về đề tài này rõ đến nỗi ta viết và cho in ẩn danh một cuốn chuyên đề có tựa là *The Nature and Necessity of a Paper Currency* (Bản chất và sự cần thiết của tiền giấy). Mặc dù được hầu hết người dân đón nhận nhưng những người giàu không thích cuốn sách vì nó gia tăng và làm mạnh hơn lời kêu gọi in thêm tiền. Và vì trong số những người này không ai có khả năng viết phản biện, sự phản kháng của họ yếu đi và vấn đề được đa số thông qua ở Nghị Viện. Những người bạn của ta trong Nghị Viện, những người đánh giá cao chất lượng công việc của ta, cho rằng giao cho ta hợp đồng in tiền là phù hợp. Đó là một hợp đồng có lợi nhuận cao và nó giúp ta rất nhiều. Đây lại là một cái lợi nữa của việc biết viết.

Sự hữu ích của số tiền mới in này được chứng minh theo thời gian và thực tế rõ ràng đến nỗi không ai tranh cãi nhiều về nó sau này nữa. Do đó, số tiền in ra nhanh chóng tăng lên 55 nghìn Bảng và 80 nghìn Bảng vào năm 1739. Kể từ đó, lượng tiền tiếp tục tăng lên trên 350 nghìn Bảng trong giai đoạn chiến tranh. Thương mại, xây dựng và dân số đều tăng. Giờ đây ta biết rằng, có giới hạn về số lượng mà nếu vượt ra qua sẽ có tác dụng xấu.

Không lâu sau đó, ta nhận được hợp đồng in tiền vùng Newcastle từ tay người bạn Hamilton, một hợp đồng béo bở, theo suy nghĩ của ta. Những thứ nhỏ nhặt dường như cũng có giá trị to lớn trong những tình huống nhỏ và những hợp đồng này mang lại cho ta lợi ích to lớn vì nó mang tính khích lệ rất cao. Hamilton cũng giành cho ta hợp đồng in các bộ luật và phiếu bầu mà ta tiếp tục làm cho đến khi còn theo đuổi công việc kinh doanh này.

Giờ đây, ta mở thêm một cửa hàng văn phòng phẩm nhỏ. Ta có tất cả loại giấy trắng, loại chuẩn nhất chúng ta từng có từ sự giúp đỡ của người bạn Breintnal. Ta cũng có giấy da, những cuốn sách của người bán hàng rong v.v… Một người tên Whitemash, một thợ sắp bảng in chữ mà ta quen biết ở London giờ đây đến làm việc cho ta và cậu ấy làm việc rất kiên trì và chăm chỉ. Và ta cũng nhận con trai của Aquila Rose vào học việc.

Ta dần trả hết những món nợ đang gánh của nhà in. Để bảo đảm uy tín và danh tiếng của mình dưới vai trò một thương gia, ta không chỉ để bảo đảm rằng thực tế mình làm việc chăm chỉ và cần kiệm mà còn tránh có những hình ảnh trái ngược. Ta ăn mặc giản dị và không bao giờ xuất hiện ở những địa điểm tiêu khiển vớ vẩn. Ta không bao giờ ra ngoài săn bắn hay câu cá. Sách là thứ duy nhất khiến ta xao nhãng khỏi công việc nhưng hiếm khi đủ để tạo ra một

hình ảnh xấu. Và để thể hiện rằng mình luôn chăm chỉ, ta thỉnh thoảng đẩy về nhà đống giấy ta mua được ở những cửa tiệm dọc đường phố bằng chiếc xe cút kít. Vì là một cậu thanh niên trẻ tuổi chăm chỉ, giàu có và trả tiền mua hàng đúng hạn, những thương gia nhập văn phòng phẩm thường đến khuyến dụ làm mối hàng với ta, những người khác cung cấp sách cho ta và ta tiếp tục công việc rất thuận buồm xuôi gió. Trong lúc đó, uy tín và công việc kinh doanh của Keimer xuống dốc mỗi ngày và cuối cùng ông buộc phải bán nhà in để trả nợ. Ông chuyển đến Barbadoes sống ở đó nhiều năm trong tình cảnh rất nghèo khổ.

David Harry, người học việc của Keimer mà ta đã hướng dẫn trong thời gian còn làm việc với ông, tự ra mở nhà in riêng ở Philadelphia bằng cách mua lại một số nguyên vật liệu từ Keimer. Đầu tiên, ta sợ Harry sẽ là một đối thủ cạnh tranh đáng gờm vì những người bạn của cậu ấy có khả năng và có quen biết rất rộng. Vì thế, ta đề nghị cậu hợp tác cùng ta, may mắn thay Harry đã từ chối ta một cách rất khinh biệt. Cậu là một người rất tự hào về bản thân, ăn mặc như một quý ông, sống xa hoa, tham gia rất nhiều trò tiêu khiển và giải trí khắp nơi, mắc nợ và xao nhãng công việc kinh doanh. Do đó, tất cả khách hàng đều rời bỏ cậu và cậu không có gì để làm, Harry gói ghém nhà in mang bên mình theo Keimer đến Barbadoes. Ở đó, người học việc trước kia thuê ông chủ cũ của mình làm thợ, hai người thường xuyên cãi nhau, Harry tiếp tục làm việc kém cỏi và không lâu sau buộc phải bán những dụng cụ in ấn của mình và trở về làm việc ở Pensilvania. Người mua lại những dụng cụ in đó thuê Keimer làm việc, nhưng vài năm sau ông này qua đời.

Giờ tại Philadelphia không còn ai cạnh tranh với ta ngoại trừ ông già Bradford giàu có và dễ tính, đôi khi cho vài tay phụ việc làm một số ấn phẩm nhưng không bận tâm lắm về kinh doanh. Tuy nhiên, vì ông ta quản lý bưu điện nên người ta tưởng ông có nhiều cơ hội để nhận tin tức mới hơn và do vậy tờ báo của ông được cho là nơi quảng cáo tốt hơn, bán được nhiều quảng cáo hơn, có lợi nhuận cao hơn và đây là một bất lợi đối với ta. Dù cho cũng thực sự gửi và nhận báo qua bưu điện nhưng ta gửi bằng cách hối lộ những người giao thư để giao hàng bí mật cho ta nên công chúng không biết chuyện đó. Bradford đủ khả năng để cấm việc đó tiếp diễn, điều khiến ta có phần tức giận. Ta đã nghĩ về ông xấu đến mức khi chính bản thân rơi vào hoàn cảnh tương tự sau đó, ta đã cố gắng không lặp lại hành động của Bradford.

Ta vẫn tiếp tục ở chung nhà với Godfrey cùng vợ con ông và dành một phần của cửa hàng cho công việc kinh doanh kính của Godfrey. Dù làm việc ít nhưng ông rất chăm chú nghiên cứu Toán học. Bà Godfrey dự định sắp xếp cho ta một cuộc gặp với con gái một người bà con để mai mối cho chúng ta cho đến khi ta nghiêm túc tự theo đuổi cô này và bản thân cô gái này rất đáng để theo đuổi. Những người xung quanh khuyến khích ta tiếp tục bằng cách liên tục mời ta

đến ăn tối và để hai chúng ta lại bên nhau cho đến một thời gian sau khi thời điểm mở lời đã đến. Bà Godfrey sắp xếp buổi ra mắt nho nhỏ cho chúng ta. Ta nói với bà rằng ta hy vọng có được số tiền hồi môn theo con gái của họ bằng khoản tiền ta còn nợ khi mua nhà in, số tiền vào khoảng dưới 100 Bảng. Bà nói rằng gia đình bà không có nhiều tiền để dành tới vậy. Ta bảo họ có thể cầm ngôi nhà của mình ở văn phòng cho vay. Sau vài ngày, câu trả lời cho chuyện này là họ không đồng ý cuộc hôn nhân, vì sau khi hỏi Bradford, họ được cho biết rằng nhà in không có lợi nhuận, những mẫu chữ in sẽ sớm hư hỏng và sẽ cần mua nhiều cái mới hơn và rằng Keimer và D. Harry đã thay nhau thất bại thì ta cũng sớm nối gót họ mà thôi. Và do vậy, ta bị cấm tới nhà của cô gái và cô này cũng bị cấm cửa.

Dù đây có là sự thay đổi ý định thực sự hay chỉ là mưu mẹo cho rằng hai chúng ta đã có tình cảm quá sâu đậm không thể rút lại được và như thế chúng ta có thể sẽ lén kết hôn, điều đó sẽ khiến họ có quyền tự do chọn lựa chuyện cho hay giữ bất cứ gì họ muốn, ta không biết, nhưng ta nghi ngờ giả thuyết thứ hai hơn, điều đó khiến ta tức giận và không muốn tiếp tục. Sau đó bà Godfrey chuyển cho ta những đề nghị thoả thuận thiện chí hơn từ những người này và muốn ta quay trở lại thương lương nhưng ta tuyên bố dứt khoát không muốn dính dáng đến gia đình đó nữa. Tuyên bố đó làm gia đình Godfrey tức giận, chúng ta cãi nhau và họ dọn ra ngoài để lại cho ta toàn bộ ngôi nhà và ta quyết định không nhận ai vào ở chung nữa.

Nhưng sự việc này đã hướng ta suy nghĩ đến việc kết hôn. Ta quan sát xung quanh và hỏi thăm bạn bè ở những nơi khác nhưng sớm nhận ra ngành kinh doanh in ấn bị xem là nghề nghèo, ta không được mong chờ tiền hồi môn từ vợ trừ phi khoản tiền đó là từ người mà ta không thích. Trong lúc đó, sự đam mê khó kiểm soát được của tuổi trẻ thúc giục ta thường xuyên qua lại với những phụ nữ thấp kém, việc đó khiến ta mất tiền và tạo ra nhiều sự bất tiện bên cạnh những rủi ro liên miên về sức khoẻ, thứ mà ta sợ nhất dù rằng ta may mắn thoát khỏi tình trạng đó. Một mối quan hệ thư từ qua lại thân thiện như những người hàng xóm và bạn cũ vẫn được duy trì giữa ta và gia đình nàng Read, những người đều quý mến ta kể từ lần đầu tiên ta trọ trong nhà của họ. Ta thường được mời tới tư vấn và thỉnh thoảng giúp đỡ một vài vấn đề cho họ. Ta tiếc cho số phận không may của nàng Read, người luôn chán nản, ít khi vui cười và tránh gặp gỡ bạn bè. Ta đổ lỗi sự không vững vàng và kiên trì của mình trong thời gian ở London là nguyên nhân chính dẫn đến sự bất hạnh của nàng, dù rằng mẹ nàng đủ rộng lượng để cho rằng lỗi thuộc về bà nhiều hơn vì bà đã ngăn cản chúng ta kết hôn khi ta đi London và thuyết phục con gái bà chấp nhận cuộc hôn nhân kia trong thời gian ta vắng mặt. Tình cảm giữa hai chúng ta bắt đầu nảy nở trở lại nhưng gặp phải sự phản đối kịch liệt chuyện chúng ta tiến tới kết hôn. Thực tế cuộc hôn nhân này được xem là không khả thi. Một người vợ trước

của chồng nàng được cho là đang sống ở London nhưng điều này không dễ chứng minh vì khoảng cách quá xa và mặc dù rằng có thông tin chồng nàng đã chết song không chắc chắn. Ngay cả nếu chuyện đó là sự thật, hắn đã để lại rất nhiều khoản nợ mà người thay thế sẽ phải gánh thay. Tuy nhiên, chúng ta đã đánh bạo vượt qua những khó khăn này và ta cưới nàng làm vợ vào ngày 1 tháng 9 năm 1730. Không có những phiền phức như chúng ta đã lo sợ, nàng chứng tỏ mình là một người bạn đời tuyệt vời, chung thuỷ và giúp ta rất nhiều trong việc trông coi cửa hàng. Chúng ta cùng nhau xây dựng cuộc sống phát đạt và luôn cố gắng khiến người kia hạnh phúc. Ta đã sửa được sai lầm to lớn trước kia trong khả năng của mình.

Vào khoảng thời gian này, việc họp mặt câu lạc bộ của chúng ta thường không tổ chức ở quán rượu mà trong căn phòng nhỏ của Grace dành riêng cho họp câu lạc bộ. Ta là người đề xuất ý kiến đó vì những cuốn sách của chúng ta thường được dùng trong những bài nghiên cứu liên quan đến các đề tài bàn luận, và sẽ thuận tiện hơn nếu có tất cả sách ở nơi họp mặt để có thể dùng tham khảo vào dịp thảo luận. Và bằng cách gom sách của tất cả lại thành một thư viện chung, từng thành viên đều có lợi khi được dùng sách của những thành viên khác giống như một thành viên sở hữu tất cả sách vậy. Mọi người đều thích và đồng ý với ý kiến đó, chúng ta chất đầy sổ sách mà chúng ta có thể ở một góc của căn phòng. Số lượng sách không nhiều như chúng ta tưởng và dù những cuốn sách đó rất hữu ích nhưng bắt đầu xuất hiện những sự phiền phức trong việc bảo quản sách sao cho đúng. Sau khoảng một năm, kho sách đó được chia ra và mỗi người lại đem sách của mình về nhà.

Và giờ ta bắt đầu nghiên cứu một dự án công về một thư viện đăng ký thành viên. Ta soạn ra những đề xuất, nhờ một người sao chép văn khế tên Brockden viết lại theo đúng mẫu và nhờ sự giúp đỡ của bạn bè ta trong Junto, có được 50 người đăng ký với giá khởi điểm 40 shilling và phí 10 shilling một năm, trong vòng 50 năm, kỳ hạn mà nhóm thành viên đồng ý tham gia. Sau đó chúng ta soạn thảo một bản điều lệ, số người đăng ký tăng lên 100, đây là mẹ đẻ của tất cả thư viện đăng ký ở Bắc Mỹ mà giờ đây con số đã lớn hơn rất nhiều lần. Nó cực kỳ thành công và tiếp tục gia tăng về số lượng. Những thư viện này giúp tăng cơ hội thảo luận của người Mỹ, biến những thương gia và nông dân bình thường trở nên thông minh ngang giới quý tộc nhất từ các quốc gia khác và có lẽ đã phần nào đóng góp vào quan điểm của các nước thuộc địa trong vấn đề bảo vệ quyền lợi của họ.

Bản ghi nhớ. Vì là văn bản được viết ra với mục tiêu được ghi rõ từ ban đầu, do đó có thể chứa đựng rất nhiều những giai thoại gia đình không quan trọng với những người khác. Điều ta sẽ đề cập tiếp theo được viết nhiều năm sau theo lời khuyên từ những bức thư này và được viết cho công chúng đọc.

Cuộc cách mạng đã tạo ra một sự gián đoạn.

Thư từ Albel James với những ghi chú về cuộc đời ta.

(nhận được ở Paris)

"GỬI NGƯỜI BẠN THÂN ĐÁNG KÍNH CỦA TA: Ta luôn mong muốn viết cho anh nhưng không thể vì sợ rằng lá thư sẽ rơi vào tay bọn Anh, chưa kể những tay thợ in hay những kẻ nhiều chuyện sẽ công bố một phần nội dung của lá thư khiến anh phải chịu đựng đau khổ và ta bị khiển trách.

Khi ta, trong nỗi vui sướng khôn cùng, nhận được (23 trang) những dòng do anh viết, chứa đựng những thông tin về thân thế và cuộc đời anh cho đến con trai anh kết thúc vào năm 1730, với những ghi chú tương tự như các bản viết của anh. Ta kèm theo một bản sao chép của những trang giấy đó với hy vọng rằng nó sẽ là nguồn tư liệu để anh tiếp tục viết sau này, đoạn đầu và đoạn sau sẽ có thể được nối với nhau. Và nếu nó chưa được viết tiếp thì ta hy vọng anh sẽ không trì hoãn nó. Cuộc sống thật khó đoán như lời các nhà thuyết giáo và thế giới sẽ nói được gì nếu Benjamin Franklin tử tế, nhân đức và rộng lượng rời khỏi bạn bè của anh, thế giới sẽ thiếu đi một tác phẩm đầy thú vị và hữu ích, một tác phẩm không chỉ hữu ích và thú vị cho vài người mà là cho hàng triệu người? Những tác phẩm có tầm ảnh hưởng như vậy nếu được giới trẻ tiếp thu thì rất tuyệt, và ta không thấy rõ ràng hơn ở nơi đâu khác sự hiện diện của những ảnh hưởng này ngoài cuốn nhật ký của người bạn chúng ta. Nó như vô tình dẫn dắt thế hệ trẻ đến với quyết tâm trở thành một nhà báo xuất chúng và tài ba. Tác phẩm của anh, thí dụ nếu được xuất bản (và ta nghĩ không thể thất bại được), sẽ dẫn dắt thế hệ trẻ đạt được sự chăm chỉ và điềm đạm như anh đã có khi còn rất trẻ. Đó thật là một sự chúc phúc lớn lao cho thế hệ trẻ! Ta không biết ai còn đang sống hay nhiều người khác cộng lại có có khả truyền bá một tinh thần tuyệt vời về sự chăm chỉ và sớm quan tâm đến công việc, sự cần kiệm cũng như sự điềm đạm cho thế hệ trẻ Mỹ nhiều như anh. Ta cũng không nghĩ rằng tác phẩm của anh sẽ có những giá trị khác và tác dụng khác với thế giới nào khác ngoài thế giới ta đã đề cập. Nhưng cái chính yếu là sự quan trọng mà ta biết không gì có thể sánh bằng."

Lá thư được đề cập ở trên và những chi tiết liên quan đến nó được đưa cho một người bạn xem, ta nhận được lá thư tiếp theo của cậu ấy:

Thư từ Benjamin Vaughan.

"PARIS, 13 tháng 2 năm 1783.

"KÍNH GỬI NGÀI: Khi đọc qua những trang ghi chép các sự kiện lớn trong cuộc đời của ngài,

được người bạn tín đồ cơ hữu của ngài tìm lại, tôi đã nói với ngài tôi sẽ gửi ngài một lá thư giải thích lý do vì sao tôi nghĩ nó sẽ hữu ích nếu được hoàn thành và xuất bản như người bạn ngài mong muốn. Đã có rất nhiều lo lắng trở ngại trong quá khứ khiến tôi không thể viết lá thư này sớm hơn và tôi không biết liệu nó có đáng để tôi hy vọng không. Tuy nhiên, nhân thời gian rảnh rỗi, tôi sẽ ít ra cũng khiến bản thân mình cảm thấy thỏa mãn và có định hướng bằng cách viết lá thư này. Nhưng do một số từ tôi thường dùng có thể sẽ xúc phạm đến một người như ngài, tôi sẽ chỉ kể cho ngài nghe cách tôi nói với bấy kỳ những người khác, những người cũng giỏi và vĩ đại như ngài nhưng ít khiêm tốn hơn. Thưa ngài, tôi sẽ nói với người đó rằng tôi bị cuốn hút bởi câu chuyện cuộc đời của người đó từ những động lực sau: câu chuyện cuộc đời ngài thật phi thường và nếu ngài không kể nó thì chắc chắn sẽ có người khác làm điều đó, và nếu làm như vậy, nó có thể tạo ra nhiều tai hại hơn so với khi ngài tự mình viết. Hơn thế nữa, nó còn cho thấy một bức tranh của những sự kiện nội bộ trong đất nước ngài và điều này rất hữu ích để có thể mời gọi thêm nhiều người định cư đàng hoàng và có đạo đức. Và cân nhắc sự hào hứng tìm đọc những thông tin đó cùng danh tiếng của ngài, tôi không biết liệu có cách thức nào hiệu quả hơn để quảng cáo ngoài quyển tự truyện của ngài. Tất cả những sự kiện xảy ra với ngài cũng liên quan đến những chi tiết về tập quán sống và hình ảnh của những con người đang trỗi dậy, vì lẽ đó tôi không nghĩ rằng những tác phẩm về Caesar và Tacitus có thể thú vị hơn một nhận định thực tế về bản chất con người và xã hội. Tuy nhiên, thưa ngài, tôi nghĩ đây chỉ là những lý do nhỏ nhặt so với cơ hội hình thành một thế hệ những con người tài năng trong tương lai và nằm trong mối tương quan với tác phẩm Art of Virtue (Nghệ Thuật Của Đức Hạnh) của ngài (cuốn sách mà ngài đã thiết kế để cho xuất bản), cuốn sách với mục đích cải thiện bản tính của từng cá nhân và để mang lại cho tất cả sự hạnh phúc cả bên trong lẫn bên ngoài. Hai tác phẩm tôi đề cập tới, thưa ngài, đặc biệt cung cấp một quy tắc và ví dụ đáng kính về việc tự học. Trường học và những môi trường giáo dục khác liên tục giảng dạy dựa trên những quy tắc sai lầm và cho thấy nó là một hệ thống vụng về với đích đến sai lầm. Nhưng bộ máy nguyên tắc của ngài đơn giản và quan điểm rất thực tế. Và khi những bậc phụ huynh và những người trẻ tuổi không có được những cách thức đúng đắn để đánh giá và chuẩn bị cho một hướng đi hợp lý trong cuộc đời, quan điểm của ngài cho rằng khả năng khám phá của mỗi người là điều vô tận là một quan điểm vô giá. Ảnh hưởng muộn màng đến một người không chỉ đơn thuần là một ảnh hưởng muộn màng mà còn là một ảnh hưởng kém sức mạnh. Giai đoạn tuổi trẻ chính là giai đoạn chúng ta nuôi dưỡng nhưng thói quen và định kiến quan trọng. Chính trong giai đoạn tuổi trẻ chúng ta chọn quan điểm của mình về nghề nghiệp, những thú vui và người bạn đời. Do đó, giai đoạn tuổi trẻ là ngả rẽ. Ở giai đoạn tuổi trẻ, thậm chí sự giáo dục dành cho thế hệ tiếp theo cũng được hình thành. Ở giai đoạn tuổi trẻ, nhân cách cá nhân và ngoài đời được quyết định. Và vì khái niệm cuộc đời

được phát triển từ tuổi trẻ đến tuổi già, cuộc sống nên khởi đầu tốt từ tuổi trẻ, đặc biệt là trước khi chúng ta chọn ra quan điểm của mình về cách nhìn nhận những khách thể quan trọng trong cuộc sống. Nhưng cuốn Tự truyện của ngài không chỉ đơn thuần là sự tự giáo dục mà còn là sự giáo dục của một người thông thái. Người thông thái nhất sẽ nhận được những ánh hào quang và đạt được những tiếng bộ bằng cách quan sát tỉ mỉ một người thông thái khác. Và tại sao những người yếu kém hơn lại thiếu những sự giúp đỡ này khi họ đang khập khiễng trong bóng tối và hầu như không nhận được một sự chỉ dẫn nào trong hoàn cảnh đó từ thời xa xưa? Do đó, thưa ngài, hãy chỉ cho họ, cả những đứa con và cha mẹ chúng, cần phải làm gì. Hãy biến tất cả người thông thái thành người như ngài và biến tất cả người khác thành thông thái. Khi chúng ta nhận ra những chính khách và chiến binh đang tàn nhẫn thế nào với nhân loại và những con người nổi tiếng có thể đối xử lố bịch thế nào với những người quen của mình, sẽ là rất có ích để theo dõi những ví dụ ủng hộ thái độ hòa bình, và tìm hiểu xem liệu sẽ thích hợp đến mức nào nếu ta trở nên vĩ đại nhưng vẫn khiêm tốn, bị ganh tị nhưng vẫn tỏ ra vui vẻ.

Những sự kiện cá nhân vụn vặt mà ngài sẽ phải đề cập đến cũng có những tác dụng to lớn vì trên tất cả, chúng tôi đều muốn học hỏi những quy luật về sự khôn ngoan trong những điều bình thường và xem cách ngài hành động trong các tình huống này sẽ rất thú vị. Đó cũng là một quy tắc quan trọng về cuộc đời và giải thích cho người đọc rất nhiều thứ mà lẽ ra tất cả mọi người phải giải thích cho họ để cho họ một cơ hội trở nên thông thái bằng cách chứng kiến trước mọi chuyện. Cách gần nhất để có những kinh nghiệm cá nhân cho bản thân là có một người khác kể cho chúng ta nghe những sự việc của họ một cách thú vị và ngài đã làm được điều đó bằng ngòi bút của mình. Những sự việc và cách xử lý cuộc đời mang màu sắc đơn giản hay quan trọng sẽ đủ để thu hút sự chú ý của chúng ta. Và tôi tin rằng ngài đã làm được điều này với sự độc đáo như thể ngài đã từng làm với những cuộc thảo luận về chính trị và khoa học của mình. Có thí nghiệm và hệ thống nào quan trọng hơn những thí nghiệm và hệ thống về cuộc đời con người (bao gồm cả sự quan trọng của bản thân thí nghiệm lẫn những lỗi phát hiện ra trong đó)?

Vài người đạo đức một cách mù quáng, một số người khác lại vụ lợi một cách tuyệt vời còn những kẻ khác thì khôn ngoan trong những mục tiêu xấu. Nhưng ngài, thưa ngài, tôi tin chắc rằng dưới ngòi bút của ngài cũng trong hoàn cảnh đó chỉ có những điều thông thái, thực tế và tốt đẹp. Câu chuyện về cuộc đời ngài (tôi tự cho rằng hình ảnh ngài Franklin tôi đang vẽ ra không chỉ bao gồm nhân cách mà còn có cả lịch sử cá nhân) sẽ cho thấy rằng ngài không xấu hổ về dòng dõi. Ngài đã chứng minh rằng dòng dõi ít cần thiết thế nào với hạnh phúc, đạo đức và sự vĩ đại. Vì trên đời này, không có kết thúc nào có thể xảy ra mà không trải qua một quá trình, do đó chúng tôi sẽ biết rằng thậm chí chính ngài đã vạch ra một kế hoạch để ngài có thể trở nên vĩ đại.

Nhưng cùng lúc chúng tôi cũng thấy rằng dù sự kiện có vẻ khoa trương, song phương pháp thì đơn giản một cách thông thái. Nó dựa trên bản chất, đạo đức, suy nghĩ và thói quen. Một thứ nữa được đề cập sẽ là chuẩn mực cho mọi con người muốn chờ đợi thời điểm thích hợp để xuất hiện trên vũ đài thế giới. Những xúc cảm của luôn gắn chặt với khoảnh khắc và chúng ta có xu hướng quên rằng khoảnh khắc sẽ tiếp nối khoảnh khắc, và cuối cùng con người nên điều chỉnh hành vi của mình để có thể phù hợp với cả cuộc đời. Sự thông thái đó đã được ngài áp dụng vào cuộc sống của mình, và những khoảnh khắc đã qua của cuộc đời ngài được thắp sáng bằng sự thỏa mãn và tận hưởng thay vì bị hành hạ bởi sự nóng vội ngu xuẩn cùng những tiếc nuối. Sự thoả mãn và tận hưởng đó thường dễ dàng với người theo đuổi đạo đức bản thân bằng các ví dụ của những con người thực sự vĩ đại, những người thường kiên nhẫn. Người bạn tín đồ cơ hữu của ngài, thưa ngài (ở đoạn này tôi giả sử độc giả của lá thư này là ngài Franklin), ca tụng sự thanh đạm, tính cần cù và chừng mực của ngài, điều mà ông ấy cho rằng nên là hình mẫu cho tất cả thế hệ trẻ. Nhưng kỳ lạ thay, ông ấy chắc hẳn đã quên đi sự khiêm tốn và tính không vụ lợi của ngài, thứ mà nếu không có nó ngài có thể sẽ không có được thành công hay không được như bây giờ. Đây là bài học sâu sắc cho thấy mặt trái của vinh quang và tầm quan trọng của việc điều khiển suy nghĩ. Nếu người bạn này biết được căn nguyên tên tuổi của ngài nhiều như tôi, chắc hẳn ông ấy sẽ nói rằng những tác phẩm và phương pháp của ngài sẽ bảo đảm cho cuốn Tự truyện của ngài và tác phẩm Nghệ Thuật Của Đức Hạnh giành được sự chú ý, đổi lại, hai cuốn sách đó cũng sẽ thu hút được sự chú ý cho những tác phẩm và phương pháp kia.

Đây có thể coi là một ưu thế kèm theo với người có nhiều danh tiếng như ngài, và điều này kết hợp tất cả những gì liên quan để tạo thành một tổng thể hoàn chỉnh; và việc xuất bản cuốn tự truyện của ngài sẽ hữu ích hơn khi nhiều người có lẽ tỏ ra lúng túng với cách thức trau dồi trí tuệ và thanh danh của họ hơn là dành thời gian hay mong muốn thực hiện nó. Nhưng có một nhận xét cuối cùng, thưa ngài, tôi mạo muội nêu ra để giúp cuốn Tự truyện của ngài thể hiện giá trị cuộc đời ngài. Văn phong này dường như không còn thịnh hành, nhưng vẫn hữu ích, và những trang viết của ngài theo phong cách này có thể đặc biệt có ích vì nó sẽ giúp người đọc so sánh với cuộc sống của những kẻ mưu mô và thủ đoạn, những nhà tu hành tự hành hạ mình một cách vô lý hoặc những kẻ kiêu ngạo coi thường mọi thứ. Nếu Tự truyện của ngài tạo cảm hứng cho những tác phẩm khác cùng thể loại ra đời, và thuyết phục nhiều người sống đúng theo tinh thần miêu tả trong các tác phẩm đó, thì điều này sẽ còn đáng giá hơn tất thảy các tác phẩm của Plutarch cộng lại. Nhưng do không thể tìm được một tính cách hội tụ tất cả các điểm đặc trưng ở một con người duy nhất trên thế gian mà không thể không ca tụng người ấy, tôi xin dừng thư ở đây, Giáo Sư Franklin đáng kính, cùng với lời thỉnh cầu cá nhân gửi tới ngài. Tôi khẩn cầu một cách tha thiết rằng, thưa ngài, ngài sẽ hé lộ cho thế giới biết đến phẩm chất chân thật vĩ đại của

ngài vì những kẻ đáng khinh ẩn mình trong cái mác lịch thiệp đang muốn che đậy hoặc vu khống ngài. Xét về tuổi tác, sự thận trọng và cách tư duy đặc biệt của ngài, hiếm có ai, ngoại trừ ngài, có thể nắm rõ và đầy đủ về các sự việc trong cuộc đời ngài hoặc những ý định hiện diện trong tâm trí ngài. Bên cạnh tất cả những lý do này, cuộc cách mạng rộng khắp hiện nay tất yếu sẽ hướng sự chú ý của tất cả đến người đã khai sáng ra nó, và trong thời đại mà nhiều nguyên tắc đạo đức bị ngụy tạo, sẽ là rất quan trọng để chỉ ra điều gì đã thật sự tạo ra ảnh hưởng. Và vì tính cách của ngài sẽ là đề tài chính được đem ra nghiên cứu kĩ lưỡng, điều này (ngay cả khi xem xét những ảnh hưởng của nó đến đất nước rộng lớn đang trỗi dậy của ngài, cũng như đến Anh và Châu Âu) đáng được tôn trọng và trở nên bất diệt. Xét về phương diện góp phần vào hạnh phúc của nhân loại, tôi đã luôn ủng hộ việc cần thiết phải chứng minh rằng con người không phải, ngay cả ở hiện tại, là một loại động vật xấu xa và đáng ghê tởm; và còn nhiều thứ nữa để chứng minh rằng việc quản lý tốt có thể giúp sửa đổi con người một cách đáng kể. Và cũng vì lý do đó, tôi khắc khoải chờ đợi quan điểm rằng con người dù khác nhau ai cũng có những đức tính tốt được chứng minh. Vì vào thời điểm này, tất cả mọi người sẽ hình thành quan niệm từ bỏ, người tốt sẽ ngừng cố gắng vì tuyệt vọng, và có lẽ sẽ có suy nghĩ tranh giành phần của mình trong sống hỗn độn này, hoặc ít nhất biến sự từ bỏ đó thành nguyên tắc sống dễ dãi cho bản thân. Do đó, thưa ngài, hãy tiến hành xuất bản tác phẩm này: chứng tỏ mình là người đức hạnh, vì sự thật là thế; chừng mực như bản chất của ngài, và hơn hết hãy chứng tỏ bản thân ngài là một người từ khi sinh ra đã yêu chuộng công lý, tự do và sự hòa thuận một cách tự nhiên và nhất quán hệt những hành động chúng tôi đã chứng kiến trong mười bảy năm qua của cuộc đời ngài. Hãy để người Anh không chỉ tôn trọng mà phải yêu quý ngài. Khi họ nghĩ tốt về những cá nhân ở đất nước ngài, họ sẽ có xu hướng nghĩ tốt về đất nước ngài. Và khi đồng bào của ngài cảm nhận được sự tôn trọng từ người dân Anh, họ sẽ có thiện cảm hơn với nước Anh. Hãy hướng tầm nhìn của ngài xa hơn, không chỉ dừng lại ở những nước nói tiếng Anh, sau khi đã xác lập rất nhiều quan điểm về tự nhiên và chính trị, hãy nghĩ đến việc hoàn thiện toàn thể nhân loại. Vì chưa đọc bất kì phần nào của cuộc đời mà tôi và ngài đang luận bàn, tôi chỉ biết nhân vật đó đã sống cuộc đời như thế, do đó lá thư này có phần khá liều lĩnh. Tuy nhiên, tôi chắc rằng, cuộc đời và chuyên luận tôi đang nhắc tới đây (dựa trên Nghệ thuật Của Đức Hạnh) hiển nhiên sẽ đáp ứng được mong đợi quan trọng nhất của tôi, và còn đáp ứng được nhiều hơn thế nữa nếu ngài xem xét đến cách thức giúp tác phẩm phù hợp với vài quan điểm nêu phía trên. Nếu như tác phẩm không được nhóm độc giả ngưỡng mộ đón nhận như ngài hy vọng thì chí ít ngài đã có những tác phẩm có tác dụng tốt cho tâm trí con người; và bất kì ai mang đến cảm giác thú vị đến cho con người đã thêm vào ánh sáng trong cuộc đời vốn đã nhiều đen tối bởi những lo âu và tổn thương do khổ đau. Do đó, tôi hy vọng ngài sẽ lắng nghe lời nguyện cầu gửi đến ngài trong bức thư này, và tôi nguyện cầu với tấm

lòng chân thành nhất, thưa ngài, v.v…

"Ký tên, BENJ. VAUGHAN."

Tiếp tục về câu chuyện cuộc đời ta, bắt đầu ở khu Passy, gần Paris, năm 1784.

Cũng khá lâu kể từ khi ta nhận được những bức thư trên, đến giờ vẫn chưa có thời gian để đáp lại yêu cầu của họ. Mọi việc lẽ ra thuận lợi hơn nhiều nếu ta ở nhà cùng với mớ giấy tờ của mình, những thứ sẽ giúp ích nhiều cho ta trong việc hồi tưởng lại và xác định các mốc thời gian. Nhưng do chưa xác định được ngày về và có rất ít thời gian rảnh rỗi, nên ta sẽ nỗ lực nhớ và ghi chép lại những gì có thể. Và nếu ta còn sống đến ngày về, những trang viết này sẽ có thể được chỉnh sửa và cải thiện.

Không giữ bản sao nào về những gì đã viết ở đây, ta không rõ liệu mình đã từng viết về cách ta thành lập thư viện công Philadelphia hay chưa, từ sự khởi đầu khiêm tốn, thư viện giờ đã trở nên phát triển rất đáng kể, mặc dù ta nhớ mình đã viết đến gần thời điểm bắt đầu thành lập thư viện (năm 1730). Ta sẽ bắt đầu kể lại sự kiện này ở đây và sẽ được gạch bỏ nếu sau này nhớ ra đã nhắc đến nó trong những trang viết trước đây.

Vào thời gian ta ổn định cuộc sống tại Pennsylvania, không có một tiệm bán sách nào thực sự tốt, từ vùng thuộc địa cho đến khu vực phía Nam Boston. Ở New York và Philadelphia, những nhà in thực chất chỉ là những tiệm bán văn phòng phẩm, bán giấy, niên lịch, những tập thơ ballad và một vài sách quyển giáo khoa trung học thông thường, v.v... Những ai yêu thích đọc sách buộc phải đặt mua từ Anh và mỗi thành viên của Junto đều có vài cuốn như vậy. Khi đó, chúng ta đã từ bỏ địa điểm quán bia, nơi ban đầu chúng ta gặp nhau và thuê một căn phòng làm trụ sở cho câu lạc bộ. Ta đề nghị tất cả nên đem sách đến trụ sở không chỉ để tra cứu trong các cuộc thảo luận mà còn vì lợi ích chung khi mỗi người có thể mượn về nhà đọc. Điều này được thực hiện, và chúng ta cảm thấy thỏa mãn trong một khoảng thời gian.

Nhận thấy ích lợi của bộ sưu tập sách ít ỏi này, ta đề nghị mở rộng tuyên truyền ích lợi của sách đến mọi người, bằng việc bắt đầu một thư viện công cộng có thu phí thành viên. Ta phác thảo một kế hoạch và những nội quy cần thiết, và nhờ người sao chép văn khế Charles Brockden soạn thành điều khoản trong bản thỏa thuận để ký kết. Hội viên sẽ phải trả một khoản phí đầu tiên để mua sách, và một khoản phí thường niên để nâng số lượng đầu sách. Lúc bấy giờ ở Philadelphia rất ít người đọc sách, và phần lớn chúng ta đều nghèo do đó dù đã nỗ lực, ta vẫn không tìm được hơn năm mươi thành viên, chủ yếu là các thương nhân trẻ chịu trả phí ban đầu 40 siling mỗi người và 10 shilling phí thường niên. Chúng ta đã bắt đầu bằng số

tiền quỹ nhỏ nhoi này. Sách được nhập về, thư viện mở cửa một ngày trong tuần để hội viên mượn sách theo thỏa thuận họ sẽ phải trả gấp đôi giá trị cuốn sách nếu không hoàn trả đúng hạn. Thư viện nhanh chóng chứng tỏ lợi ích của mình và mô hình này được nhân ra ở các thị trấn và cả những vùng khác. Số lượng thư viện tăng lên nhờ các khoản tiền hiến tặng và việc đọc sách trở nên thịnh hành. Và người dân lúc ấy, do không có nhiều thứ tiêu khiển để có thể làm họ phân tâm khỏi việc học, trở nên quen với sách hơn. Chỉ trong vài năm, theo nhận xét khách quan, kiến thức và sự hiểu biết của người dân trong vùng được nâng cao so với người dân cùng đẳng cấp ở những nước khác.

Khi chuẩn bị ký kết bản thỏa thuận ràng buộc chúng ta cùng những người kế thừa trong suốt năm mươi năm, ông Brockden, người sao chép văn khế nói rằng: “Các ngài còn trẻ nhưng chắc chắn không ai trong số các ngài có thể sống đến ngày mà bản thỏa thuận hết hiệu lực.” Thực ra, một vài người trong chúng ta còn sống đến lúc đó nhưng bản văn kiện này đã mất hiệu lực vài năm sau bởi một bản điều lệ thành lập công ty có giá trị vĩnh viễn.

Vấp phải sự phản đối và miễn cưỡng mời mọi người đăng ký thành viên khiến ta cảm thấy thật sai lầm khi xuất hiện với tư cách người khởi xướng cho bất kì dự án hữu ích nào, vì hình ảnh này chỉ có thể đẩy danh tiếng của người đó lên thêm chút ít so với những người xung quanh, nhất là lúc người đó cần họ hỗ trợ để hoàn thành dự án. Do đó, sau này ta tránh nhắc đến bản thân mình, thay vào đó, ta nói rằng đây là kế hoạch của một nhóm bạn yêu cầu ta giúp đỡ trong việc tìm và đề nghị những người yêu thích đọc sách đăng ký. Bằng cách này, công việc trôi chảy hơn rất nhiều và sau đó ta đã áp dụng cho những trường hợp khác và khá thành công, do đó ta thực lòng nghĩ đây là cách nên làm. Việc hy sinh một ít lòng tự cao sẽ được đền đáp xứng đáng về sau. Nếu chưa ai nhận danh tiếng, thì người nào tự cao tự đại hơn bạn thường có xu hướng nhận nó, và sau đó thậm chí sự ganh tị sẽ mang lại cho bạn công lý bằng cách mang những chiếc lông thành tích đó đặt đúng chỗ của người thật sự sở hữu nó.

Thư viện này đem lại cho ta phương tiện để mở mang trí tuệ bằng việc mỗi ngày ta dành ra từ một đến hai giờ tự học và việc này giúp ta phần nào bù đắp được sự thiếu thốn giáo dục mà cha ta đã từng muốn ta nhận được. Đọc sách là thú tiêu khiển duy nhất ta cho phép bản thân mình. Ta không phí thời gian la cà quán rượu, chơi bời, hoặc đùa giỡn dưới bất kì hình thức nào và ta vẫn cần cù làm việc không biết mệt mỏi vì điều đó cần thiết. Ta mắc nợ khi mở nhà in, ta có một gia đình với lũ trẻ cần phải được giáo dục và ta phải cạnh tranh với hai nhà in khác trong vùng đã mở trước ta. Nhưng hoàn cảnh của ta mỗi ngày một khấm khá hơn. Với bản tính tiết kiệm, và một trong những lời cha dạy ta từ lúc bé, được lặp đi lặp lại là câu tục ngữ của Solomon: "Con có thấy một người cần mẫn trong công việc của mình hay không? Hắn ta sẽ

đứng trước mặt các vị vua, chứ không phải những kẻ tầm thường", ta coi đức tính cần cù như một phương tiện để đạt được sự giàu có và danh tiếng. Điều này đã khích lệ ta rất nhiều, mặc dù ta chưa bao giờ nghĩ mình sẽ đứng trước mặt các vị vua theo nghĩa đen, nhưng vì điều này đã xảy ra, ta đã có dịp đứng trước năm vị vua, và trong đó đã vinh dự được ngồi xuống ăn tối với một trong năm người đó, vua Đan Mạch.

Có một câu tục ngữ Anh rằng: "Muốn biết ai sẽ ăn nên làm ra, hãy nhìn vào vợ anh ta." May mắn thay, ta có được một người vợ cũng cần cù và thanh đạm hệt như ta. Vợ ta đã đỡ đần ta rất nhiều trong việc làm ăn, sắp xếp và đóng các tập giấy in, trông nom cửa hiệu, thu mua giẻ lanh rách để làm giấy, v.v… Chúng ta không thuê những người phục vụ nếu không cần thiết, cái bàn của chúng ta đơn giản cũng như không màu mè và đồ đạc trong nhà cũng là loại rẻ tiền nhất. Ví dụ như bữa sáng của ta, suốt một thời gian dài chỉ gồm bánh mì và sữa (không có trà), và ta ăn bằng chiếc bát bằng đất nung giá 2 penny cùng với chiếc thìa bằng thiếc. Nhưng điều gì khiến ta nhận ra gia đình ta bắt đầu xa xỉ và đời sống đã thay đổi, bất chấp các nguyên tắc mà ta đã đưa ra? Đó là một buổi sáng khi ta xuống ăn sáng và phát hiện ra chiếc bát đất nung cùng chiếc thìa thiếc được thay thế bằng một chiếc bát sứ và thìa bạc. Vợ ta đã âm thầm mua những thứ này cho ta và đã tiêu tốn một khoản không nhỏ: 3 đồng và 32 siling. Vợ ta đã không viện cớ hay xin lỗi gì, thay vào đó nàng chỉ nghĩ rằng chồng của nàng xứng đáng được có một cái thìa bạc và bát sứ như bất kì người hàng xóm nào. Đó là sự hiện diện đầu tiên của dĩa và đồ sứ trong nhà ta, và một vài năm sau, khi gia đình khấm khá hơn, số lượng đồ dùng này cũng dần tăng lên có giá đến khoảng vài trăm Bảng.

Ta từng được nuôi dạy để trở thành một tín đồ của Giáo Hội Trưởng Lão. Mặc dù một vài tín điều của tôn giáo này như giao ước đời đời của Chúa, sự phán xét lên thiên đường hoặc đày xuống địa ngục, v.v…, theo ta là khó hiểu và một số khác thì đáng hồ nghi, ta đã sớm vắng mặt khỏi những buổi hội họp cộng đồng của giáo phái. Chủ Nhật là ngày ta dành cho việc học, mặc dù vậy, ta không bao giờ không tin hoàn toàn vào những nguyên tắc tôn giáo. Ví dụ, ta chưa bao giờ hoài nghi về sự tồn tại của Thượng đế, rằng Ngài đã tạo ra thế giới và điều khiển nó bằng quyền lực tối thượng của Ngài; và việc phục vụ Ngài xứng đáng nhất là làm điều tốt cho người khác; linh hồn của chúng ta là bất diệt, mọi tội ác sẽ bị trừng phạt, đức hạnh sẽ được tưởng thưởng lúc này hoặc về sau. Đây là những điều mà ta coi là cốt lõi và có thể tìm thấy ở bất kì tôn giáo nào hiện diện trên đất nước này. Ta tôn trọng tất cả các nguyên tắc đó ở những mức độ khác nhau, vì việc pha trộn những tín điều này với những tín điều khác cơ bản sẽ chia rẽ chúng ta và khiến chúng ta trở nên không thân thiện với nhau dù rằng họ có ý định truyền cảm hứng, quảng bá hoặc củng cố đạo đức hay không. Chính suy nghĩ có phần đồng thuận với quan điểm

cái xấu nhất vẫn có thể có tác dụng tốt đã khiến ta tránh né tất cả những bài thuyết giảng có xu hướng ảnh hưởng không tốt đến quan điểm về tôn giáo của một người. Và nhất là khi dân số trong vùng đang tăng lên, theo đó nhu cầu về thánh đường mới cũng tăng được đáp ứng bởi sự đóng góp tự nguyện, thì quan điểm của ta đối với mục đích trên là cho dù thuộc giáo phái nào thì cũng không bao giờ nên từ chối nhu cầu này.

Mặc dù hiếm khi tham dự các buổi lễ công cộng, ta vẫn ghi nhớ sự đúng đắn và tính thiết thực khi các buổi lễ này được tổ chức đúng cách. Mỗi năm, ta vẫn đều đặn đóng góp để hỗ trợ mục sư duy nhất của Giáo Hội Trưởng Lão hoặc cho những buổi họp tôn giáo ở Philadelphia. Thi thoảng, ngài thường ghé thăm ta với tư cách một người bạn, và thường động viên ta tham gia những buổi cứu tế cùng ngài, và ta đã bị ngài thuyết phục đồng ý tham dự năm tuần một lần. Nếu ngài theo suy nghĩ của ta, một nhà thuyết giáo tài năng, thì có lẽ ta đã tiếp tục dù rằng ta rất thích dành Chủ Nhật cho việc học. Nhưng những bài thuyết giảng của ngài phần lớn là những tranh cãi mang tính khiêu khích hoặc giảng giải về học thuyết riêng của giáo phái. Tất cả những bài giảng đó, theo ta, rất chán, tẻ nhạt, không có tính mở mang, vì không truyền tải bất kì một nguyên tắc đạo đức nào để ghi nhớ. Mục đích của những bài giảng này có vẻ như là hướng người nghe trở thành một tín đồ của Giáo Hội Trưởng Lão hơn là trở thành công dân tốt.

Cuối bài giảng, ngài trích dẫn một đoạn trong chương thứ 4 của Kinh Thánh Tân Ước – một số lời khuyên của người Philip: “Cuối cùng, thưa anh em, hễ điều gì chân thật, điều gì đáng trọng, điều gì công bình, điều gì thanh sạch, điều gì đáng yêu chuộng, điều gì đáng biểu dương; nói chung là điều gì đức hạnh, đáng khen ngợi thì anh em phải nghĩ đến.” Và ta đã nghĩ, trong một bài giảng như thế, chúng ta không thể không nắm bắt được một quan điểm đạo đức. Nhưng ngài chỉ hạn chế trong 5 điểm duy nhất, theo như tông đồ, đó là: 1. Tuân thủ theo ngày lễ Sabbath. 2. Siêng năng đọc Kinh Thánh. 3. Đi lễ đầy đủ. 4. Tham dự lễ ban phước. 5. Tôn trọng các vị Giáo sĩ Cơ đốc. Những điều này dù có vẻ toàn là điều tốt không phải điều ta mong chờ từ bài giảng, do đó ta thất vọng, chán nản và không muốn tham dự các buổi họp mặt cũng như nghe các bài giảng của ngài. Một vài năm sau, ta có soạn ra một cuốn nghi thức tế lễ hay một dạng kinh cầu nguyện, dành riêng cho ta (đó là vào năm 1728), tựa là *Articles of Belief and Acts of Religion* (Những bài viết về Niềm tin và Hành Vi trong Tôn giáo). Sau đó, ta chỉ sử dụng cuốn nghi thức này và thôi không tham dự các buổi lễ nữa. Hành động này xem ra có phần đáng trách, nhưng ta không quan tâm và cũng không cố bào chữa cho hành động của mình. Ta nêu ra ở đây là để kể lại một sự việc chứ không phải nói một lời xin lỗi.

Cũng khoảng thời gian này, ta ấp ủ một kế hoạch táo bạo và đầy cam go để tiến đến sự hoàn

thiện về phẩm hạnh. Ta mong ước mình có thể sống mà không phạm vào lỗi đạo đức nào, bất kì lúc nào. Ta muốn chế ngự tất cả những lỗi lầm mà xu hướng tự nhiên, thói quen hay những hành vi cộng đồng khiến ta có thể mắc phải. Vì ta biết, hoặc ta cho là mình đã biết, điều gì đúng và điều gì sai, ta không thể hiểu được tại sao ta lại có thể không làm một điều gì đó và tránh làm những điều khác. Rồi ta sớm nhận ra rằng mình đã bắt đầu một công việc khó khăn hơn những gì ta có thể lường trước rất nhiều. Khi tập trung để tránh mắc một sai lầm, ta lại vô tình mắc phải những lỗi khác do thói quen. Những lỗi mắc phải do thói quen thường quá dai dẳng để có thể suy nghĩ. Ta kết luận rằng, cuối cùng, sự tự nhận thức tội lỗi chỉ là mối quan tâm của chúng ta để có đạo đức tốt một cách trọn vẹn nhưng vẫn không đủ để ngăn chúng ta không phạm sai lầm nữa. Những thói quen ngang ngược phải bị loại bỏ, và những thói quen tốt phải được luyện tập và hình thành trước khi chúng ta có thể phụ thuộc vào một tư cách đạo đức vững vàng, kiên định và đúng đắn. Với mục đích này, ta nghĩ ra một phương pháp như dưới đây.

Trong nhiều bảng liệt kê đức hạnh mà ta đọc được, ta nhận thấy thường số lượng các đức tính có thể chênh lệch, bởi các tác giả khác nhau có thể mở rộng hay thu hẹp các khái niệm trong cùng một đức tính. Đức tính Chừng mực chẳng hạn, theo một vài tác giả thì chỉ giới hạn trong việc ăn uống, một số khác thì mở rộng ra với ý nghĩa phải tiết chế khoái lạc, lòng tham muốn, sự thôi thúc hoặc niềm say mê thể chất lẫn tinh thần, và cả tính hám lợi và tham vọng. Ta đề ra cho bản thân ta, với mục đích rõ ràng, là nên phân biệt rạch ròi, thu hẹp các khái niệm và nên thêm số lượng các đức tính hơn là giới hạn số lượng trong khi khái niệm về mỗi đức tính lại quá rộng. Ta đưa ra tất cả là mười ba đức tính mà hiện tại ta cảm thấy cần thiết và mong muốn có được, kèm theo mỗi đức tính là một lời huấn thị ngắn, diễn đạt đầy đủ nghĩa cho từng đức tính.

Mười ba đức tính, kèm theo lời huấn thị bao gồm:

Dù ý định của ta là đạt được thói quen tốt dựa trên tất cả các đức tính kể trên, ta cho rằng không nên xao nhãng bản thân bằng việc cố đạt được tất cả cùng một lúc mà thay vào đó chỉ rèn luyện từng đức tính riêng biệt. Sau khi đã rèn luyện thành công một đức tính, ta sẽ rèn luyện đức tính tiếp theo cho đến hết cả mười ba đức tính. Vì khi rèn luyện thành công vài đức tính, nó sẽ giúp cho việc đạt được một vài đức tính khác dễ dàng hơn, do đó ta đã sắp xếp chúng theo thứ tự như trên. Chừng mực xếp đầu tiên vì đức tính này sẽ giúp ta có được sự bình tĩnh và tỉnh táo cần thiết để duy trì việc đề phòng và tự bảo vệ trước những tật xấu dai dẳng và trước ảnh hưởng của cám dỗ liên tục của các tật xấu này. Nếu điều này cần được duy trì và thiết lập, Yên lặng sẽ dễ dàng đạt được hơn. Vì mong muốn lĩnh hội kiến thức cùng lúc với việc rèn luyện thành công các đức tính và xét thấy kiến thức chỉ có thể được lĩnh hội trong các cuộc trò chuyện bằng việc dùng tai lắng nghe hơn là dùng miệng để nói, ta mong muốn bỏ thói quen nói chuyện tầm phào, chơi chữ, và nói đùa, điều này chỉ thích hợp cho việc kết bạn với những kẻ tầm thường. Do đó, ta xếp Yên lặng ở vị trí thứ hai. Tiếp theo là Trật tự, đức tính này sẽ giúp ta có nhiều thời gian để tập trung vào dự án và học tập hơn. Kiên định, một khi đã trở thành thói quen, sẽ giúp ta mạnh mẽ và nỗ lực hơn để đạt được tất cả đức tính bên dưới. Tiết kiệm và Siêng năng sẽ giúp ta trả hết các món nợ còn lại và đem đến sự sung túc và độc lập, điều này sẽ hỗ trợ cho việc rèn luyện Thành thật và Công bằng trở nên dễ dàng hơn. Với quan niệm việc đánh giá mỗi ngày là cần thiết, quan niệm mà Pythagoras đã từng khuyên trong cuốn *Golden Verses* (Những vần thơ vàng), ta đã nghĩ ra một phương pháp để tiến hành việc đánh giá này.

Ta làm một cuốn sổ nhỏ, trong đó mỗi đức tính được dành riêng một trang. Ta kẻ bằng mực đỏ một bảng có bảy cột ở mỗi trang, tượng trưng cho mỗi ngày trong tuần, và đánh dấu mỗi cột bằng chữ cái đầu tiên của ngày trong tuần. Và kẻ mười ba hàng ngang cũng bằng mực đỏ, đánh dấu đầu mỗi dòng bằng chữ cái đầu tiên của mỗi đức tính. Mỗi ngày, ta sẽ xem xét và đánh dấu hoa thị cho mỗi lỗi ta mắc phải ở cột đức tính và ngày tương ứng.

Ta quyết tâm dành một tuần để rèn luyện cho mỗi đức tính theo thứ tự trong danh sách. Do đó, trong tuần đầu tiên, ta cố gắng không phạm phải một lỗi nhỏ nào đến đức tính Chừng mực, và tạm chưa quan tâm đến các đức tính bên dưới. Ta chỉ xem xét và đánh dấu vào sổ các lỗi vào mỗi buổi tối. Nếu tuần đầu tiên ta có thể giữ cho dòng đầu tiên Chừng mực, không bị đánh dấu, thì ta tin rằng những thói quen phù hợp với đức tính ấy đã được cải thiện đáng kể, và những thói quen xấu ngược lại với đức tính trên sẽ dần bị loại bỏ. Do đó, ta mạnh dạn tập trung rèn luyện đức tính này và đức tính tiếp theo, trong tuần tiếp sau đó, cả hai dòng này đều không bị đánh dấu. Cứ tiếp tục như vậy, ta đã hoàn thành một đợt đầu tiên trong mười ba tuần, và ta sẽ làm bốn đợt như vậy trong một năm. Giống như kẻ phải nhổ cỏ trong vườn, không cố gắng nhổ cho bằng hết cỏ dại trong một lần, việc này ắt là quá sức, nhưng chỉ cố hoàn thành mỗi lần ở một khoảnh đất trong vườn, và sau khi đã nhổ xong ở khoảnh đất đầu tiên, sẽ tiếp tục ở mảnh thứ hai. Vì vậy, ta nên, và hy vọng rằng, cảm thấy vui mừng và khích lệ khi quan sát thấy tiến bộ mỗi ngày của ta trên trang giấy: đó là xóa dần đi những dấu sai phạm, cho đến cuối cùng, sau rất nhiều nỗ lực và thời gian, ta sẽ hạnh phúc khi nhìn cuốn sổ không có dấu hoa thị nào, khi tự đánh giá chặt chẽ mỗi ngày sau mười ba tuần.

HÌNH DẠNG CÁC TRANG SỔ

KHÔNG ĂN ĐẾN CHÁN

KHÔNG UỐNG QUÁ NHIỀU

	Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
Chừng Mực							
Yên Lặng	*	*		*		*	
Trật Tự	**	*	*		*	*	*
Kiên Định			*			*	
Tiết Kiệm		*					
Siêng Năng			*				
Thành Thật							
Công Bằng							
Điều Độ							
Sạch Sẽ							
Thanh Tịnh							
Thủy Chung							
Khiêm Nhường							

Cuốn sổ nhỏ bé này của ta sử dụng những dòng trích từ vở kịch Cato của Addison làm đề tựa:

“Nơi đây ta sẽ chứng kiến. Nếu có một quyền năng của đấng bề trên

(Và bằng hết những tiếng gọi của tự nhiên rền vang

Trong tất cả các tạo hóa của người), Kẻ ấy phải ham mê đức hạnh;

Và điều hắn ham mê cũng phải hạnh phúc.”

Và một đoạn khác của Cicero,

“Hỡi triết lý, kim chỉ nam cuộc đời! Hỡi kẻ kiếm tìm đức hạnh, kẻ xua đuổi xấu xa! Chỉ cần một ngày sống tốt và theo đúng những giảng huấn của người, vẫn còn hơn miên mãi trong sai lầm.”

Và một câu nữa trong Châm ngôn của Vua Solomon dạy về trí khôn ngoan hay đức hạnh:

“Tay hữu là sự trường thọ, còn trong tay tả, có sự giàu có và vinh hiển. Các nẻo nó vốn là nẻo khoái lạc, Và tất cả các lối đều bình an” iii. 16, 17

Và khi đã xem Thượng đế là suối nguồn của sự khôn ngoan, ta cho rằng ấy là cần thiết và đúng đắn phải van nài sự trợ giúp của ngài để đạt được nó; theo đó ta đã viết nên câu kinh cầu khiêm tốn sau đây, đã được thêm vào bảng tự đánh giá của ta để hằng ngày cầu nguyện:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu! Lạy Chúa Cha hào phóng quảng đại! Lạy Đấng soi đường từ bi! Hãy tăng thêm sự khôn ngoan đã khám phá niềm ham thích chân thực nhất trong con. Hãy làm tăng quyết tâm của con để thực hiện điều mà khôn ngoan sai khiến. Hãy chấp thuận những giúp đỡ của con đến với các con chiên khác của Người như sự trả ơn duy nhất của con đối với ân sủng liên tiếp Người đã dành cho con.”

Ta cũng đôi lúc sử dụng một câu kinh ngắn khác trong *Các bài thơ* của Thomson, như là:

"Hỡi Chúa Cha của áng sáng và cuộc sống, Đấng tối cao của Phước ban!

Hãy dạy cho con điều hay, bảo cho con về chính Người!

Hãy cứu con khỏi sự khờ khạo, phù du, và độc ác,

Khỏi những ham mê thấp hèn; và hãy cho linh hồn con đầy tràn

Kiến thức, sự bằng an và đức hạnh viên nguyên;

Phước lành thánh thiêng, hiện hữu, vĩnh hằng!"

Lời huấn thị của Trật tự đòi hỏi mỗi công việc của ta phải được sắp xếp thời gian, do đó ta dành một trang trong cuốn sổ nhỏ để viết ra thời khóa biểu 24 giờ của một ngày thường nhật như sau:

Buổi sáng. Câu hỏi: Hôm nay ta sẽ làm gì?

Từ 5 – 7h: Thức dậy, làm vệ sinh và cầu nguyện câu "Đức Chúa Trời Toàn Năng". Lên kế hoạch cho công việc trong ngày và thực hiện những ý định đề ra cho ngày, tiếp tục việc học và ăn sáng.

Từ 8 – 11h: Làm việc.

Buổi trưa. Từ 12 – 1h: Đọc, xem qua sổ sách và ăn trưa.

Từ 2 – 5h: Làm việc.

Buổi tối. Câu hỏi: Hôm nay ta đã làm được những gì?

Từ 6 – 9h: Sắp xếp mọi thứ vào vị trí. Ăn tối. Nghe nhạc hoặc giải trí, hoặc trò chuyện. Xem xét và đánh giá việc rèn luyện đức tính trong ngày.

Từ 11 – 4h: Ngủ.

Ta bắt đầu thực hiện thời khóa biểu trên để tự đánh giá, thỉnh thoảng tạm ngừng và tiếp tục thực hiện. Ta đã rất sửng sốt trước số lượng quá nhiều lỗi mà ta mắc phải, nhưng tạm hài lòng khi thấy số lượng này giảm dần. Để tránh phiền toái trong việc cứ phải xóa các dấu sai phạm đã đánh vào sổ sau một thời gian để chừa chỗ cho đợt rèn luyện khác, ta đã chuyển bảng đức tính cùng những lời huấn thị sang những tờ giấy màu ngà trong một cuốn sổ ghi nhớ. Trên những trang giấy màu ngà này, ta lại kẻ bảng bằng mực đỏ ít phai, và trên những ô đó, ta đánh dấu lỗi của mình bằng bút chì, những dấu bút chì này sẽ dễ chùi bằng một miếng bọt biển ướt. Sau

một thời gian, ta chỉ cần rèn luyện mỗi năm một đợt, và sau đó một đợt trong vài năm, cho đến cuối cùng ta có thể bỏ hẳn. Dù bận rộn với những chuyến công tác nước ngoài và vô số việc cản trở, ta vẫn mang theo quyển sổ nhỏ này bên mình.

Kế hoạch thực hiện nguyên tắc Trật tự gây cho ta nhiều khó khăn nhất. Và ta nhận ra rằng, mặc dù hoàn toàn có thể sắp xếp thời gian làm việc của một người, ví dụ là thời gian của một thợ in, nhưng việc bắt một ông chủ hay phải đi đây đó gặp gỡ mọi người theo thời khóa biểu của khách hàng và phải tuân thủ nghiêm ngặt là không khả thi. Trật tự, trong nghĩa sắp xếp mọi thứ, giấy tờ ngăn nắp, thì ta cảm thấy rất khó có thể thực hiện được. Ta đã không sớm quen với điều này, và với việc sở hữu một trí nhớ tốt, ta đã không nhận ra tầm quan trọng của việc phải có phương pháp để đạt được đức tính này. Do đó, đức tính này khiến ta khổ sở vô cùng trong lúc rèn luyện và những lỗi ta mắc phải liên tục khiến ta hết sức bực mình. Ta đã không cải thiện tình hình được mấy và việc thường xuyên lặp lại các lỗi này khiến ta gần như buông xuôi và chấp nhận sự thiếu sót này trong đức tính của mình. Việc này làm ta nhớ đến chuyện về một người khi mua một chiếc rìu từ người thợ rèn, hàng xóm của ta. Ông này yêu cầu toàn bộ bề mặt của chiếc rìu phải sáng như phần lưỡi. Người thợ rèn đồng ý mài cái rìu theo yêu cầu của ông ta với điều kiện ông phải giúp quay bánh răng trên máy mài. Người này phải quay bánh răng trong khi người thợ rèn ấn phần mặt rìu mạnh xuống phiến đá mài, điều này khiến việc quay bánh răng trở nên khó khăn và mệt mỏi. Người đàn ông mua rìu chốc chốc lại đến xem người thợ rèn làm đến đâu, và cuối cùng, người mua rìu đành chấp nhận với cái rìu của mình và từ bỏ ý định mài sáng bề mặt lưỡi rìu ban đầu. “Không,” người thợ rèn lên tiếng, “quay đi, quay nữa đi, dần dần nhất định chúng ta sẽ mài được bề mặt lưỡi rìu sáng, bây giờ thì chỉ lốm đốm thôi”. “Ừ,” người mua rìu trả lời, “nhưng tôi nghĩ tôi thích một lưỡi rìu lốm đốm hơn.” Và ta tin rằng đây là trường hợp xảy ra với rất nhiều người đã từng ao ước có được những cách thức mà ta đã áp dụng, và khi gặp phải khó khăn trong việc đạt được những thói quen tốt, loại bỏ những thói xấu trong đức hạnh, đã từ bỏ việc rèn luyện và tuyên bố rằng “một chiếc rìu lốm đốm là tốt nhất.” Với một vài nguyên nhân ngụy biện đôi khi gợi cho ta suy nghĩ rằng việc khắt khe đòi hỏi ở bản thân mình bấy lâu có thể là một dạng thích khoe mẽ đức hạnh. Điều này nếu được loan ra ngoài, hẳn sẽ khiến ta trở nên rất lố bịch, rằng một nhân cách hoàn hảo sẽ bị soi mói bởi sự ganh tỵ và ganh ghét; trong khi một kẻ rộng lượng thì nên cho phép bản thân có vài sai phạm, để khiến bạn bè có thể ủng hộ và chấp nhận hắn.

Sự thật là ta thấy bản thân mình vô phương cứu chữa trong việc rèn luyện Trật tự. Và bây giờ khi đã cao tuổi, trí nhớ suy giảm nhiều, ta lại thấy rõ tầm quan trọng để đạt được đức tính này. Nhưng trên hết, mặc dù ta không bao giờ đạt đến sự hoàn hảo mà ta mong muốn và thất bại

trong việc đạt được đức tính này, nhờ vào nỗ lực hết mình, ta đã trở nên tốt hơn và hạnh phúc hơn so với việc ta không cố gắng thực hiện điều này. Giống như trường hợp của những người tập trung vào việc rèn chữ viết cho giống với những mẫu chữ điêu khắc, mặc dù họ không bao giờ đạt được sự hoàn hảo vốn có của mẫu chữ kia, nhưng chữ viết của họ đã được cải thiện nhờ vào nỗ lực hết mình và tạm chấp nhận với nét chữ đẹp và dễ đọc.

Những thế hệ sau của ta nên nhớ rằng với mẹo này, cùng với sự phù hộ của Chúa, cha ông chúng đã đạt được hạnh phúc thường trực trong cuộc sống đến tận năm 79 tuổi, năm viết cuốn sách này. Điều bất hạnh có đến hay không phụ thuộc vào quyền phán quyết của Chúa Trời nhưng nếu điều này có xảy đến, việc suy ngẫm lại những phút giây hạnh phúc đã qua sẽ cho ta sự nhẫn nhịn để chịu đựng bất hạnh. Sức khỏe dẻo dai mà cha ông có được là nhờ vào sự Chừng mực, và những gì còn lại là một thể trạng tốt. Sự thoải mái và giàu có có được là nhờ vào Tiết kiệm và Siêng năng. Với tất cả kiến thức đó đã giúp cha ông chúng trở thành một công dân hữu dụng và đạt được danh tiếng ở mức độ nào đó trong giới những người có học thức. Thành thật và Công bằng đã giúp ta được đất nước này tin tưởng và vinh danh. Nhờ vào sự ảnh hưởng của tất cả các đức tính đó, ngay trong hoàn cảnh khó khăn, cha ông chúng vẫn có thể đạt được tất cả sự bình tĩnh và vui vẻ trong các cuộc trò chuyện, điều mà những người đối thoại và ngay cả những người người trẻ tuổi đều thấy dễ chịu. Do đó, ta hy vọng các thế hệ sau có thể noi theo những bài học đó và thu nhận được ích lợi từ nó.

Có thể nói, mặc dù kế hoạch rèn luyện của ta liên quan đến tôn giáo, kế hoạch này không có dấu hiệu gì của nguyên lý đặc trưng cho bất kì giáo phái nào. Ta đã cố tình tránh việc này vì phương pháp này thực sự hữu dụng và nổi trội. Chính vì không liên quan đến bất kì tôn giáo này, phương pháp này sẽ hữu dụng với tín đồ của mọi giáo phái trong tương lai hoặc cho người nào xuất bản nó. Phương pháp của ta không thành kiến hoặc chống lại tín đồ của bất kì giáo phái nào. Ta chủ ý ghi một lời chú dẫn ngắn ở mỗi đức tính để chỉ ra ưu điểm khi sở hữu đức tính ấy và những tổn hại đi kèm với những thói xấu đi ngược lại đức tính này. Và ta nên đặt tên cho cuốn sách của ta là *Nghệ thuật Đức hạnh,* bởi vì nó đưa ra cách thức và biện pháp để đạt được đức hạnh. Rõ ràng điều này giúp cuốn sách nổi bật hơn so với việc chỉ hô hào sống tốt, mà không hướng dẫn hoặc chỉ rõ cách thực hiện, như lòng nhân hậu suông qua lời nói của tông đồ rằng, những ai không hướng dẫn những kẻ nghèo khổ đói khát và không có cái mặc bằng cách nào hoặc nơi nào có thể có được thức ăn hoặc cái mặc, chỉ là cổ vũ cho việc họ được cho ăn và cho mặc. – James ii, 15, 16.

Nhưng điều đó đã xảy ra nên ý định viết và xuất bản lời chú thích này không được hoàn thành. Thực vậy, thỉnh thoảng ta có viết ra vài lời gợi ý nho nhỏ về quan điểm và lập luận của

mình, v.v… để có thể sử dụng phương pháp này tốt hơn. Một vài ghi chép ta vẫn còn giữ đây. Nhưng điều cần thiết phải tập trung vào công việc làm ăn lúc ban đầu và việc công đã làm ta phải trì hoãn thực hiện kế hoạch này. Bởi vì, trong suy nghĩ của ta, đây là một dự án lớn và tốn nhiều công sức, đòi hỏi phải sự toàn tâm, toàn ý để thực hiện. Và những công việc bất ngờ liên tiếp đã khiến ta xao nhãng, và cho đến nay vẫn chưa thể hoàn thành kế hoạch.

Trong cuốn sách này, ta đã cố ý giải thích và thực thi học thuyết rằng những hành động xấu xa không gây ra tổn thương bởi chúng đã bị cấm, nhưng bị cấm vì chúng có khả năng gây tổn thương khi xem xét bản chất của con người. Rằng nó đúng với tất cả những người quan tâm đến đức hạnh, muốn trở nên hạnh phúc, thậm chí là trong thế giới này. Và ta nên, trong trường hợp này, (trong thế giới này luôn tồn tại một số thương gia, quý tộc, quốc gia và hoàng tử giàu có, họ là những người phải cần đến những phụ tá trung thực để giúp họ quản lý công việc, và con số này thì thường rất ít) nỗ lực thuyết phục những người trẻ tuổi rằng không bất kì phẩm chất nào có khả năng đem lại sự thịnh vượng cho nghèo khó bằng sự liêm khiết và chính trực.

Danh sách ban đầu của ta chỉ gồm 12 đức tính, nhưng một người bạn thuộc phái giáo hữu đã lưu ý ta rằng nhìn chung ta đã quá tự cao về bản thân mình, rằng sự kiêu căng của ta đã xuất hiện thường xuyên trong các cuộc trò chuyện, rằng ta đã không bằng lòng với việc ở bên phe đúng khi bàn luận về bất cứ luận điểm nào, mà đã độc đoán và khá xấc xược. Ông đã thuyết phục ta bằng cách nêu vài ví dụ về những sự việc đã xảy ra. Do đó, ta đã quyết tâm và nỗ lực để sửa chữa bản thân, và nếu ta có thể sửa chữa, thói xấu này hoặc tính cách dại dột, và ta đã đưa thêm đức tính Khiêm nhường vào danh sách mở rộng khái niệm này ra.

Ta không dám nói là mình đã thành công trong việc đạt được chân giá trị của đức tính này nhưng có vẻ như ta đã thành công phần nào. Ta tự đặt ra một quy tắc là kiềm chế mọi hành động phản bác sỗ sàng của mình về quan điểm của người khác và mọi quan điểm có tính quyết đoán của ta. Ta cũng không cho phép mình, mặc dù luật trước đây của Junto cho phép, sử dụng từ ngữ hoặc cách diễn đạt nào chứa đựng một quan điểm cứng nhắc, như là chắc chắn, hiển nhiên, v.v… thay vào đó, ta bắt đầu làm quen với việc tưởng tượng, suy nghĩ rằng có một việc như thế, hoặc mọi việc có vẻ là như thế hiện tại. Khi có ai đó khẳng định một điều mà ta nghĩ sai lầm, ta không cho phép bản thân quyền được phản bác họ một cách cộc lốc hoặc chỉ ra ngay lập tức điểm vô lý trong lời nói của họ. Ta bắt đầu trả lời rằng thông qua một số trường hợp hoặc hoàn cảnh mà ta quan sát được thì ý kiến của người đó có thể đúng, nhưng trong một số trường hợp khác đối với ta lại có khác biệt, v.v… Và ta sớm nhận ra lợi thế của cách hành xử này, rằng với cách này những cuộc thảo luận trở nên thú vị hơn. Đưa ra quan điểm của mình theo cách này giúp người nghe dễ tiếp nhận hơn và giảm được mâu thuẫn. Đồng thời, ta cũng

bớt cảm thấy xấu hổ khi nhận ra lập luận của mình chưa đúng, và dễ dàng thuyết phục người nghe từ bỏ sai lầm và đồng ý với quan điểm của ta khi ta biết quan điểm đó đúng.

Cách thức này, ban đầu cần phải khắt khe với bản thân để tránh những thói quen cố hữu, dần trở nên dễ dàng cũng như trở thành thói quen với ta đến nỗi đã 50 năm qua, chưa ai nghe ta nói điều gì giáo điều và ép buộc họ phải theo quan điểm của ta. Nhờ vào thói quen này (sau tính chính trực), mà tiếng nói của ta trở nên có trọng lượng hơn với những thành viên khác khi đề xuất thể chế mới, hoặc sửa đổi những thể chế cũ, và có tác động lớn đến Hội đồng công dân khi ta trở thành thành viên. Bởi vì ta không phải là người biết cách diễn thuyết, cũng chưa bao giờ có khả năng hùng biện, lúc nào cũng lúng túng trong việc chọn từ và không biết cách diễn đạt chính xác, tuy nhiên nhìn chung thì ta cũng bày tỏ được quan điểm của mình.

Trên thực tế, có lẽ, không có một cảm xúc tự nhiên nào của bản thân lại khó đánh bại như niềm kiêu hãnh. Che đậy, vật lộn, đàn áp, làm nhục nó hết mức có thể, thì niềm kiêu hãnh vẫn không mất đi, và thỉnh thoảng lại chường ra trước mắt ta. Và mọi người có thể thấy rằng, có lẽ trong cuộc đời ta, cho dù ta nhận thấy mình hoàn toàn chế ngự được niềm kiêu hãnh, có lẽ ta nên cho phép bản thân tự hào về tính Khiêm nhường của mình.

[Viết được chừng này ở Passy, 1741.]

[Chuẩn bị viết tiếp tại nhà mình, tháng 8, 1788, nhưng không có được sự hỗ trợ như mong đợi từ những ghi chép trước đây của ta, phần lớn đã bị mất trong chiến tranh. Tuy nhiên, ta lại tìm được những mẩu ghi chép như dưới đây.]

Ta đã đề cập đến việc ấp ủ một kế hoạch lớn và đòi hỏi nhiều thời gian, và có vẻ như đúng là một phần ghi chép nằm ở đây nói về dự án và mục đích của dự án này. Dự án này chợt nảy ra trong đầu ta và được ghi chép lại bằng những mẩu giấy như là:

Các ghi chép lại từ những gì ta đọc được trong Thư viện, ngày 19 tháng 5 năm 1731.

“Những sự kiện hệ trọng diễn ra trên thế giới, các cuộc chiến, cách mạng, v.v… được tiếp diễn và bị các đảng phái chi phối.

“Quan điểm của các đảng phái này là lợi ích chung hiện tại của chúng, hay cái mà chúng xem là lợi ích.

“Quan điểm khác nhau của các đảng phái khác nhau gây khiến sự hoang mang.

“Khi một đảng phái tiến hành một thiết kế chung, mỗi thành viên đều có lợi ích riêng của cá

nhân trong đầu.

“Ngay khi một đảng phái đã đạt được điểm chung, mỗi thành viên đều sẽ quan tâm đến lợi ích riêng; điều này khi trái với các lợi ích khác sẽ chia rẻ đảng phái thành những bộ phận nhỏ, và càng gây ra nhiều hoang mang hơn.

“Chỉ có rất ít kẻ trong sự kiện chung hành xử từ sự quan tâm duy nhất đến sự tốt đẹp của quốc gia mình, bất kể là họ đang giả đò như thế nào; và cho dù sự đóng tuồng của bọn họ mang đến sự tốt đẹp cho quốc gia của mình, nhưng con người từ ban đầu vẫn xem rằng lợi ích của bản thân và dân tộc là thống nhất, chứ không hề hành xử dựa trên nguyên tắc của từ tâm.

“Còn có ít hơn nữa những kẻ, trong sự kiện chung, hành xử với mong muốn tốt đẹp cho nhân loại;

“Hiện tại với ta dường như có một dịp rất thuận thảo để thành lập một Đảng Đức hạnh thống nhất, bằng cách quy tập những con người thiện tâm và tử tế đến từ tất cả mọi quốc gia trở thành một thể thường xuyên, được quản trị bởi những quy tắc khôn ngoan và tốt đẹp, mà những con người khôn ngoan và tốt đẹp sẽ đồng lòng tuân theo, hơn là những kẻ thường dân tuân theo luật pháp chung.

“Lúc này, ta cho rằng bất kể ai mong muốn điều này một cách tử tế, và xứng đáng, kẻ ấy không thể nào thất thố khi phụng sự Thượng Đế và sẽ thành công. B.F.”

Khi tình huống cho phép ta có sự rảnh rỗi cần thiết, để nghĩ ngợi điều này trong tâm trí, để sau này chúng sẽ được thực hiện, ta hết lần này đến lần khác đã viết ra những trang giấy các ý nghĩ này như chúng đã hiện ra trong đầu mình. Hầu hết các ý nghĩ chúng đều mất di, thế nhưng ta vẫn có một nội dung là đại ý của tín điều ta mong mỏi hằng chứa đựng, như ta đã nghĩ, những điều cần thiết của mọi tôn giáo mà chúng ta đã biết, và tự do khỏi tất cả mọi thứ đã có thể khiến các nhà thuyết giảng của mọi tôn giáo thất kinh. Chúng được diễn bày bằng những từ sau đây:

“Chỉ có một Thượng đế, người đã khai sinh ra tất cả.

“Người cai trị thế gian bằng ý chí của Người.

“Người phải được thờ phụng bằng sự sùng kính, bằng khẩn cầu và tạ ơn.

“Nhưng phụng sự đáng chấp nhận nhất với Người là làm điều thiện cho kẻ khác.

“Rằng linh hồn là bất tử.

“Và Thượng đế chắc chắn sẽ ban thưởng cho đức hạnh và trừng trị cái xấu không phải bây giờ thì về sau.”

Và ý tưởng của ta lúc bấy giờ là Hội nên bắt đầu và truyền bá đến những người trẻ và đơn lẻ trước, mỗi người được kết nạp không chỉ bày tỏ sự tán thành của mình với tín điều về đức hạnh mà còn nên tự rèn luyện và thực hành các đức hạnh với cách thức nêu trên trong vòng mười ba tuần. Và hội viên nên giữ kín sự tồn tại của Hội, cho đến khi Hội đủ mạnh để ngăn việc kết nạp những người không phù hợp. Thay vào đó, mỗi thành viên sẽ tìm và lựa chọn trong số người quen biết để đề cử những người trẻ tuổi chân thật và có thiện chí. Một cách thận trọng, kế hoạch này sẽ dần được truyền đạt đến họ, và các thành viên nên quan tâm và đưa ra lời khuyên, hỗ trợ và giúp đỡ nhau để thúc đẩy sự quan tâm, công việc và tiến bộ trong cuộc sống của các thành viên khác. Đặc biệt hơn, Hội của chúng ta có thể được đặt tên là Hội của những người Tự do và Ung dung: tự do, như bản chất, nhờ vào sự rèn luyện và thói quen đức hạnh, thoát khỏi sự chi phối của các thói xấu, và đặc biệt nhờ vào sự rèn luyện tiết kiệm và siêng năng thoát khỏi cảnh nợ nần – thường hay đẩy con người vào cảnh giam cầm, và trở thành nô lệ của chủ nợ.

Đây là tất cả những gì ta nhớ được về kế hoạch này, ngoại trừ việc ta đã bàn một phần kế hoạch với hai chàng trai trẻ, người đã đón nhận kế hoạch này một cách nồng nhiệt. Nhưng với hoàn cảnh bận rộn sau này của ta, và sự cần thiết phải theo sát công việc kinh doanh, là lý do khiến ta trì hoãn việc theo đuổi kế hoạch này vào lúc đó. Không chỉ có thế, những công việc đa dạng của ta, cả công và tư, đã khiến ta tiếp tục lơ là và bỏ quên nó cho đến khi ta không còn đủ sức và sự nhanh nhẹn cho một kế hoạch táo báo như vậy nữa. Mặc dầu vậy, ta vẫn nghĩ đây là một kế hoạch khả thi, và có thể hữu dụng bằng cách rèn luyện một số lượng lớn công dân tốt. Ta đã không bị nản chí bởi quy mô lớn của kế hoạch, mà luôn nghĩ rằng một người với khả năng bình thường có thể tạo ra nhiều thay đổi, và hoàn thành nhiều việc cho nhân loại, chỉ cần ban đầu anh ta có một kế hoạch tốt, và bỏ qua tất cả các thú tiêu khiển hoặc những công việc có thể làm bản thân xao nhãng, và biến việc thực hiện kế hoạch đó trở thành sự học và công việc duy nhất của anh ta.

Năm 1732, lần đầu tiên ta xuất bản cuốn *Niên Lịch*, dưới bút danh Richard Saunders, và vẫn duy trì việc xuất bản trong vòng 25 năm sau, có tựa đề là *Niên Lịch Của Richard Nghèo Khó*. Ta cố gắng để cuốn sách vừa có ích, vừa thú vị. Và cuốn sách bán chạy đến nỗi đem lại cho ta một khoản lợi nhuận lớn, gần 10.000 mỗi năm. Nhờ quan sát thấy cuốn sách này được hầu hết mọi

người đọc, và hiếm có ai trong vùng lân cận mà không đọc nó, ta đã xem nó như một phương tiện thích hợp để truyền đạt kiến thức cho người dân, hiếm khi nào mua những sách khác. Do đó, ta đã để những những câu tục ngữ chen vào chỗ trống hiếm hoi có được giữa những ngày đặc biệt trong niên giám, chủ yếu để khắc sâu tính tiết kiệm và siêng năng, như cách thức để mang lại sự giàu có, và bằng cách ấy đức hạnh được bảo đảm. Sẽ rất khó khăn cho một người thiếu thốn để sống chân thật, như một trong những câu tục ngữ được sử dụng ở đây, cũng như khó mà có thể dựng đứng được một chiếc bao tải rỗng.

Những câu tục ngữ này, chứa đựng sự thông thái tích lũy từ bao đời và nhiều nước, ta sưu tầm và bỏ vào phần mở đầu của cuốn *Niên Lịch* năm 1757, dưới dạng một lời kêu gọi của một nhà thông thái khuyên bảo những người dự buổi đấu giá. Việc thu thập những lời khuyên này theo trọng tâm đã tạo nên ấn tượng tốt. Và phần này, được mọi người tiếp nhận, được sao lại ở tất cả các báo của khu thuộc địa, được tái bản ở Anh với khổ giấy lớn hơn để có thể treo trong nhà và có 2 bản dịch sang tiếng Pháp. Giới tăng lữ và quý tộc cũng mua một số lượng lớn lời khuyên này để phân phát miễn phí cho những giáo dân và người thuê đất nghèo. Bang Pennsylvania không khuyến khích những khoản chi tiêu vô ích vào các vật dụng không cần thiết từ nước ngoài, vài người cho rằng điều này góp phần tác động đến việc gia tăng tiền bạc đáng kể vài năm sau khi sách được xuất bản.

Ta cũng xem tờ báo của mình như là phương tiện để truyền đạt kiến thức, với quan niệm đó, ta thường xuyên in lại những đoạn trích từ tờ *The Spectator* và một số tác giả khác chuyên viết về đạo đức. Đôi khi cũng đăng một số bài viết của chính ta, những bài đã được viết cho các thành viên của Hội Junto đọc. Một trong số này là đoạn đối thoại của Socrate, để chứng minh rằng, một người xấu xa, bất kể nhiệm vụ và năng lực, sẽ không thể được coi là một người thông minh. Và một bài văn về sự hạn chế bản thân, chỉ ra rằng đức hạnh không được bảo đảm một khi chúng được rèn luyện để trở thành thói quen, và thoát khỏi những thói xấu. Những điều này có thể được tìm thấy ở các số báo đầu năm 1735.

Trong khi điều hành tờ báo của mình, ta đã cẩn thận loại bỏ tất cả những gì liên quan đến việc phỉ báng hoặc lạm dụng cho mục đích cá nhân, những mà nhiều năm sau có thể sẽ trở thành nỗi nhục cho đất nước. Mỗi khi có người nài nỉ ta đăng những bài dạng này, và thường thì các tác giả hay biện hộ đó quyền tự do báo chí, và rằng báo chí cũng như xe ngựa chạy theo tuyến, ai trả tiền mua vé thì được phép lên xe, ta đáp lại rằng ta sẽ in những bài đó, nếu họ muốn, nhưng riêng biệt, và họ có thể yêu cầu in bao nhiêu bản tùy thích và phân phát. Nhưng ta sẽ không truyền bá những bài viết loại này, vì ta đã nhận trọng trách mang lại những thông tin hữu ích hoặc thú vị cho người đọc, ta không thể để các cuộc đấu khẩu cá nhân tràn ngập các

trang báo, hơn nữa đây cũng không phải là điều người đọc quan tâm. Hiện tại, nhiều chủ nhà in không hề đắn đo trong việc thỏa mãn những nhu cầu cá nhân ích kỉ này bằng cách cho đăng những lời buộc tội không căn cứ của họ về những nhân cách tốt đẹp, và làm tăng thêm sự thù hằn khi nhận in bài của cả hai phe đối nghịch trong cuộc tranh chấp. Hơn nữa, việc cho in các bài chỉ trích thô lỗ về chính quyền của các bang lân cận hay cách hành xử của những bang đồng minh không phải là hành động khôn ngoan, điều này có thể dẫn đến những hậu quả không thể lường trước. Tất cả điều ta nêu ra trên đây như lời nhắc nhở các thợ in mới vào nghề rằng họ không nên làm ô uế tờ báo lẫn nghề nghiệp của mình bằng những hành động đáng hổ thẹn đó, thay vào đó nên một mực từ chối tiếp tay cho các hành động như vậy giống như ta đã làm, và các bạn sẽ thấy cách cư xử có đạo đức đó, nhìn chung, chẳng gây tổn hại gì đến quyền lợi của chúng ta cả.

Năm 1733 ta cử một anh thợ đến Charleston, phía Bắc Carolina, nơi đang có nhu cầu in ấn. Ta cấp cho cậu một máy in và những mẫu chữ, theo như giao kèo hợp tác, rằng ta sẽ nhận 1/3 lợi nhuận thu được và đồng thời chịu 1/3 chi phí của nhà in. Cậu này là người chịu học hỏi và trung thực, tuy nhiên lại chẳng biết gì về tính toán tiền nong. Mặc dù đôi khi anh ta yêu cầu ta gửi tiền, ta chưa bao giờ nhận được bản kê khai hay báo cáo về tình hình hợp tác từ cậu. Khi cậu mất đi, vợ cậu, người sinh ra lớn lên ở Hà Lan nơi theo ta biết tính toán là một phần không thể thiếu trong giáo dục cho nữ giới, tiếp nhận công việc làm ăn của chồng. Cô góa phụ này không chỉ gửi ta bản báo cáo rõ ràng về các giao dịch trong quá khứ, mà tiếp tục gửi báo cáo tình hình hiện tại lẫn về sau một cách đều đặn và rõ ràng cho mỗi quý sau đó. Cô này đã quản lý việc làm ăn thành công đến nỗi không chỉ trang trải được chi phí nuôi gia đình, mà sau khi hết giao kèo còn đủ tiền mua lại nhà in này từ ta và để lại cho con trai quản lý.

Ta nhắc đến sự kiện này với mục đích khuyến khích giáo dục phụ nữ vì việc giáo dục này sẽ hữu ích cho họ cũng như con cái của họ trong trường hợp góa bụa hơn so với dạy nhạc hay khiêu vũ. Nó giúp phụ nữ ít phải dựa dẫm hơn vào những người thợ thủ công phái nam và giúp họ tiếp tục, có lẽ là buôn bán với những đối tác trước đó của chồng, cho đến khi người con trai đủ lớn để gánh vác công việc vì lợi ích và sự thịnh vượng của gia đình.

Vào khoảng năm 1734 có một người nhà thuyết giáo thuộc Giáo Hội Trưởng Lão người Ireland tên Hempill. Do ông này thường có những bài giảng tuyệt vời bằng một chất giọng tốt cũng như ứng khẩu cực hay nên ông đã thu hút được một số lượng lớn những giáo phái khác nhau đến nghe vì ngưỡng mộ ông. Bên cạnh nhiều người khác, ta trở thành một trong những thính giả trung thành. Ta thích những bài giảng của ông vì chúng không mang tính giáo điều mà nhấn mạnh những nguyên tắc đạo đức hay cái được gọi là làm sống thiện theo ngôn từ của

tôn giáo. Tuy nhiên, giáo đoàn của chúng ta những người tự cho mình là Giáo Hội Trưởng Lão chính thống không đồng tình với học thuyết của ông này cùng với những giáo tu sĩ lớn tuổi khác buộc ông tội thiếu chính thống trong hội nghị tôn giáo để bắt ông ngừng việc giảng đạo. Ta trở thành người ủng hộ nhiệt tình của ông, cố hết sức trong khả năng của mình tập hợp một nhóm người đứng về phía ông và chúng ta đấu tranh bảo vệ ông với hy vọng giành chiến thắng trong một thời gian. Có rất nhiều phân tích về lợi và hại trong cuộc chiến này. Khi thấy ông dù là một nhà thuyết giáo tài năng nhưng lại viết rất dở, ta giúp ông viết hai hay ba cuốn chuyên đề và một bài báo trên Gazette vào tháng 4 năm 1735. Những cuốn sách đó cũng như những cuốn chuyên đề tranh luận khác được mọi người đón đọc rất háo hức vào lúc đó nhưng nhanh chóng bị lãng quên và ta tự hỏi giờ có còn bản sao nào của nó tồn tại không.

Trong thời gian đấu tranh, một sự kiện xui xẻo đã làm ông tổn thương trầm trọng. Một trong những kẻ địch của chúng ta khi nghe đến việc ông giảng bài được rất nhiều người ngưỡng mộ cho rằng ông đã đọc ở đâu đó được bài giảng này hay một phần của nó từ trước. Khi truy tìm, ông này phát hiện một phần trích dẫn trên tờ *British Reviews* trong bài giảng của Giáo Sư Foster. Phát hiện này khiến nhiều người trong nhóm ủng hộ ông cảm thấy ghê tởm và do đó rời bỏ ông và nó cũng khiến chúng ta thất bại nhanh hơn trong Quốc Hội tôn giáo. Ta vẫn sát cánh cùng ông vì ta thà chấp nhận chuyện ông trình bày những bài giảng hay do người khác soạn còn hơn thuyết giảng những nội dung dở do chính tay mình làm ra dù rằng những nhà thuyết giáo thông thường của chúng ta thường làm theo cách thứ hai. Sau đó, ông thú nhận với ta rằng không có bài nào ông giảng là tác phẩm của ông cả. Trí nhớ của ông tốt đến nỗi có thể cho phép ông nhớ và lặp lại chỉ sau một lần đọc. Sau thất bại đó, ông bỏ chúng ta ra đi để tìm vận may ở nơi khác và ta rời khỏi giáo đoàn không bao giờ tham gia nữa dù ta vẫn tiếp tục đăng ký để ủng hộ cho những mục sự của giáo đoàn nhiều năm sau đó.

Ta bắt đầu học ngoại ngữ vào năm 1733, ta nhanh chóng thành thạo tiếng Pháp và có thể đọc sách một cách rất dễ dàng. Sau đó, ta học tiếng Ý. Một người quen của ta cũng học tiếng Ý thường thách ta chơi cờ với ông. Nhận thấy việc này mất quá nhiều thời gian mà ta dành để học, ta từ chối tiếp tục chơi ngoại trừ với điều kiện người chiến thắng trong cuộc chơi có quyền đặt ra một nhiệm vụ hoặc học thuộc ngữ pháp hoặc dịch thuật,…v.v. và người thua phải thực hiện nhiệm vụ này một cách nghiêm túc trước buổi gặp tiếp theo của chúng ta. Vì chúng ta đánh cờ ngang ngửa nhau nên chúng ta cùng nhau tiến bộ trong tiếng Ý. Sau đó với một chút siêng năng, ta cũng học và đọc sách tiếng Tây Ban Nha.

Ta đã từng nhắc chuyện ta chỉ học có 1 năm ở một trường ngôn ngữ Latin khi còn rất nhỏ và sau đó ta hoàn toàn bỏ việc học ngôn ngữ. Nhưng sau khi làm quen với tiếng Pháp, Ý và Tây

Ban Nha, khi đọc quyển Kinh Cựu Ước viết bằng tiếng Latin, ta rất ngạc nhiên vì mình hiểu được nhiều hơn mình tưởng. Điều đó thúc đẩy ta theo học ngôn ngữ này một lần nữa và học rất thành công vì những ngôn ngữ ta đã học giúp việc học tiếng Latin trơn tru hơn.

Từ thực tế này, ta cho rằng có một sự thiếu nhất quán trong cách thức dạy ngôn ngữ thông thường. Chúng ta được chỉ bảo rằng nên học tiếng Latin trước và sau khi biết ngôn ngữ này thì học những ngôn ngữ còn lại xuất phát từ tiếng Latin sẽ dễ hơn nhưng chúng ta lại không bắt đầu học tiếng Hy Lạp để học tiếng Latin. Đúng là nếu bạn có thể leo lên đầu cầu thang mà không cần dùng những bậc thang, bạn sẽ dễ dàng dùng những bậc thang hơn khi đi xuống. Nhưng chắc chắn rằng nếu bắt đầu với bậc thang thấp nhất, bạn sẽ thấy dễ dàng hơn để leo lên đầu cầu thang. Do đó, ta muốn đề xuất phương pháp sau đây cho những người chịu trách nhiệm giáo dục giới. Vì rất nhiều người trẻ tuổi bắt đầu học tiếng Latin đã bỏ học sau vài năm mà không có tiến bộ lớn nào và những thứ họ học được trở nên vô dụng do đó thời gian bị lãng phí, liệu có tốt hơn nếu bắt đầu với tiếng Pháp sau đó sang tiếng Ý…v.v. Những người học theo cách này sau một thời gian bỏ học ngôn ngữ dù chưa nắm được tiếng Latin cũng có được một hai thứ tiếng hiện tại được sử dụng và có ích cho cuộc sống của họ.

Sau 10 năm rời khỏi Boston và có cuộc sống ngày càng thoải mái hơn, ta thực hiện một hành trình về thăm người thân của mình mà trước đây ta không đủ tiền để làm việc đó. Khi trở về, cập bến Newport, ta thăm anh trai và nghỉ tại nhà nhà in của anh. Những mẫu thuẫn trước đây của chúng ta đã được xoá bỏ và cuộc gặp mặt rất thân mật và trìu mến. Sức khoẻ của anh đang rất yếu và yêu cầu ta khi anh qua đời, điều mà anh sợ sẽ không còn xa, ta hãy đón đứa con 10 tuổi của anh về và giúp cháu thừa hưởng công việc kinh doanh in ấn của anh. Ta thực hiện theo lời anh sau đó, gửi cháu ta đi học vài năm sau đó đón về làm việc. Mẹ của cháu chăm sóc việc kinh doanh cho đến khi cháu trưởng thành và ta chỉ dạy cháu cách sắp xếp những mẫu chữ in mới vì những mẫu chữ in của của anh trai ta đã cũ sờn. Điều này đã sửa được sai lầm mà của ta trước đây khi rời bỏ anh quá sớm.

Năm 1736, ta mất một trong những đứa con của mình, một đứa bé trai 4 tuổi rất ngoan, vì bệnh đậu mùa như nhiều đứa bé khác. Ta đã hối hận rất lâu và vẫn còn hối hận cho đến ngày nay rằng mình đã không tiêm ngừa cho con. Ta nhắc đến sự việc này vì lợi ích của các bậc cha mẹ những người không tiêm ngừa cho con vì họ sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân mình nếu đứa trẻ qua đời vì căn bệnh đó. Cái gương của ta cho thấy rằng chắc chắn họ sẽ phải hối hận do đó nên chọn phương pháp an toàn.

Câu lạc bộ Junto của chúng ta rất hữu ích và khiến những thành viên thoả mãn tới nỗi nhiều

người muốn giới thiệu bạn bè của mình tham gia và việc này khiến số thành viên đông hơn con số hợp lý mà chúng ta đặt ra ban đầu là 12 người. Ban đầu chúng ta đã đặt ra quy định giữ kín sự tồn tại của câu lạc bộ và nó được tuân thủ khá tốt. Mục đích của việc này là tránh việc phải nhận những người không phù hợp vì có một số người chúng ta có thể sẽ thấy rất khó từ chối. Ta là một trong những người phản đối việc giới hạn số thành viên thay vào đó đề xuất rằng mỗi thành viên trong hội sẽ thành lập một câu lạc bộ phụ với những quy định tương tự về những câu hỏi tham luận…v.v và không để những thành viên của các câu lạc bộ này biết về sự tồn tại của Junto. Cái lợi thứ nhất ở đây là sự tiến bộ của rất nhiều cư dân trẻ bằng cách sử dụng hệ thống của chúng ta. Thứ hai là nắm bắt được ý kiến của người dân vì thành viên của Junto sẽ đề xuất đề tài tham luận nào được bàn và báo cáo với Junto những trao đổi ở các câu lạc bộ khác. Cuối cùng, đẩy mạnh mối quan hệ kinh doanh riêng của các thành viên qua mạng lưới giới thiệu rộng rãi, nâng cao tính ảnh hưởng trong các vấn đề công vụ và sức mạnh làm điều tốt bằng cách truyền bá những ý kiến của Junto thông qua các câu lạc bộ khác.

Đề xuất này được chấp nhận và mỗi thành viên thành lập một câu lạc bộ của mình nhưng không phải tất cả đều thành công. Chỉ có năm hay sáu câu lạc bộ thành lập và được gọi với những cái tên khác nhau như Vine, Union, Band…v.v. Những câu lạc bộ này rất hữu ích với chính các thành viên thành lập ra nó và mang lại cho chúng ta rất nhiều sự thích thú, thông tin và chỉ dẫn bên cạnh việc sử dụng để gây ảnh hưởng đến công chúng trong những trường hợp đặc biệt mà ta sẽ kể ra một vài thí dụ đến lúc.

Lần đầu tiên ta được thăng chức năm 1736 khi được chọn làm thư ký của Quốc Hội. Không ai phản đối việc ta được chọn vào năm đó. Nhưng vào năm tiếp theo (vị trí đó cũng như vị trí của thành viên Quốc Hội được bầu chọn hằng năm), một thành viên mới đã trình bày một bài nói rất dài phản đối việc chọn ta để ủng hộ một ứng viên khác. Tuy nhiên, ta vẫn được chọn và điều này khiến ta hài lòng vì ngoài việc hưởng lương thư ký vị trí này còn cho ta cơ hội tốt hơn để giữ mối quan hệ với các thành viên để có được những hợp đồng in phiếu bầu, sách luật, tiền giấy và những hợp đồng công mang tính chất thời vụ khác mà nói chung là có lãi rất nhiều.

Do đó, ta không thích sự phản đối của vị thành viên mới kia, một người giàu và có học thức mà bằng tài năng của mình sẽ tạo ảnh hưởng lớn trong Nghị Viện việc mà sau đó đã xảy ra. Tuy nhiên, ta không hướng đến việc giành được sử ủng hộ bằng cách tỏ ra kính trọng đến quỵ luỵ với ông này mà sau đó sử dụng một cách khác. Nghe nói rằng trong thư viện của ông có một cuốn sách lạ và rất quý hiếm, ta viết cho ông này một lá thư nhỏ thể hiện mong muốn được đọc cuốn sách đó và yêu cầu ông cho phép ta được mượn đọc nó một vài ngày. Ngay lập tức, Ông gửi nó cho ta và ta trả lại cuốn sách sau một tuần với một lá thư khác bày tỏ sự cảm ơn của

mình. Trong lần gặp nhau ở Nghị Viện sau đó, ông nói chuyện với ta (việc ông chưa từng làm trước đây) và theo cách rất lịch sự. Và từ đó ông luôn thể hiện mình sẵn sàng ủng hộ ta trong mọi tình huống do đó chúng ta trở thành bạn thân và tình bạn của chúng ta kéo dài đến khi ông qua đời. Đây là ví dụ về chân lý trong một châm ngôn mà ta biết nói rằng, "Người đã từng làm điều tốt cho bạn một lần sẽ sẵn sàng làm một điều tốt nữa cho bạn hơn người bạn mà bạn gia ơn." Và nó cho thấy việc xoá bỏ so với đối đầu, đáp trả và tiếp tục sự thù địch có lợi nhiều như thế nào.

Vào năm 1737, Đại Tá Spotwood, cựu Thống đốc Virginia và sau đó là Bộ trưởng Bộ bưu điện, do không hài lòng với biểu hiện của viên trợ lý của mình ở Philadelphia trong việc tính toán và thanh toán sổ sách đã cách chức người này và đề nghị ta công việc đó. Ta sẵn lòng chấp nhận làm và thấy rằng công việc này rất có lợi vì dù rằng lương không cao, nó giúp ta có những mối quan hệ để cải thiện tờ báo của mình, tăng số lượng người đọc cũng như số lượng đăng quảng cáo. Do đó, nó mang lại cho ta một nguồn doanh thu đáng kể. Tờ báo đổi thủ của ta theo đó suy tàn dần và ta đã thoả lòng dù không cần phải trả thù việc Bradford từ chối giao báo của ta bằng ngựa. Từ chuyện ông bị tổn thất nặng nề do thiếu quan tâm đến hoạt động kế toán đúng hạn, ta muốn nhắc đến nó như một bài học cho những người trẻ tuổi được thuê để quản lý công việc kinh doanh của người khác rằng phải luôn thanh toán và chi các khoản trả đúng hạn và minh bạch. Hoàn thành tốt công việc này sẽ là lời giới thiệu tốt nhất khi tìm kiếm công việc hay phát triển kinh doanh.

Ta bắt đầu hướng suy nghĩ của mình sang những vấn đề công vụ nhưng ban đầu chỉ là những vấn đề nhỏ nhặt. Việc canh gác thành phố là một trong những điều đầu tiên ta muốn điều chỉnh. Nó được thay phiên phụ trách bởi những nhân viên an ninh của từng khu vực. Những nhân viên an ninh yêu cầu một số chủ nhà tham gia gác vào ban đêm. Những người không tham gia để được miễn phải trả 6 siling một năm số tiền được cho là dành để thuê người khác thế nhưng thực tế nó nhiều hơn khoản tiền cần thiết cho mục đích đó và khiến công việc giữ an ninh trở thành một công cụ kiếm lợi. Và nhân viên an ninh sau khi uống say trông như một kẻ đầu đường xó chợ đi tuần khiến những chủ nhà đáng kính quyết định không tham gia cùng người này. Việc đi tuần vòng quanh cũng thường bị bỏ bê và hầu hết các đêm những người này đều say xỉn. Do đó, ta viết một tham luận được đọc tại Junto nói về những sự thiếu thường xuyên này nhưng nhấn mạnh đặc biệt vào sự thiếu công bằng của khoản tiền 6 siling của những nhân viên an ninh trong tương quan của những người phải trả khoản tiền này vì một goá phụ nghèo mà tất cả tài sản không quá 50 Bảng cũng phải đóng khoản tiền tương đương với một thương nhân giàu có người sở hữu số hàng hoá trị giá lên đến hàng ngàn Bảng trong

cửa hàng.

Sau khi xem xét tổng quát, ta đề xuất thuê những người thích hợp làm nhiệm vụ này liên tục để canh gác hiệu quả hơn và một cách thức công bằng hơn để hỗ trợ thu phí là áp thuế theo giá trị tài sản. Ý tưởng này được Junto chấp thuận và truyền tải tới những câu lạc bộ khác những câu lạc bộ mà thực chất vấn đề được nêu ra đầu tiên tại đó. Và dù rằng kế hoạch không được đưa vào thực thi ngay lập tức nhưng thông qua việc chuẩn bị tư tưởng cho người dân, nó lót đường cho những đạo luật được thông qua vài năm sau đó khi những thành viên của các câu lạc bộ có tầm ảnh hưởng lớn hơn.

Vào khoảng thời gian này ra viết một bài tham luận (ban đầu được đọc trong Junto nhưng sau đó được xuất bản) về việc những tai nạn nhỏ và sự bất cẩn khiến nhiều ngôi nhà bị cháy kèm theo lời cảnh báo và cách thức phòng tránh. Nó được đánh giá là một tác phẩm hữu ích khơi nguồn cho một dự án triển khai không lâu sau đó về việc thành lập một đại đội cứu hỏa và giúp đỡ lẫn nhau trong việc di chuyển và bảo vệ hàng hoá ra khỏi nơi nguy hiểm. Dự án nhanh chóng có được sự cuốn hút với con số hội viên lên tới 30 người. Biên bản thoả thuận của chúng ta quy định tất cả thành viên phải luôn giữ một số lượng xô bằng da với những cái túi và rổ chắc chắn (để đóng gói và vận chuyển hàng hoá) để mang theo đến tất cả những đám cháy. Chúng ta cũng đồng ý gặp nhau mỗi tháng một lần và dành ra một buổi chiều trao đổi và thảo luận về những ý tưởng liên quan đến các đám cháy vì nó có thể hữu ích cho công việc của chúng ta.

Sự hữu dụng của đại đội này nhanh chóng được thể hiện và có rất nhiều người khác mong muốn được tham gia hơn cả con số hợp lý cho một đại đội. Những người này được khuyên nên thành lập một đại đội khác, và họ đã làm theo. Cứ như thế các đại đội thay nhau ra đời cho đến khi nó nhiều đến nỗi các đại đội bao gồm tất cả công dân có tài sản trong vùng. Và giờ, vào thời điểm ta đang viết, dù rằng đã hơn 50 năm kể từ ngày thành lập, đại đội đầu tiên do ta khai sáng với tên gọi là Đại Đội Liên Minh Chữa Cháy vẫn còn tồn tại và phát triển dù rằng tất cả những thành viên khác đã rút lui ngoại trừ ta và một thành viên khác lớn hơn ta một tuổi. Những khoản phạt nhỏ được áp dụng cho các thành viên vắng mặt trong những buổi họp tháng được dùng để mua máy chữa cháy, thang, cây cào lửa và những dụng cụ hữu ích khác cho các đại đội. Đến nỗi câu hỏi ở đây là liệu có thành phố nào trên thế giới được chuẩn bị tốt hơn về những cách thức dập tắt các đám cháy. Thực tế, từ khi những đại đội này được thành lập, thành phố chưa bao giờ bị mất nhiều hơn một hay hai ngôi nhà do hoả hoạn trong một đám cháy và ngọn lửa thường được dập tắt trước khi ngôi nhà phát hoả bị ngọn lửa nuốt chửng phân nửa.

Vào năm 1739, có một nhà thuyết giảng lưu động người Ireland xuất hiện. Đó là Đức Ngài Whitefield. Ban đầu ông được phép thuyết giảng trong các nhà thờ của chúng ta. Tuy nhiên, những tu sĩ do không thích ông nhanh chóng từ chối không cho ông giảng trong nhà thờ và ông này buộc phải giảng ở các cánh đồng. Đám đông quần chúng từ các tín ngưỡng và giáo phái khác tụ họp nghe những bài giảng của ông rất đông và nó gây cho ta rất nhiều tò mò muốn tìm hiểu khi là một trong những người chứng kiến khả năng ảnh hưởng lớn lao trong nghệ thuật hùng biện của ông đối với người nghe và rất ngưỡng mộ cũng như kính trọng ông bất chấp việc ông thường lăng mạ các thính giả của mình khi nói chắc rằng bản chất của họ là nửa ma quỷ nửa thú vật. Thật tuyệt vời khi nhận ra những thay đổi ở các cư dân. Từ chỗ không quan tâm và thờ ơ với tôn giáo, có vẻ như cả thế giới đang phát triển theo hướng tín ngưỡng đến độ không ai có thể đi dọc thành phố vào buổi chiều mà không nghe những bài thánh ca được hát vang trong các gia đình ở những con đường khác nhau.

Và nhận thấy sự bất tiện của việc tụ họp ngoài trời do yếu tố thời tiết, việc có một ngôi nhà để họp mặt không lâu sau được đề xuất và những người được bổ nhiệm để nhận số tiền quyên góp chưa thật đủ nhanh chóng mua đất dựng lên một ngôi nhà dài khoảng 100 feet và rộng 70 feet, bằng diện tích của Westminster Hall. Và công việc này được thực hiện hăng say tới nỗi nó được hoàn thành trước cả thời gian mong đợi. Cả ngôi nhà và miếng đất đều thuộc quyền sở hữu của những người được uỷ thác chỉ được dùng cho những nhà thuyết giảng hay các thành viên giáo phái muốn trình bày gì đó với người dân Philadelphia. Thiết kế của ngôi nhà không theo bất kỳ tín ngưỡng nào mà theo phong cách chung của các cư dân. Do đó, ngay cả khi các giáo sĩ hồi giáo đến từ thành phố Constantinople có gửi một nhà truyền giáo đến giảng về Đạo Hồi cũng sẽ tìm thấy một bục giảng thích hợp cho mình.

Whitefield rời khỏi chúng ta đi đến tận Georgia để thuyết giảng. Vùng Georgia vừa mới được khai phá gần đây nhưng thay vì được định cư bởi những nông dân chăm chỉ chịu khó quen lao động, những người duy nhất phù hợp với vùng đất này, thì lại là những gia đình sở hữu các cửa hàng bị phá sản hay những con nợ khác, những kẻ lười biếng và rỗi nghề vừa mới ra tù được gửi đến sống ở những khu rừng do không đủ điều kiện sống ở các vùng đất đã khai hoang và không đủ khả năng chịu được sự gian khổ của việc định cư ở vùng đất mới, do vậy nên số người chết rất đông để lại rất nhiều đứa trẻ bơ vơ không nơi nương tựa. Tình cảnh đáng thương đó đã thúc đẩy trái tim nhân hậu của Whitefield nảy ra ý tưởng xây dựng một Trại Trẻ Mồ Côi ở đó nơi bọn trẻ được nuôi nấng và giáo dục. Quay trở về hướng Bắc, ông thuyết giảng về dự án từ thiện này và quyên góp được rất nhiều tiền vì khả năng hùng biện của ông có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cảm xúc và suy nghĩ của người nghe mà trong đó ta là một ví dụ.

Ta không phải không đồng ý với dự án đó nhưng Georgia rất thiếu thốn về nhân lực và nguyên vật liệu và nếu gửi từ Philadelphia sang thì chi phí sẽ rất cao, ta cho rằng tốt hơn hết nên xây dựng nó ở đây và mang lũ trẻ tới Philadelphia. Ta khuyên ông làm theo cách này nhưng ông kiên quyết làm theo kế hoạch ban đầu của mình từ chối lời khuyên của ta và do đó ta từ chối đóng góp. Không lâu sau đó ta tham dự một trong những buổi giảng của ông mà theo ta thấy mục đích cuối cùng của ông là để quyên góp, ta thầm nhủ ông sẽ không nhận được gì từ ta dù lúc đó trong túi ta đang có một nắm tiền đồng, 3 hay 4 đồng đô la bạc và 5 đồng pistol vàng. Nhưng khi ông diễn thuyết, ta bắt đầu xiêu lòng và đóng góp số tiền đồng của mình. Và một luận điểm trong bài diễn thuyết của ông khiến ta xấu hổ đến nỗi ta quyết định đóng góp thêm một đồng đô la bạc. Và cuối cùng, ông kết thúc đáng khâm phục khi ta dốc cả túi tiền của mình các đồng vàng và tất cả bỏ vào chiếc đĩa quyên góp. Tại buổi thuyết giảng này, cũng có một thành viên trong câu lạc bộ của chúng ta người ủng hộ ý kiến của ta trong vấn đề xây Trại Trẻ Mồ Côi ở Georgia và vì nghi ngờ rằng sẽ có quyên góp nên đã cẩn thận quyết định bỏ hết tiền ở nhà. Tuy nhiên, trước khi kết thúc bài giảng, ông này cảm thấy rất muốn quyên góp và đã hỏi mượn người hàng xóm đứng gần một ít tiền cho mục đích đó. Không may thay ông hỏi mượn đúng người duy nhất trong số thính giả đủ độ rắn để không bị ảnh hưởng bởi bài thuyết giảng của Whitefield. Câu trả lời của người này là, "Bất kỳ lúc nào khác, người bạn Hopkinson của tôi, tôi sẽ cho anh mượn tiền thoải mái nhưng không phải bây giờ vì có vẻ như anh không có được suy nghĩ đúng đắn."

Một vài kẻ thù của Whitefield tuyên bố rằng ông sẽ sử dụng số tiền này làm của riêng nhưng ta người đã biết ông khá rõ (ta được thuê in những bài giảng và các biên bản của ông…v.v) không có chút nghi ngờ nào với tính chính trực của ông và là một sứ giả ủng hộ kiên quyết tin rằng ông luôn hành động như một người thật thà và theo ta nghĩ lời nhận xét của ta về ông có trọng lượng hơn vì chúng ta không theo quan điểm tôn giáo nào. Thực ra ông từng cầu nguyện cải đạo cho ta nhưng chưa bao giờ ông có được sự thoả mãn rằng những cầu nguyện của mình được nghe thấy.

Ví dụ sau đây sẽ cho thấy một trong những lập trường khác nhau mà của chúng ta đứng trên. Lúc trở về Boston từ Anh, ông không biết phải ở đâu vì người bạn cũ và cũng là người chủ nhà của ông là Benezet đã chuyển sang Germantown. Câu trả lời của ta là, "Ông biết nhà tôi phải không. Nếu ông có thể chuyển sang ngôi nhà chật hẹp của tôi, ông sẽ rất được chào đón nồng nhiệt ở đó". Ông trả lời rằng nếu ta đưa ra đề nghị đó vì Chúa, ta sẽ được ban phúc lành. Và ta đáp lại, "Đừng hiểu lầm tôi. Đó không phải vì Chúa mà vì ông đó". Một trong những người quen của chúng ta từng nói đùa rằng vì biết thói quen của những vị thánh là khi nhận được ơn huệ gì

sẽ nhấc cái gánh nặng mang ơn đó ra khỏi vai mình và đặt lên thiên đàng, do đó ta đã cố gắng giữ nó dưới trần gian.

Lần cuối cùng, ta thấy ông Whitefield là ở London khi ông hỏi ý kiến ta về Trại Trẻ Mồ Côi và mục tiêu biến nó thành một trường đại học.

Ông có một giọng nói to và rõ, phát âm ngôn từ và câu chữ rất chuẩn đến nỗi có thể nghe hiểu ông đang nói gì từ một khoảng cách rất xa đặc biệt là khi những người nghe dù đông đảo nhưng biết giữ im lặng. Có một buổi chiều ông đứng trên bậc thang cao nhất của tòa án ngay giữa đường Market, và cắt ngay góc phải phần phía Tây của đường Second trình bày bài nói của mình. Cả hai con đường đầy những người nghe đứng ở phía khá xa. Đứng xa nhất ở đường Market, ta tò mò không biết giọng ông có thể nghe thấy từ khoảng cách bao xa và thử lùi xa ra khỏi con đường về phía dòng sông. Ta nhận ra giọng nói đặc biệt của ông vẫn đến tai ta lúc ở gần đường Front khi một số tiếng ồn khiến ta không nghe rõ giọng ông nữa. Thử hình dung nếu vẽ một vòng cung thì khoảng cách từ ta đến ông là bán kính và khoảng cách đó đầy những người nghe. Ta cho mỗi người chiếm khoảng 2 feet vuông (khoảng 0.6 m2) thì tính được rằng ông có thể được nghe thấy trong diện tích 30 ngàn feet vuông. Nó khiến ta không ngạc nhiên về tờ báo đăng câu chuyện ông thuyết trình trước 25 ngàn người trên các cánh đồng và cũng khiến ta tin vào những câu chuyện lịch sử cổ xưa nói về những vị tướng thuyết trình trước toàn quân, cái mà trước đó đôi khi ta nghi ngờ.

Nghe ông giảng thường xuyên, ta bắt đầu dễ dàng phân biệt giữa những bài giảng mới soạn và những bài ông thường trình bày trong những chuyến đi của mình. Cách thức trình bày những bài giảng đã quen thuộc của ông thường rất hoàn thiện nhờ luyện tập nhiều lần đến nỗi từng trọng âm, từng dấu nhấn, từng đoạn trầm bổng trong giọng nói được chọn và biến chuyển hoàn hảo tới nỗi dù không hứng thú gì với đề tài đưa ra nhưng người nghe cũng không thể không thích thú với bài giảng của ông, một sự thích thú tương tự như khi nghe một đoạn nhạc hay. Đây là lợi thế của những nhà thuyết giảng lưu động so với những người chỉ ở một chỗ vì những người này không thể cải thiện cách thức trình bày bài thuyết giảng của mình bằng cách tập luyện nhiều được.

Những bài viết và bản in của ông thỉnh thoảng đem lại cái lợi cho kẻ thù của ông. Những câu nói thiếu cẩn thận và thậm chí là những ý kiến sai lầm được đặt ra trong các bài giảng có thể sau đó được giải thích hay chấp nhận bởi những người đồng tình hoặc nó có thể bị chối bỏ. Nhưng những dòng chữ được viết xuống sẽ còn lưu lại. Những nhà phê bình tấn công các tác phẩm của ông kịch liệt và đưa ra nhiều lý do để làm giảm số người tin ở ông cũng như ngăn

không cho con số đó tăng lên. Do đó, ta cho rằng nếu ông chưa từng viết gì cả thì số người theo ông sẽ đông đảo hơn rất nhiều và danh tiếng của ông trong trường hợp đó có thể vẫn tiếp tục gia tăng thậm chí là sau khi ông qua đời vì không có gì trong bài viết của ông có thể dùng để phê bình hay đánh giá thấp về ông và những người hâm mộ ông vẫn sẽ tự do bịa ra những câu chuyện bảo vệ ông như một người có nhiều tài năng kiệt xuất, tài năng mà do sự ngưỡng mộ cuồng nhiệt họ ước rằng ông có.

Công việc của ta vẫn liên tục phát triển và theo chiều hướng ngày càng dễ dàng hơn. Tờ báo của ta sinh lãi rất nhiều vì lúc đó nó hầu như là tờ báo duy nhất trong vùng và những vùng lân cận. Ta cũng trải nghiệm qua tận mắt mình rằng "khi đã kiếm được 100 Bảng đầu tiên thì sẽ dễ dàng kiếm được 100 Bảng tiếp theo,"tự bản thân tiền đẻ ra tiền.

Sự hợp tác ở Carolina thành công tiếp động lực cho ta phát triển thêm những đối tác khác và thăng chức cho vài người thợ đã thể hiện tốt bằng cách gửi họ đi phụ trách nhà in ở những vùng thuộc địa khác cũng theo cái cách đã làm ở Carolina. Hầu hết họ đều làm tốt công việc và sau khi hết hợp đồng 6 năm có khả năng mua những mẫu chữ in của ta tự kinh doanh, kết quả là nhiều gia đình trở nên khá giả. Những mối quan hệ hợp tác thường kết thúc trong tranh cãi nhưng ta vui vì các mối quan hệ hợp tác của ta tất cả đều được duy trì và kết thúc một cách thân thiện nhờ rất nhiều vào sự thận trọng trong việc thương lượng rõ ràng từ ban đầu bằng các điều khoản tất cả những gì mỗi bên được mong đợi hay phải làm, do vậy không còn gì để tranh cãi nữa. Đó là sự thận trọng mà ta khuyến cáo tất cả những ai tham gia việc hợp tác cần có vì dù rằng các đối tác có dành cho nhau tình cảm quý mến hay tin tưởng vào đối tác của mình vào thời điểm ký hợp đồng thì sau đó một chút sự ngờ vực và căm ghét cũng có thể xuất hiện khi khái niệm không công bằng trong nghĩa vụ và trách nhiệm với công việc xuất hiện… v.v. Những thứ đó thường dẫn tới sứt mẻ tình bạn và mối quan hệ, có khi còn tạo ra những vụ kiện tụng và gây ra những hậu quả không dễ chịu khác.

Nhìn chung, ta có rất nhiều lý do để hài lòng với cuộc sống của mình ở Pennsylvania. Tuy nhiên, ở đó có hai thứ ta hối tiếc là thiếu hệ thống quốc phòng và không có hệ thống giáo dục hoàn hảo cho thế hệ trẻ, không quân đội và đại học. Vì thế, năm 1743, ta vạch ra kế hoạch xây dựng một học viện và, vào lúc đó, cho rằng Đức giám mục Peters người đang nhàn rỗi sẽ thích hợp với vai trò quản lý một học viện như vậy, ta đã kể ngài nghe ý tưởng này. Tuy nhiên, do ngài chỉ tập trung phát triển lợi ích của giới địa chủ tư sản đã từ chối đề nghị này. Và vì không biết ai vào lúc đó đủ tin tưởng cho vị trí nói trên, ta để dự án đó nằm im một khoảng thời gian. Ta thành công trong việc xúc tiến dự án này vào năm sau, năm 1744, và thành lập Hiệp Hội Khoa Học. Bản dự án ta viết cho mục đích đó có thể tìm thấy trong những bài viết của ta khi

sưu tập lại.

Về vấn đề an ninh, Tây Ban Nha đã đánh nhau với Đế Quốc Anh trong nhiều năm sau đó nước Pháp nhập cuộc khiến chúng ta ở vào tình thế cực kỳ nguy hiểm. Và những nỗ lực khó khăn và kéo dài của Thống đốc Thomas để giành đủ số phiếu trong Quốc Hội đầy những người phái giáo hữu để thông qua đạo luật quân sự và biên soạn nhiều điều luật khác cho an ninh của vùng đã thất bại, ta quyết tâm thành lập một liên hiệp tình nguyện của người dân. Để quảng bá ý tưởng này, đầu tiên ta viết và xuất bản cuốn sách có tựa đề *Sự thật giản dị* nhấn mạnh đến tình trạng không có khả năng tự vệ của chúng ta, sự cần thiết thiết lập sự đoàn kết và kỷ luật trong quốc phòng, và hứa trong một vài ngày tới sẽ đề xuất thành lập một liên hiệp cho mục tiêu đó. Cuốn sách tạo ra hiệu ứng kinh ngạc và sửng sốt. Ta được đề nghị soạn văn kiện cho liên hiệp đó, và sau khi thông qua bản nháp văn kiện với một vài người bạn, ta bố trí một cuộc họp với tất cả công dân trong tòa nhà lớn trước đó đã nhắc đến. Tòa nhà chật kín người. Ta đã chuẩn bị sẵn một số bản sao và phân phát bút mực cho mọi người trong phòng. Ta nói chút ít về đề tài, đọc bản văn kiện, giải thích nó và sau đó phân phát những bản sao mà mọi người rất sẵn lòng ký vào, không có ai phản đối cả.

Khi buổi họp kết thúc và những văn kiện được thu lại, chúng ta ghi nhận 1.200 người đã ký và khi những bản sao khác được phân phát khắp cả nước, số người đăng ký lên đến con số 10 ngàn. Tất cả những người này mau chóng trang bị cho mình những vũ khí mà họ có, tập hợp thành các đại đội hay trung đoàn, chọn ra người chỉ huy, và tập trung mỗi tuần để được huấn luyện các bài tập sử dụng súng và những bài tập quân sự khác. Những phụ nữ trong số những người tham gia đăng ký làm công việc sản xuất quần áo lụa đồng phục của đại đội có trang trí những hình vẽ và khẩu hiệu mà ta cung cấp.

Chỉ huy của các đại đội nhỏ thành trung đoàn Philadelphia tập hợp lại và bầu ta làm đại tá chỉ huy nhưng vì thấy mình không phù hợp, ta từ chối nhiệm vụ đó và tiến cử Lawrence, một con người tốt có tầm ảnh hưởng và theo đó ông này được bổ nhiệm. Sau đó, ta đề xuất tổ chức xổ số để trả chi phí xây dựng một khẩu đội pháo đặt dưới thành phố và trang bị một khẩu đại bác. Vé số nhanh chóng được bán hết và khẩu đội pháo được hình thành, bao bọc xung quanh lỗ châu mai bằng khung gỗ và chất đất bên trong. Chúng ta mua một số đại bác cũ từ Boston nhưng vì số lượng chưa đủ do đó chúng ta viết thư sang Anh mua thêm cũng như nài nỉ sự hỗ trợ từ giới địa chủ tư sản dù không hy vọng nhiều lắm vào sự giúp đỡ từ những người này.

Trong khi đó, đại tá Lawrence, William Allen, ngài Abram Taylor và ta được liên hiệp cử đến New York với sứ mạng mượn một số đại bác từ Thống đốc Clinton. Ban đầu ông này dứt khoát

từ chối chúng ta. Nhưng tại bữa tối với hội đồng của mình, trong khi chúng ta đang dùng những ly rượu Madeira tuyệt vời theo phong tục của nơi này, ông dần thay đổi và hứa rằng sẽ cho chúng ta mượn sáu khẩu. Sau vài ly rượu nữa, con số tăng lên 10 và sau đó ông tốt bụng cho chúng ta mượn 18 khẩu. Đó là những khẩu đại bác sườn trụ bắn đạn 18 pound rất chất lượng. Chúng ta nhanh chóng vận chuyển về Philadelphia và lắp vào khẩu đội pháo nơi những người lính của liên hiệp canh gác trong thời gian chiến tranh và ta cũng thường xuyên làm nhiệm vụ canh gác của mình như một người lính bình thường.

Sự đóng góp của ta cho những hoạt động này khiến Thống đốc và Quốc Hội rất vừa lòng. Họ cho mời ta đến nói chuyện riêng và tư vấn cho ta tất cả các giải pháp mà họ cho rằng sẽ có ích cho liên hiệp. Khi nói về vấn đề tôn giáo, ta đề nghị tuyên cáo một lễ ăn chay để khuyến khích việc cải cách và cầu nguyện sự ban phước lành từ Chúa Trời cho những gì chúng ta đang làm. Họ thực hiện theo những đề nghị của ta nhưng vì đó là lần đầu tiên có một lễ ăn chay ở vùng này, viên thư ký không có tiền lệ nào để dựa vào đó soạn ra tuyên cáo. Sự nghiệp học hành của ta ở New England nơi lễ ăn chay được tổ chức mỗi năm cũng có lợi trong trường hợp này: ta soạn ra tuyên cáo theo cách mình đã tham khảo trước đây, nó được dịch ra tiếng Đức, in song ngữ và phân phát trong cả vùng. Sự kiện này mang lại cho giới tăng lữ ở những giáo phái khác cơ hội thuyết phục tín đồ của mình tham gia liên hiệp và hoạt động này chắc hẳn sẽ quy tụ tất cả mọi người ngoại trừ những tín đồ phái giáo hữu nếu chiến tranh không xảy ra.

Một vài người bạn của ta cho rằng do tham gia những hoạt động này, ta đã xúc phạm đến phái giáo hữu và do vậy mất đi sự tín nhiệm của Quốc Hội nơi những người này chiếm đa số. Một quý ông trẻ tuổi cũng có vài người bạn ở Nghị Viện giống ta mong muốn bổ nhiệm ta vào vị trí thư ký thông báo cho ta biết rằng họ đã quyết định loại ta ra khỏi danh sách trong cuộc bầu cử tiếp theo và do vậy, ông này với ý tốt dành cho ta đề nghị ta hãy từ chức để tránh điều tiếng của mình bị ảnh hưởng khi bị loại. Câu trả lời của ta với ông là ta đã từng đọc hay nghe về chuyện một chính khách thiết lập một quy luật không bao giờ xin xỏ chức vụ và không bao giờ từ chối khi được đề nghị. “Tôi đồng ý” ta nói, “với quy luật của ông ấy và tôi sẽ làm theo nó với một chỉnh sửa nho nhỏ. Tôi không bao giờ xin xỏ, không bao giờ từ chối cũng như không từ chức. Nếu họ muốn giao chức vụ của tôi cho người khác làm, họ cứ việc lấy nó từ tôi. Tôi sẽ không làm bản thân mình mất đi quyền được trả đũa những người đối địch với mình lúc này hay lúc khác bằng cách từ bỏ công việc.” Tuy nhiên, sau đó ta không còn nghe về chuyện này nữa. Ta vẫn được chọn trong cuộc biểu quyết kín như thường lệ ở kỳ tranh cử tiếp theo. Nhiều khả năng, vì họ không thích mối quan hệ thân thiết gần đây giữa ta với những thành viên hội đồng những người đứng về phe Thống đốc trong tất cả tranh luận về vấn đề chuẩn bị quân sự,

vấn đề khiến Nghị Viện rất phiền, chắc hẳn họ đã rất hài lòng nếu ta tự nguyện rút lui. Nhưng họ không quan tâm tới chuyện hất ta ra chỉ vì do ta quá nhiệt tình với hoạt động của liên hiệp và họ không thể tìm ra lý do nào khác để làm việc đó.

Thực ra, ta có lý do để tin rằng họ không phải không đồng ý với hoạt động quốc phòng nhưng với điều kiện họ không phải tham gia hỗ trợ nó. Và ta biết nhiều người trong số họ hơn ta có thể tưởng tượng dù rằng không đồng tình với chiến tranh nhưng rất ủng hộ việc phòng thủ. Rất nhiều sách thảo luận về cái lợi và hại của đề tài này được xuất bản và một số trong đó được viết bởi những tín đồ phái giáo hữu tốt bụng, ủng hộ quốc phòng, những người mà ta tin rằng hầu như còn rất trẻ.

Một sự kiện ở đại đội pháo đã giúp ta có cái nhìn sâu hơn về ý kiến của đa số những người này. Có một đề xuất rằng chúng ta nên khuyến khích đóng góp xây dựng một khẩu đội pháo bằng cách chi tiền, khoảng 60 Bảng, cho việc phát hành vé số. Theo nguyên tắc, sau khi đề xuất, chúng ta không thể chi tiền ngay mà phải chờ đến kỳ họp tiếp theo. Đại đội có 30 người, 22 người là tín đồ phái giáo hữu và chỉ 8 người theo những phái khác. Tám người đó luôn đến họp đúng giờ nhưng dù rằng chúng ta tin những tín đồ phái giáo hữu sẽ bỏ phiếu thuận cho đề nghị đó, không có cách nào chắc chắn rằng chúng ta sẽ có đa số phiếu. Chỉ có một tín đồ phái giáo hữu tên James Morris phản đối đề xuất. Ông tỏ ra rất không vui vì có một đề xuất như vậy vì ông cho rằng tất cả những người bạn của mình sẽ phản đối nó và từ đó có thể tạo ra sự bất hòa dẫn đến tan rã đại đội. Chúng ta nói với ông này rằng không có lý do nào để chuyện đó xảy ra cả. Chúng ta là thiểu số và nếu “Những người bạn”phản đối giải pháp đó với số phiếu biểu quyết nhiều hơn, chúng ta cần phải phục tùng ý kiến của đa số. Khi tới giờ họp và bắt đầu biểu quyết, ông đồng ý cho chúng ta làm theo nguyên tắc nhưng vì ông bảo đảm với chúng ta rằng có một lượng thành viên nhất định bỏ phiếu chống sẽ tham gia, sẽ là không công bằng nếu không chờ những người này một chút.

Trong khi chúng ta đang tranh cãi về việc này, một người hầu bàn thông báo với ta rằng có hai quý ông dưới nhà đang chờ gặp ta. Ta đi xuống và nhận ra họ là hai thành viên tín đồ phái giáo hữu. Họ nói với ta rằng có 8 người của bọn họ đang tụ họp ở quán rượu ngay kế bên và họ sẽ vào tham gia biểu quyết với chúng ta nếu có tổ chức dù rằng họ không hy vọng phải làm thế. Họ muốn chúng ta không yêu cầu sự tham gia của họ trong những vấn đề chúng ta có thể tự thực hiện không cần biểu quyết vì biểu quyết như vậy sẽ tạo ra xung đột giữa họ với các bậc huynh trưởng và bạn bè. Nắm chắc khả năng có được đa số phiếu trong tay, ta đi lên lầu, và sau khi lưỡng lự đôi chút, ta đồng ý hoãn thời điểm biểu quyết lại thêm một tiếng nữa. Morris cho rằng đây là quyết định cực kỳ công bằng. Việc không có bất kỳ một người bạn bỏ phiếu chống

nào của ông xuất hiện khiến ông này rất ngạc nhiên và sau khi hết thời hạn một tiếng đồng hồ chúng ta tiến hành biểu quyết với kết quả 8 thuận 1 chống. Và trong 22 thành viên tín đồ phái giáo hữu, 8 người sẵn sàng bỏ phiếu thuận và 13 người còn lại vì vắng mặt nên được tính rằng không có ý kiến phản đối đề xuất. Sau đó, ta ước tính tỷ lệ tín đồ phái giáo hữu thực sự phản đối đề xuất đó là 1 trên 21 vì tất cả những người này đều là thành viên thường xuyên có danh tiếng ở phái giáo hữu và đều biết cái gì được đề xuất trong buổi họp đó.

Một thành viên danh dự, có học thức và thường xuyên tham gia giáo phái tên Logan từng viết một bài phân tích gửi đến các tín đồ nêu rõ sự đồng thuận của mình với ý tưởng chiến tranh phòng vệ kèm theo rất nhiều luận cứ vững chắc để bảo vệ ý kiến của mình. Ông đưa ta 60 Bảng dùng cho việc phát hành vé số và đề xuất rằng tất cả giải thưởng sẽ được sử dụng cho quốc phòng. Khi nói về quốc phòng, ông cũng kể cho ta nghe giai thoại về người chủ cũ của mình, William Penn. Ông chuyển đến từ Anh với ông Penn khi còn là một thanh niên với vai trò thư ký của ông này. Đó là thời gian xảy ra chiến tranh và chiếc tàu của họ bị một tàu hải quân theo đuôi có vẻ như là tàu địch. Thuyền trưởng con tàu đã chuẩn bị phòng thủ nhưng nói với William Penn và nhóm tùy tùng của ông rằng không cần họ hỗ trợ và có thể trốn trong cabin tàu. Những người này đã làm theo lời khuyên đó ngoại trừ James Logan, người quyết định ở trên boong tàu và được giao cho một khẩu súng. Cuối cùng thì ra chiếc tàu kia là tàu bạn do đó, đã không có đánh nhau. Nhưng khi ông Logan xuống cabin báo tin thì William Penn lại quở trách ông này nặng nề vì đã ở trên boong tham gia bảo vệ chiếc tàu đi ngược lại với nguyên tắc của "Những người bạn" nhất là khi thuyền trưởng chiếc tàu không yêu cầu điều đó. Bị quở trách trước mặt mọi người khiến viên thư ký này rất giận dữ nói rằng "Tôi là người của ông chủ, sao ông không ra lệnh cho tôi trốn xuống dưới đây? Nhưng ông lại đủ sẵn lòng để tôi ở trên boong tàu giúp bảo vệ chiếc tàu khi ông nghĩ rằng sẽ có nguy hiểm."

Nhiều năm trong Quốc Hội, nơi tín đồ phái giáo hữu luôn chiếm đa số cho ta cơ hội thấy được sự lúng túng của những người này do phải tuân theo những nguyên tắc chống đối chiến tranh bất kỳ khi nào họ nhận được những đề xuất từ triều đình xin kinh phí cho mục đích quân sự. Họ một mặt không muốn làm mất lòng chính phủ bằng cách từ chối thẳng và mặt khác không muốn làm mất lòng những người bạn phái giáo hữu của mình bằng cách chấp nhận một đề nghị trái với các nguyên tắc của phái. Do vậy, đa số thoái thác việc đồng thuận và che đậy sự đồng thuận trong trường hợp không thể tránh né được nữa. Cách che đậy cuối cùng thông thường nhất là cấp tiền dưới chiêu bài "cho mục đích của nhà vua" và không bao giờ hỏi số tiền đó dùng để làm gì.

Tuy nhiên, nếu yêu cầu không xuất phát trực tiếp từ nhà vua thì chiêu bài đó lại không hợp lý

và cần thiết sáng chế ra một chiêu bài khác. Như khi cần thuốc súng (ta nghĩ là cho đơn vị đồn trú tại Louisburg) và chính quyền New England nài nỉ một khoản trợ cấp từ Pennsylvania mà Thống đốc Thomas thúc ép Quốc Hội thông qua, những người này không thể cấp tiền mua thuốc súng vì đó là một thành phần của chiến tranh nhưng họ thông qua một khoản trợ cấp 3.000 Bảng cho New England, giao cho Thống đốc và hợp thức hóa nó với mục đích mua bánh mì, bột mì, lúa mì và những loại hạt khác. Một vài người trong hội đồng vẫn muốn gây khó khăn cho Nghị Viện khuyên Thống đốc không nên chấp nhận điều khoản đó vì đó không phải là thứ ông yêu cầu nhưng ông này trả lời rằng: “Tôi sẽ nhận số tiền này vì tôi hiểu rất rõ ẩn ý của họ. Nhưng loại hạt khác chính là thuốc súng,” Sau đó, ông dùng tiền mua thuốc súng và họ không bao giờ phản đối chuyện này.

Điều này hàm ý khi đại đội chúng ta sợ không thành công trong biểu quyết cho đề xuất phát hành vé số và ta nói với một người bạn tên Syng, một người trong nhóm chúng ta rằng, “Nếu chúng ta thất bại, hãy chuyển sang dùng số tiền đó để mua máy chữa cháy. Những tín đồ phái giáo hữu sẽ không phản đối việc đó và nếu anh đề cử ta làm ủy ban xúc tiến cho mục tiêu đó, chúng ta sẽ mua một khẩu súng loại tốt, cái chắc chắn là một máy chữa cháy.” “Tôi hiểu rồi” cậu bạn ta nói, “anh tiến bộ nhiều do ở lâu trong Quốc Hội đó. Đề xuất mập mờ của anh cũng hay ngang ngửa với vụ mua lúa mì và những loại hạt khác trước đây.”

Sự lúng túng mà những tín đồ phái giáo hữu bắt nguồn từ việc họ đã soạn và xuất bản một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của mình đó là không có hình thức chiến tranh nào là hợp pháp. Việc một khi đã công bố nguyên tắc thì sau này không thể thay đổi được dù rằng họ có thể sẽ đổi ý, dễ dàng loại bỏ nguyên tắc này nhắc ta nhớ đến cách cư xử thận trọng hơn của một giáo phái khác, đó là phái Dunkers. Ta quen một trong số những người sáng lập ra phái này, Micheal Welfare, không lâu sau khi nó xuất hiện. Ông than phiền rằng phái của mình bị vu khống nghiêm trọng bởi những người cuồng tín thuộc những giáo phái khác và bị gán cho các nguyên tắc và phong tục kinh tởm mà họ không hề biết. Ta nói với ông rằng đây là chuyện thường xảy ra với những giáo phái mới và để dừng sự vu khống đó, ta nghĩ tốt nhất nên xuất bản những bài viết về đức tin và các nguyên tắc giáo phái của mình. Ông nói đã có người đề nghị như vậy những không được đồng ý vì lý do: “Khi ban đầu chúng tôi tập hợp lại thành một phái, Chúa Trời đã vui lòng khai sáng đầu óc chúng tôi đủ để nhận ra một vài học thuyết dù từng được coi là đúng đắn có những sai lầm, và những học thuyết khác chứa đựng sai lầm lại là đúng. Từ đó lúc này hay lúc khác Ngài đã vui lòng ban cho chúng tôi nhiều tri thức hơn, những nguyên tắc của chúng tôi ngày càng hoàn thiện và sai lầm ngày càng giảm. Đến giờ chúng tôi chưa chắc rằng mình đã ở điểm cuối của quá trình này và đạt được sự hoàn hảo trong tri thức

tôn giáo và lý thuyết. Do vậy, chúng tôi sợ rằng nếu cho in một tuyên bố đức tin, chúng tôi sẽ bị kìm hãm và giam giữ bởi nó và có thể không sẵn sàng đón nhận những sự hoàn thiện và những người nối bước chúng tôi cũng sẽ làm như vậy để trở nên thiêng liêng và không bao giờ bỏ được điều này khi thấy cái những người đi trước và bậc huynh trưởng đã làm."

Đây có lẽ là sự khiêm tốn duy nhất của một giáo phái trong lịch sử loài người, tất cả những giáo phái khác đều cho rằng học thuyết của mình chứa đựng tất cả sự thật và rằng tất cả những người có suy nghĩ khác họ đều sai. Giống như một người đang đi trong sương mù sẽ nhìn được một khoảng cách nhất định những người ở phía trước, phía sau và những người ở cánh đồng hai bên đều bị sương mù bao phủ nhưng thấy rất rõ những ai gần người đó dù sự thực rằng người đó cũng bị sương mù bao phủ như tất cả những người khác. Để tránh sự lúng túng này, các tín đồ phái giáo hữu trong những năm gần đây đã dần ít tham gia vào công vụ trong Quốc Hội và trong nhiệm kỳ tiếp theo, quyết định rời bỏ quyền lực hơn là nguyên tắc của họ.

Theo trình tự thời gian, lẽ ra trước đây ta phải nhắc đến việc vào năm 1742 ta đã sáng chế ra một bếp sưởi mở để sưởi ấm căn phòng hiệu quả hơn và tiết kiệm nhiên liệu hơn bằng cách hút và làm ấm luồng không khí sạch. Ta cho Robert Grace một trong những người bạn đầu tiên của ta đang sở hữu một lò luyện sắt xem sản phẩm này. Grace nhận thấy cung cấp những bảng kim loại cho bếp sưởi này là một thương vụ có lãi vì nhu cầu cho sản phẩm này đang gia tăng. Để đẩy mạnh nhu cầu, ta viết và xuất bản một cuốn sách có tựa đề "Một câu chuyện về những chiếc lò sưởi Pennsylvania mới" trong đó giải thích tỉ mỉ cách thức chế tạo và hoạt động được, lợi ích so với những cách thức khác sưởi ấm căn phòng khác được mô tả và tất cả những phản bác về công dụng của nó được dự đoán và trả lời trước…v.v. Cuốn sách mang lại hiệu quả rất tốt. Thống đốc Thomas hài lòng về thiết kế của chiếc lò sưởi được mô tả trong cuốn sách đến nỗi ông đề nghị trao cho ta độc quyền bán sản phẩm này trong vòng một năm. Tuy nhiên, ta từ chối dựa trên nguyên tắc mà ta coi trọng trong những tình huống như thế này rằng do chúng ta tận hưởng thành quả tuyệt vời từ những phát minh của người khác, chúng ta nên vui vì có cơ hội phục vụ người khác bằng các phát minh của mình và lúc này chúng ta nên làm điều đó miễn phí và rộng lượng.

Tuy nhiên, một người bán đồ sắt ở London tin rằng có thể kiếm nhiều tiền sau khi đọc cuốn sách của ta và người đó đã tự sản xuất ra lò sưởi với một số thay đổi nhỏ và gần như ảnh hưởng đến hoạt động của chiếc lò, đăng ký bản quyền sản phẩm ở Anh và theo ta biết thì người đó kiếm được một chút tiền từ phát minh này. Đây không phải ví dụ duy nhất về những phát minh của ta bị người khác đăng ký bản quyền dù rằng không phải ai cũng thành công như nhau nhưng ta không tranh giành với họ vì ta không có mong muốn kiếm lợi từ những phát minh đó

và ta ghét tranh cãi. Việc sử dụng những chiếc lò sưởi này tại rất nhiều ngôi nhà trong vùng và những vùng lân cận đã giúp người dân tiết kiệm được một khối lượng gỗ rất lớn.

Hoà bình được xác lập và hoạt động của liên hiệp cũng vì thế kết thúc. Do đó ta lại có suy nghĩ xây dựng một học viện. Bước đầu tiên, ta cộng tác với những người bạn tích cực nhiều người trong đó đến từ Junto. Bước tiếp theo là viết và xuất bản một cuốn chuyên đề có tựa *Những Đề Xuất Liên Quan Đến Giáo Dục Giới Trẻ Pennsylvania*. Cuốn chuyên đề này ta phân phát miễn phí cho người dân và ngay sau khi ta cho rằng suy nghĩ của họ đã được chuẩn bị thông qua việc đọc cuốn sách ta bắt đầu tổ chức quyên góp cho việc mở cửa và duy trì một học viện. Khoản tiền này sẽ được trả lại từng phần mỗi năm trong vòng 5 năm. Bằng cách chia nhỏ nó ra như vậy, ta nghĩ rằng số tiền quyên góp sẽ nhiều hơn và nếu không lầm chúng ta quyên góp được không ít hơn 5.000 Bảng.

Trong phần giới thiệu, ta công bố những xuất bản của dự án không phải do ta viết mà của một vài quý ông nổi tiếng chí công vô tư khác viết để tránh càng nhiều càng tốt, theo nguyên tắc thông thường của ta, sự xuất hiện của mình trước công chúng như là tác giả của tất cả các kế hoạch được trình bày vì lợi ích của những dự án này.

Để ngay lập tức triển khai kế hoạch, những người quyên tiền chọn ra 24 người ủy thác và bổ nhiệm Viện Chưởng Lý Francis và ta soạn ra điều lệ để quản lý học viện. Điều lệ này sau đó được hoàn thành và ký. Một ngôi nhà được thuê, các giáo sư được mời đến và ngôi trường được mở cửa ta nghĩ là trong cùng năm, vào năm 1749.

Số lượng học viên tăng rất nhanh, ngôi nhà thuê sớm trở nên quá chật hẹp và chúng ta tìm một miếng đất khác ở vị trí thuận lợi để xây Học viện khi thì Chúa Trời ban cho chúng ta một ngôi nhà lớn đã xây dựng sẵn chỉ khác một chút nhưng vẫn có thể phục vụ tốt cho mục tiêu dạy học. Đó là ngôi nhà trước đó đã được nhắc tới dựng nên bởi những thính giả của Whitefield và được trao cho chúng ta theo cách sau.

Cần phải lưu ý rằng những người đóng góp xây dựng ngôi nhà này đến từ rất nhiều giáo phái khác nhau. Trách nhiệm coi sóc được những người uỷ thác đảm nhận và đó cũng là những người sở hữu ngôi nhà và miếng đất. Vì quyền trông coi đó không thể được giao cho bất kỳ giáo phái cụ thể nào vì sợ giáo phái đó sẽ chiếm hữu ngôi nhà dùng riêng cho mục đích của mình đi ngược lại với mục tiêu ban đầu do vậy mỗi giáo phái được bổ nhiệm một người, nghĩa là một đại diện của phái Nhà Thờ Anh, một của phái Giáo Hội Trưởng Lão, một của phái Baptist, một của phái Moriavian, v.v… Trong trường hợp có người nào mất, người thay thế sẽ được những cá nhân quyên góp bầu cử bổ nhiệm. Đại diện của giáo phái Moriavian dường như

có vẻ không được lòng những người đồng nghiệp của ông này nên sau khi mất mọi người thông qua ý kiến không bầu cử người của giáo phái này vào vị trí đó nữa. Vấn đề khó khăn là làm sao tránh việc có hai người của cùng một giáo phái được bổ nhiệm.

Rất nhiều cái tên được nhắc đến nhưng không được bổ nhiệm vì lý do đó. Sau một thời gian, tên ta được đề cập sau khi xem xét thấy ta là một người thật thà và không thuộc giáo phái nào cả, một lý do đủ sức thuyết phục để họ chọn ta. Sự nhiệt tình ban đầu khi ngôi nhà được xây dựng đã suy giảm từ lâu và những người được ủy thác đã không thể huy động đủ tiền quyên góp để trả tiền thuê đất và trả những khoản nợ do xây ngôi nhà khiến họ rất lúng túng. Là một thành viên của cả hai hội đồng, Hội đồng ủy thác của ngôi nhà và Hội đồng của Học viện, ta có cơ hội thương lượng với cả hai bên và cuối cùng dẫn dắt họ đến một thỏa thuận mà theo đó Hội đồng ủy thác của ngôi nhà sẽ nhượng lại nó cho Học viện, Học viện sẽ gánh những khoản nợ và luôn mở cửa một hội trường lớn trong ngôi nhà cho những nhà thuyết giảng thỉnh thoảng dùng theo đúng mục tiêu ban đầu của ngôi nhà cũng như giảng dạy các lớp miễn phí cho trẻ em nghèo. Bản thỏa thuận theo đó được soạn ra, bằng việc trả các khoản nợ, Hội đồng ủy thác của Học viện nắm quyền sở hữu ngôi nhà. Bằng cách chia nhỏ hội trường khổng lồ thành những tầng khác nhau, những căn phòng phía trên và phía dưới được dùng cho nhiều lớp học, mua thêm một khoảnh đất, toàn bộ không gian đó nhanh chóng phù hợp với mục đích của chúng ta và các học sinh được chuyển sang ngôi trường này. Gánh nặng trách nhiệm thương lượng với thợ xây, mua vật liệu và giám sát công việc được đặt trên vai ta. Ta thực hiện nó một cách vui vẻ do nó không ảnh hưởng gì đến công việc kinh doanh cá nhân vì ta đã tìm được một đối tác có tài, chăm chỉ và trung thực tên David Hall, người mà ta hiểu rất rõ tính cách vì trước đó đã cùng làm việc trong 4 năm. Ông thay ta nhận tất cả công việc ở nhà in và chia các khoản lợi nhuận đúng hạn. Sự hợp tác này được duy trì trong 18 năm, thành công cho cả hai.

Sau một thời gian, Hội đồng ủy thác của Học viện được hợp nhất theo một hiến chương của Thống đốc. Nguồn quỹ của Học viện gia tăng nhờ các khoản quyên góp đến từ Anh và trợ cấp đất từ giới địa chủ tư sản mà một số đông là người của Quốc Hội. Đó là nền tảng của Đại học Pennsylvania ngày nay. Ta tiếp tục là một trong những thành viên của Hội đồng ủy thác từ khi sáng lập đến nay đã là 24 năm và có niềm vui tuyệt vời khi thấy rất nhiều người trẻ tuổi nhận được sự giáo dục từ Học viện, tạo ra khác biệt bằng tài năng được hoàn thiện của mình, phục vụ cho công chúng và mang về vinh dự cho quốc gia.

Khi ta rời khỏi công việc kinh doanh của mình như đã nhắc ở trên, ta tự huyễn hoặc mình rằng bằng gia tài vừa đủ dù chỉ kha khá mà mình đang có, ta có thể sống một cuộc sống thoải

mái trong phần còn lại của cuộc đời dành thời gian cho việc nghiên cứu khoa học và những thú vui giải trí. Ta mua tất cả máy móc của Giáo Sư Spencer, người chuyển đến từ Anh để giảng dạy tại đây, và ta sốt sắng thực hiện các thí nghiệm điện. Nhưng vì mọi người nghĩ rằng hiện tại ta là một người rảnh rỗi nên tóm lấy ta hỏi ý kiến về tất cả các vấn đề của chính phủ dân sự và cùng lúc giao phó cho ta đảm trách một vài nhiệm vụ. Thống đốc giao cho ta sứ mạng hòa bình, Hội đồng thành phố bổ nhiệm ta làm thành viên và không lâu sau đó trở thành ủy viên, và những người dân bầu ta làm đại biểu đại diện cho họ trong Quốc Hội. Ta thích vị trí cuối cùng hơn do ta đã từ lâu chán ngấy với việc chỉ ngồi đó nghe tranh luận vì dưới vai trò một thư ký ta không thể tham gia. Thường buổi tranh luận tẻ nhạt đến nỗi ta phải tự giải trí bằng cách tạo ra những hình vuông hay vòng tròn ma thuật hay tất cả những thứ khác để không bị chán và ta cho rằng trở thành một đại biểu trong Quốc Hội sẽ giúp ta có nhiều cơ hội làm điều tốt hơn. Tuy nhiên, ta không nói rằng tham vọng của mình không bị tâng bốc lên bởi tất cả những sự thăng tiến đó. Chắc chắn là có vì ta bắt đầu từ rất thấp, những vị trí này thật tuyệt vời với ta và nó sẽ càng tuyệt vời hơn nếu nhận được những nhận xét tự phát tốt của công chúng mà không cần phải van nài.

Ta thử vị trí thẩm phán hoà giải bằng cách tham dự một số phiên tòa và ngồi trên ghế dài nghe xử. Nhưng nhận ra rằng công việc đó đòi hỏi nhiều kiến thức về luật chung hơn khả năng của ta nếu nhận việc, ta dần rút lui khỏi vị trí đó với lý do ta phải làm những nhiệm vụ cao hơn của nhân viên lập pháp trong Quốc Hội. Ta tái đắc cử đại biểu mỗi năm trong 10 năm mà không cần phải nài nỉ phiếu bầu hay bố cáo trực tiếp hay gián tiếp mong muốn được tái đắc cử. Vì ta có ghế trong Nghị Viện, con trai ta được nhận vào làm thư ký.

Năm tiếp theo, Chính phủ đồng ý đàm phán với người da đỏ ở Carlisle, Thống đốc gửi một thông điệp đến Nghị Viện đề nghị nên đề cử một số thành viên Quốc Hội làm đại sứ cho mục đích đó. Nghị Viện đề cử Chủ Tịch (Norris) và ta theo sứ mạng được giao đến Carlisle và gặp những người da đỏ.

Vì những người này cực kỳ thích say sưa và lúc say thì thường rất hay tranh cãi và mất trật tự, chúng ta nghiêm khắc cấm việc bán rượu cho họ và khi họ than phiền về lệnh cấm, chúng ta nói rằng nếu họ có thể tiếp tục giữ thái độ tỉnh táo trong thời gian đàm phán, chúng ta sẽ cung cấp cho họ hàng đống rượu Rhum khi xong việc. Họ hứa và giữ lời vì không thể mua được rượu, sự đàm phán diễn ra rất trật tự và kết thúc cả hai bên đều có hài lòng. Họ đòi số rượu Rhum đã hứa và nhận được chúng. Đó là buổi trưa, họ có khoảng 100 người đàn ông, phụ nữ, và trẻ em, sống trong những khu nhà tạm xây thành hình vuông chỉ không có phố xá. Đến buổi chiều, nghe thấy một tiếng ồn lớn từ những người này, chúng ta ra xem chuyện gì đang diễn ra.

Chúng ta thấy họ đốt một đống lửa lớn giữa khu nhà hình vuông và tất cả họ đàn ông, phụ nữ đều say đang cãi nhau và đánh nhau. Những cơ thể đậm màu, bán trần truồng và chỉ có thể thấy trong ánh sáng mờ của đống lửa đang rượt đuổi và đánh nhau bằng những cây lửa kèm theo những tiếng la hét kinh hoàng tạo thành một cảnh tượng theo mường tượng của chúng ta gần giống nhất với cảnh địa ngục. Không ai ngăn cản sự náo động đó và chúng ta trở về nơi ở của mình. Vào giữa đêm, một nhóm người da đỏ đến đập cửa phòng chúng ta đòi thêm rượu Rhum nhưng chúng ta không thèm để ý.

Ngày hôm sau, biết rằng những cư xử không đúng của mình đã làm phiền chúng ta, họ cử ba cố vấn đến xin lỗi. Người này nhận lỗi về hành vi nhưng lại đổ cho rượu Rhum và cố gắng dùng rượu làm lý do khi nói rằng: “Linh Hồn Vĩ Đại, người tạo ra mọi thứ, tạo ra tất cả cho những công dụng nào đó và dù là công dụng nào ngài tạo ra, chúng ta cũng phải luôn tuân theo. Giờ khi ngài tạo ra rượu Rhum, ngài nói: ‘Hãy để những người da đỏ say với thứ rượu này’, và nó phải thế.” Và thực tế nếu Chúa Trời có tạo ra một hình thái nào đó để quét sạch sự hoang dại và dành chỗ cho việc khai thác trồng trọt thì có lẽ rượu Rhum không phải là hình thái đó. Nó đã phá hủy tất cả các bộ tộc trước đây sinh sống ở bờ biển.

Năm 1751, Giáo Sư Thomas Bond, một người bạn đặc biệt của ta hình thành ý tưởng xây dựng một bệnh viện ở Philadelphia (một sáng tạo hết sức phúc thiện mà mọi người tưởng là xuất phát từ ta nhưng thực ra là từ Bond) để nhận và chữa trị cho những người nghèo bệnh tật, bất kể là cư dân trong vùng hay người lạ. Ông đã rất nhiệt huyết và tích cực trong việc vận động quyên góp cho dự án này nhưng vì đây là một đề xuất còn mới lạ ở Mỹ và không được mọi người hiểu đầy đủ, nên ông chỉ tạo được một thành công rất nhỏ.

Lâu sau đó, ông đến gặp ta với lời khen rằng ông biết khó có thể thể tiến hành hành công một dự án công cộng nếu thiếu sự tham gia của ta. “Vì” ông nói, “Những người tôi đề nghị quyên góp thường hỏi tôi, anh đã thảo luận với Franklin về chuyện này chưa? Và ông ấy nghĩ thế nào về nó? Tôi nói với họ rằng tôi chưa làm việc đó (cho rằng việc này không nằm trong chuyên môn của ông) và họ không quyên góp nhưng họ nói rằng họ sẽ cân nhắc”. Ta hỏi về bản chất và tính hữu ích có thể có của dự án và nhận được một câu trả lời rất thỏa đáng từ ông vì thế ta không chỉ tự mình quyên góp mà còn tham gia nhiệt tình vào hoạt động kêu gọi quyên góp từ những người khác. Tuy nhiên, trước đây, theo phong cách thông thường của ta trong những trường hợp như thế này, để kêu gọi quyên góp, ta đã cố gắng chuẩn bị trước suy nghĩ của mọi người bằng cách đưa những vấn đề lên báo nhưng Bond đã bỏ qua giai đoạn đó.

Sau đó, việc quyên góp trở nên dễ dàng và rộng rãi hơn nhưng bắt đầu xuống dốc và ta thấy

sẽ không quyên đủ số tiền cần thiết nếu thiếu sự giúp đỡ từ Quốc Hội và do đó ta gửi họ một thỉnh cầu trợ cấp. Những thành viên Quốc Hội ban đầu không chút hứng thú với dự án, họ từ chối với lý do rằng nó chỉ phục vụ cho công dân của thành phố và do đó những công dân này phải chi trả chi phí của bệnh viện và họ còn nghi ngờ liệu các cư dân nhìn chung có đồng tình với dự án này không. Lý luận của ta cho vấn đề này là chắc chắn nó đã được đồng tình để có thể quyên tình nguyện được 2.000 Bảng nhưng họ coi đây là một giả thuyết quá ngông cuồng và hoàn toàn không thể xảy ra.

Dựa trên nền tảng này ta lập kế hoạch của mình và xin phép Quốc Hội được soạn thảo một dự luật cho việc tập hợp những người muốn thỉnh cầu và để trống khoản tiền sẽ được trợ cấp. Quốc Hội cho phép ta làm việc này chủ yếu là vì Nghị Viện có thể bác bỏ dự luật nếu không thích nó. Ta soạn ra dự luật nhằm mục đích tạo ra một điều khoản có điều kiện nghĩa là "Cơ quan thẩm quyền dưới đây đã xác nhận nếu những người quyên góp gặp nhau chọn ra người quản lý và thủ quỹ của họ và đã quyên góp được từ những thành viên số tiền ------- (lãi suất năm của số tiền này được dùng vào việc giúp đỡ những người nghèo bệnh tật, miễn phí bữa ăn, lưu trú, lời khuyên và thuốc men), và khiến Chủ Tịch Quốc Hội hài lòng thì việc Chủ Tịch ký và ra lệnh yêu cầu thủ quỹ của vùng chuyển cho thủ quỹ của bệnh viện 2.000 Bảng trong vòng 2 năm để dùng cho việc sáng lập, xây dựng và hoàn tất bệnh viện là phù hợp với luật pháp."

Điều kiện này đã giúp dự luật được thông qua vì những thành viên trước đó phản đối việc chi tiền giờ đã đồng ý do nhận ra rằng họ sẽ có được cái tiếng phúc thiện dù rằng không mất gì. Và sau đó, trong nỗ lực quyên góp tiền từ người dân, chúng ta đưa ra điều khoản có điều kiện được chính phủ chấp thuận như một động cơ quyên góp, khiến tất cả các khoản quyên góp đều tăng gấp đôi. Do vậy, điều khoản đó có tác dụng cả hai chiều. Theo đó, khoản quyên góp nhanh chóng vượt quá khoản tiền cần thiết và chúng ta tuyên bố cảm ơn món quà của công chúng đã giúp chúng ta có thể đưa dự án bệnh viện vào triển khai. Một tòa nhà đẹp và tiện nghi nhanh chóng được hoàn thành. Bệnh viện này trong thực tế đã chứng minh nó rất hữu ích và phát triển cho đến ngày nay. Và ta không nhớ bất kỳ lần thao diễn chính trị nào mà thành công của nó mang lại cho ta nhiều niềm vui như lần này hay khi nghĩ về nó hay chưa có lần nào ta có thể dễ dàng biện hộ cho hành động sử dụng những mánh vặt của mình như lần này.

Cũng vào khoảng thời gian này, với một dự án khác, Đức Cha Gilbert Tennent, đến tìm ta với đề nghi ta hỗ trợ ông quyên góp tiền xây dựng một nhà thờ mới. Theo ông, nhà thờ này là nơi hội họp của Giáo Hội Trưởng Lão, giáo phái trước đây của Whitefield. Không muốn bản thân mình trở nên phiền phức với người dân vì quá thường xuyên xin xỏ sự quyên góp của họ, ta cự tuyệt ông. Ông lại đề nghị ta cung cấp cho ông một danh sách những người rộng rãi và có tinh

thần vì cộng đồng theo kinh nghiệm của ta. Ta cho rằng sau những đóng góp tốt bụng của họ cho những lần quyên góp trước của ta, việc ta liệt kê họ ra để bị quấy rầy bởi những người xin quyên góp khác là chuyện không đúng và do đó từ chối cung cấp danh sách. Ông mong muốn ít nhất ta cũng cho ông lời khuyên. “Điều đó thì tôi rất sẵn lòng làm,” ta nói, “và trước tiên, tôi khuyên ngài nên thỉnh cầu những người mà ngài biết sẽ quyên góp chút gì đó. Sau đó, với những người ngài không chắc chắn họ sẽ quyên góp hay không, cho họ xem danh sách những người đã quyên góp. Và cuối cùng, đừng bỏ mặc những người ngài biết rằng sẽ không quyên góp gì vì có thể ngài đánh giá sai một vài người trong họ.” Ông cười, cảm ơn ta và nói rằng sẽ áp dụng lời khuyên của ta. Ông làm theo nó, hỏi xin quyên góp của tất cả mọi người và nhận được một khoản tiền lớn hơn mong đợi và ông dùng số tiền đó để dựng lên một nhà thờ to lớn và rất tao nhã nằm trên đường Arch.

Thành phố của chúng ta dù rằng có được sự hài hòa tuyệt vời, những con đường rộng nhỏ đan xen nhau theo những góc rất hợp lý đã từ lâu chịu sự hổ thẹn vì không được lát đá và khi trời mưa, bánh của những chiếc xe ngựa thường tạo ra bãi lầy, do vậy rất khó để băng qua đường còn trong mùa khô thường có bụi bặm rất khó chịu. Ta sống gần chợ Jersey và cảm thấy đau xót nhìn những người dân lội bùn đi mua lương thực. Một đoạn đường khúc giữa chợ được lát gạch từ trước do đó mỗi khi xuống chợ, họ đi đứng rất vững nhưng chân của người đi bộ thường bị dơ trước khi đi đến khu vực đó. Thông qua thảo luận và viết về đề tài này, ta từ lâu muốn cổ vũ việc lát lại đoạn đường đi ra chợ bằng đá và lát gạch ở hai bên lề đường cạnh những ngôi nhà. Làm như vậy sẽ giúp việc đi chợ khô ráo hơn trong một thời gian. Tuy nhiên, phần còn lại của con đường vẫn chưa được lát do vậy mỗi khi xe ngựa leo lên cái lề này từ đống bùn, nó phủi sạch những đất dơ lên trên lề và cái lề nhanh chóng thành bãi lầy không ai dọn vì thành phố vẫn chưa có những công nhân vệ sinh.

Sau khi hỏi thăm, ta tìm thấy một người đàn ông nghèo chăm chỉ sẵn lòng giữ cho lề đường sạch sẽ bằng cách quét dọn đất bẩn trước cửa nhà người dân hai lần một tuần với giá mỗi nhà phải trả là 6 pence một tháng. Ta viết và in ra một mảnh giấy nói về những lợi ích mà khu dân cư có được từ khoản chi phí nhỏ bé này, giữ được nhà sạch thì chân mọi người sẽ không bị dơ nhiều, cửa hàng có nhiều khách hàng hơn, v.v… Ta gửi mảnh giấy đó đến từng nhà và một hai ngày sau đi một vòng xem ai đã đăng ký đóng khoản tiền 6 pence này. Nó được mọi người nhất trí ký tên và tiến hành trong một khoảng thời gian. Tất cả những cư dân của thành phố đều thích thú với sự sạch sẽ xunh quanh chợ. Việc này trở tạo nhiều thuận tiện cho tất cả mọi người, tạo ra mong muốn tất cả các con đường đều được lát đá và các cư dân sẵn lòng đóng thuế cho mục đích đó hơn.

Sau đó một thời gian, ta soạn ra một dự luật lát đường thành phố và trình lên Quốc Hội. Đó là trước khi ta sang Anh năm 1757 và dự luật nói trên không được thông qua cho đến khi ta rời khỏi Philadelphia. Dự luật được thông qua sau đó với một chỉnh sửa trong cách thức đánh giá mà ta nghĩ rằng không khiến dự luật tốt hơn nhưng bên cạnh đó còn thêm một cải tiến tuyệt vời với điều khoản cung cấp hệ thống chiếu sáng. Điều khoản này được đề xuất bởi một cá nhân là John Clifton quá cố bằng cách đưa ra ví dụ về sự tiện lợi của những đèn bằng cách đặt chúng trước cửa nhà ông và người dân rất ấn tượng với ý tưởng thắp sáng thành phố. Vinh dự cho sáng kiến mang lợi ích cộng đồng này cũng được quy cho ta nhưng thực ra là của quý ông đó. Ta chỉ theo ví dụ của ông và chỉ có công thay đổi mẫu đèn do không đồng ý với mẫu đèn hình cầu mà ban đầu chúng ta được cung cấp từ London. Chúng ta thấy những cái đèn đó bất tiện vì những lý do sau: Nó không hút không khí từ bên dưới do vậy khói không thể thoát ra bên trên mà lưu chuyển và nằm bên trong đèn nhanh chóng làm mờ bóng đèn mà dự tính mua khiến ngoài phiền phức phải lau sạch nó hằng ngày còn tạo ra nguy cơ nếu ai lỡ đánh rơi nó sẽ khiến nó bị bể và hoàn toàn không thể sử dụng được nữa. Do đó, ta đề nghị lắp những cái đèn 4 mặt kính với ống xả khói dài phía trên và khe hút khí phía dưới để giúp khói đi lên. Bằng cách này, đèn được giữ sạch sẽ không bị đen chỉ trong vài giờ như đèn ở London mà tiếp tục sáng cho đến sáng hôm sau và lỡ tay làm rớt chỉ làm bể một mặt kính nên dễ dàng sửa hơn.

Ta thỉnh thoảng tự hỏi rằng vì sao người dân London dù rằng những lỗ thông hiệu quả ở dưới những cái đèn hình cầu sử dụng tại Vauxhall sẽ giúp giữ đèn sạch hơn lại không học hỏi áp dụng cho những đèn đường. Nhưng những lỗ thông này được tạo ra cho một mục đích khác đó là châm lửa dễ dàng hơn vào bật đèn bằng một sợi vải lanh nhỏ thả từ trên xuống và công dụng thông khí có vẻ như chưa từng được nghĩ tới. Và do dó, vài giờ sau khi thắp đèn, những con đường ở London được thắp sáng một cách yếu ớt.

Việc đề cập đến những cải tiến này nhắc ta nhớ đến một trong những đề xuất của mình khi còn ở London với Giáo Sư Fothergill, một trong những người giỏi nhất mà ta biết và cũng là một người khởi xướng những dự án hữu ích vĩ đại. Ta đã quan sát những con đường khi chúng khô ráo không được quét dọn và lớp bụi mỏng bị gió thổi đi. Nó nằm đó chất đống cho đến khi mùa mưa biến nó thành bùn lầy và sau khi nằm đó vài ngày dày đặc trên vỉa hè nơi không có ai qua lại trong khi bùn lầy trên đường được dọn sạch bởi người dân nghèo với những cây chổi. Họ tốn rất nhiều sức gom đống bùn lại và đưa lên xe kéo đang mở sẵn, hai bên thành xe rung lên mỗi khi xóc nẩy do chạm phải vỉa hè làm rơi ra những cặn bùn lúc lúc nó khiến nhiều người đi bộ cảm thấy khó chịu. Lý do đưa ra để không quét đường là bụi bặm sẽ bay vào hệ thống cửa của những cửa hàng và các ngôi nhà.

Một sự kiện ngẫu nhiên đã cho ta biết trong khoảng thời gian ngắn một người có thể quét dọn được nhiều thế nào. Một buổi sáng ta bắt gặp trước cửa nhà mình ở đường Craven một người phụ nữ nghèo đang quét vỉa hè với một chiếc chổi làm từ cây bạch dương. Người phụ nữ này trông rất xanh xao và yếu đuối như thể vừa mới hồi phục sau căn bệnh. Ta hỏi bà ai thuê bà quét dọn ở đây, bà nói "Không ai cả, tôi rất nghèo và túng quẫn, và tôi quét trước cửa những gia đình giàu có với hy vọng họ sẽ cho tôi cái gì đó." Ta bảo nếu bà quét dọn cả con đường, ta sẽ trả cho bà 1 siling. Lúc đó là 9 giờ sáng và lúc 12 giờ bà quay trở lại lấy 1 siling. Trước đó chứng kiến sự chậm chạp trước đó trong công việc của bà, ta khó tin bà có thể hoàn thành công việc nhanh như vậy, ta cử người hầu của mình đi kiểm tra lại và biết được cả con đường đã được quét dọn hoàn toàn sạch sẽ và tất cả bụi bặm được chất ở rãnh nước ngay giữa đường. Và cơn mưa tiếp theo đã quét đi khá sạch sẽ đống bụi đó khiến vỉa hè và thậm chí là cống rãnh cũng sạch hoàn hảo.

Do đó, ta tin rằng nếu một người phụ nữ yếu đuối có thể quét một con đường như thế trong 3 giờ đồng hồ thì một người đàn ông khỏe mạnh tích cực sẽ hoàn thành chỉ trong nửa giờ đồng hồ. Và ở đây, để ta nhận xét sự thuận tiện của việc chỉ có một rãnh cống chạy dọc ở giữa một con đường nhỏ như vậy thay vì hai rãnh cống chạy dọc hai bên gần chỗ đi bộ. Vì tất cả nước mưa chảy từ hai bên đường vào giữa, nó tạo thành một dòng nước đủ mạnh để cuốn trôi tất cả những bùn đất nhưng khi chia ra thành hai rãnh cống thường thì dòng nước quá yếu để rửa sạch các con rãnh và chỉ khiến cho bùn trở nên nhầy nhụa hơn, do đó những bánh xe và chân ngựa sẽ làm văng và té bùn lên vỉa hè tạo thành những đống bùn dơ dáy, trơn trợt nằm đó và đôi khi còn văng trúng những người đang đi bộ. Đề nghị của ta trình bày với Giáo Sư Forthergill như sau:

"Cho việc dọn dẹp và giữ đường phố London và Westminer hiệu quả hơn, tôi đề nghị rằng hãy ký hợp đồng thuê những người đi tuần quét bụi trong mùa khô, gom bùn lại vào những mùa khác ở từng con đường và con hẻm mà anh ta chịu trách nhiệm. Những người này sẽ được trang bị chổi và những dụng cụ thích hợp khác cho công việc này, cất những dụng cụ này ở các vọng gác của họ và sẵn sang trao chúng cho những người nghèo mà họ thuê làm việc này.

Bằng cách đó trong mùa khô, đất dơ sẽ được quét thành đống chất ở những khoảng cách khác nhau và những nhân viên vệ sinh với những chiếc xe kéo được kín sẽ mang chúng đi trước khi các cửa hàng và cửa sổ những ngôi nhà được mở ra.

Bùn đất khi được gom lại sẽ không làm vương vãi bởi bánh xe hay chân ngựa mà sẽ được công nhân vệ sinh với những xe kéo không phải loại bánh cao như thường mà thấp như xe

trượt tuyết với sàn xe mắt cáo được che bằng rơm sẽ không làm rơi vãi bùn đất trong xe và giúp làm khô nước, do vậy xe sẽ nhẹ hơn vì nước là phần nặng nhất của bùn đất. Những thân xe kéo này sẽ được đặt ở những khoảng cách thuận tiện và bùn đất sẽ được chở tới trên những chiếc xe đẩy cút kít, nằm đó cho đến khi khô lại và được ngựa kéo đi."

Từ lúc đó, ta đã nghi ngờ tính khả thi của phần sau dự án này khi xét đến sự chật hẹp của một số con đường và sự khó khăn để đặt những chiếc xe phơi khô làm sao để không khiến lối đi chật chội. Tuy nhiên, ta vẫn ủng hộ ý kiến ban đầu là việc dọn dẹp đất dơ và mang chúng đi trước khi các cửa hàng mở cửa rất khả thi trong mùa hè khi ngày dài hơn vì khi đi dọc đường Strand và Fleet một buổi sáng vào lúc 7 giờ, ta thấy chưa có cửa hàng nào mở cửa cả dù đó là ban ngày và Mặt Trời đã lên trước đó 3 giờ đồng hồ. Những người dân London tự nguyện chọn sống phần lớn dưới ánh sáng của ngọn đèn cầy và ngủ dưới ánh Mặt Trời nhưng lại thường than phiền một cách hơi vô lý về thuế đánh vào đèn cầy và giá nến cao.

Một vài người nghĩ rằng những vấn đề vụn vặt này không đáng để tâm hay dính vào. Tuy nhiên, khi xét tới việc bụi bẩn bay vào mắt một người hay vào các cửa hàng trong một ngày gió to dù chỉ là một chuyện rất nhỏ nhặt nhưng xảy ra và lặp đi lặp lại với rất nhiều người trong một thành phố đông dân thì có lẽ họ sẽ không còn phê bình nghiêm khắc những người dành sự quan tâm cho cái việc có vẻ như tầm thường này. Con người không có được nhiều hạnh phúc từ những đồng tiền của sự giàu cái mà hiếm có ai đạt được nhiều như từ những niềm vui nhỏ hằng ngày. Do vậy, nếu anh dạy một thanh niên nghèo khổ cách cạo râu và để dao cạo ngăn nắp, anh có thể mang lại nhiều hạnh phúc cho cuộc đời của anh chàng này hơn là đưa cho anh ta 1.000 Guinea. Tiền có thể mau chóng tiêu hết và nỗi tiếc nuối còn lại chỉ là đã tiêu món tiền theo cách quá ngu xuẩn. Nhưng ngược lại, nếu anh chàng này thoát khỏi những phiền toái phải chờ đợi người thợ hớt tóc và thoát khỏi những ngón tay dơ bẩn, hơi thở hôi hám và những lưỡi dao cạo cùn, anh chàng này sẽ cạo râu lúc thuận tiện nhất và tận hưởng niềm vui hằng ngày của việc cạo râu bằng một lưỡi dao tốt. Với những ý tưởng này, trước đó ta đã đánh bạo viết một vài trang giấy với hy vọng rằng họ sẽ rút ra được những gợi ý mà lúc này hay lúc khác sẽ hữu ích cho thành phố mà ta yêu quý, nơi ta sống nhiều năm hạnh phúc và có lẽ là cho cả những thành phố khác ở Mỹ.

Đã từng được Bộ Trưởng Bộ Cục Bưu Điện nhận vào làm với vai trò kiểm soát viên quản lý nhiều chi nhánh và nhận báo cáo từ những nhân viên bưu điện, do đó sau khi William Hunter mất vào năm 1753, ta được ủy nhiệm thay thế vị trí của ông này bởi Bộ Bưu Điện Anh. Bưu điện của Mỹ chưa từng mang lại lợi nhuận gì cho Anh Quốc. Chúng ta sẽ nhận được khoản thưởng 600 Bảng một năm chia cho nhân viên nếu chúng ta có thể kiếm được khoản lợi nhuận

tương tự từ hoạt động. Để làm được điều này cần thiết cải tiến rất nhiều thứ. Một vài thay đổi đòi hỏi phải bỏ ra chi phí ban đầu, do đó trong 4 năm đầu tiên bưu cục nợ chúng ta hơn 900 Bảng. Nhưng không lâu sau đó nó bắt đầu trả chúng ta khoản nợ và trước khi ta bị thuyên chuyển công tác bởi một quyết định khó hiểu của các Bộ trưởng, chuyện mà ta sẽ kể sau này, chúng ta đem lại cho đức vua lợi nhuận gấp ba lần so với bưu điện ở Ireland. Kể từ quyết định sai lầm đó, họ không nhận được gì từ chúng ta – không một xu nào!

Hoạt động bưu điện khiến ta có cơ hội đi đến New England nơi Đại học Cambridge đề nghị trao tặng ta bằng Thạc Sĩ Nghệ Thuật. Trước đó, Đại học Yale ở Connecticut cũng từng gửi ta một đề nghị tương tự. Do vậy, ta đến nhận bằng dù không theo học trường nào cả. Họ đưa ra quyết định đó sau khi cân nhắc về những cải tiến và khám phá của ta trong ngành điện học thuộc khoa học tự nhiên.

Năm 1754, nguy cơ chiến sự với Pháp lại một lần nữa xuất hiện. Một hội nghị với sự tham gia của những cao ủy từ các vùng thuộc địa khác nhau được triệu tập tại Albany theo sắc lệnh của Ủy Ban Doanh Thương trong hội nghị đó thảo luận với những người đứng đầu của 6 quốc gia về cách thức phòng thủ đất nước của họ cũng như của chúng ta. Sau khi nhận được sắc lệnh, Thống đốc Hamilton tập hợp Nghị Viện lại yêu cầu cung cấp danh sách người da đỏ đại diện cho sự kiện này và đề cử Chủ Tịch (Norris), ta, ngài Thomas Penn và Thư Ký Nghị Viện Peters làm cao ủy đại diện cho Pennsylvania. Nghị Viện thông qua đề cử này và cung cấp phương tiện để chúng ta đến tham dự hội nghị dù rằng họ không thích xử lý những vấn đề ngoài vùng quản lý của mình. Chúng ta gặp những cao ủy khác tại Albany khoảng giữa tháng Sáu.

Trên đường đi, ta soạn ra một kế hoạch hợp nhất tất cả các thuộc địa lại dưới một chính phủ vì việc này cần thiết cho hoạt động quốc phòng và những mục tiêu chung khác. Khi qua khỏi New York, ta đưa kế hoạch cho James Alexandre và Kennedy, hai quý ông hiểu biết rất nhiều về công vụ, xem và được cổ vũ thêm bởi sự đồng tình của họ, do đó ta liều lĩnh đệ trình nó trong hội nghị. Có vẻ như nhiều cao ủy khác cũng đã soạn ra những kế hoạch tương tự như vậy. Vấn đề liệu có nên hay không thành lập một liên bang đã được tất cả nhất trí thông qua đem ra biểu quyết trong chương trình nghị sự. Theo sau đó, một uỷ ban được bổ nhiệm, mỗi thuộc địa có một thành viên, để cân nhắc những kế hoạch này và thực hiện nhiệm vụ báo cáo. Kế hoạch của ta được ưu ái và sau một vài chỉnh sửa được trình lên.

Theo bản kế hoạch này, chính phủ chung sẽ được điều hành bởi một tổng thống "liên bang" được đức vua bổ nhiệm cũng như ủng hộ và một đại hội đồng được chọn ra bởi đại diện của người dân ở các vùng thuộc địa trong các cuộc họp Quốc Hội của từng vùng. Những tranh luận

về đề tài này cũng như đề tài người da đỏ diễn ra hằng ngày trong hội nghị. Rất nhiều phản đối và những khó khăn được nêu ra nhưng cuối cùng tất cả đều được giải quyết. Kế hoạch được nhất trí thông qua và những bản sao chép được gửi tới Ủy Ban Doanh Thương và Quốc Hội của nhiều vùng thuộc địa. Số phận của đề án này thật oái oăm: Quốc Hội không chấp thuận vì họ nghĩ rằng có quá nhiều đặc quyền ở đó trong khi ở Anh biện pháp này lại được xem là quá dân chủ.

Do vậy, Ủy Ban Doanh Thương không thông qua kế hoạch cũng như khuyến nghị đức vua chấp thuận nó. Nhưng một kế hoạch khác đã được soạn ra với hy vọng sẽ là câu trả lời tốt hơn, theo đó Thống đốc và một vài thành viên trong Quốc Hội họp lại và ra sắc lệnh xây dựng quân đội, xây pháo đài, v.v… xin nguồn quỹ từ Anh Quốc để trang trải chi phí và khoản tiền đó sẽ được trả lại theo một đạo luật thu thuế dân Mỹ do Nghị Viện Anh ban hành. Kế hoạch của ta với những luận cứ bổ trợ có thể được tìm thấy trong số những bài viết chính trị đã được in ra khác.

Trải qua mùa đông ở Boston, ta thảo luận rất nhiều với Thống đốc Shirley về cả hai kế hoạch. Một phần câu chuyện giữa chúng ta trong dịp này có thể đã được thể hiện trong những bản kế hoạch đó. Những lý do mâu thuẫn và khác nhau đưa ra để không ủng hộ kế hoạch của ta khiến ta nghi ngờ tính đúng đắn của phương pháp này. Ta vẫn nghĩ rằng, nếu được chấp thuận nó sẽ có lợi cho tất cả những quốc gia ở hai bên bờ đại dương. Các vùng thuộc địa khi liên minh lại sẽ đủ mạnh để tự phòng thủ và sẽ không cần phải yêu cầu quân đội từ Anh. Tất nhiên, cái cớ để đánh thuế người Mỹ và xung đột căng thẳng về vấn đề này sẽ được tránh khỏi. Nhưng những sai lầm này không phải là mới mẻ, lịch sử đầy những sai lầm của các triều đại và những ông hoàng.

Hãy nhìn thế giới xung quanh, có thật ít người

Biết được cái tốt của mình hay biết cái gì tốt để theo đuổi!

Những người cầm quyền thường có rất nhiều việc phải làm và không thường thích những rắc rối trong việc phải xem xét và triển khai những dự án mới. Do đó, những giải pháp công tốt nhất do đó hiếm khi triển khai bởi sự thông thái của người cầm quyền mà bị buộc phải triển khai do tình thế ép buộc.

Thống đốc Pennsylvania khi gửi bản kế hoạch xuống Quốc Hội cũng thể hiện sự đồng tình của mình, “với ông, nó được soạn thảo rõ ràng và bằng những nhận xét rất xác đáng. Do đó, ông khuyến nghị kế hoạch đó đáng để xem xét kỹ càng và nghiêm túc.” Tuy nhiên Nghị Viện,

dưới sự quản lý của một số thành viên nhất định thảo luận về nó trong lúc ta vô tình không có ở đó, cái mà ta nghĩ là không công bằng cho lắm và bác bỏ kế hoạch mà không suy xét kỹ khiến ta cảm thấy rất mất mặt.

Trong chuyến đi đến Boston năm nay, ta gặp Thống đốc mới Morris ở New York, người trước đó ta quen rất thân và ông vừa trở về từ Anh. Ông dẫn theo một người về thay thế vị trí của Hamilton do ông này đã từ chức vì chán ngấy việc tranh cãi với những chỉ thị từ trên ban xuống. Morris hỏi liệu ta nghĩ ông có phải đối đầu với một công việc điều hành khó khăn hay không. Ta nói, "Không, ngược lại công việc có thể rất thoải mái nếu ngài không tham gia vào những tranh luận với Quốc Hội." "Bạn thân của ta," ông nói nhẹ nhàng, "Sao anh có thể khuyên ta tránh những tranh luận được chứ? Anh biết ta thích tranh luận mà. Đó là một trong những niềm vui lớn nhất của ta. Tuy nhiên, vì tôn trọng lời khuyên của anh, ta hứa với anh ta sẽ tránh tranh luận nếu có thể." Ông có lý do của mình khi thích tranh luận, là người giỏi hùng biện, một nhà ngụy biện sắc sảo và do đó thường chiến thắng trong những cuộc tranh luận. Ông học những kỹ năng này từ khi còn là một cậu bé. Cha ông, theo ta biết, tập cho các con tranh luận với nhau như một trò chơi tiêu khiển trên bàn ăn tối nhưng ta nghĩ cách làm này không hay vì theo quan sát của ta, những người hay tranh luận, phủ nhận và bác bỏ ý kiến của người khác nhìn chung không thành công trong công việc của họ. Họ đôi khi chiến thắng nhưng không bao giờ nhận được thiện ý từ những người khác, cái thường có lợi cho họ hơn. Chúng ta chia tay nhau, ông đi sang Philadelphia còn ta
về Boston.

Trên đường về, khi ở New York ta nhận được tin có vẻ như dù đã hứa với ta, trong kỳ bỏ phiếu tại Quốc Hội, ông và Nghị Viện đang tranh cãi kịch liệt và cuộc chiến giữa họ vẫn tiếp diễn đến khi ông còn làm việc trong chính quyền. Ta cũng tham gia vào tranh luận ngay vì sau khi ta quay trở về Quốc Hội, ta bị đẩy vào tất cả ủy ban phản bác những bài thuyết trình và thông điệp của ông và các ủy ban lúc nào cũng đòi phải có bản thảo. Sự phản bác của chúng ta cũng như những thông điệp của ông thường rất chua chát và đôi khi còn mang tính lăng mạ, khiếm nhã. Và vì ông biết ta soạn văn bản cho Quốc Hội, người ta có thể nghĩ rằng khi chúng ta gặp nhau chắc hẳn khó tránh được chuyện chém giết nhau nhưng ông là một người tốt đến nỗi những tranh cãi không tạo ra mâu thuẫn cá nhân giữa ông và ta chúng ta thường ăn tối với nhau.

Một chiều nọ trong giai đoạn tranh cãi cao trào, chúng ta gặp nhau trên đường. "Franklin," ông gọi, "anh phải về nhà tôi chiều nay. Tôi có một người bạn anh sẽ rất thích." Và nắm tay ta kéo về nhà ông. Trong lúc trò chuyện vui vẻ cùng men rượu sau bữa tối, ông nói đùa rằng ông

rất ngưỡng mộ ý tưởng của Sacho Panza người khi được đề nghị trao quyền điều hành một chính phủ đã yêu cầu nhận một chính phủ của người da đen vì nếu không thể thoả hiệp với người dân ông có thể bán họ đi. Một người bạn của ông, người ngồi kế ta nói rằng, "Franklin, tại sao anh cứ đi chung với những tín đồ phái giáo hữu đó vậy? Bán bọn chúng đi không phải tốt hơn sao? Những tay địa chủ tư sản sẽ trả anh giá tốt đó."Ta trả lời, "Thống đốc chưa làm họ đen đủ để tôi làm thế." Thực tế, ông đã làm việc rất chăm chỉ với nỗ lực bôi nhọ Quốc Hội trong tất cả các thông điệp của mình nhưng những người này phủ quyết tất cả những thông điệp đó ngay khi ông đề ra và quăng trả lại vào mặt ông những phản bác dày cộm. Do vậy vì biết được ông chắc hẳn sẽ "da đen hóa" bản thân mình, ông cũng như Hamilton, trở nên chán ngấy việc tranh cãi và rời khỏi chính quyền.

Tất cả những tranh cãi công này đều xuất phát từ giới chủ địa chủ tư sản, những Thống đốc cha truyền con nối, những người mà mỗi khi phát sinh bất kỳ chi phí quốc phòng nào bủn xỉn chỉ thị những đại diện của mình không thông qua các đạo luật thu thuế cần thiết trừ phi những đồn điền rộng lớn của họ được đặc biệt miễn thuế trong các đạo luật đó. Họ còn thậm chí họ còn bắt đại diện của mình ký vào những khế ước buộc phải làm theo những chỉ thị đó. Trong 3 năm, Quốc Hội không phản kháng gì trước sự bất công này dù rằng cuối cùng những người này cũng buộc phải thay đổi. Thời gian sau đó, Đại Úy Denny, người kế vị Thống đốc Morris, liều lĩnh chống lại những chỉ thị này và bằng cách nào thì ta sẽ kể tiếp dưới đây.

Tuy nhiên, ta đã đi quá xa với câu chuyện của mình, vẫn còn những sự việc xảy ra đáng để đề cập tới trong thời kỳ Thống đốc Morris còn đương nhiệm.

Chiến tranh lại bắt đầu với Pháp theo cách cũ và chính phủ Massachusetts Bay tiến hành một cuộc tấn công vào Crown Point, cử Quincy đến Pennsylvania và Pownall người sau đó là Thống đốc Pownall đến New York để cầu viện. Vì ta làm việc trong Quốc Hội, ta hiểu tính khí của những người này và là đồng hương của Quincy, do đó ông muốn nhờ đến ảnh hưởng và sự giúp đỡ của ta. Ta trình thỉnh cầu của ông lên Quốc Hội và nó được đón nhận rất tốt. Họ biểu quyết thông qua gói trợ giúp 10,000 Bảng. Nhưng Thống đốc từ chối phê chuẩn dự luật này (bao gồm số tiền này và những khoản tiền khác sử dụng cho mục đích của đức vua) trừ phi thêm vào một điều khoản miễn trừ điền sản của giới địa chủ tư sản khỏi đối tượng chịu bất kỳ khoản thuế nào cần thiết để có số tiền này. Quốc Hội dù rất muốn viện trợ tiền hợp lý trên cho New England nhưng lại bị thiệt hại nếu làm như vậy. Quincy cố gắng vận động Thống đốc để có được sự chấp thuận nhưng ông này rất cương quyết.

Sau đó ta đề nghị một cách thức để giải quyết vấn đề này mà không cần Thống đốc bằng cách

ban hành ủy nhiệm chi gửi tới các ủy viên quản trị của Phòng Cho Vay vì theo luật Quốc Hội có quyền soạn những ủy nhiệm chi này. Thực tế khi đó Phòng Cho Vay chỉ còn rất ít tiền, do đó ta đề xuất các ủy nhiệm chi sẽ có thời hạn thanh toán trong vòng 1 năm và chịu lãi suất 5% . Việc mua lương thực cũng có thể được tiến hành dễ dàng bằng cách sử dụng ủy nhiệm chi. Quốc Hội không chút lưỡng lự chấp thuận đề xuất. Những ủy nhiệm chi ngay lập tức được in ra và ta là một trong những thành viên của ủy ban được chỉ định ký và xử lý chúng. Nguồn quỹ dùng để chi trả cho những ủy nhiệm chi này là lãi suất cho vay của tất cả tiền giấy trong vùng cùng với doanh thu từ thuế môn bài, khoản thu quá đủ cho mục đích đó. Họ nhận được ngay khoản vay đó và không chỉ khoản tiền đủ dùng để mua lương thực mà còn rất nhiều tiền mặt khác từ những người giàu có đầu tư vào các ủy nhiệm chi vì cảm thấy có lợi do thu được lãi suất và có thể trong hoàn cảnh nào đó có thể sử dụng thay thế tiền. Do đó, những người này rất sẵn lòng mua tất cả số ủy nhiệm chi và hết sạch trong vòng vài tuần. Do vậy, vấn đề quan trọng này đã được giải quyết thành công theo cách của ta. Quincy cảm ơn Quốc Hội bằng một đài kỷ niệm tuyệt đẹp, trở về nhà trong vui sướng vì sứ mệnh thành công và kể từ đó dành cho ta tình bạn thân ái và trìu mến nhất.

Chính quyền Anh không đồng ý thông qua kế hoạch liên hiệp của các thuộc địa đề xuất tại Hội nghị Albany cũng như không tin tưởng liên hiệp trong việc quốc phòng vì sợ rằng những người này sẽ phát triển quân đội quá mức và hiểu được sức mạnh của mình. Do ngờ vực và cảnh giác lúc đó, Anh Quốc gửi sang Đại Tướng Braddock cùng 2 trung đoàn chính quy. Ông này cập bến ở cảng Alexandria thuộc vùng Virginia và sau đó hành quân đến thị trấn Frederic vùng Maryland nơi ông dừng lại để tiếp tế hàng hóa. Quốc Hội hoảng sợ vì có thông tin rằng ông này mang quan điểm thành kiến bạo lực với họ vì họ đã chống đối không phục tùng nhà vua nên đã cử ta đi gặp tướng Braddock không phải với tư cách thành viên Quốc Hội mà với tư cách Bộ Trưởng Bộ Bưu Điện theo sứ mạng giải quyết mâu thuẫn giữa ông này với các Thống đốc vùng theo cách nhanh chóng và chắc chắn nhất và thuyết phục ông này giữ mối quan hệ thư từ với các Thống đốc đổi lại họ đồng ý trả các khoản chi phí quân sự. Con trai ta đi cùng ta trong chuyến đi này.

Chúng ta gặp tướng Braddock ở Frederictown đang nóng lòng chờ đợi đội quân mà ông cử đi hộ tống những xe chở hàng còn sót lại ở Maryland và Virginia trở về. Ta ở đó trong nhiều ngày, ngày nào cũng ăn tối cùng ông và có đầy đủ cơ hội để xóa bỏ tất cả những thành kiến của ông bằng cách kể ông nghe các câu chuyện về những việc mà Quốc Hội đã thực sự làm trước khi ông tới và vẫn sẵn lòng làm để giúp cuộc viễn chinh của ông thuận tiện hơn. Khi ta chuẩn bị rời khỏi đó, ta thấy những chiếc xe chở hàng đã về và đang được chuyển vào trong. Tất cả chỉ có

25 chiếc và không phải tất cả đều trong trạng thái có thể sử dụng được. Đại tướng và tất cả sĩ quan đều ngạc nhiên tuyên bố rằng cuộc viễn chinh đã kết thúc vì không thể thực hiện được và đổ tội cho các bộ trưởng vì đã ngu xuẩn ra lệnh cho ông đổ bộ tại một khu vực nghèo nàn phương tiện chuyên chở quân trang, quân dụng, v.v… vì ông cần cần ít nhất là 150 xe.

Ta vô tình nói lấy làm tiếc vì họ không đổ bộ xuống Pennsylvania vì ở nơi đó hầu như tất cả nông dân đều có xe ngựa. Lúc đó đại tướng hăm hở chụp ngay câu nói của ta và nói, “Vậy thì ngài, thưa ngài, ngài là người biết rõ vùng đó, có thể mang về cho chúng tôi những chiếc xe ngựa. Xin ngài hãy làm giúp tôi.” Ta hỏi ông sẽ đề nghị với những chủ xe điều kiện gì để trao đổi và ông yêu cầu ta soạn ra bất kỳ điều kiện nào ta thấy cần thiết. Ta soạn ra, họ đồng ý và một sứ mạng với những chỉ thị được nhanh chóng soạn thảo. Những điều kiện đó là gì sẽ thể hiện trong mẫu quảng cáo ta đăng sau khi tới Lancaster, mẫu quảng cáo gây tò mò từ những hiệu quả tuyệt vời và đột ngột của nó. Ta sẽ để nó ngay dưới đây:

“QUẢNG CÁO.

“LANCASTER, 26 tháng 4 năm 1755.

“Xét rằng, 150 chiếc xe ngựa với bốn con ngựa cho mỗi xe và 1.500 bộ yên ngựa hay ngựa thồ đang cần để phục vụ cho quân đội của đức vua hiện đang đóng tại nhánh sông Will và Đại Tướng Braddock đã trao cho ta quyền ký hợp đồng thuê những phương tiện đó, ta thông báo rằng ta sẽ ở Lancaster từ hôm nay cho đến chiều Thứ Tư tuần sau và ở York từ sáng Thứ Năm tuần sau cho đến chiều Thứ Sáu. Ta sẽ nhận xe chở hàng và đội ngựa, hoặc chỉ ngựa theo những điều kiện sau đây:

1. *Ta sẽ trả cho mỗi chiếc xe ngựa có 4 con ngựa tốt và 1 người đánh xe 15 siling mỗi ngày, 2 siling cho mỗi con ngựa có đóng yên thồ hay những loại yên và cương khác và 8 pence cho mỗi con ngựa khỏe không có yên mỗi ngày.*

2. *Tiền thuê bắt đầu tính từ lúc gia nhập lực lượng quân đội tại nhánh sông Will, yêu cầu trước ngày 20 tháng 5 trở về sau và một khoản cấp phát hợp lý sẽ được trả cho khoảng thời gian cần thiết để di chuyển đến nhánh sông Will và trở về nhà sau khi miễn nhiệm.*

3. *Mỗi chiếc xe và đội ngựa và mỗi bộ yên cương hay yên thồ sẽ được thẩm định giá công bằng bởi những người do ta và chủ sở hữu chọn lựa và trong trường hợp xe, đội ngựa hay ngựa bị thiệt hại trong lúc làm nhiệm vụ, số tiền theo giá thẩm định sẽ được trả.*

4. *Ta sẽ ứng trước 7 ngày tiền thuê cho chủ xe và đội ngựa hay chủ ngựa vào thời điểm ký*

hợp đồng nếu được yêu cầu và phần còn lại sẽ do Đại Tướng Braddock hay nhân viên tiền lương của quân đội chi trả vào thời điểm miễn nhiệm hay thỉnh thoảng giữa thời gian phục vụ nếu được yêu cầu.

5. *Người đánh xe hay người chăm sóc ngựa thuê nào trong bất kỳ trường hợp bị gọi đi lính hay giao nhiệm vụ nhiều hơn việc vận hành và chăm sóc những chiếc xe ngựa hay những con ngựa.*

6. *Tất cả yến mạch, bắp Anh Điêng, hay thức ăn gia súc mà xe ngựa hay ngựa mang đến trại nhiều hơn mức cần thiết tiêu thụ của ngựa sẽ được dùng cho mục đích quân sự và sẽ được mua lại với giá hợp lý.*

"Lưu ý – Con trai ta, William Franklin, được ủy quyền ký những hợp đồng đó với hạt ở Cumberland."

"B. FRANKLIN."

"Gửi những cư dân của các hạt Lancaster, York và Cumberland."

"Những người bạn và đồng hương của ta,"

"Ngẫu nhiên có mặt tại Frederic vài ngày, ta nhận ra đại tướng và các sĩ quan rất tức giận với việc không được cung cấp ngựa và xe chở hàng trong khả năng có thể mà ngài mong chờ từ vùng này nhưng do bất đồng giữa Thống đốc và Quốc Hội, không có tiền hay bất kỳ động thái nào được thực hiện để cải thiện tình hình."

"Đã có đề xuất ngay lập tức cử một đội vũ trang đến những hạt này để tịch thu tất cả các xe chở hàng và ngựa tốt nhất và số người cần thiết để vận hành chăm sóc những phương tiện đó."

"Ta sợ rằng việc quân Anh tiến vào những hạt này đặc biệt là khi cân nhắc tính khí của họ và sự tức giận mà họ dành cho chúng ta sẽ tạo ra nhiều sự bất tiện cho các cư dân và do đó là ta sẽ sẵn lòng thử trước cách thức có thể coi là công bằng và hợp lý đó. Người dân của những hạt nằm sâu bên trong gần đây thường phàn nàn với Quốc Hội về chuyện thiếu tiền, các bạn có cơ hội nhận và chia nhau một khoản tiền rất lớn vì nếu sự phục vụ cho chuyến viễn chinh này kết thúc, và khả năng kết thúc của nó là hầu như chắc chắn, trong 120 ngày, số tiền thuê xe chở hàng và ngựa lên con số nhiều hơn 30 ngàn Bảng sẽ được trả cho các bạn bằng vàng bạc của đức vua."

"Sự phục vụ này nhẹ nhàng và dễ dàng vì quân đội hiếm khi hành quân hơn 12 dặm một ngày và những xe chở hàng cũng như ngựa thồ quân trang chở những thứ tuyệt đối cần thiết cho mục

đích quân dụng sẽ đi cùng quân đội, không nhanh hơn. Vì lợi ích của quân đội, những xe chở hàng và ngựa sẽ luôn được bố trí ở nơi an toàn nhất trong lúc hành quân cũng như hạ trại."

"Nếu bạn thực sự là những cư dân tốt và trung thành với đức vua, và ta tin bạn là người như thế, bạn cần thực hiện nhiệm vụ này một cách đúng đắn và khiến mọi việc dễ dàng hơn với bản thân mình. Với 3 hay 4 người không thể thực hiện việc trồng trọt nếu thiếu xe chở hàng 4 ngựa kéo có người đánh xe có thể góp lại dùng chung với nhau. Một người góp xe chở hàng, một hay hai người khác góp ngựa và một người góp người đánh xe và chia sẻ khoản tiền thu được theo tỷ lệ thỏa thuận. Nhưng nếu bạn không phục vụ đức vua và đất nước mình một cách tự nguyện với những đề nghị trả công và điều kiện hợp lý như thế, lòng trung thành của các bạn sẽ bị nghi ngờ mạnh mẽ. Công việc đức vua giao phải được hoàn thành. Rất nhiều người lính đến từ nơi xa xôi để bảo vệ cho các bạn không thể ở không vì sự trì trệ tiến hành làm cái mà bạn phải làm. Họ phải có những chiếc xe chở hàng và ngựa. Những giải pháp bạo lực hơn có thể được sử dụng và lúc đó không ai bồi thường gì cho bạn cả vì thế cảnh ngộ của bạn lúc đó có thể sẽ hơi đáng thương hay đáng tội nghiệp."

"Ta không có lợi ích nào từ chuyện này ngoại trừ sự hài lòng do đã cố gắng làm một việc tốt, ta sẽ chỉ có niềm vui lao động từ những công sức của mình. Nếu cách huy động xe chở hàng và ngựa này không thành công, ta buộc phải thông báo đến đại tướng trong vòng 14 ngày và ta cho rằng ngài John St. Clair thuộc nhóm kỵ binh cùng một đơn vị quân lính sẽ ngay lập tức tiến vào nơi này thực hiện mục tiêu đó, điều ta rất lấy làm tiếc phải nghe vì là một người bạn và người chúc phúc chân thành và thật lòng của các bạn, B.FRANKLIN."

Ta nhận của Đại tướng khoảng 800 Bảng để chi trước cho những chủ xe chở hàng, v.v... nhưng khoản tiền đó không đủ và ta phải ứng thêm 200 Bảng nữa. Và trong vòng 2 tuần, 150 xe chở hàng và 259 con ngựa thồ di chuyển đến nơi đóng quân. Mẫu quảng cáo đã hứa sẽ trả theo giá thẩm định trong trường hợp mất mát xe hay ngựa. Tuy nhiên, những người chủ ngại mình không biết tướng Braddock hay những điều kiện gì cần có trong lời hứa của ông này kiên quyết đòi ta làm giao kèo và ta đã tiến hành làm những giao kèo đó.

Trong thời gian ở nơi đóng quân, một chiều nọ khi đang dùng cơm tối với các sĩ quan thuộc đại đội của Đại Tá Dunbar, ông này kể ta nghe về nỗi lo lắng liên quan đến thuộc cấp của mình, những người mà theo ông mô tả là nói chung không có cuộc sống sung túc trong khi họ không thể trông cậy nhiều vào kho quân dụng vì nó cần thiết cho một chuyến hành quân dài qua những vùng hoang vu, nơi không thể mua bán được gì. Ta thông cảm cho cảnh ngộ của những người lính và quyết tâm cố gắng tìm hướng giải quyết một phần nào đó cho họ. Tuy nhiên, ta

không nói gì với ông này về ý định của ta mà viết một lá thư gửi Ủy ban Quốc Hội vào sáng hôm sau, những người giữ thẩm quyền bố trí tài chính công, và nhiệt tình khuyến nghị họ cân nhắc tình trạng của những sĩ quan này và đề xuất rằng một món quà sẽ giúp những người lính có được cuộc sống vật chất và tinh thần tốt hơn. Con trai ta, người có kinh nghiệm về cuộc sống trong doanh trại cũng như những nhu yếu phẩm cần thiết ở đó soạn cho ta một danh sách đính kèm với lá thư. Ủy ban chấp thuận danh sách con trai ta soạn ra, hàng hóa quân dụng được nhanh chóng chuyển đến nơi đóng quân cùng lúc với đoàn xe chở hàng. Nhóm hàng hóa quân dụng bao gồm 20 kiện, mỗi kiện có:

6 pound đường viên;

6 pound đường mía ngon;

1 pound trà xanh ngon;

1 pound chè đen ngon;

1 miếng phô mai Gloucester;

1 thùng chứa 20 pound bơ ngon;

2 tá rượu Madeira;

6 pound cà phê xay;

6 pound sô cô la;

1-2 tạ bánh bích quy trắng;

1-2 pound tiêu;

1 lít Anh giấm rượu;

6 pound nho khô;

2 galong rượu mạnh Jamaica;

1 chai bột mù tạc;

2 miếng giăm bông xông khói ngon;

1-2 tá lưỡi phơi khô;

6 pound gạo.

20 kiện hàng này được gói cẩn thận mỗi kiện đặt trên một con ngựa với mục đích tặng mỗi sĩ quan một kiện hàng như một món quà. Họ nhận những món quà trong sự biết ơn và đại tá của hai đại đội đều gửi đến ta lá thư cảm ơn với những lời lẽ trân trọng nhất. Đại tướng cũng rất hài lòng với việc ta đã huy động được những chiếc xe chở hàng, v.v… và sẵn lòng chi trả khoản tiền ta đã ứng trước đó, cảm ơn ta một lần nữa cũng như yêu cầu sự hỗ trợ của ta trong việc vận chuyển quân nhu đi sau ông. Ta nhận nhiệm vụ này và bận rộn với nó cho đến khi nghe tin ông bại trận. Khi đó, ta đã ứng trước tiền hơn 1.000 Bảng cho quân đội, khoản tiền mà ta đã gửi yêu cầu đòi ông trả. May mắn thay khoản tiền đó cũng đến được tay ta vài ngày trước trận chiến và ông ngay lập tức gửi một ủy nhiệm chi đến người thủ quỹ quân đội để trả số tiền chẵn 1.000 Bảng nhưng phần còn lại sẽ được trả vào lần sau. Ta xem việc nhận được số tiền này là một may mắn vì không bao giờ có thể nhận được số tiền còn lại sau này.

Nhìn chung mà nói ta nghĩ vị đại tướng này là một người dũng cảm và chắc hẳn là một hình mẫu người lính tốt trong những cuộc chiến ở Châu Âu. Nhưng ông quá tự tin và quá thiên vào sự chính thống của lính chính quy cũng như quá khắt khe với ý tưởng một đội quân có cả lính Mỹ và da đỏ. George Croghan, nhân viên phiên dịch tiếng da đỏ đã tham gia hành quân cùng ông với 100 người sẽ rất hữu ích cho quân đội trong vai trò do thám, dẫn đường, v.v… nếu ông đối xử với họ tử tế, nhưng ông lại coi khinh và bỏ mặc họ và vì thế những người này dần rời khỏi ông.

Trong một lần nói chuyện, ông kể ta nghe những dự định hành quân của mình. “Sau khi chiếm Fort Duquesne,” ông nói, “Tôi sẽ tiến sang Niagara và sau khi chiếm cứ vùng đó, là tới Frontenac nếu thời gian cho phép và tôi cho rằng chiến dịch này là có thể vì Duquesne khó có thể cầm chân tôi nhiều hơn 3 hay 4 ngày và không có gì có thể ngăn cản tôi hành quân đến Niagara.” Khi nghĩ tới hình ảnh đoàn quân xếp hàng dài trong chuyến hành quân của mình trên một con đường rất hẹp, có thể bị cắt ngang bởi cây gỗ, các bụi cây và cũng từng đọc về một thất bại trước đây của 1.500 lính Pháp xâm lược hạt Iroquois, ta thấy có chút nghi ngờ và lo lắng cho chiến dịch của ông. Nhưng ta chỉ đủ liều lĩnh để nói rằng, “Chắc chắn thưa ngài, nếu ngài hành quân thành công đến Duquesne, với những người lính dũng cảm này cùng trang bị pháo và nơi đó chưa kịp tổ chức phòng ngự vững vàng (vì nghe nói rằng quân đồn trú ở đó không mạnh lắm), ngài có thể thắng trong khoảng thời gian ngắn. Mối hiểm họa duy nhất tôi sợ sẽ cản trở ngài là khả năng bị người da đỏ đánh úp, những người do luyện tập thường xuyên rất giỏi trong việc bố trí và tiến hành các cuộc phục kích. Và hàng lính mỏng kéo dài gần 4 dặm mà đội quân của ngài tạo thành có thể bị tấn công bất ngờ từ hai cánh, có thể bị cắt như một

sợi chỉ thành nhiều mảnh nhỏ và không thể hỗ trợ nhau vì khoảng cách quá xa."

Ông cười trên sự ngu dốt của ta và trả lời: Thực ra, "Những kẻ man rợ đó thực ra có thể là một đối thủ đáng gờm với đội quân người Mỹ non nớt của ngài, nhưng với quân đội chính quy và kỷ luật của đức vua, thưa ngài, không có khả năng bọn người đó có thể làm nên chuyện". Ta thấy được việc tranh cãi với một quân nhân về lĩnh vực của ông này là một việc không thích hợp và không nói gì nữa. Tuy nhiên, quân địch không lợi dụng yếu tố dàn quân dài như ta sợ mà để đội quân này tiến sâu 9 dặm vào vùng đất của họ mà không hề phản kháng. Sau đó, khi đội quân này đứng túm (do đội quân đi trước vừa băng qua sông và đang chờ nhóm còn lại) và trong khoảng rừng rộng hơn bất kỳ khu rừng nào từng hành quân qua, đội quân đi trước bị tấn công bởi vũ khí hạng nặng từ sau những thân cây và bụi rậm và đó là lần đầu tiên đại tướng biết rằng quân địch ở gần ông. Đội quân này bị rối loạn, đại tướng thúc nhóm quân phía sau di chuyển nhanh hơn để hỗ trợ nhóm phía trước và nhóm này xuyên qua đám xe chở hàng, hành lý và ngựa rất hỗn loạn. Ngay lúc đó, hai cánh của họ bị tấn công bởi hỏa lực: những sĩ quan trên ngựa rất dễ dàng có thể được nhận ra, trở thành mục tiêu và bị bắn hạ rất nhanh. Lính bộ tụ lại thành một mớ hỗn loạn, không nhận hay nghe theo mệnh lệnh nào cả và chỉ đứng đó hứng đạn cho đến khi 2/3 số lính bị giết. Và sau đó, bị bủa vậy trong hoảng loạn, cả đội quân cuống cuồng bỏ chạy.

Những người lái xe chở hàng tóm lấy ngựa bỏ chạy và những người khác cũng làm theo như thế để lại tất cả xe chở hàng, lương thực, pháo và quân trang cho quân địch. Đại tướng bị thương và khó khăn lắm mới được cứu thoát. Thư ký của ông, Shirley, bị quân lính bắn chết, 63/ 86 sĩ quan bị giết hoặc bị thương và 714/1.100 lính bị giết. 1.100 lính này là những người được tuyển chọn từ cả đội quân, phần còn lại đang ở cùng Đại tá Dunbar, người đi sau hộ tống những quân trang, lương thực và hành lý nặng nề hơn. Những người chạy thoát khỏi cuộc truy đuổi chạy đến doanh trại của Dunbar và nhanh chóng khiến cả ông này và quân đoàn của ông hoảng loạn. Dù rằng ông có hơn 1.000 lính và đội quân đánh bại tướng Braddock gộp lại nhiều lắm cũng có không quá 400 người da đỏ và Pháp, thay vì tiến lên và cố gắng khôi phục lại danh dự đã mất, ông ra lệnh tiêu hủy tất cả quân trang, đạn dược, v.v… để ông có thêm ngựa giúp chạy đến nơi trú ẩn và ít đồ đạc phải mang theo. Ở đó, ông được Thống đốc Virginia, Maryland và Pennsylvania yêu cầu bố trí đội quân của mình ở biên giới để phần nào đó bảo vệ dân cư nhưng ông tiếp tục cuộc hành quân vội vã của mình qua tất cả các hạt khi cảm thấy không an toàn cho tới khi đến Philadelphia, nơi những cư dân có thể bảo vệ ông. Sự kiện này khiến người Mỹ hoài nghi rằng khái niệm đẹp về lòng dũng cảm hơn người của quân chính quy Anh là không có cơ sở.

Trong chuyến hành quân đầu tiên từ nơi đổ bộ đến khi qua khỏi trạm trú, những người lính này cũng đã cưỡng đoạt và bóc lột các cư dân, phá hoại hoàn toàn những gia đình nghèo bên cạnh việc lăng mạ, lạm dụng và bắt giam những người phản kháng. Điều đó đủ để chúng ta không tin vào những người này nếu chúng ta cần ai đó bảo vệ. Hành vi của những người bạn Pháp khác rất nhiều trong chuyến hành quân năm 1781 xuyên suốt phần lớn những vùng có dân cư từ Rhode Island đến Virginia, gần 700 dặm, không tạo ra bất kỳ phàn nào nào dù nhỏ nhất về việc mất heo, gà hay thậm chí là quả táo.

Đại Úy Orme, một trong những trợ lý của Đại tướng cũng được cứu sống trong tình trạng bị thương nặng cùng với đại tướng và tiếp tục ở bên ông cho đến khi ông qua đời vài ngày sau đó kể với ta rằng Đại tướng hoàn toàn im lặng trong cả ngày đầu tiên sau thất bại và vào buổi tối chỉ nói rằng, “Ai nghĩ nó lại như vậy?” Đại tướng lại im lặng vào ngày tiếp theo, nói câu cuối cùng, “Chúng ta sẽ biết cách đối phó với chúng tốt hơn vào lần khác”; và qua đời một vài phút sau.

Giấy tờ của viên thư ký với tất cả những mệnh lệnh, chỉ thị và thư từ của Đại tướng rơi vào tay quân địch. Bọn chúng chọn dịch ra tiếng Pháp một số văn kiện và cho in ra để chứng minh ý định thù địch của triều đình Anh trước khi tuyên chiến. Trong số những văn kiện này, ta đọc được lá thư Đại tướng gửi cho Chính phủ ca ngợi sự hỗ trợ lớn lao của ta dành cho quân đội và khuyến nghị họ để ý tới ta. David Hume, người vài năm sau đó trở thành thư ký của Nghị Sĩ Hertford trong chuyến công du đến Pháp và sau đó là tướng Conway, khi còn là Bộ trưởng Bộ ngoại giao, nói với ta rằng ông cũng thấy trong đống văn kiện ở văn phòng có những lá thư tiến cử ta của tướng Braddock. Nhưng cuộc viễn chinh không thành công do vậy những cống hiến của ta cũng không được cân nhắc nhiều vì thế những lá thư tiến cử cũng không có ích gì với ta cả.

Ta chỉ xin Đại tướng một việc xem như món quà từ ông là không ra lệnh bắt thêm bất kỳ tùy tùng nào cùng chúng ta nữa và cho giải ngũ những người ông đã bắt lính trước đó. Ông sẵn lòng ban ơn huệ này và rất nhiều tùy tùng nhờ khẩn cầu của ta được trở về với chủ của mình. Dunbar khi nhận được quyền chỉ huy tỏ ra không rộng lượng lắm. Lúc ông đang ở Philadelphia trong cuộc rút quân hay đúng hơn là bỏ chạy của mình, ta đề nghị ông giải ngũ cho những tùy tùng của 3 nông dân nghèo ở hạt Lancaster mà ông đã bắt lính trước đây và nhắc ông về mệnh lệnh của Đại tướng quá cố. Ông hứa với ta rằng nếu những người chủ đến gặp ông ở Trenton ông sẽ ghé qua trong một vài ngày tới trên chuyến hành quân đến New York, ông sẽ trao trả những người tùy tùng. Theo đó những người chủ này theo đó tốn tiền bạc và công sức đi đến Trenton và chỉ nhận được sự thất vọng vì bị từ chối thực hiên lời hứa.

Ngay khi biết việc mất xe chở hàng và ngựa, tất cả những người chủ đến gặp ta đòi trả khoản tiền theo khế ước trước kia. Yêu cầu của những người này gây rất nhiều phiền phức cho ta. Ta báo cho họ biết rằng tiền đang ở trong tay thủ quỹ quân đội nhưng lệnh chi tiền phải được Đại tướng Shirley thông qua và ta trấn an họ rằng ta đã gửi thư yêu cầu Đại tướng về chuyện này nhưng do ông ở xa nên chưa thể nhận được trả lời ngay và họ nên kiên nhẫn nhưng điều này không đủ làm họ thỏa mãn và một số người bắt đầu kiện ta. Sau đó, Đại tướng Shirley giúp ta thoát khỏi hoàn cảnh tồi tệ này bằng việc bổ nhiệm những cao ủy đến xác minh các đòi hỏi và ra lệnh chi tiền. Khoản tiền lên đến gần 20.000 Bảng mà nếu ta phải tự trả sẽ khiến ta phá sản.

Trước khi nhận được tin thua trận, hai Giáo Sư Bond đến tìm ta mang theo một đề nghị quyên tiền để chi trả chi phí cho buổi bắn pháo hoa lớn biểu diễn tại lễ ăn mừng chiến thắng ở pháo đài Duquesne. Ta nghiêm túc nói với họ rằng chúng ta sẽ có đủ thời gian để chuẩn bị cho việc ăn mừng nếu chúng ta có cơ hội đó. Họ có vẻ ngạc nhiên với việc ta không đồng ý với đề nghị của họ ngay lập tức. “Tại sao!” một trong hai người nói, “chắc ngài không cho rằng pháo đài sẽ không bị đánh bại chứ?” “Tôi không biết liệu nó có bị đánh bại không nhưng tôi biết trong chiến tranh rất khó đoán trước kết quả.” Ta nói với họ nguyên nhân mà ta nghi ngờ, họ bỏ kế hoạch quyên góp và theo đó những người này không phải chịu sự xấu hổ mà lẽ ra họ phải chịu nếu chuẩn bị pháo hoa. Sau đó, Bác sĩ Bond từng nói ông không thích những linh tính của Franklin.

Thống đốc Morris, người liên tục khiến Quốc Hội lo lắng bằng những thông điệp liên tục của mình trước tướng Braddock bại trận. Để ép những người này phải thông qua đạo luật huy động tiền cho quốc phòng địa phương đi kèm điều khoản miễn giảm đánh thuế tài sản của giới địa chủ tư sản và từ chối tất cả những dự luật không có điều khoản nói trên, ông này giờ đây tăng cường thêm sự công kích với hy vọng sẽ thành công khi mối nguy và sự cần thiết cho quốc phòng đã trở nên to lớn hơn. Tuy nhiên, Quốc Hội tiếp tục tỏ ra cứng rắn vì tin rằng chính nghĩa ở phía họ và rằng họ sẽ mất đi một quyền quan trọng nếu họ để Thống đốc thông qua việc chỉnh sửa các dự luật. Trong thông điệp cuối cùng của mình để xin khoản tiền 50.000 Bảng, thực ra ông chỉ chỉnh sửa có một từ. Dự luật ghi rằng “tất cả điền trang, có thực thuộc sở hữu cá nhân đều bị đánh thuế và những điền trang của giới địa chủ tư sản cũng không ngoại lệ.” Chỉnh sửa của ông nếu chỉ đọc qua thì rất nhỏ nhưng quan trọng. Tuy nhiên, khi tin bại trận truyền đến Anh Quốc, những người bạn của ta ở đó, người mà ta đã cung cấp tất cả những phản hồi của Quốc Hội với các yêu cầu của Thống đốc lớn tiếng phản đối những địa chủ tư sản vì sự keo kiệt và thiếu công bằng khi đưa ra những chỉ thị như thế cho Thống đốc. Một vài người còn làm lớn chuyện khi nói rằng bằng cách cản trở công tác phòng thủ ở nơi này, giới địa chủ tư

sản đã tự làm mất đi quyền lợi của mình. Lo ngại điều này, họ gửi yêu cầu đến viên quan thu thuế để thêm vào 5.000 Bảng tiền túi của họ vào bất kỳ khoản nào mà Quốc Hội thông qua cho mục đích đó.

Biết tin này, Nghị Viện chấp nhận khoản tiền như một khoản thay cho phần thuế mà họ phải đóng và một dự luật với điều khoản miễn trừ được soạn và thông qua. Ta được bổ nhiệm là một trong những cao ủy để chi tiêu khoản tiền 60.000 Bảng này theo luật. Ta đã rất tích cực trong việc mô hình hóa và tiến hành dự luật này trong lúc soạn ra một dự luật khác để thiết lập và rèn luyện quân tình nguyện và ta có được sự chấp thuận của Nghị Viện không chút khó khăn vì những tín đồ phái giáo hữu đã được tạo điều kiện để có thể tự do quyết định. Để thúc đẩy việc cần thiết thành lập quân đội từ liên hiệp trước đây, ta viết và cho in một tác phẩm đối thoại, nêu ra và tự trả lời tất cả những phản đối mà ta có thể nghĩ đến cho việc thành lập quân tình nguyện và ta nghĩ rằng nó có hiệu quả rất tốt.

Trong khi rất nhiều đại đội trong thành phố và vùng lân cận được thành lập và huấn luyện những bài tập quân sự, Thống đốc thuyết phục ta nhận trách nhiệm ở biên giới Tây Bắc nơi đang bị quân địch quấy phá và tổ chức bảo vệ người dân bằng cách gầy dựng quân đội và xây dựng một dãy công sự phòng thủ. Ta nhận trách nhiệm quân sự này dù rằng ta không nghĩ bản thân mình hoàn toàn đủ năng lực. Ông đưa ta một văn kiện ủy nhiệm toàn quyền và một gói những ủy nhiệm thư để trống vị trí sĩ quan sẽ trao cho những ai ta nghĩ là phù hợp. Ta không gặp nhiều khó khăn trong việc huy động binh lính khi nhanh chóng có được 560 người dưới trướng mình. Con trai ta, người từng là một sĩ quan chiến đấu trong đội quân chống lại Canada, trở thành trợ lý và giúp đỡ ta rất nhiều. Những người da đỏ trước đó đã đốt Gnadenhut, một ngôi làng định cư của người Moravian và giết hại dân làng nhưng nơi này được đánh giá là một địa điểm thuận lợi cho việc xây dựng pháo đài.

Để hành quân xa hơn, ta tập trung các đại đội tại Bethlehem, khu định cư chính của những người dân. Ta rất ngạc nhiên khi biết rằng vị thế của Bethlehem rất thuận lợi cho việc phòng ngự. Việc Gnadenhut bị tấn công đã khiến những người này trở nên cẩn thận trước mối hiểm họa. Những tòa nhà chính được bao bọc bởi các hàng rào cọc. Họ đã mua một số vũ khí và đạn dược từ New York và thậm chí còn chuẩn bị một số những hòn đá lát đường nhỏ đặt giữa những cửa sổ của các ngôi nhà đá cao tầng để phụ nữ có thể ném xuống đầu bất kỳ người da đỏ nào muốn tấn công vào trong. Những thầy dòng được trang bị vũ khí cũng canh gác và thay ca ngăn nắp như bất kỳ đơn vị đồn trú nào. Trong cuộc nói chuyện với mục sư Spangenberg, ta nhắc đến sự ngạc nhiên của mình vì biết rằng họ vừa nhận được một đạo luật miễn quân dịch cho các thuộc địa từ Nghị Viện Anh, do đó ta đoán rằng họ có thói quen trang bị vũ khí cẩn

thận. Ông trả lời ta đó không phải là phương châm của họ nhưng vào thời điểm nhận được đạo luật, nó đã được cho là phương châm đối với nhiều người. Tuy nhiên, trong dịp này, họ đã ngạc nhiên khi nhận ra không phải chỉ nhiều mà hầu hết đều chấp nhận phương châm đó ngoại trừ một vài người. Có vẻ như hoặc là họ tự dối mình hoặc đang dối Nghị Viện. Nhưng khi bị đe dọa bởi hiểm họa trước mắt, lý lẽ thông thường sẽ đôi khi sẽ lấn át những ý kiến bất thường.

Đó là khoảng đầu tháng Giêng, khi những người này bắt đầu xây dựng những pháo đài. Ta gửi một chi đội đến vùng Minisink với nhiệm vụ xây dựng pháo đài để bảo vệ vùng phía trên và một chi đội khác xuống phía dưới với nhiệm vụ tương tự và ta quyết định cùng phần còn lại của lực lượng hành quân đến Gnadenhut, nơi ngay lập tức cần có một pháo đài. Những người Moravian cung cấp cho chúng ta 5 chiếc xe chở hàng để vận chuyển dụng cụ, quân trang, hành lý…v.v.

Ngay trước khi chúng ta rời khỏi Bethlehem, 11 nông dân bị người da đỏ quấy phá việc trồng trọt đến gặp ta yêu cầu cung cấp vũ khí để họ quay về tìm đàn gia súc của mình. Ta cung cấp cho mỗi người một khẩu súng với số đạn dược hợp lý. Chúng ta chưa hành quân được bao xa thì trời bắt đầu mưa và tiếp tục mưa cả ngày. Không có nhà dân nào bên đường để trú cho đến khi gần tối chúng ta nhìn thấy nhà một người Đức và tất cả chúng ta tụ lại trú trong kho thóc của ông này trong tình trạng ướt sũng. May mắn là chúng ta không bị tấn công dọc đường đi vì vũ khí của chúng ta chỉ là loại thường và binh lính không thể giữ khóa nóng súng khô ráo được. Những người da đỏ rất khéo léo dùng mẹo để giữ những khóa nòng khô ráo cái mà chúng ta không làm được. Họ gặp 11 người nông dân nghèo vào ngày hôm đó và giết 10 người. Người chạy thoát kể lại rằng súng của anh ta và những người bạn của mình không nổ vì thuốc nhồi bị mưa làm ướt.

Ngày hôm sau thời tiết khá hơn, chúng ta tiếp tục hành quân và đến làng Gnadenhut bị bỏ hoang. Có một xưởng mộc gần đó bọc xung quanh nhiều mảnh ván và chúng ta nhanh chóng trú ở đó, một hoạt động rất cần thiết vì thời tiết vào lúc đó khắc nghiệt và chúng ta không có lều. Việc đầu tiên chúng ta làm là chôn kỹ lại những xác chết tìm thấy ở đó vì trước đó những người này chỉ được chôn sơ sài bởi cư dân địa phương.

Sáng hôm sau, việc xây dựng pháo đài được lên kế hoạch và định vị trí. Chu vi pháo đài vào khoảng 455 feet cần nhiều những chiếc cọc làm từ thân cây có đường kính 1 feet kế tiếp nhau. 70 cái rìu của chúng ta ngay lập tức được dùng để đốn cây và vì người của ta rất thành thạo trong việc này nên công việc được giải quyết nhanh gọn. Nhìn thấy cây bị đốn ngã quá nhanh, ta tò mò theo dõi đồng hồ mình khi hai người đàn ông đốn một cây thông: trong 6 phút cái cây

đã ngã và cái cây đó có đường kính 14 inch. Mỗi cây thông làm được 3 cọc nhọn đầu dài 18 feet. Trong khi những người này đang chuẩn bị, những người khác đào một cái mương xung quanh sâu khoảng 3 feet để đặt những cọc nhọn xuống. Thân những chiếc xe chở hàng được tháo rời, hai bánh trước và sau được tách ra bằng cách tháo trục dọc nối hai trục động. Do đó, chúng ta làm thành 10 chiếc xe vận chuyển và hai con ngựa kéo một chiếc để mang số cọc từ khu rừng vào điểm đóng. Những cây cọc được dựng lên và các thợ mộc xây một tầng ván xung quanh mặt trong cao khoảng 6 feet để những người lính có thể đứng trên đó bắn qua các lỗ châu mai. Chúng ta có một súng đại bác xoay đặt ở một trong những góc của pháo đài và cho bắn khẩu súng này ngay sau khi ráp xong để người da đỏ nào ở gần đó nghe tiếng súng biết rằng chúng ta có loại vũ khí này. Theo đó, pháo đài của chúng ta có cái tên gọi rất hay nhưng thực ra rất khiêm tốn được hoàn thành trong một tuần dù rằng ngày kia trời mưa và chúng ta không thể làm việc.

Đây là dịp giúp ta quan sát thấy con người có động lực ganh đua khi lao động. Ban ngày những người này làm việc hiền hòa vui vẻ và biết rằng mình đã có một ngày làm việc thành công, họ trải qua buổi chiều rộn ràng trong men rượu. Nhưng vào những ngày không làm việc, họ thường làm loạn và hay sinh sự, soi mói vấn đề trong những miếng thịt heo, bánh mì… và rất cục tính khiến ta có suy nghĩ mình phải là một thuyền trưởng, người luôn ra lệnh cho thủy thủ làm việc liên tục và khi phó thuyền trưởng nói rằng không còn thứ gì để cho họ làm nữa, vị thuyền trưởng này sẽ nói “Ồ, bảo bọn họ chùi mỏ neo đi.”

Loại pháo đài này mặc dù trông tệ hại nhưng đủ để phòng thủ trước những người da đỏ không có đại bác. Đã đóng đồn an toàn và có một nơi để rút lui khi bị tấn công, chúng ta ra ngoài theo từng nhóm để lùng sục vùng bên cạnh. Chúng ta không gặp người da đỏ nào nhưng tìm thấy nơi họ nằm theo dõi hoạt động của chúng ta từ những ngọn đồi bên cạnh. Sự sáng tạo khéo léo của họ tại những chỗ này rất đáng để nhắc đến. Đó là mùa đông do vậy người da đỏ cần thắp lửa nhưng một đám lửa thông thường trên mặt đất sẽ tạo ra ánh sáng khiến vị trí của họ bị phát hiện từ khoảng cách xa. Do vậy, họ đào những cái lỗ trên mặt đất đường kính khoảng 3 feet vuông và sâu hơn một chút. Chúng ta tìm thấy nơi họ dùng những chiếc rìu nhỏ của mình cắt phần cháy thành than từ những khúc gỗ nằm trong rừng. Với những miếng than này, họ đốt những đám lửa nhỏ ở đáy cái lỗ và chúng ta nhận ra giữa đám cỏ dại dấu vết thân mình họ nằm thẳng bỏ hai chân xuống lỗ để giữ ấm, điều rất quan trọng với họ. Đám lửa loại này được kiểm soát tốt đến nỗi không để lộ vị trí của họ dù bằng ánh sáng, ngọn lửa, tia lửa hay thậm chí là khói: có vẻ như họ không đông và như họ đánh giá rằng chúng ta quá đông để họ có thể tấn công với khả năng giành thắng lợi.

Chúng ta có một mục sư nhiệt huyết của dòng Giáo Hội Trưởng Lão tên Beatty, người luôn phàn nàn với ta rằng người của ta thông thường không tham gia vào những buổi lễ cầu nguyện và khích lệ của ông. Khi nhập ngũ, họ được hứa rằng bên cạnh lương và thực phẩm còn được cung cấp 1 gin rượu Rhum một ngày, cái mà những người lính được phục vụ đúng giờ phân nửa vào buổi sáng và phân nửa kia vào buổi chiều. Ta thấy họ rất đúng giờ khi xếp hàng nhận rượu. Dựa trên đó, ta nói với cha Beatty rằng, "Có lẽ việc trở thành người phục vụ rượu Rhum không đúng với phẩm cách chức vị của cha nhưng nếu cha chỉ phân phát rượu sau buổi lễ cầu nguyện, cha sẽ có thể tập trung được tất cả bọn họ." Ông thích ý tưởng này, nhận nhiệm vụ và với sự giúp đỡ của một vài người thực hiện việc phân phát rượu, hoàn thành lễ cầu nguyện và chưa bao giờ những người cầu nguyện lại đến dự đông đảo và đúng giờ như thế. Do vậy, ta cho rằng cách thức này thích hợp hơn so với một số hình phạt trong quân đội đang áp dụng khi người lính không tham gia nghĩa vụ thiêng liêng của mình.

Ta chỉ vừa mới hoàn thành xong nhiệm vụ của mình và chất đầy lương thực trong pháo đài khi nhận được thư thông báo triệu tập Quốc Hội của Thống đốc và muốn ta tham dự nếu tình hình công vụ ở biên giới không yêu cầu ta nhất thiết phải ở lại đó nữa. Những người bạn của ta trong Quốc Hội cũng gửi thư thúc ta về dự họp và 3 pháo đài dự kiến trước đó đã được hoàn thành cũng như người dân đã yên ổn trở về làm ruộng dưới sự bảo vệ đó, ta quyết định quay về. Ta càng sẵn lòng quay về hơn khi Đại Tá Clapham, một sĩ quan của New England trong chuyến đến thăm khu vực phòng thủ của chúng ta đồng ý ở lại chỉ huy. Ta trao cho ông này một văn kiện ủy nhiệm, tập hợp cả khu đồn trú lại, đọc văn kiện đó trước mọi người và giới thiệu Clapham với họ như một sĩ quan sở hữu những kỹ năng quân sự phù hợp để chỉ huy họ hơn ta. Sau đó, ta khuyến khích họ đôi chút rồi rời khỏi đó. Ta được hộ tống rời xa khỏi Bethlehem nơi ta dừng lại nghỉ vài ngày để hồi phục sau đoạn đường mệt mỏi. Đêm đầu tiên ngủ trên chiếc giường tốt, ta khó lòng ngủ được vì nó quá khác so với việc ngủ trên sàn cứng chỉ cuộn một hai hay cái chăn trong cái lều của mình ở Gnadenhut.

Trong thời gian ở Bethlehem, ta có học hỏi tập quán của người Moravian, một số những người này đã đi theo ta từ trước và tất cả đều rất tốt với ta. Ta nhận thấy họ cùng làm việc cho một nhà kho, ăn trên những cái bàn chung, ngủ trong ký túc xá rất đông đúc. Trong ký túc xá của họ, ta thấy những lỗ thông khí được bố trí khắp nơi ở những khoảng cách nhất định chỉ dưới trần nhà một chút cái mà ta nghĩ là được thiết kế thông minh để trao đổi không khí. Ta đã đến nhà thờ của họ nơi được nghe những bản nhạc hay, đàn organ hòa với violin, kèn hautboy, sáo, kèn clarinet…v.v. Ta hiểu rằng những buổi giảng của họ không thường tổ chức cho một nhóm xen lẫn đàn ông, phụ nữ và trẻ em như tập quán của chúng ta mà họ tập họp lúc này

những người đàn ông đã có vợ, lúc khác những người vợ, sau đó những thanh niên trẻ, những phụ nữ trẻ và những em nhỏ chia ra từng nhóm. Bài giảng ta nghe là cho nhóm trẻ em. Chúng đến và được xếp ngồi vào những hàng ghế dài, những bé trai làm theo chỉ dẫn của một thanh niên giám hộ trẻ và những bé gái làm theo chỉ dẫn của một phụ nữ trẻ. Bài giảng có vẻ rất phù hợp với lũ trẻ, được giảng một cách dễ chịu, theo cách thức thân quen và có chút dỗ dành. Chúng cư xử rất trật tự nhưng trông có vẻ xanh xao và không khỏe mạnh khiến ta nghĩ rằng có lẽ bọn trẻ bị giữ trong nhà quá lâu hoặc không được luyện tập thể dục đầy đủ.

Ta hỏi về hôn nhân của người Moravian, liệu có đúng không khi họ chọn người kết hôn bằng cách rút thăm. Ta được trả lời rằng rút thăm chỉ dùng trong những trường hợp đặc biệt khi chàng trai muốn nói ý định kết hôn cho các bậc trưởng bối của mình, người sẽ nói chuyện với những người đàn bà lớn chăm nom các người phụ nữ trẻ. Khi những người trưởng bối của hai giới tham khảo tính tình và ý định của các học sinh do mình giám hộ, họ có thể quyết định được cặp đôi nào sẽ thích hợp nhất và quyết định của họ thường được chấp nhận. Tuy nhiên, thí dụ trong trường hợp có 2 hay 3 người phụ nữ trẻ đều phù hợp với một chàng trai, lúc đó sẽ rút thăm. Ta phản đối cách này vì nếu sự kết hợp không được tạo thành từ sự lựa chọn của đôi bên có thể một vài người trong đó sẽ không hạnh phúc. “Có thể cũng vậy,” người kia nói với ta, “nếu anh để họ tự chọn lựa cho bản thân.” Ta không thể phủ nhận ý kiến này.

Trở về Philadelphia, ta thấy hoạt động của liên hiệp diễn ra rất thuận buồm xuôi gió. Những cư dân không phải tín đồ phái giáo hữu nói chung cũng gia nhập liên hiệp, tạo thành các đại đội, chọn ra đại úy, trung úy và thiếu úy theo luật mới. Bác Sĩ B. tới thăm ta và kể ta nghe những nỗi khổ cực và những công sức mà ông đã bỏ ra để làm mọi người yêu thích đạo luật cũng như nhận công về mình. Ta đã từng kiêu căng quy tất cả công trạng cho tác phẩm *Đối thoại của ta*. Tuy nhiên, không rõ liệu ông có đúng hay không, ta để ông tận hưởng quan điểm đó của mình, cái cách nhìn chung là hay nhất trong những trường hợp như vậy. Các sĩ quan họp lại chọn ta làm đại tá của trung đoàn và lần này ta nhận lời. Ta quên mất mình chỉ huy bao nhiêu đại đội nhưng chúng ta có khoảng 1.200 người lính chỉnh tề duyệt binh với một đại đội pháo binh được trang bị 6 khẩu pháo đồng dã chiến và họ sử dụng nó rất thành thạo với việc bắn được 12 phát trong vòng 1 phút. Lần đầu tiên ta duyệt binh quân đoàn, họ hộ tống ta về nhà và chào ta trước cửa bằng một vài loạt đạn khiến nhiều mảnh kiếng trong chiếc máy điện của ta bị rung và vỡ. Vinh dự mới này của ta cũng dễ vỡ không kém vì tất cả quân hàm của chúng ta không có giá trị sau khi bị Anh Quốc bằng một đạo luật.

Trong khoảng thời gian làm đại tá ngắn ngủi này của mình, khi chuẩn bị đi Virginia, những sĩ quan trong quân đoàn của ta cho rằng họ cần phải hộ tống ta ra khỏi thành phố ít nhất là đến

hết Lower Ferry. Ngay lúc ta vừa leo lên ngựa, khoảng 30 đến 40 sĩ quan tất cả đều mặc quân phục. Trước giờ ta chưa quen và thường né tránh chuyện hộ tống vì không thích tỏ ra kiêu căng trong những tình huống như thế này. Ta rất uể oải với cách ăn mặc của họ vì ta không thể từ chối chuyện họ đi theo ta được. Mọi việc còn tồi tệ hơn khi chúng ta bắt đầu khởi hành, họ rút kiếm ra và cầm kiếm suốt chặng đường đi. Người nào đó đã thấy và báo với viên địa chủ tư sản và việc này xúc phạm ông rất nhiều. Ông cũng như bất kỳ thống đốc nào dưới quyền ông trong vùng chưa bao giờ nhận được vinh dự này. Và ông nói rằng nó chỉ thích hợp với những hoàng thân có dòng máu vua chúa cái có thể đúng vì kiến thức của ta về thủ tục nghi lễ trong những tình huống này khá mù mờ này.

Tuy nhiên, vụ việc ngốc nghếch này tăng sự thù hằn trước đó đã không nhỏ của ông dành cho ta xuất phát từ hoạt động của ta trong Quốc Hội về luật miễn thuế cho điền trang của ông, cái mà ta luôn nhiệt tình phản đối đi đôi với việc chỉ trích gay gắt sự bủn xỉn và thiếu công bằng của đạo luật này. Ông buộc tội ta trước chính phủ nội các rằng ta cản trở ông phục vụ đức vua bằng cách dùng ảnh hưởng của mình lên Nghị Viện, ngăn không cho thông qua những dự luật huy động tiền hợp lý và ông lấy việc ta duyệt binh với các sĩ quan của mình như một bằng chứng về ý định ta tính đoạt lấy chính quyền của vùng bằng vũ lực. Ông cũng yêu cầu Ngài Everard Fawkener, Bộ Trưởng Bộ Bưu Điện cách chức ta nhưng yêu cầu này không thành, ngoại trừ làm Ngài Everard khiển trách ta nhẹ nhàng.

Bất chấp cuộc chiến giữa Thống đốc và Nghị Viện mà với tư cách một thành viên ta cũng tham gia vào rất nhiều, giữa ta và Thống đốc vẫn có một mối quan hệ rất lịch thiệp và chúng ta chưa từng có mâu thuẫn cá nhân nào. Ta đôi khi nghĩ rằng việc ông hầu như không giận ta chút nào dù biết rằng ta soạn ra những phản bác cho các thông điệp của ông là xuất phát từ thói quen nghề nghiệp vì ông vốn được truyền nghề luật sư, và do đó ông có thể chỉ xem hai chúng ta như những luật sư biện hộ cho những khách hàng khác nhau trong một vụ kiện, ông biện hộ cho những địa chủ tư sản còn ta cho Quốc Hội. Vì vậy, ông thỉnh thoảng thân mật mời ta đến để tư vấn cho ta một số việc khó khăn và thỉnh thoảng dù không thường xuyên nhận những lời khuyên của ta.

Chúng ta cùng phối hợp cung cấp quân lương cho lính của tướng Braddock. Khi nghe tin bại trận, Thống đốc vội vã gọi ta đến để thảo luận với ông về những giải pháp để phòng ngừa sự bỏ chạy của người dân ở các hạt hậu tuyến. Ta đã quên mình đưa ra lời khuyên gì nhưng ta nghĩ ta đã khuyên rằng nên viết thư cho Dunbar khuyên ông này nếu có thể bố trí quân của mình ở biên giới để phòng thủ cho đến khi nhận được quân chi viện từ các thuộc địa khác để ông có thể tiếp tục cuộc viễn chinh. Và sau khi ta trở về từ biên giới, ông có thể giao cho ta quyền tiến

hành cuộc viễn chinh bằng quân đội địa phương vì quân cùng với Dunbar và quân lính của ông này trong khi quân địch đã bị tiêu hao ở pháo đài Duquesne. Theo đó, ông đề nghị ủy nhiệm ta làm đại tướng. Ta chưa từng nghĩ mình có khả năng quân sự như ông ca ngợi và ta tin rằng với chuyên môn quân sự ông dư biết điều này. Nhưng chắc rằng ông nghĩ danh tiếng của ta sẽ giúp việc chiêu mộ lính và ảnh hưởng của ta trong Quốc Hội sẽ giúp có tiền chi trả cho quân đội mà có lẽ không phải đánh thuế điền trang của những người chủ. Cảm thấy bản thân mình không hào hứng tham dự sâu như ông mong đợi, ta từ chối đề nghị này và ông nhanh chóng rời khỏi chính phủ bị thay thế bằng Đại Úy Denny.

Trước khi kể về những sự việc liên quan đến công vụ của ta dưới sự điều hành của tân Thống đốc, có lẽ cần phải kể về căn nguyên và sự phát triển của danh tiếng trong lĩnh vực khoa học của ta.

Vào năm 1746, tại Boston, ta gặp Giáo Sư Spence người vừa trở về từ Scotland, ông này cho ta xem một số thí nghiệm điện. Các thí nghiệm này diễn ra không hoàn hảo cho lắm vì ông không thực sự thành thạo nhưng vì đề tài này khá mới mẻ với ta những thí nghiệm đó đều làm ta ngạc nhiên và thích thú. Ngay sau khi về Philadelphia, công ty thư viện của chúng ta nhận từ P. Collinson, Thành viên Hiệp Hội Hoàng Gia London, một chiếc ống thủy tinh với một các chỉ dẫn dùng nó cho một số thí nghiệm. Ta hào hứng nắm lấy cơ hội này để lặp lại cái mà ta đã thấy ở Boston. Và việc luyện tập giúp ta không chỉ có thể làm được những thí nghiệm đó mà còn làm một vài thí nghiệm mới khiến chúng ta được nước Anh để ý đến. Ta nói luyện tập nhiều vì có thời gian, nhà của ta luôn chật kín người đến để xem những điều kỳ diệu mới lạ.

Để chia bớt gánh nặng này cho các bạn của mình, ta làm những ống tương tự tại các nhà kính và họ đều có những ống này để cuối cùng có được vài người biểu diễn. Trong số những người bạn này, đứng đầu là Kinnersley, một người hàng xóm thông minh nhưng đang thất nghiệp, ta khuyến khích ông biểu diễn thí nghiệm để thu tiền và soạn thảo cho ông hai bài trình bày, trong đó những cuộc thí nghiệm được sắp xếp theo thứ tự mà thí nghiệm trước sẽ góp phần giải thích thí nghiệm sau. Ông mua một chiếc máy tuyệt đẹp cho mục đích đó còn tất cả những cái máy nhỏ hơn ta dùng cho bản thân mình đều được làm bởi những thợ sản xuất dụng cụ. Những màn trình diễn của ông được rất nhiều người xem và họ rất vừa ý. Sau đó một thời gian ông di chuyển sang các vùng thuộc địa khác biểu diễn ở tất cả các thành phố, thủ đô và kiếm được một số tiền. Ở đảo West India, thực tế rất khó để làm những thí nghiệm đó trong bầu không khí ẩm ướt.

Chịu ơn Collinson do đã gửi tặng chiếc ống kính…v.v, ta nghĩ chúng ta cần phải thông báo

cho ông thành công có được từ việc sử dụng nó và viết nhiều lá thư kể về những cuộc thí nghiệm chúng ta thực hiện. Ông đọc chúng trước Hiệp Hội Hoàng Gia nhưng những người này không nghĩ nó đáng chú ý đến mức cần phải in trong Báo cáo họp của họ. Ta gửi một bài nghiên cứu mà ta đã viết cho Kinnersley về sự giống nhau giữa sấm sét và điện đến Giáo Sư Mitchel, một người quen và cũng là một thành viên của Hiệp Hội. Ông trả lời ta rằng nó đã được đọc nhưng bị những chuyên gia cười nhạo. Tuy nhiên, bài nghiên cứu sau đó được đưa cho Giáo Sư Fothergill. Ông này cho rằng những bài viết này quá giá trị để bị bóp chết như vậy và đề nghị cho in chúng. Collinson gửi các bài viết đến Cave để xuất bản trên tạp chí *Gentlemen's Magazine* nhưng ông quyết định in riêng trong một cuốn chuyên đề và Giáo Sư Fothergill viết lời mở đầu cho cuốn sách đó. Có vẻ như Cave đã có quyết định đúng cho lợi nhuận của mình vì những phần thêm vào sau này buộc nó phải chuyển thành khổ 4, cuốn sách kể từ đó đến nay đã có 5 ấn bản, và việc này không tốn của Cave chút tiền bản thảo nào.

Tuy nhiên, phải mất một khoảng thời gian quyển chuyên đề này mới được chú ý đến ở Anh. Một quyển vô tình rơi vào tay Bá Tước vùng Buffon, một nhà khoa học có danh tiếng ở Pháp và thực tế là ở toàn Châu Âu. Ông thuyết phục Quý Ông Dalibard dịch sang tiếng Pháp và được in ở Paris. Cuốn sách đã xúc phạm đến Trưởng Tu Viện Nollet, thầy giáo môn khoa học tự nhiên của hoàng gia và là một nhà thực nghiệm tài năng, Người đã soạn và xuất bản một lý thuyết điện đang được công nhận rộng rãi lúc đó. Ban đầu, ông không thể tin được nghiên cứu đó đến từ Mỹ và tuyên bố rằng nó được các kẻ thù của ông ở Paris bịa đặt ra để hủy hoại lý thuyết của ông. Sau đó, khi được cam đoan rằng thực sự có một người tên Franklin ở Philadelphia tồn tại, ông viết và cho in một tuyển tập những bài viết chủ yếu là nhắm đến ta để bảo vệ lý thuyết của mình và phủ nhận giá trị cũng như quan điểm trong các thí nghiệm của ta.

Ta đã từng có ý muốn trả lời ông này và đã thực sự bắt đầu trả lời. Tuy nhiên, khi xét đến yếu tố những bài viết của ta chứa đựng mô tả các thí nghiệm mà bất kỳ ai cũng có thể làm và xác minh được và nếu không thể xác minh thì không thể bảo vệ được luận điểm. Bên cạnh đó, những quan sát có được từ phỏng đoán chứ không dựa trên nguyên tắc, do đó không bắt buộc ta phải bảo vệ nó. Ngoài ra, khi cân nhắc rằng sự tranh cãi giữa hai người viết bằng hai ngôn ngữ khác nhau sẽ kéo dài hơn vì bị dịch sai và do đó hiểu lầm ý nhau vì trước đó ta đã tìm thấy nhiều bài viết của ông chứa những lỗi chuyển ngữ, ta quyết định để những bài viết của ta tự biện hộ cho chúng và dùng thời gian rảnh rỗi của mình cho những chuyện từ công vụ đến làm các thí nghiệm mới tốt hơn là tranh cãi về những việc đã rồi. Do đó ta không bao giờ trả lời Nollet và hành động này đã không khiến ta phải hối hận khi bạn ta M. le Roy, thuộc Học Viện Khoa Học Hoàng Gia, dùng quan điểm của ta bác bỏ luận điểm của ông này. Cuốn sách của ta

được dịch sang tiếng Ý, Đức, và Latin và học thuyết trong đó dần được những nhà khoa học ở Châu Âu chấp nhận rộng rãi thay vì học thuyết của Nollet, do đó ông này tiếp tục sống chứng kiến mình là người duy nhất tin tưởng vào học thuyết của ông ngoại trừ Ngài B---- ở Paris người học trò và cũng là môn đệ thân cận của ông.

Điều khiến cuốn sách của ta đạt được danh tiếng rộng rãi và to lớn là sự thành công của một trong những thí nghiệm do ta đề xuất được thực hiện bởi Quý Ông Dalibard và De Lor ở Marly về việc thu sét từ những đám mây. Thí nghiệm này gây sự chú ý khắp nơi. Quý Ông De Lor, người có chiếc máy cho thí nghiệm khoa học và giảng dạy ngành điện học tiến hành làm lại cái ông gọi là Những Thí Nghiệm Philadelphia. Và sau khi chúng được biểu diễn trước đức vua và triều đình, tất cả những người tò mò ở Paris đều kéo đến xem. Ta không thổi phồng câu chuyện của thí nghiệm thu sét này cũng như về niềm vui bất tận ta nhận được trong thành công của một thí nghiệm tương tự ta làm ngay sau đó với một con diều ở Philadelphia vì cả hai câu chuyện này đều được ghi lại trong lịch sử của ngành điện học.

Giáo Sư Wright, một nhà vật lý học người Anh, khi đang ở Paris viết thư gửi người bạn của ông trong Hiệp Hội Hoàng Gia kể về giá trị những thí nghiệm của ta trong số các thí nghiệm ở nước ngoài và bày tỏ sự ngạc nhiên về việc những bài viết của ta không được chú ý nhiều ở Anh. Vì lý do này, Hiệp hội đã cân nhắc lại những bài viết của ta mà trước đó họ từng biết đến. Giáo Sư Watson soạn một bài tóm lược nội dung của chúng và tất cả sau đó được gửi sang Anh kèm theo một vài lời khen cho người viết. Bài tóm lược này được in trong Báo cáo họp của Hiệp hội. Và một vài thành viên của Hiệp hội ở London, đặc biệt là một người rất xuất chúng tên Canton, đã xác minh thí nghiệm đó bằng cách thu sét từ những đám mây bằng một cây roi nhọn đầu và báo cho Hiệp hội biết về thành công này, họ nhanh chóng thay đổi thái độ lạnh nhạt mà trước đó từng đối xử với ta. Dù ta không đòi hỏi phải nhận vinh danh gì, họ chọn ta làm thành viên của Hiệp hội và biểu quyết miễn giảm cho ta lệ phí thông thường, khoản tiền lên đến 25 Guinea và kể từ đó họ gửi cho ta Báo cáo họp của họ miễn phí. Họ còn trao tặng cho ta huy chương vàng của Ngài Godfrey Copley vào năm 1753 kèm theo bài phát biểu rất hào phóng mà ta được cao cả vinh danh bởi Chủ tịch của Hiệp Hội, Huân Tước Macclesfield.

Thống đốc mới của chúng ta, Đại Úy Denny, mang huy chương đó về cho ta từ Hiệp Hội Hoàng Gia và ông trao cho ta trong buổi chiêu đãi ông do thành phố tổ chức. Ông mang nó đến cho ta với phong thái rất lịch sự, thể hiện sự kính trọng dành cho ta và nói rằng ông đã hiểu rõ khả năng của ta từ lâu. Sau bữa tối, khi khách khứa như thường lệ lúc đó đang say sưa uống, ông dẫn ta đến một căn phòng khác và nói với ta rằng bạn của ông ở Anh khuyên ông nên làm bạn với ta như một người có khả năng cho ông những lời khuyên tốt nhất và đóng góp hiệu quả

nhất giúp công việc điều hành của ông dễ dàng. Do đó, ông mong muốn hiểu tất cả mọi thứ về ta và đề nghị ta hãy tin chắc vào thiện ý rằng ông sẽ giúp đỡ ta trong mọi trường hợp nếu nằm trong khả năng của mình. Ông cũng nói nhiều về các ý định tốt đẹp của những địa chủ tư sản đối với vùng, những lợi ích cho tất cả và cho ta nói riêng nếu sự phản đối lâu này đối với các giải pháp của ông được bãi bỏ và mối quan hệ giữa ông và Quốc Hội hòa hợp trở lại. Sẽ không ai có lợi từ việc này nhiều hơn ta và ta có thể mong chờ sự ghi nhận cũng như sự báo đáp xứng đáng…v.v. Không thấy chúng ta trở về bàn, những người đang say sưa gửi chúng ta một bình rượu Madeira. Thống đốc uống rất thoải mái và ngày càng hào phóng trong những khẩn nài cũng như lời hứa của mình.

Câu trả lời của ta là: nhờ ơn Chúa, ta ở trong hoàn cảnh không cần thiết nhận những ưu ái của những địa chủ tư sản và là một thành viên của Quốc Hội ta cũng không thể nhận bất kỳ ưu ái nào. Tuy nhiên, ta không có thù hằn cá nhân nào với họ và nếu những giải pháp mà ông đề nghị có ích cho người dân, sẽ không ai ủng hộ và tiến hành những giải pháp đó nhiệt tình hơn ta. Những sự phản đối trong quá khứ của ta xuất phát từ quan điểm rằng những giải pháp được nêu ra đó rõ ràng nhằm phục vụ cho lợi ích của địa chủ tư sản và gây hại đến lợi ích của người dân. Và rằng ta rất biết ơn ông (Thống đốc) vì những nhận xét tốt dành cho ta và ta sẽ làm tất cả trong khả năng của mình để giúp công việc điều hành của ông diễn ra suôn sẻ nhất có thể nhưng cũng hy vọng rằng ông không phải gánh những chỉ thị bất hạnh như người tiền nhiệm của mình đã từng bị vướng vào.

Lúc đó, ông không nhắc về chuyện này. Nhưng sau đó khi làm việc với Quốc Hội, tình trạng cũ lại tái diễn, những tranh cãi lại bắt đầu và ta lại tích cực như trước trong những phản đối trong vai trò người viết văn bản được yêu cầu soạn ra thông báo về các chỉ thị và những phê bình dành cho chúng, cái có thể được tìm thấy trong các kết quả bỏ phiếu vào thời điểm đó và trên tạp chí *Historical Review*. Tuy nhiên, giữa chúng ta không nảy sinh thù hằn cá nhân nào. Chúng ta thường gặp nhau. Ông là một nhà văn có trải nghiệm nhiều về thế giới và nói chuyện rất thú vị cũng như dễ nghe. Ông là người đầu tiên cho ta biết người bạn cũ Jas. Ralph của ta vẫn còn sống. Cậu trở thành một trong những tác giả chính trị nổi tiếng nhất Anh đã tham gia vào tranh luận giữa hoàng tử Frederic và đức vua, được nhận khoản tiền trợ cấp 300 một năm. Và dù rằng tên tuổi văn chương của cậu không nổi lắm khi bị nhà thơ Pope phê bình trong trong tuyển tập trào phúng Dunciad nhưng khả năng viết văn xuôi của cậu vẫn được đánh giá cao hơn bất kỳ người khác.

Cuối cùng, do các địa chủ tư sản vẫn ngoan cố bắt những người đại diện của mình phải làm theo, các chỉ thị mâu thuẫn không chỉ với quyền lợi của người dân mà còn mẫu thuẫn với lợi

ích của đức vua, Quốc Hội quyết định thỉnh cầu đức vua chống lại những người này và bổ nhiệm ta làm đại diện đi sang Anh để trình bày và vận động thỉnh cầu này. Nghị Viện soạn ra một dự luật gửi Thống đốc xin cấp một khoản tiền 60.000 Bảng để sử dụng phục vụ đức vua (10.000 Bảng theo lệnh của Huân Tước Loudoun người sau đó trở thành đại tướng) cái mà Thống đốc hoàn toàn bác bỏ vì phải tuân theo những chỉ thị.

Trong lúc gặp nhau ở New York, ta đã đồng ý với Đại Úy Morris về chiếc tàu ở bến New York mà ta sẽ khởi hành trên đó và đồ đạc của ta được chất lên tàu. Lúc đó, Huân Tước Loundoun đến Philadelphia, theo như ông nói riêng với ta là, để nỗ lực dàn xếp mối quan hệ giữa Thống đốc và Quốc Hội vì rằng sự phục vụ cho đức vua không thể bị cản trở bởi mối bất hòa giữa họ. Vì lý do đó, ông muốn ta và Thống đốc tới gặp ông để ông nghe hai bên nói gì. Chúng ta gặp vào thảo luận. Đại diện cho Quốc Hội, ta nêu ra tất cả quan điểm khác nhau trong những bài viết liên quan đến những vấn đề công mà ta đã cho viết và in ra cùng với báo cáo họp của Quốc Hội. Thống đốc bảo vệ mình bằng những chỉ thị của các địa chủ tư sản, bằng giao kèo mà ông đã ký với họ và những hậu quả xấu nếu ông không nghe theo, họ sẵn sàng gây nguy hiểm cho ông ngay cả khi được Huân Tước Loundoun bảo vệ. Huân Tước không làm điều đó dù ta từng nghĩ ta đã tiến rất gần tới việc thuyết phục ông thành công nhưng cuối cùng ông thà chọn cách ép Quốc Hội phải ưng thuận và ông thuyết phục ta cố gắng giúp ông làm việc đó với tuyên bố rằng ông sẽ không dành bất kỳ người lính nào của đức vua cho việc phòng thủ biên giới và nếu chúng ta không tiếp tục chi trả cho việc phòng thủ chúng ta sẽ gặp nguy trước quân địch.

Ta thông báo cho Nghị Viện nội dung trao đổi đó và trình bày trước họ những nghị quyết ta đã soạn ra trước tuyên bố quyền của chúng ta và rằng chúng ta sẽ không từ bỏ việc khẳng định những quyền này mà chỉ tạm ngừng thực thi chúng vì chịu áp bức bằng vũ lực cái mà chúng ta phản đối. Sau đó một thời gian, Nghị Viện đồng ý hủy bỏ dự luật và soạn ra một dự luật mới phù hợp với yêu cầu của giới địa chủ tư sản. Tất nhiên, Thống đốc chấp thuận dự luật này và ta được phép khởi hành chuyến đi của mình. Nhưng trước đó chiếc tàu đã khởi hành khiến ta bị thiệt hại và sự bù đắp duy nhất là lời cảm ơn đã giúp đỡ từ Huân Tước còn tất cả công lao của việc này đều được ghi cho ông.

Ông đã rời khỏi New York trước ta. Và vì thời điểm tàu khởi hành đi là do ông quyết định và vẫn còn chiếc ở lại mà theo lời ông một trong hai chiếc tàu đó sẽ nhanh chóng khởi hành, ta yêu cầu được biết thời gian chính xác để ta không bị hụt chuyến tàu do đến trễ. Câu trả lời của ông này là, “Tôi đã thông báo rằng tàu sẽ khởi hành vào Thứ Bảy tuần sau nhưng tôi có thể cho ngài biết, chỉ giữa chúng ta thôi nhé, rằng nếu ngài tới vào sáng Thứ Hai, ngài sẽ vẫn kịp tàu nhưng đừng trễ hơn.” Nhưng vì một số vấn đề ngẫu nhiên ở bến phà, ta đến đó vào trưa Thứ

Hai và rất sợ rằng chiếc thuyền đã rời bến rồi vì khi đó gió khá tốt. Nhưng ta nhanh chóng thoát khỏi lo lắng khi nghe tin nó vẫn còn ở bến cảng và sẽ không đi cho đến hôm sau. Người ta có thể nghĩ rằng đây là lúc ta chuẩn bị khởi hành sang Châu Âu. Ta cũng nghĩ vậy nhưng chỉ vì lúc đó ta không hiểu rõ tính cách của Huân Tước và tính thiếu quyết đoán là một trong những tính cách mạnh nhất của ông này. Ta sẽ đưa ra một vài ví dụ. Đó là vào khoảng đầu tháng Tư khi ta đến New York và chúng ta bắt đầu rời cảng vào cuối tháng Sáu. Có hai chiếc thuyền chở hàng đã đậu rất lâu ở cảng nhưng không thể đi do còn chờ những lá thư lúc nào cũng trong trạng thái "ngày mai tới" của Đại tướng. Một chiếc thuyền nữa tới, nó cũng bị giữ lại, và trước khi chúng ta khởi hành chiếc thứ tư bị giữ lại. Chiếc thuyền của chúng ta là chiếc đầu tiên rời cảng vì là chiếc ở lại lâu nhất. Tất cả hành khách đều chờ đợi. Một vài người cực kỳ nóng lòng muốn khởi hành và những thương gia cảm thấy rất bực tức với những lá thư và những lệnh mua bảo hiểm cho hàng hóa bị hư hại (lúc đó đang là thời chiến)! Nhưng sự căng thẳng của họ không mang lại kết quả gì, những lá thư của Huân Tước vẫn chưa sẵn sàng nhưng ai chờ ông cũng đều nghe nói rằng ông luôn ngồi trên bàn làm việc với cây bút trên tay và kết luận rằng chắc hẳn ông đang viết rất chăm chỉ.

Đến thăm ông vào một buổi sáng nọ, ta gặp trong phòng chờ một người tên Innis, người đưa thư từ Philadelphia đem đến một lá thư hỏa tốc và một gói hàng từ Thống đốc Denny gửi cho Đại tướng. Anh này giao cho ta một vài lá thư từ bạn ta ở Philadelphia và nhân dịp đó ta hỏi khi nào anh ta trở về cũng như đang ở đâu để ta nhờ gửi một vài lá thư. Anh nói với ta rằng anh được lệnh đến nhận hồi âm của Đại tướng cho Thống đốc vào sáng mai lúc 9 giờ và sẽ khởi hành sau đó ngay lập tức. Ta đưa cho anh chàng này những lá thư vào hôm sau. Hai tuần sau đó ta gặp lại anh này cũng ở chỗ cũ. " Cậu về sớm thế Innis?" "Về à! Không, tôi còn chưa đi nữa." "Sao vậy?" "Tôi được gọi tới đây chờ thư của Đại tướng mỗi sáng trong hai tuần qua và giờ nó vẫn chưa xong nữa." "Có thật không, ông ấy viết giỏi lắm mà? Vì tôi thấy ông ấy luôn ngồi ở bàn viết." "Phải đấy," Innis nói, "nhưng ông ấy giống tượng thánh George vậy, lúc nào cũng ngồi trên ngựa nhưng không bao giờ cưỡi!" Sự quan sát của chàng trai đưa thư này có vẻ như rất có cơ sở vì ở Anh ta biết rằng Pitt đưa ra sự việc này như một lý do để thay Đại tướng bằng hai tướng Amherst và Wolfe vì nội các không bao giờ nghe tin tức gì từ tướng Loundoun và không biết ông đang làm gì.

Do ngày nào cũng phải chờ và cả 3 chiếc thuyền đều di chuyển xuống Sandy Hook để nhập hội với đội thuyền ở đó, các hành khách nghĩ rằng tốt nhất là ở trên tàu vì sợ con tàu sẽ được lệnh khởi hành đột ngột bỏ họ ở lại. Chúng ta ở đó, nếu ta nhớ không lầm, là khoảng 6 tuần sử dụng hết thức ăn dự trữ và buộc phải mua thêm. Cuối cùng chiếc thuyền cũng khởi hành cùng

Đại tướng và tất cả binh lính của ông hướng về phía Louisburg với ý định vây chiếm pháo đài đó. Tất cả thuyền trong đội được lệnh theo hộ tống tàu của Đại tướng để sẵn sàng nhận thư đại tướng gửi đi khi nó được chuẩn bị xong. Chúng ta đã đi theo 5 ngày trước khi nhận một lá thư để tách ra khỏi đoàn và con thuyền của chúng ta rời khỏi đội thuyền chuyển hướng sang Anh. Hai chiếc thuyền còn lại vẫn theo đại tướng đến Halifax nơi ông dừng lại một khoảng thời gian để tập trận đánh pháo đài giả sau đó đổi ý không đánh chiếm Louisburg nữa và trở về New York với tất cả lính cùng với hai chiếc thuyền kể trên cùng tất cả hành khách! Trong lúc ông đi vắng, lính Pháp và da đỏ đã chiếm pháo đài George nằm ở biên giới, người da đỏ đã thảm sát rất nhiều đơn vị đồn trú ra đầu hàng.

Sau đó, ta gặp Thuyền Trưởng Bonnell, người chỉ huy một trong những chiếc thuyền đó ở London. Ông kể ta nghe rằng khi thuyền ông bị giữ lại khoảng 1 tháng, ông báo với Đại tướng rằng thuyền của ông đã bị nhiễm rêu ở đáy tàu đến mức không thể tiếp tục đi nữa, một lỗi rất nghiêm trọng và yêu cầu Đại tướng cho ông thời gian lật chiếc thuyền ra dọn sạch đáy. Đại tướng hỏi cần khoảng bao nhiêu thời gian. Ông trả lời 3 ngày. Đại tướng trả lời, "Nếu ông có thể làm việc đó trong một ngày, tôi sẽ cho phép còn lại thì không vì hầu như chắc chắn ông sẽ phải khởi hành vào ngày mốt." Do đó, vị thuyền trưởng này không nhận được sự chấp thuận từ Đại tướng dù rằng chiếc thuyền bị giữ lại đó ngày qua ngày trong tròn 3 tháng.

Ta cũng gặp một hành khách của Bonnell ở London người rất giận dữ với Huân Tước vì đã lừa và giữ ông này lại New York quá lâu sau đó dẫn ông đến Halifax rồi lại quay trở lại đến nỗi ông đòi kiện Huân Tước vì những thiệt hại của mình. Ông có kiện hay không ta không nghe nói nhưng vụ kiện đó sẽ rất đáng để cân nhắc nếu ông dựa vào những thiệt hại của mình để khởi kiện.

Nhìn chung, ta tự hỏi vì sao người như vậy lại được giao nhiệm vụ quan trọng chỉ huy một đội quân. Nhưng do đã trải nghiệm rất nhiều về thế giới, thấy những cách giành và những động cơ cho việc bổ nhiệm các vị trí, sự ngạc nhiên của ta giảm dần. Đại tướng Shirley, người nắm quyền chỉ huy sau khi tướng Braddock qua đời, theo ý kiến của ta nếu tiếp tục đảm nhiệm sẽ điều hành chiến dịch tốt hơn Loundoun vào năm 1757, một chiến dịch vô tích sự, tốn kém và ô nhục không thể tưởng cho đất nước này. Dù rằng Shirley không phải lính nhà nòi, bản thân ông là người hiểu chuyện, khôn ngoan, chú ý đến những lời khuyên tốt từ những người khác, có khả năng vạch ra những kế hoạch thận trọng, nhanh chóng và hữu hiệu trong việc đưa những kế hoạch đó vào thực thi. Loundoun, thay vì bảo vệ những vùng thuộc địa với quân đội hùng hậu của mình, lại bỏ ngỏ các lãnh thổ đó trong khi ông hành quân vẩn vơ ở Halifax khiến pháo đài George bị thất thủ. Ngoài ra, ông còn quấy nhiễu tất cả các hoạt động buôn bán và cản trở mậu

dịch bằng một lệnh cấm vận lương thực dài ngày với lý do tránh để quân địch chiếm được nguồn tiếp tế nhưng thực tế là để giúp những chủ thầu đè giá và có lẽ ông cũng có phần chia sẻ trong lợi nhuận của những người này. Và sau đó khi lệnh cấm vận được dỡ bỏ, do không chịu nhận nhiệm vụ gửi thông báo này đến Charlestown, đội thuyền của Carolina bị giữ lại trong vòng gần 3 tháng khiến đáy thuyền bị sâu bọ làm hư hỏng nặng làm rất nhiều chiếc bị đắm trên đường về nhà .

Shirley, ta tin rằng, thật lòng rất mừng khi trút bỏ được nhiệm vụ nặng nề là bắt một người không hiểu biết nhiều về quân sự như ông điều hành một đội quân đó. Ta đã ở buổi chiêu đãi do thành phố New York tổ chức cho Huân Tước Loundoun khi ông nhận quyền chỉ huy từ Shirley. Có rất nhiều người bao gồm các sĩ quan, cư dân, người lạ và do đó vài cái ghế ở khu dân cư xung quanh được mượn dùng. Có một cái ghế rất thấp rơi đúng vào chỗ Shirley ngồi. Thấy điều đó, ngồi bên cạnh ông, ta nói, “Họ cho ngài cái ghế quá thấp thưa ngài.” “Không sao cả,” ông nói, “Franklin à, tôi thấy ngồi ghế thấp dễ chịu nhất.”

Trong khi bị kẹt lại New York như đã kể ở trên, ta nhận được tất cả kê khai tiền thanh toán mua lương thực mà ta đã ứng trước cho tướng Braddock. Một vài khoản trong đó ta không thể nhận được sớm hơn từ những người ta đã thuê làm việc. Ta trình lên Huân Tước Loundoun xin được chi trả. Ông yêu cầu các khoản kê khai này được thẩm định như thường lệ bởi một sĩ quan. Người này sau khi kiểm tra tất cả các vật phẩm với phiếu mua hàng xác nhận tất cả đều đúng, bao gồm cả khoản tiền Huân Tước phải trả cho ta bằng lệnh chi cho người phát lương. Tuy nhiên, việc chi trả lúc này hay lúc khác bị hoãn lại và dù ta thường đến đòi tiền nhưng ta vẫn không nhận được. Lâu sau đó, ngay trước khi ta khởi hành, ông nói với ta rằng, sau khi cân nhắc kỹ lại, ông quyết định không nhập nhằng giữa tài khoản của ông với người tiền nhiệm. “Và ngài,” ông nói, “Khi tới Anh, chỉ phải trình những bảng kê khai này cho kho bạc và sẽ nhận được tiền ngay lập tức.”

Ta nhắc nhưng không có kết quả gì về những khoản phí tổn lớn và không mong đợi mà ta phải chịu do bị giữ lại ở New York như lý do khiến ta muốn được trả tiền ngay và theo suy nghĩ của ta việc gây nhiều rắc rối và trì hoãn hơn nữa với việc trả khoản tiền mà ta đã ứng trước là không đúng vì ta đã không tính tiền cho nhiệm vụ của mình rồi. “Ồ, thưa ngài,” ông nói, “Ngài đừng cố thuyết phục chúng tôi rằng ngài không được gì. Chúng tôi hiểu rõ những việc này hơn và biết rằng bất kỳ ai cố gắng cung ứng cho quân đội đều tìm cách bỏ đầy túi riêng của mình.” Ta cam đoan với ông rằng ta không làm vậy và rằng ta không bỏ túi riêng một xu nào nhưng rõ ràng là ông không tin ta và thực tế từ đó ta học được bài học rằng những khoản tiền kếch xù có thể được kiếm từ những công việc như vậy. Về khoản tiền của ta, ta không nhận được nó cho

đến ngày mà ta sẽ kể dưới đây.

Thuyền trưởng của chúng ta đã khoe khoang rất nhiều trước khi chúng ta khởi hành về tốc độ của chiếc thuyền. Thật không may, khi ra biển, nó lại cho mọi người thấy đây là chiếc thuyền chậm nhất trong số chín mươi sáu chiếc cùng với nỗi hổ thẹn của thuyền trưởng. Sau rất nhiều phỏng đoán về nguyên nhân, khi chúng ta đang đi gần một chiếc thuyền khác cũng chậm ngang ngửa nhưng cũng còn nhanh hơn chúng ta, thuyền trưởng ra lệnh tất cả mọi người di chuyển về đuôi tàu và đứng gần nhân viên cờ hiệu có thể. Chúng ta có khoảng 40 hành khách. Khi chúng ta đứng đó, chiếc thuyền tăng tốc và nhanh chóng bỏ chiếc thuyền kia đằng sau. Vậy đã xác minh rõ ràng sự nghi ngờ của thuyền trưởng rằng chiếc thuyền chứa quá nhiều ở phần đầu. Những thùng tô nô đựng nước có vẻ như tất cả đều được đặt ở phần đầu. Thuyền trưởng ra lệnh dời những chiếc thùng này xuống phía đuôi và chiếc thuyền đã lấy lại tốc độ trước đó của nó, nó chứng tỏ là chiếc nhanh nhất trong đoàn thuyền.

Thuyền trưởng nói rằng chiếc thuyền từng chạy với vận tốc 13 hải lý/giờ (khoảng 13 dặm một giờ). Chúng ta có một hành khách trên thuyền, Đại Uý hải quân Kennedy người cho rằng việc đó là không thể và rằng chưa có chiếc thuyền nào từng chạy nhanh như thế và rằng chắc hẳn có gì sai trong chia vạch của thước dây gỗ (log-line) hay có có sai lầm gì đó trong việc thả khối gỗ. Hai thuyền trưởng đánh cược với nhau để xác định ai đúng khi gió đủ lớn. Theo đó, Kennedy thẩm định kỹ càng thước dây gỗ và hài lòng, ông quyết định tự mình thả nó xuống. Theo sau đó vài ngày, khi cơn gió thổi rất mạnh và trong lành, và thuyền trưởng, Lutwidge, nói ông tin rằng chiếc thuyền đang chạy với tốc độ 13 hải lý/giờ, Kennedy kiểm tra và thua cược.

Ta kể sự kiện trên là để giải thích việc quan sát dưới đây. Nó được ghi nhận lại là một khuyết điểm của kỹ thuật đóng thuyền rằng không thể biết được một chiếc thuyền sẽ chạy nhanh hay chạy chậm trừ phi thử nó vì một chiếc thuyền mới được đóng dựa theo chính xác mô hình của một chiếc thuyền chạy nhanh cũng đã chứng minh nó có thể ngược lại, chạy cực kỳ chậm. Ta cho rằng việc này một phần xuất phát từ những quan niệm khác nhau của những người đi biển về quy cách chất hàng hóa, sắp xếp các thiết bị và điều khiển một chiếc thuyền. Mỗi chiếc thuyền có hệ thống riêng của nó và cùng một chiếc thuyền được chất đầy hàng hóa theo mệnh lệnh và quyết định của thuyền trưởng sẽ chạy nhanh hơn hay chậm hơn khi được chỉ huy bằng mệnh lệnh của một thuyền trưởng khác. Ngoài ra, hiếm có chuyện một chiếc thuyền được đóng, được dùng và được chỉ huy bởi cùng một người. Một người đóng thân thuyền, một người khác bố trí các thiết bị trên thuyền và một người khác nữa chất hàng hóa và vận hành nó. Không ai trong số những người này có cơ hội biết những ý tưởng và kinh nghiệm của những người còn lại và do đó không thể rút ra kết luận dựa trên sự kết hợp tổng thể.

Thậm chí với một hoạt động rất đơn giản là vận hành chiếc thuyền trên biển, ta cũng từng thấy nhiều quyết định khác nhau của nhiều sĩ quan những người cùng làm một việc là chỉ huy các ca trực trong cùng một điều kiện gió. Có người sẽ điều chỉnh những cánh buồm thông minh hơn hay đẹp mắt hơn những người khác, do đó công việc này có vẻ như không có một quy luật nào để vận hành. Nhưng ta vẫn có một số thí nghiệm có thể được thực hiện trước để xác định hình thù phù hợp nhất cho thân tàu có thể chạy nhanh. Tiếp theo đó, xác định kích thước và chỗ phù hợp nhất để đặt cột buồm, sau đó là hình dạng số lượng những cánh buồm và vị trí của chúng để có thể bắt đúng gió. Cuối cùng, là việc bố trí hàng hoá trên tàu. Đây là thời đại của những thí nghiệm và ta nghĩ rằng một tập hợp các thí nghiệm được thực hiện chính xác và tổng hợp lại sẽ rất có ích. Do đó, ta tin rằng không bao lâu nữa sẽ có một nhà khoa học tài năng nào đó thực hiện việc này và ta chúc người đó thành công.

Chúng ta bị thách thức rất nhiều lần trong chuyến hành trình nhưng vẫn chạy nhanh hơn tất cả các chiếc thuyền còn lại trong 30 ngày trên biển. Chúng ta có một tầm quan sát tốt và thuyền trưởng cho rằng chiếc thuyền đã đến gần cảng Falmouth đến nỗi nếu chúng ta di chuyển tốt trong đêm đó, chúng ta có thể đến được lối vào cảng vào buổi sáng và có vẻ như chạy trong đêm sẽ thoát khỏi sự chú ý của những chiếc tàu lùng phía địch, những chiếc tàu thường neo gần lối vào eo biển. Theo đó, tất cả các cánh buồm mà chúng ta có đều được dựng lên và gió thổi rất mát và mạnh. Chúng ta đi trước nó và chạy rất nhanh. Thuyền trưởng sau khi quan sát ra lệnh cho thuyền di chuyển băng ngang cách xa khỏi Scilly Isles. Nhưng có vẻ như khu vực đó đôi khi có luồng nước hút tạo thành eo biển St George thường lừa những người đi biển và đã từng khiến đội tàu của ngài Cloudesley Shovel bị thiệt hại. Luồng nước hút này chắc là nguyên nhân cho chuyện xảy ra với chúng ta dưới đây.

Chúng ta có một người gác đứng ở mũi tàu, người mà họ thường gọi vọng ra, "Nhìn cho kỹ phía trước đó," và anh này thường trả lời, "Ay ay;" nhưng có lẽ lúc này mắt anh chàng này đang nhắm nghiền và đang lim dim ngủ. Những người như vậy thường trả lời một cách máy móc vì anh chàng này không thấy ánh sáng ngay trước mũi thuyền mà người giữ bánh lái tàu và những người gác còn lại không thể thấy do bị buồm phụ che. Tuy vậy, việc tàu đi chệch hướng vô tình bị phát hiện và gây ra tình trạng báo động vì chúng ta đã đến rất gần nó, cái ánh sáng mà ta thấy to như cái bánh xe chở hàng. Đó là lúc nửa đêm và thuyền trường đang ngủ say nhưng Đại Uý Kennedy nhảy lên boong tàu, thấy nguy hiểm và ra lệnh quay chiếc thuyền lại dựng tất cả buồm lên, một thao tác nguy hiểm cho những cột buồm nhưng nó giúp chúng ta tránh được va chạm thoát khỏi một nguy cơ đắm tàu vì chúng ta đang chạy thẳng tới bờ đá mà ngọn hải đăng nằm trên đó. Thoát nạn này cho ta ấn tượng rất mạnh về sự hữu ích của những

ngọn hải đăng và khiến ta quyết định sẽ xây thêm nhiều hải đăng nữa ở Mỹ nếu ta còn sống trở về đó.

Vào buổi sáng, ta biết mình đang gần bến cảng từ những âm thanh, v.v… nhưng một lớp sương mù dày đã che khuất đất liền khỏi tầm mắt của chúng ta. Khoảng 9 giờ, sương mù bắt đầu bay lên như được kéo lên từ mặt nước, như chiếc rèm trong rạp kịch để lộ ra bên dưới thị trấn Falmouth, những chiếc tàu trên bến cảng và những cánh đồng xung quanh đó. Đây là cảnh tượng dễ chịu nhất với những người đã lâu không được thấy gì khác ngoài mặt biển trống rỗng và chúng ta còn vui mừng hơn vì đã thoát khỏi nỗi căng thẳng phải đương đầu với chiến tranh.

Ta ngay lập tức khởi hành đến London cùng con trai ta chỉ dừng lại một chút để tham quan bãi đá Stonehenge ở Salisbury Plain, những ngôi nhà và khu vườn của Huân Tước Pembroke với những món đồ cổ rất thú vị ở Wilton. Chúng ta đến London ngày 27 tháng 7 năm 1757.

Ngay sau khi ổn định chỗ ở nơi Charles cung cấp cho ta, ta đến thăm Giáo Sư Fothergill người ta được tiến cử và khuyên cần phải nhận những lời tư vấn cho nhiệm vụ của mình. Ông không đồng ý chuyện gửi ngay một thỉnh cầu phàn nàn đến Chính phủ và cho rằng nên làm việc với những người địa chủ tư sản trước vì những người có thể chấp thuận với vấn đề này một cách thân thiện hơn do bị những người bạn thân cảm hóa bằng sự phản đối hay thuyết phục. Sau đó, ta đến gặp người bạn cũ thường xuyên trao đổi thư từ của ta tên Peter Collinson, người nói với ta rằng John Hanbury, một thương gia có cỡ của Virginia đã yêu cầu được báo tin khi ta đến để dẫn ta đến nhà Huân Tước Granville, Chủ Tịch Hội Đồng người muốn gặp ta càng sớm càng tốt. Sáng hôm sau, ta đồng ý đi theo ông. Theo đó, Hanbury gọi và chở ta trên chiếc ngựa của ông đến nhà vị huân tước kia. Ông này đón tiếp ta rất lịch sự và sau một vài câu hỏi về tình hình ở Mỹ cũng như những tham luận trước đó, ông nói với ta: “Những người Mỹ các ngài đang có suy nghĩ sai lầm về bản chất hiến pháp của đất nước ngài. Các ngài nghĩ rằng những chỉ thị của nhà vua với Thống đốc không phải là luật và nghĩ rằng các ngài có thể tự do quan tâm hay không quan tâm tuỳ theo ý mình. Nhưng những chỉ thị này không giống những chỉ dẫn bỏ túi trao cho một Bộ trưởng ra nước ngoài để ông này điều chỉnh hành vi cử chỉ của mình trong một buổi lễ vặt vãnh. Những chỉ thị đó ban đầu được soạn ra bởi những người nắm rất rõ luật. Sau đó, chúng được cân nhắc, tranh luận và có lẽ được Quốc Hội chỉnh sửa và cuối cùng được đức vua ký. Do đó, nó là luật với các ngài vì đức vua là NHÀ LẬP PHÁP CỦA CÁC QUỐC GIA THUỘC ĐỊA.” Ta nói với Huân Tước rằng đây là một học thuyết mới với ta. Ta luôn hiểu theo hiến pháp của chúng ta rằng luật được làm bởi Quốc Hội của chúng ta sau đó được trình lên đức vua để thông qua nhưng một khi đã trình lên thì đức vua không thể bãi bỏ hay chỉnh sửa nó được. Và vì Quốc Hội của chúng ta không thể thông qua những điều luật có tính chất lâu dài

nếu thiếu sự đồng ý của đức vua, ngài cũng không thể nếu thiếu họ. Ông cam đoan rằng ta hoàn toàn sai lầm. Tuy nhiên, ta không nghĩ vậy và cuộc trò chuyện với huân tước đã cảnh báo ta đôi chút về những ý định của triều đình với chúng ta, do đó ta viết ngay những thông tin này khi trở về nơi ở của mình. Ta nhớ lại khoảng 20 năm về trước có điều khoản trong một dự luật trình lên Nghị Viện Anh bởi chính phủ nội các đã đề xuất thông qua việc những chỉ thị của đức vua sẽ thành luật ở các thuộc địa nhưng điều khoản này bị Hạ Viện bác bỏ do đó chúng ta quý họ như những người bạn của chúng ta và những người bạn của tự do cho đến khi thông qua hành động của họ với chúng ta năm 1756 có vẻ như họ từ chối trao cho đức vua quyền tối cao trước đó chỉ để giữ nó lại cho bản thân họ.

Sau đó vài ngày, Giáo Sư Fothergill khi nói chuyện với những địa chủ tư sản đã đồng gặp ta tại nhà của T. Penn ở Spring Garden. Cuộc trò chuyện bắt đầu với những tuyên bố của hai bên về thiên hướng tiến đến thoả thuận hợp lý nhưng ta cho rằng mỗi bên có quan niệm riêng của mình về cái được cho là hợp lý. Sau đó, chúng ta đi đến cân nhắc rất nhiều điểm trong khiếu nại mà ta liệt kê ra. Những địa chủ tư sản cố gắng biện hộ cho những hành động của mình còn ta đứng về phía Quốc Hội. Giờ đây, các quan điểm của chúng ta đã cách xa nhau đến nỗi làm chán nản tất cả những hy vọng có được thoả thuận. Tuy nhiên, kết luận cuối cùng là ta nên đưa ra những điểm chung trong khiếu nại bằng văn bản và họ hứa sẽ cân nhắc nó. Ta nhanh chóng làm điều đó nhưng họ lại đưa văn bản này cho cố vấn pháp luật của mình, Ferdinand John Paris, người quản lý tất cả những vấn đề của các địa chủ tư sản trong vụ kiện lớn với một tay chủ tư sản của Maryland, Huân Tước Baltimore, kéo dài trong 70 năm và vị cố vấn pháp luật này đã soạn ra tất cả văn bản và thông điệp để tranh luận với Quốc Hội. Ông này là một người kiêu ngạo và hung dữ và vì ta thỉnh thoảng đại diện cho Quốc Hội phản bác nghiêm khắc những văn bản của ông do chúng thực sự rất kém lý lẽ và ngạo mạn trong cách thể hiện, ông đã xem ta như một kẻ thù suốt đời, điều có thể nhận ra trong mỗi lần chúng ta gặp nhau. Ta từ chối đề xuất của giới địa chủ tư sản rằng ta và ông này sẽ thảo luận về những điểm chính trong khiếu nại giữa hai chúng ta và từ chối làm việc với bất kỳ ai ngoại trừ chính bọn họ. Sau đó, nghe theo tư vấn của vị luật sư, họ chuyển văn kiện cho Bộ Tư Pháp để cơ quan này cho ý kiến tư vấn và nó nằm đó không kết quả gì chỉ thiếu 1 năm có 8 ngày. Trong khoảng thời gian đó, ta thường xuyên yêu cầu câu trả lời từ những địa chủ tư sản nhưng không nhận được gì ngoài câu trả lời họ chưa nhận được ý kiến gì từ Bộ Tư Pháp. Ta không biết họ nhận được câu trả lời như thế nào vì họ không nói ta nghe nhưng họ gửi một thông điệp dài được soạn và ký bởi Paris đến Quốc Hội có nhắc đến văn kiện của ta và phàn nàn rằng nó thiếu sự trang trọng vì văn kiện của ta viết rất thô lỗ và đưa ra một lời bào chữa nông cạn cho hành động của mình cũng như nói thêm rằng họ sẽ sẵn lòng thỏa thuận với những điều kiện này nếu Quốc Hội cử ra một

người không thiên vị thương lượng dàn xếp với họ gợi ý rằng ta không phải là người thích hợp cho việc đó.

Sự cần thiết có tính trang trọng hay thô lỗ chắc xuất phát từ việc văn kiện ta gửi cho họ không có những tiêu đề như *Những Địa Chủ Tư Sản Thật Sự và Tuyệt Đối* của Pennsylvania cái mà ta đã bỏ vì nghĩ không cần thiết trong văn kiện vì mục tiêu của nó chỉ là làm rõ những vấn đề đã trao đổi miệng thông qua văn bản.

Nhưng trong lúc chậm trễ này, Quốc Hội đã thuyết phục được Thống đốc Denny thông qua một đạo luật đánh thuế điền sản của địa chủ tư sản tương tự như đánh thuế điền sản của người dân thường, điểm chính yếu của cuộc tranh luận mà họ đã từ chối trả lời.

Tuy nhiên, khi đạo luật này qua đến Anh, những địa chủ tư sản được tư vấn bởi Paris quyết tâm phản đối việc hoàng gia chấp thuận nó. Theo đó, họ đệ đơn kiến nghị đức vua trong cuộc họp của Hội Đồng và một phiên xử được diễn ra giữa hai luật sư đại diện phe chống đạo luật và hai luật sư theo phe ta ủng hộ nó. Họ phản biện rằng đạo luật nhằm mục đích đánh thuế điền trang của những địa chủ tư sản để cứu điền trang của những người dân và rằng nếu nó được đưa vào thực thi và giới địa chủ tư sản vốn đã bị người dân căm ghét sẽ mất đi phần ân huệ còn lại từ việc giảm thu thuế, do đó họ chắc chắn sẽ rất khó khăn. Chúng ta phản biện rằng đạo luật này không hề có mục đích và sẽ không tạo hiệu ứng như vậy. Rằng những thành viên hội thẩm rất trung thực và thận trọng khi đưa ra tuyên thệ sẽ thẩm định công bằng và thẳng thắn và rằng bất cứ lợi ích nào đến từ khoản thuế được giảm bớt của người đó thông qua tăng thuế giới địa chủ tư sản đều quá ít để có thể khiến họ phản bội lời thề trước tòa. Đây là nội dung mà theo ta nhớ được mà hai bên nhấn mạnh. Bên cạnh đó,chúng ta cũng nhấn mạnh đến những hậu quả tai hại mà từ đó phải bãi bỏ đạo luật trên vì in khoản tiền 100.000 Bảng Anh chi tiêu sử dụng phục vụ đức vua nếu giờ đây chia ra đánh thuế trên đầu người dân dù việc hủy bỏ đạo luật sẽ khiến nhiều đạo luật khác cũng bị hủy bỏ theo và sẽ ngăn cản những khoản cấp tiền khác trong tương lai. Cuối cùng, chúng ta nhấn mạnh đến sự ích kỷ của giới địa chủ tư sản trong việc nài nỉ một thảm họa chung như vậy chỉ từ sự sợ hãi không căn cứ rằng các điền trang của họ sẽ bị đánh thuế quá cao. Trong lúc này, Huân Tước Mansfield, một trong những luật sư xuất sắc nhất vẫy tay ra hiệu cho ta vào phòng dành cho nhân viên trong khi những luật sư đang biện hộ và hỏi ta rằng liệu có đúng là không có thiệt hại nào sẽ xảy ra cho điền trang của các địa chủ tư sản nếu đạo luật được thi hành không. Ta trả lời "hiển nhiên rồi." "Nếu vậy," ông nói, "có thể ngài sẽ bị phản đối chút ít nếu tham gia bảo đảm điểm đó" Ta trả lời, "Không gì cả." Sau đó ông gọi Paris đến và sau cuộc thảo luận, ý kiến của huân tước được chấp nhận bởi cả hai bên. Một văn kiện được soạn ra bởi viên Thư Ký của Quốc Hội. Khi Huân Tước

Mansfield trở về Phòng Hội Đồng, nơi cuối cùng đạo luật được thông qua, ta và Charles, một đại diện khác của vùng về những vấn đề thông thường, cùng ký lên văn kiện đó. Tuy nhiên, có một số thay được được khuyến cáo và chúng ta cũng hứa hẹn sẽ tiến hành những thay đổi này trong đạo luật nhưng sau đó Quốc Hội không nghĩ rằng nó cần thiết vì một năm thuế đã được thu bởi đạo luật đó trước khi mệnh lệnh của Hội Đồng đến. Những địa chủ tư sản bổ nhiệm một ủy ban giám sát công việc của những chuyên viên hội thẩm và họ bổ nhiệm rất nhiều bạn bè của mình vào ủy ban này. Sau khi điều tra đầy đủ, những người này nhất trí ký vào một báo cáo kết luận rằng thuế má được thẩm định hoàn toàn công bằng.

Quốc Hội mong chờ ta tiến hành phần đầu tiên trong cam kết của mình như một sự phục vụ quan trọng dành cho Philadelphia vì nó bảo đảm tính chính thống của số tiền đang lưu hành trong cả nước. Họ cảm ơn khi ta trở về. Nhưng những địa chủ tư sản rất tức giận vì Thống đốc Denny đã thông qua đạo luật và chuyển hướng sang đe dọa kiện ông này vì vi phạm những chỉ thị mà ông này đã đồng ý trong giao kèo trước đó. Tuy nhiên, do ông làm điều đó vì lợi ích chung và lợi ích của đức vua nên ông có một số sự ủng hộ nhất định tại tòa án bất chấp những đe dọa, các đe dọa đó không bao giờ được thực hiện…[chưa hoàn tất]

NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH TRONG CUỘC ĐỜI FRANKLIN

Kết thúc vào năm 1757, còn rất nhiều sự kiện không được ghi nhận lại trong cuốn *Tự truyện*. Do đó, có lẽ cần phải liệt kê những sự kiện chính trong cuộc đời của Franklin từ lúc sinh ra theo những mốc sau:

1706 Ông sinh ra ở Boston, rửa tội ở nhà thờ Old South.

1714 Tham gia trường trung học (năm 8 tuổi).

1716 Trở thành phụ tá của cha trong ngành sản xuất nến.

1718 Học việc tại nhà in của anh trai, James.

1721 Viết ra những bản ballad và rao bán dưới dạng bản in đường phố; đóng góp ẩn danh cho tờ *New England Courant* và cũng là biên tập tạm thời của tờ báo; trở thành một người không tôn giáo và ăn chay.

1723 Phá vỡ bản khế ước và bỏ trốn khỏi Philadelphia, tìm việc trong nhà in của Kenner; bỏ chế độ ăn chay.

1724 Bị Thống đốc Keith thuyết phục mở nhà in độc lập và sang London để mua bản khắc chữ; làm trong ngành in ở đó và xuất bản *Bài luận về Tự Do và Những Vật Chất Thiết Yếu, Niềm Vui và Sự Đau Khổ.*

1726 Trở về Philadelphia; sau khi làm việc ở một cửa hàng giới thiệu sản phẩm, trở thành giám đốc nhà in của Kenner.

1727 Sáng lập Câu lạc bộ Junto hay Câu lạc bộ "Tạp dề da".

1728 Mở một nhà in với Hugh Meredith.

1729 Trở thành chủ và biên tập viên của tờ *Pennsylvania Gazette*; cho in nặc danh cuốn *Bản chất và sự cần thiết của tiền giấy*; mở một cửa hàng văn phòng phẩm.

1730 Kết hôn với Rebecca Read.

1731 Thành lập thư viên Philadelphia

1732 Xuất bản số đầu tiên cuốn sách *Niên Lịch Của Richard Nghèo Khó* dưới bút danh "Richard Saunders". Cuốn *Niên Lịch* này mang những thông điệp dí dỏm, thông thái về thế giới của ông trong 25 năm tiếp theo và góp phần rất lớn trong việc tập hợp vào định hình tính cách Mỹ, cái mà vào thời điểm đó còn rất rời rạc và lộn xộn.

1738 Bắt đầu học tiếng Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Latin.

1736 Trở thành thư ký của Quốc Hội; thành lập Đại Đội Liên Minh Chữa Cháy của Philadelphia.

1737 Được bầu vào Quốc Hội, bổ nhiệm làm phó Bộ trưởng (Thứ trưởng) Bộ bưu điện; lên kế hoạch thành lập cảnh sát thành phố.

1742 Phát minh ra lò sưởi mở hay còn gọi là lò sưởi "Franklin"

1743 Đề xuất một bản kế hoạch xây dựng Học viện, sau đó được chấp thuận vào năm 1749 và phát triển lên thành Đại Học Pennsylvania

1744 Thành lập Hiệp Hội Khoa Học Mỹ

1746 Xuất bản cuốn chuyên đề *Sự Thật Giản Dị* xuất phát từ nhu cầu quốc phòng, tập hợp một đại đội lính và bắt đầu những thí nghiệm điện.

1748 Bán nhà in, trở thành đại sứ hòa bình, được chọn vào Hội Đồng thành phố và Quốc Hội.

1749 Được bổ nhiệm làm Đại Sứ thỏa hiệp với người da đỏ.

1751 Hỗ trợ xây dựng một bệnh viện.

1752 Tiến hành thí nghiệm nghiên cứu về sấm sét với một con diều và phát hiện ra bản chất của hiện tượng này là sự phóng điện.

1753 Được phong tặng huân chương Copley cho phát minh về bản chất của sấm sét và được bầu làm thành viên của Hiệp Hội Khoa Học Hoàng Gia; nhận bằng thạc sỹ từ Yale và Harvard. Được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ bưu điện

1754 Được bổ nhiệm làm một trong những cao ủy của Pennsylvania dự hội nghị thuộc địa ở Albany; đề xuất kế hoạch liên hiệp các thuộc địa.

1755 Dùng tài sản cá nhân của mình để cam kết huy động cung ứng cho quân đội của Braddock; vận động thành công một khoản viện trợ từ Quốc Hội cho cuộc viễn chinh Crown Point; thông qua một dự luật thành lập quân tình nguyện; được phong hàm Đại Tá và chỉ huy quân đội.

1757 Đề xuất một dự luật lên Quốc Hội (lát đường ở Philadelphia); xuất bản cuốn sách nổi tiếng *Con Đường Đến Sự Giàu Có*; đến Anh để đại diện cho Quốc Hội đấu tranh cho đạo luật với giới địa chủ tư sản; ở lại đó làm đại diện của Pennsylvania; kết bạn với những nhà khoa học và nhà văn ở Anh.

ĐÂY LÀ PHẦN PHẦN NGẮT CỦA CUỐN TỰ TRUYỆN –PHẦN THỐNG KÊ DƯỚI ĐÂY LÀ CỦA NGƯỜI HIỆU ĐÍNH

1760 Thỏa thuận với Quốc Hội Cơ Mật Anh bắt buộc điền trang của giới địa chủ tư sản phải đóng góp vào doanh thu công.

1762 Nhận bằng Tiến Sĩ Luật từ Oxford và Edinburgh, trở về Mỹ.

1763 Có chuyến đi kéo dài 5 tháng đến các nước thuộc địa phía Bắc để thanh tra hệ thống bưu điện

1764 Bị thất cử Quốc Hội do bè phái của gia đình Penn; được cử sang Anh làm đại diện của Pennsylvania.

1765 Nỗ lực ngăn cản *Đạo Luật Con Tem*.

1766 Bị chất vấn trước Hạ Viện Anh về *Đạo Luật Con Tem*; được bổ nhiệm làm đại diện của Massachusetts, New Jersey và Georgia; đến thăm Đại học Gottingen.

1767 Đến trình diện triều đình Pháp.

1769 Mua một kính thiên văn tặng Đại học Harvard.

1772 Được bầu làm Hội Viên Không Thường Trực của học viện Pháp.

1774 Từ chức Bộ trưởng Bộ bưu điện, thuyết phục Thomas Paine định cư tại Mỹ.

1775 Trở về Mỹ; giành được một ghế trong Hội Nghị Lục Địa Thứ Hai; nằm trong ủy ban trao đổi kín; được bổ nhiệm là một trong những ủy viên củng cố quan hệ hợp tác với Canada.

1776 Đề cử và một ủy ban soạn thảo ra *Tuyên Ngôn Độp Lập*; được chọn là Chủ tịch Ủy Ban Hiến Pháp Pennsylvania; được cử sang Pháp làm đại diện của các nước thuộc địa.

1778 Ký kết hiệp ước về liên minh phòng thủ, quan hệ hữu nghị và thương mại; được triều đình Anh chào đón.

1779 Được bổ nhiệm làm đại sứ toàn quyền tại Pháp.

1780 Bổ nhiệm Paul Jones làm chỉ huy Liên Minh.

1782 Ký biên bản hòa bình sơ bộ.

1785 Trở về Mỹ; trở thành Thống đốc Pennsylvania; tái đắc cử năm 1786.

1787 Tái đắc cử thống đốc; được cử đi dự Hội nghị thành lập Hiến Pháp Liên Bang.

1788 Rút lui khỏi hoạt động chính trị.

1790 Mất vào ngày 17 tháng 4. Mộ của ông đặt tại nghĩa trang nhà thờ ở đường Fifth và Arch, Philadelphia.